VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

giới thiệu isabel allende
thạch hãn
lục nghị
trần văn tích
nguyễn thị hoàng bắc
và những câu chuyện kể
đoàn nhã văn
đọc tùy bút trúc chi
nguyễn mộng giác
về trong phố xưa
hoàng nga

truyện
isabel allende ● *lê minh hà* ● *nguyễn hoài phương*
tâm thanh ● *vũ đình kh.*
hoàng mai đạt ● *ngô nhựt tân*
thơ
ngu yên ● *trần thảo lư* ● *ngô nguyên dũng* ● *vy*
nguyễn xuân thiệp ● *phan ni tấn*
thảo chi ● *hà nguyên du*

164
THÁNG 12 1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Nguyen Thiep –

Văn Học

số 164 ● tháng 12, 1999

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
THẠCH HÃN	3	isabel allende
ISABEL ALLENDE	8	nghiệp văn
TRẦN VĂN TÍCH	25	lục nghị
NGUYÊN	34	*già thi sĩ*
ĐOÀN NHÃ VĂN	35	nguyễn thị hoàng bắc và những câu chuyện kể
NGUYỄN XUÂN THIỆP	45	*dạ khúc*
HOÀNG NGA	49	về trong phố xưa
TRẦN THẢO LƯ	57	*nhạn môn quan*
LÊ MINH HÀ	58	có thật, thiên đường
PHAN NI TẤN	65	*thơ phan ni tấn*
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	66	có một giáng sinh
TÂM THANH	74	gỗ thức trên rừng
NGÔ NGUYÊN DŨNG	84	*puzzles cảnh quê nhà*
VŨ ĐÌNH KH.	85	những mùa ớt trong đời
HÀ NGUYÊN DU	92	*người muôn thuở*
NGÔ NHỰT TÂN	94	gánh bánh nậm
THẢO CHI	100	*buồn chân đi bộ buổi sáng mùa thu*
HOÀNG MAI ĐẠT	101	những ngày về biên hòa
VY	118	*dặn*
NGUYỄN MỘNG GIÁC	119	đọc tùy bút của Trúc Chi
VĂN HỌC	124	sinh hoạt văn học
VĂN HỌC	129	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	134	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

Thư Tòa soạn
Văn Học

Đây là số báo cuối năm 1999, đồng thời cũng là số báo chấm dứt một thiên niên kỷ để từ số sau, bắt đầu một thiên niên kỷ mới.

Vào những dịp long trọng như vậy, lẽ thường người ta phải cố gắng làm những điều quan trọng, như ôn lại những thành quả đã đạt được, và vạch ra những kế hoạch lớn cho tương lai.

Ban Chủ biên *Văn Học* cũng muốn làm như thế, nhưng qua 14 năm tận lực duy trì diễn đàn này, chúng tôi hiểu rất rõ những giới hạn của hoàn cảnh, nhờ thế trở nên thực tiễn, không dám nói tới những dự án lớn, những mộng tưởng cao.

Như quí văn hữu và độc giả đã nhận ra, từ lâu Văn Học dồn nỗ lực để phát hiện, hỗ trợ và giới thiệu các tác giả, tác phẩm giá trị của văn chương hải ngoại. Trong Thư Tòa soạn số 74 (tháng Sáu 1992), Ban Chủ biên đã "đồng ý cần duy trì tờ *Văn Học* như một diễn đàn văn chương của người Việt hải ngoại, phản ảnh đời sống tinh thần của người Việt hải ngoại. Vì là diễn đàn của người Việt hải ngoại nên *Văn Học* phải đặt ưu tiên những vấn đề của đồng bào hải ngoại; đó là căn cước, là yếu tính, và nếu *Văn Học* có đóng góp được gì cho sinh hoạt văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung, thì phần đóng góp cũng phải từ chỗ đứng đó".

Mục tiêu của *Văn Học* rõ ràng như vậy, nên trong năm mới mở đầu thiên niên kỷ thứ ba, *Văn Học* vẫn dồn nỗ lực vào việc vận động sáng tác và nhận định phê bình về văn chương hải ngoại. Bắt đầu từ số này, *Văn Học* sẽ đăng một loạt những bài phê bình các tác giả hải ngoại của Đoàn Nhã Văn, và từ số Tết Canh Thìn, Ban Chủ biên sẽ nhờ các nhà văn thuật lại quá trình sáng tác những tác phẩm quan trọng của mình, như bài "Nghiệp văn" của Isabel Allende trên số này, qua bản dịch của anh Thạch Hãn.

Kính chúc quí văn hữu và bạn đọc một Mùa Giáng Sinh đầy ơn phước.❐

Isabel Allende

Thạch Hãn

Isabel Allende ra chào đời ngày 2 tháng 8 năm 1942 tại Lima, Peru nơi thân phụ bà Tomas Allende là một nhà ngoại giao phục vụ tại sứ quán Chí lợi. Ba năm sau, mẹ là Dona Panchita ly dị với chồng rồi dẫn ba con về sống ở Santiago, Chí lợi, cùng với gia đình bố mẹ. Năm 1953, mẹ tái giá với một nhà ngoại giao khác, tên là Tia Ramón, đại diện Chí lợi ở các quốc gia Bolivia và Beirut, nên bà dẫn ba con theo. Isabel Allende theo học một trường Bắc Mỹ trong thời gian bố ghẻ bà phục vụ tại Bolivia, và một trường tư của người Anh lúc sống ở Beirut. Năm 1958, Isabel trở về Chí lợi trong lúc cuộc tranh chấp kinh đào Suez đang xảy ra để hoàn tất học trình trung học. Trong thời gian này, cô nữ sinh Isabel quen biết với Miguel Frias, một sinh viên ngành kỹ thuật và hai người thành hôn năm 1962. Trong khoảng thời gian từ 1959 đến 1962, Isabel phục vụ cho Cơ quan Lương nông Quốc Tế (FAO) tại Santiago. Năm 1963, Isabel sanh con gái đầu lòng Paula, sau này bà đã dùng tên con đặt nhan cho một cuốn tự truyện viết bên giường bệnh của đứa con gái mắc một chúng bệnh di truyền hiểm nghèo. Từ 1964 đến 1965, bà theo chồng đi khắp Âu châu, sống ở Bỉ, Thụy Sĩ, nhưng rồi lại trở về Chí lợi năm 1965 để sinh đứa con thứ hai là Nicolas.

Trong thời gian sống ở Santigao, Isabel làm báo, đầu tiên biên tập cho một tạp chí phụ nữ cũng có tên là *Paula*, sau đó đổi qua viết báo nhi đồng *Mampato*, nơi bà có một thời gian làm chủ nhiệm. Bà xuất bản hai tập truyện thiếu nhi cùng với một tuyển tập những chuyện hài hước. Năm 1970, bác ruột là Salvador Allende, một chính trị gia theo chủ nghĩa xã hội đắc cử vào chức vụ Tổng thống Chí lợi, trong khi cha ghẻ là Ramón được bổ nhiệm đại sứ tại Á Căn đình. Năm 1972, vở kịch do bà soạn có nhan *Ông Đại sứ* được trình diễn lần đầu tiên tại Santiago, rồi trong những

năm kế tiếp, bà làm việc cho đài truyền hình phụ trách các phần phỏng vấn cũng như điều khiển một vài chương trình hài hước. Ngày 11 tháng 9 năm 1973, một cuộc đảo chánh đẫm máu xảy ra tại Santiago do phe quân đội chủ xướng, đứng đầu là tướng Augusta Pinochet Ugarte, giết chết tổng thống Salvador Allende rồi loan tin là ông ta tự tử. Biến cố này khởi đầu những năm tháng dài phải sống lưu vong của gia đình Allende. Năm 1975, bà cùng mẹ và bố ghẻ đưa chồng con qua sống lưu vong tại Venezuela trong mười lăm năm trời. Cuộc hôn nhân giữa Isabel và Miguel rạn nứt, tuy thế mãi đến 1978 hai người mới ly thân, và mười năm sau mới chính thức ly dị. Trong khi sống lưu vong, bà lại tiếp tục viết báo, lần này làm biên tập cho nhật báo *Quốc Gia* (El Naciomal) ở Caracas.

Năm 1981, bà nhận được tin dữ báo cho biết là ông ngoại bà còn ở lại Santiago đang trong cơn hấp hối. Vì hoàn cảnh chính trị bà không trở về quê để chăm sóc ông được, bà viết cho ông một bức thư để rồi nó trở thành một cuốn tiểu thuyết khởi đầu văn nghiệp của bà. Từ một bức thư giản dị, bà đã hoàn tất *Ngôi nhà của Những Hồn Ma*, xuất bản năm 1982, thuật chuyện gia đình, nhất là ông bà ngoại, cùng với những hồi ức về một tuổi thơ nay đã xa. Có thể nói đây là một cuốn tự truyện, nhưng tự truyện dựa vào hư cấu nhiều hơn hiện thực. Cuốn sách được xuất bản lần đầu tiên ở Tây Ban Nha, sau đó được dịch ra trên 20 thứ tiếng phổ biến rộng rãi trên thế giới. Hai năm sau, bà lại xuất bản *Tình Yêu và Bóng Tối*, viết về những ngày đen tối ở Chí lợi dưới chế độ quân phiệt, cũng ở Tây Ban Nha. Năm 1985, cuốn tiểu thuyết đầu tiên được dịch ra Anh ngữ, do nhà Knopf xuất bản, Magda Bogin chuyển ngữ. Năm 1987, bà ly dị chồng, xuất bản *Eva Luna* ở Tây Ban Nha, bản dịch Anh ngữ cũng do nhà Knopf xuất bản, nhưng lần này do Margaret Sayers Peden chuyển ngữ. Từ đó, các tác phẩm của Isabel Allende đều do một tay Peden chuyển dịch ra Anh ngữ, và theo ý kiến của nhiều nhà phê bình, ngòi bút Peden cũng điêu luyện không kém tác giả, diễn đạt một cách trung thực những gì Allende gởi đến độc giả bằng tiếng Tây Ban Nha.

Năm 1988, Isabel thành hôn với Willie Gordon, một người Mỹ và cư ngụ tại San Rafeal cho đến ngày nay. Hai năm sau, khi chế độ dân chủ được tái lập ở Chí lợi với cuộc bầu cử tổng thống Patricio Aylwyn, bà trở về cố quốc lần đầu tiên sau mười lăm năm lưu vong để nhận giải thưởng Gabriela Mistral. Năm 1991, bà xuất bản cuốn tiểu thuyết thứ ba, *Eva Luna*, nhưng cũng là năm đem lại cho bà nhiều đau khổ: Paula nhiễm chứng porphyria, bệnh phát khiến cô hôn mê từ ngày 6 tháng 12 năm 1991. Đây cũng là lúc bà chuẩn bị ra mắt tác phẩm thứ tư *Kế hoạch vô tận* (Infinite Plan) tại Madrid, Tây Ban Nha.

Trong nhiều tháng dài bên giường bệnh trong lúc con gái duy nhất của bà đang hôn mê, Isabel chỉ biết cầu nguyện, tinh thần sa sút khi thấy đứa con gái thân yêu nằm bất động trên giường bệnh. Để tránh quẩn trí, Carmen Balcells, người đại diện cho bà ở Tây Ban Nha mang đến một tập giấy rồi yêu cầu bà viết, trong những giờ ngồi nhìn con trong cơn hôn mê. Isabel nghĩ ra việc viết truyện để lại cho con: "Hãy nghe mẹ nói này Paula. Mẹ sẽ kể cho con nghe một chuyện để khi con tỉnh dậy, con sẽ không thấy lạc lõng," (tr. 3) Isabel mở đầu tác phẩm *Paula* như thế. Chuyện kể lại cho con gái nghe được tác giả nói rõ ở trang 8:

"Khi con tỉnh lại, mình sẽ còn nhiều tháng, có khi nhiều năm, để ráp nối lại những mảnh vụn của quá khứ của con, hay còn hơn thế nữa, mình có thể bày ra những hoài niệm cho đúng với những mộng mơ của con. Ngay bây giờ, mẹ sẽ kể cho con nghe chuyện đời của mẹ và của những người khác trong gia đình chúng ta, nhưng con đừng bắt mẹ phải kể chính xác, bởi vì lỗi lầm làm sao ai tránh được. Mẹ quên cũng nhiều, lại có nhiều chuyện bị vặn vẹo. Có những nơi chốn, thời gian, tên người mẹ không còn nhớ, nhưng ngược lại chuyện hay chuyện tốt thì mẹ không quên. Ngồi bên cạnh con, mắt cứ đăm đăm nhìn lên màn hình có những đường sáng biểu thị nhịp đập của tim con, mẹ cố gắng dùng ma thuật của bà ngoại của mẹ để nói chuyện với con. Nếu bà còn sống, bà sẽ chuyển đến con những gì mẹ muốn nói với con, giúp mẹ giữ con lại trên cõi đời này."

Với lời giải thích ngắn gọn đó, Isabel Allende bắt đầu kể lại đời mình trong *Paula*, một tác phẩm được đánh giá như một áng văn chương đầy cảm xúc chứ không khô khan như một cuốn tự truyện, mặc dù *Paula* là một cuốn tự truyện đúng nghĩa. Đúng một năm sau ngày Paula vào bệnh viện, cô trút hơi thở cuối cùng trong sự tiếc thương của gia đình vào ngày 6 tháng 12 năm 1992, trong lúc về dưỡng bệnh tại nhà của Isabel và Willie, người chồng mới của bà, tại San Rafeal, California.

Paula được xuất bản ở Tây Ban Nha năm 1994, trong khi các bản dịch tiếng Đức và tiếng Hà Lan còn mang thêm tiểu tựa "tiểu thuyết."

Các tác phẩm được dựng thành phim gồm có *Ngôi nhà của những Hồn Ma* do đạo diễn Bernd Eichinger sản xuất ở Munich, do nhiều tài tử điện ảnh nổi tiếng như Meryl Streep, Venessa Redgrave, Winona Ryder, v.v thủ các vai chính. Năm 1992, *Tình yêu và Bóng tối* cũng được quay thành phim, Betty Kaplan đạo diễn, Antonio Banderas thủ vai chính.

Năm 1997, Isabel Allende xuất bản *Aphrodite* ở Tây Ban Nha, một cuốn sách viết về các cách nấu những món ăn kích thích tình dục pha trộn với những phương cách khêu gợi giác quan, từ y phục đến cách trang

điểm, từ cách bày biện cho đến cách chiêu đãi. Mỗi một chuyện kể thường có thêm bài dạy nấu ăn, chi tiết như một cuốn *cookbook*.

Tác phẩm mới nhất vừa được dịch ra Anh ngữ có nhan *Hija de la Fortuna*, viết về thời kỳ tìm vàng ở California. Nhân vật chính là một thiếu nữ người Chí Lợi, con ngoại hôn của một thuyền trưởng người Anh đến lập nghiệp ở Valparaiso, Chí Lợi. Eliza Sommers được Rosa Sommers, một phụ nữ người Anh, tìm thấy trong một chiếc thùng để trước nhà lúc vừa mới lọt lòng, bèn mang vào nhận làm con nuôi. Bà Rosa sau một cuộc tình tai tiếng ở Luân Đôn, lánh sang Chí lợi sống cùng hai người anh phục vụ cho một công ty xuất nhập cảng Anh Quốc. Bà nuôi nấng Eliza, thương yêu như chính con ruột của mình, và giữ bí mật tung tích của đứa con gái theo lời yêu cầu của người anh cả, bố của đứa bé. Lớn lên, Eliza đem lòng yêu thương một thanh niên người Chí lợi nghèo khó, làm việc trong nhà kho của Công Ty Xuất Nhập Cảng. Trong lúc mọi người xôn xao đổ xô về California tìm vàng mà ai cũng nghĩ là thừa thãi, dễ dàng, chóng giàu, cậu thanh niên lý tưởng người Chí Lợi chỉ vì muốn thoát khỏi cảnh nghèo mà anh và mẹ anh từng chịu đựng, đã cạo sửa sổ sách lấy bớt một số vũ khí mới nhập kho đem bán, lấy tiền làm lộ phí đi California tìm vàng. Cuộc tình vụng trộm giữa người thanh niên đó và Eliza khiến nàng mang thai. Eliza bắt buộc phải trốn nhà đi tìm người yêu. Nàng làm quen với một người đàn ông Tàu nhân chuyến tàu của thuyền trưởng John Sommers cập bến Valparaiso. Eliza yêu cầu người bạn mới quen giúp đỡ bằng cách ngồi trong một chiếc bao tải để anh ta chuyển xuống tàu nơi anh đang nấu ăn cho thủ thủy đoàn. Khi đến San Francisco, mọi người lên bờ, Eliza phải giả trai đi theo anh thầy Tàu để dò la tin tức người yêu. Chạm mặt với một thực tế phũ phàng của những đợt dân tìm vàng, điều kiện sống thiếu thốn ở một nơi gần như hoang dã, dân tình lại không mấy thiện cảm mạnh ai nấy sống, mọi người ai cũng tranh giành nhau từng chút vàng chỉ vì họ đã vỡ mộng. Sau nhiều năm phiêu bạt đây đó, tin tức người yêu ngày càng bặt vô âm tín, Eliza cuối cùng chấp nhận sống chung với anh thầy Tàu ở San Francisco.

Là một nhà văn hàng đầu của Châu Mỹ La tinh, Isabel Allende đứng ngang hàng với những tên tuổi lớn như Gabriel Garcia Marquez, Pablo Neruda, Carlos Fuentes hay Mario Benedetti. Nối tiếp dòng văn học "hiện thực huyền ảo" (magical realism), Isabel Allende pha trộn sự thật và hư cấu một cách linh động, lột tả trung thực một nền văn hóa đa diện, phong phú của miền Nam Mỹ Châu, vốn không được đánh giá đúng mức, có khi lại còn bị phê bình là thoái hóa, thậm chí là lạc hậu. Thế giới tiểu thuyết

của Allende là nơi chốn bình thường của những con người bình thường, đóng khung trong phong tục, tập quán, đức tin tôn giáo cũng như niềm tin vào thế giới vô hình, ma quái siêu nhiên. Ở đây đời sống trưởng giả của xã hội quý tộc không phải là trọng tâm, quyền bính không phải là điều Allende nhắm đến. Những năm dài sống lưu vong nơi đất khách quê người, bà nghiệm ra rằng chỉ có giá trị văn hóa mới bền vững, quyền lực và của cải chỉ tha hóa con người, đưa con người đến chỗ hủy diệt và tự hủy. Giá trị nhân bản luôn luôn được tác giả xiển dương trong tác phẩm của mình, vì thế mà chỉ trong vòng gần hai thập niên, Isabel Allende đạt được một địa vị hiếm hoi trên văn đàn thế giới. Sách của bà được dịch ra trên 27 thứ tiếng, nhiều nhan sách được tiếng "sách bán chạy nhất" ở Mỹ, Âu Châu, Úc châu, châu Mỹ La tinh, v.v. Từ năm 1983 cho đến nay, bà được trao tặng 30 giải thưởng lớn nhỏ, 8 bằng tiến sĩ văn chương danh dự do các đại học lớn ở Hoa Kỳ và Âu châu ban tặng. Trong số đó phải kể đến Huy chương "Chevalier dans l'Ordre des Arts et des Lettres" do chính phủ Pháp ban tặng năm 1994.

Để giới thiệu đến độc giả *Văn Học* một nhà văn nữ lẫy lừng, Thạch Hãn mời bạn đọc thưởng lãm một trích đoạn trong cuốn tự truyện *Paula*, xuất bản năm 1994. Như trên đã nói, *Paula* được ca ngợi như một tác phẩm văn chương xuất sắc, mặc dù nó là một cuốn tự truyện, trong đó phần hư cấu được dùng với mục đích làm nổi rõ hơn hiện thực về cuộc đời của tác giả. Qua đó, người đọc có một cái nhìn căn bản về quan niệm, hoàn cảnh viết văn, những sinh hoạt sáng tác và những hệ lụy của việc viết lách. Những dữ kiện này ít nhiều sẽ soi sáng các tác phẩm khác của bà, giúp người đọc nắm bắt một cách chóng vánh hơn điều bà muốn gởi gắm đến độc giả.

Đoạn văn trích sau đây từ trang 272 đến 289, trong ấn bản Anh ngữ do Margaret Sayers Peden dịch, HarperCollins Publishers xuất bản. (Những phần trích dẫn ở trên đều từ ấn bản này.)

Để độc giả tiện theo dõi, chúng tôi ghi chú sau đây tên người và mối liên hệ giữa người đó và tác giả trong trích đoạn.

Tata: ông ngoại, tên thật Augustón Llona Cuevas
Memé: bà ngoại, tên thật Isabel Barros Moreira
Mama Hilda: vú nuôi
Tia Ramón: bố ghẻ tên thật Ramón Huidobro
Paula: con gái đầu Nicolas: con trai thứ
Michael: chồng (cha của Paula và Nicolas), tên thật Miguel Frías
Willie: chồng , tên thật Willie Gordon, thành hôn năm 1988 sau khi ly dị Miguel Frias

Nghiệp Văn*

Isabel Allende

Tân Niên 1981! Ngày đó nhắc nhở tôi rằng không bao lâu nữa, tôi sẽ đến tuổi tứ thập, và cho đến lúc đó, tôi vẫn chưa làm được việc gì đáng kể trong đời. Tứ thập! Đó là khởi điểm của sự tận cùng, không cần phải dụng công tưởng tượng tôi vẫn hình dung ra được lúc tôi ngồi lắc lư trên ghế đu, tay đan bít tất. Lúc còn bé, mỗi khi cô đơn và tức giận việc gì, như hồi còn ở nhà ông ngoại, tôi mơ tưởng đến những việc làm hào hiệp: tôi mơ ước mình trở thành một tài tử nổi tiếng, và thay vì dùng tiền mua sắm áo lông và nữ trang, tôi sẽ đem hết tiền biếu các cô nhi viện; hay tôi là người khám phá ra một loại thuốc chủng ngừa chứng gãy xương; hay tôi là người dùng ngón tay của mình thọc bít lỗ trống trên các con đê ngăn nước lụt cứu một làng Hà lan nào đó. . . khoan, đợi chút! Tôi muốn nói là tôi sẽ là thằng bé con người Hà Lan thứ hai lấy ngón tay thọc vào con đê. Tôi muốn mình là Tom Sawyer, hay là tên Hắc Tặc, hay như về sau này khi đã đọc bi kịch Shakespeare, tôi muốn mình là một trong những nhân vật tuyệt vời, những kẻ đã sống một đời sống trọn vẹn để rồi cuối cùng tìm được cái chết ở màn cuối. Ý nghĩ trở thành một vị nữ tu vô danh mãi về sau này tôi mới nghĩ đến. Vào thời kỳ đó trong đời tôi, tôi thấy mình khác hẳn với anh em bạn bè. Thế giới dưới mắt tôi là một thế giới không giống với cái nhìn của họ. Đối với tôi, người cũng như vật, dường như có khuynh hướng trở thành xuyên suốt, những giấc mộng, những truyện kể trong sách vở lại còn thật hơn cả hiện thực ngoài đời. Có những lúc đầu óc tôi mình mẫn kinh khủng, những lúc đó tôi tin tưởng mình có khả năng tiên đoán được tương lai, hay gợi lại một thời quá khứ đã xa vời, kể cả những năm dài trước khi tôi ra chào đời; mọi thời điểm dường như xảy ra cùng một lúc, trong cùng một khoảng không gian, và đột nhiên, qua một khung cửa sổ nhỏ chỉ hé mở trong nháy mắt, tôi có thể phiêu du qua những chiều kích khác nhau. Thời niên thiếu, tôi có thể đánh đổi mọi thứ để giao du với bọn trẻ hiếu động ưa nhún nhảy theo điệu rock 'n roll, hay hút thuốc lén đằng sau lưng người lớn, nhưng tôi đã không làm, bởi lẽ tôi biết tôi không giống họ. Nỗi cô đơn đeo đuổi tôi từ lúc còn thơ ấu, vào lúc đó càng trở nên cấp tính hơn, nhưng tôi vẫn tự an ủi mình bằng một niềm hy

vọng hão huyền rằng tôi đã có một phần số định sẵn, một ngày kia tôi sẽ nhận ra. Về sau, lăn xả vào đời sống thường nhật của đời làm vợ làm mẹ, nỗi cô đơn và bất hạnh thuở thiếu thời ngày càng lùi xa, và những dự định làm chuyện lớn cũng dần dần đi vào quên lãng. Lúc làm báo, hay khi làm việc cho đài truyền hình hay kịch đoàn, tôi bận rộn vô cùng; tôi không còn nghĩ ngợi gì đến chuyện số mệnh cho đến khi cuộc đảo chánh xảy ra, buộc tôi phải trực diện một cách phũ phàng với thực tại và phải tìm cho mình một hướng đi mới. Những năm tự lưu đày ở Venezuela có thể tóm tắt bằng một chữ mà đối với tôi có sức nặng ngàn cân của một lời thề độc: tôi. Ở vào tuổi bốn mươi chẳng còn thứ gì có thể làm cho người ta ngạc nhiên được nữa, cuộc đời tôi đang thu ngắn lại mà tôi thì vẫn không chắc chắn được điều gì ngoại trừ một nỗi buồn chán và cuộc sống bất như ý, nhưng vì kiêu hãnh nên tôi không thú nhận. Tôi cam đoan với mẹ–bà là người duy nhất quan tâm đến cuộc sống của tôi–rằng mọi chuyện trong cuộc đời ngăn nắp thứ tự nhỏ nhặt của tôi đều tốt đẹp; với một sức chịu đựng và kỷ luật tự khép, tôi đã hồi phục sau một cuộc tình đổ vỡ, tôi có việc làm vững chắc, lần đầu tiên trong đời tôi để dành được, chồng tôi dường như vẫn còn yêu thương tôi, gia đình tôi đang trở lại đời sống bình thường. Ngay cả chuyện ăn mặc tôi cũng chỉ phục sức giản dị như một cô giáo chơn chất–vậy còn đòi hỏi gì hơn? Không còn dấu vết của những chiếc khăn choàng diêm dúa hay những chiếc váy dài, hoa không còn cài lên tóc, thế nhưng có nhiều khi không có ai bên cạnh, tôi lại moi những thứ đó ra từ đáy rương rồi ướm chúng vào người, đứng ngắm nghía trước gương trong vài phút. Tôi bị ngộp thở khi phải đóng vai trò một người đàn bà trưởng giả nhạy cảm, năng lực của mình đã bị những đam mê của thời trẻ làm tiêu tan, nhưng tôi lại chẳng có quyền gì mà phàn nàn. Đã một lần tôi đem mọi thứ ra đánh cá với đời và đã thất bại, số mệnh cho tôi thêm một cơ hội, tôi phải biết ơn vận may đó trong đời. "Những gì con làm được quả là một sự mầu nhiệm Isabel ạ, mẹ không nghĩ có ngày con có thể cứu vãn được cuộc hôn nhân và thu xếp lại đời mình tốt đẹp như thế này," bà nói với tôi như thế vào một ngày kia, cùng với một tiếng thở ra chưa phải là dấu hiệu của một sự nhẹ nhõm, bằng một giọng nói tôi cho là khá chua chát. Bà có lẽ là người duy nhất cảm được những rối rắm trong tôi, nhưng chính bà lại không muốn khơi chúng ra. Ngày đầu năm năm đó, 1981, trong lúc mọi người đang ăn mừng tân niên bằng rượu champagne, ở bên ngoài pháo hoa đang nở rộ để đón mừng một năm mới, tôi hạ quyết tâm là sẽ chế ngự những phiền muộn trong đời và chấp nhận một đời sống bình thường tẻ nhạt như nhiều người khác. Tôi nhận ra là muốn quên mối tình cũ không khó, nếu tôi vẫn có được một thứ tình bạn cao

thượng ở nơi chồng tôi, có công việc làm vững chắc ở trường học, hơn là làm báo bấp bênh. Tôi phải có kế hoạch ở lại Venezuela để lánh nạn trong một thời gian dài, thay vì cứ tiếc nuối mãi một quê hương được lý tưởng hóa nằm ở cuối quả địa cầu. Đó là những quyết tâm hợp lý, dù sao đi nữa thì sau hai mươi, ba mươi năm, những đam mê trong tôi đã cạn kiệt, tôi không còn nhớ nổi lấy một chút dư vị chua cay của một cuộc tình đổ vỡ và của nỗi nhàm chán. Tôi có thể nghỉ hưu bằng cách bán số cổ phiếu mà tôi tích lũy được từ khi làm ăn chung với Marilena. Kế hoạch của tôi quả hợp lý–thế mà nó không kéo dài hơn một tuần. Ngày 8 tháng 1, có người từ Santiago gọi điện thoại báo tin ông ngoại tôi bệnh nặng; tin dữ đến làm hỏng dự định sống một đời sống thanh thản và nó cũng đã ném tôi vào một hướng đi mà tôi không chuẩn bị. Tata giờ đã gần trăm tuổi; xương ông mảnh mai như xương chim, bại liệt, buồn rầu, nhưng trí óc còn rất minh mẫn. Có lần ông đã đọc đến chữ cuối cùng bộ bách khoa tự điển Anh, nhớ thuộc lòng cuốn tự điển của Viện hàn lâm Hoàng Gia Tây Ban Nha, và khi ông không còn thích thú theo dõi những kết cuộc bi thảm trong các chương trình tình cảm ủy mị phát nhiều kỳ trên truyền hình, ông hiểu ngay rằng đã đến lúc ông từ giã cõi đời, và ông muốn chết một cái chết xứng đáng với phẩm cách của mình. Mặc lên người bộ đồ lớn đã sờn rách, cây gậy đặt giữa hai đầu gối, ông ngồi trên chiếc ghế bành, và khi thấy đứa cháu gái đã bỏ ông đi, ông gọi hồn ma của bà ngoại tôi về giúp ông trong những lúc ngặt nghèo như thế. Trong mấy năm qua, ông cháu tôi vẫn giữ liên lạc với nhau: tôi viết cho ông không biết bao nhiêu là thư, trong khi ông chỉ trả lời tôi rời rạc. Tôi quyết định viết thư cho ông lần cuối, nói cho ông hay ông có thể bình thản ra đi, bởi vì tôi sẽ không bao giờ quên ông, và tôi đã có kế hoạch truyền lại những ký ức về ông cho con cháu tôi về sau này. Để chứng minh, tôi mở đầu bức thư bằng một mẩu chuyện về bà dì Rosa của tôi, người tình đầu của ông ngoại, một người con gái có nét đẹp gần như siêu nhiên đã qua đời trong những hoàn cảnh kỳ bí không lâu trước ngày hai người dự định thành hôn với nhau, bà ấy bị trúng độc, không hiểu do nhầm lẫn hay do người ta cố tâm sát hại. Một tấm ảnh màu thẫm tím của bà được chưng trên chiếc đàn dương cầm ở nhà Tata, nụ cười tươi trên một khuôn mặt có nét đẹp muôn đời. Vài năm sau, Tata kết hôn với em của Rosa, bà ngoại của tôi. Từ những dòng chữ đầu tiên tôi viết ra đã có những sức mạnh vô hình nào đó đoạt lấy lá thư, đẩy tôi ra khỏi những chuyện gia đình không có gì chắc chắn để thám hiểm một nơi vững vàng hơn: thế giới của hư cấu. Trong cuộc hành trình này, những động cơ thúc đẩy tôi viết lại trở nên rối rắm hơn, biên giới giữa sự thật và tưởng tượng càng lúc càng nhạt dần: các nhân vật, một khi chúng

đã được sinh ra, đòi hỏi sự săn sóc nuôi nấng của tôi còn nhiều hơn cả chính các con tôi. Đầu óc tôi hoang mang, lại phải làm việc gấp đôi số giờ ở trường học, từ bảy giờ sáng cho đến bảy giờ tối, nên tôi đã phạm nhiều sai lầm trầm trọng. Tôi không hiểu sao những lỗi lầm đó đã không làm hỏng công việc làm ăn của chúng tôi, vì tôi chỉ dành một nửa năng lực lo việc sổ sách, nhân viên giảng huấn, học sinh và các buổi học, trong khi sự chú tâm chính yếu của tôi lại để dành cho chiếc bao vải chứa những trang giấy hằng đêm tôi viết ra. Cơ thể tôi hoạt động như một thứ người máy, trong khi tâm trí tôi lại lạc vào cái thế giới do từng con chữ tạo ra. Về đến nhà khi trời đã tối, ăn cơm với gia đình, đi tắm, rồi tôi vào bếp hay phòng ăn, ngồi trước một chiếc máy đánh chữ xách tay nhỏ, viết cho đến khi cơn mệt mỏi ập đến buộc tôi phải lên giường. Tôi viết một cách dễ dàng, không nghĩ ngợi, vì chính bà ngoại tôi, người có khả năng thấu thị, đã đọc cho tôi viết. Sáu giờ sáng tôi phải thức dậy để đi làm, nhưng những giờ ngủ ngắn ngủi đó đối với tôi cũng đủ; người tôi cứ ngẩn ngơ như đang xuất thần, người tôi tràn đầy năng lực để tiêu phí như thử trong tôi đang bừng lên một ngọn lửa. Cả gia đình nghe rõ tiếng lách cách của chiếc máy đánh chữ cũng như thấy rõ là tôi như đang ở trên chín tầng mây, nhưng không ai hỏi han gì; có lẽ họ đoán biết là có hỏi thì tôi cũng không có câu trả lời, rằng tôi không biết mình đang làm gì bởi vì dự định lúc ban đầu chỉ viết một lá thư gởi thăm ông ngoại giờ cũng đã qua đi, tôi lại không dám thú nhận là mình đang viết một cuốn tiểu thuyết. Ý nghĩ đó quả thật táo bạo. Hơn hai mươi năm qua, tôi đã từng lảng vảng bên ngoài vòng văn chương chữ nghĩa–làm báo, viết truyện ngắn, soạn kịch, viết kịch bản cho truyền hình, viết hàng trăm lá thư–mà không dám nhận là viết văn. Phải đợi cho đến khi tôi xuất bản ba cuốn tiểu thuyết, được dịch ra nhiều thứ tiếng, tôi mới dám ghi hai chữ "nhà văn" vào khung nghề nghiệp trong các mẫu đơn. Đi đâu tôi cũng mang theo mớ bản thảo bên mình vì sợ mất, sợ nhà cháy; tôi nâng niu đống giấy cột chặt bằng một sợi dây vải còn hơn nâng niu một hài nhi. Một hôm chiếc xách tay tôi quá nặng vì đầy giấy, tôi đếm được 500 trang chi chít những dấu sửa lỗi bằng tẩy nước khiến có nơi dày cứng lên như một miếng bìa, những trang khác thì dính thức ăn, có trang lại được dán thêm giấy, gấp lại rồi mở rộng ra như những tấm bản đồ quá khổ. Cám ơn chiếc máy vi tính ngày nay giúp tôi sửa chữa một cách sạch sẽ hơn trước! Nhưng bây giờ tôi lại không còn ai để gởi bức thư dài dằng dặc đó nữa. Ông tôi đã từ giã cõi đời! Khi nhận được tin ông chết, tôi cảm thấy như đó là một thứ hạnh phúc, vì đó chính là điều ông ao ước từ nhiều năm nay, và tôi lại càng vững tâm viết lách vì tôi biết rằng ông ngoại tuyệt vời của tôi bây giờ đã về cùng bà ngoại Méme của tôi, và

như thế cả ông lẫn bà giờ đây đang dìu tay tôi viết. Những mộng mơ của bà cùng với nụ cười tinh nghịch của ông giờ đây theo tôi từng đêm. Phần kết cuộc mới thật là khó viết: tôi viết đi viết lại nhiều lần mà vẫn không tìm ra được phong thái tôi muốn diễn đạt: khi thì quá ủy mị, khi thì đạo đức như một bài giảng, khi thì chặt chẽ như một luận đề chính trị. Tôi biết mình muốn nói cái gì, nhưng không biết làm sao diễn đạt, cho đến khi những hồn ma lại thêm một lần nữa đến giúp tôi. Một đêm nọ, tôi mơ thấy ông ngoại đang nằm trên giường, hai mắt nhắm nghiền, y hệt như tôi đã từng thấy ông nằm vào một buổi sáng nọ khi tôi còn thơ ấu, tôi lẻn bò vào phòng ông lấy trộm tấm gương soi. Trong giấc mơ, tôi lấy tay lật tấm chăn, thấy ông vận đồ tang, cổ thắt nơ, chân mang giày và tôi nhận ra ông đã chết. Tôi ngồi xuống bên cạnh ông, giữa những bàn tủ màu đen, đọc cho ông nghe cuốn sách tôi vừa mới viết, và khi giọng nói tôi đang thuật lại câu chuyện, bàn ghế giường tủ đổi thành màu vàng tâm trở lại, những chiếc màn mỏng màu xanh lay động bên giường, mặt trời chiếu len qua khung cửa sổ. Tôi thức giấc, giật mình, tìm ra được giải đáp vào lúc ba giờ sáng. Alba, đứa cháu gái, đang viết truyện về gia đình của cô ấy bên cạnh xác chết của ông ngoại cô tên là Esteban Trueba, đám táng ông sẽ cử hành vào ngày mai. Tôi xuống bếp, ngồi trước máy đánh chữ, và trong vòng chưa đầy hai tiếng đồng hồ, tôi viết một mạch 10 trang phần kết cuộc. Như người ta thường nói, một cuốn sách không bao giờ kết thúc, chỉ có tác giả của nó bỏ cuộc. Trong trường hợp của tôi, ông bà ngoại tôi, có lẽ vì thấy những hoài niệm của mình đã bị phản bội, buộc tôi phải đặt bút viết hai chữ "Kết thúc." Thế là tôi hoàn tất cuốn truyện đầu tay! Lúc đó tôi không biết những trang giấy kia sẽ làm thay đổi đời tôi, nhưng tôi biết rõ là một thời kỳ câm nín tê liệt trong đời tôi đã qua đi.

Tôi dùng sợi dây vải cũ tôi vẫn dùng để cột đống bản thảo lại rồi đưa cho mẹ tôi. Vài hôm sau mẹ trả lại cho tôi, vẻ mặt kinh hoàng, hỏi tại sao tôi dám phơi bày những truyện riêng của gia đình, nhất là khi mô tả cha tôi như một người con người thoái hóa, lại còn gọi thẳng tên ông ra. Thật ra, tôi đặt cho vị công tước người Pháp trong truyện của tôi một cái tên chọn lựa một cách tình cờ: Bilbaire, một cái tên có thể tôi đã nghe qua ở đâu đó, rồi cất giấu nó vào một ngăn trí nhớ nào đó đã bị quên lãng, và khi xây dựng nhân vật, tôi đã gán cho nhân vật cái tên đó mà không hề ý thức được rằng tôi đã dùng tên họ của bà nội tôi. Phản ứng của mẹ tôi lại dấy lên trong tôi những điều ngờ vực về cha tôi, những điều từ lâu vẫn làm tôi khốn khổ, kể từ lúc còn bé. Để làm vừa lòng mẹ, tôi đồng ý đổi tên, và sau khi đã chọn lựa, tôi quyết định dùng một cái tên Pháp, cũng dựa theo tên cha nhưng lại ngắn hơn một mẫu tự, vừa khít cho khoảng giấy đã dành

sẵn: tôi vẫn có thể bôi lên chữ "Balbaire" bằng tẩy nước rồi đánh máy lại thành "Satigny," một công việc mất nhiều ngày, chữa từng trang một, cứ đút hết trang giấy này đến trang giấy khác vào trục lăn của máy chữ, vừa làm vừa tự an ủi khi mình phải làm một việc hết sức nhọc nhằn như thế, tôi nghĩ đến lúc Cervantes viết *Don Quijote* ở trong tù, dùng bút lông ngỗng viết dưới ánh sáng lập lòa của đèn nến, bằng một cách tay còn lại của ông. Sau khi đổi tên, mẹ tôi lại lấy làm vô cùng thích thú tham dự vào trò chơi thuật chuyện hư cấu, góp phần chọn nhan sách *Ngôi Nhà của những Hồn Ma;* chưa hết, bà còn gợi ra cho tôi những ý tưởng hết sức kỳ lạ, kể cả những sự việc tôi gán cho vị công tước ở trong truyện. Chính mẹ tôi, người khi nào cũng có thể tưởng tượng ra được những chuyện kỳ quặc, gợi ý ra trong số những tấm ảnh tục tĩu vị công tước sưu tầm có một tấm hình chụp "một con đà mã nhồi bông cưỡi lên bụng đứa tớ gái què quặt." Kể từ đó, mẹ tôi trở thành một biên tập viên cho tôi, người duy nhất được quyền sửa chữa những cuốn sách của tôi, bởi vì chỉ có những ai có khả năng nghĩ ra được những chuyện quái dị như vậy xứng đáng cho tôi đặt niềm tin vào. Cũng chính bà là người thúc bách tôi xuất bản cuốn sách, bà liên lạc với các nhà xuất bản ở Á căn đình, Chí lợi, và Venezuela, gởi thư đi khắp nơi, bao giờ cũng hy vọng, mặc dù không có ai chịu nhận đọc bản thảo, ngay cả không thèm trả lời thư. Một ngày kia, chúng tôi được người ta cho tên một người nào đó ở Tây ban nha có thể giúp chúng tôi. Hồi đó tôi không biết là trên đời này lại có một hạng người gọi là người đại diện văn chương, trên thực tế, cũng như những con người bình thường khác, tôi chưa bao giờ đọc một trang cái gọi là phê bình văn học, lại càng không thể nghĩ ra việc người ta đem sách truyện ra phân tích ở trong các đại học một cách say sưa như khi người ta nghiên cứu tinh tú trên trời. Nếu biết thế tôi sẽ không bao giờ dám nghĩ tới chuyện xuất bản một đống giấy dính đầy thức ăn, đầy dấu tẩy xóa mà người phát thơ đã mẫn cán đặt lên bàn giấy của Carmen Balcells ở Barcelona. Người đàn bà gốc Catalan tuyệt vời đó cũng là bà mẹ hiền của rất nhiều nhà văn lớn của Châu Mỹ La tinh trong ba thập niên qua, đã bỏ công đọc bản thảo và trong vòng vài tuần gọi điện thoại cho tôi bảo rằng bà muốn làm người đại diện cho tôi, lại còn cảnh giác tôi rằng tuy bản thảo không đến nỗi tệ, nhưng điều đó cũng chẳng có nghĩa gì, vì ai cũng có thể gặt hái được chút thành công với tác phẩm đầu tay của mình, nhưng phải đợi đến cuốn thứ hai mới chứng minh được mình là một nhà văn. Sáu tháng sau, tôi được mời sang Tây Ban Nha để phổ biến cuốn sách. Hôm trước ngày lên đường, mẹ tôi khoản đãi cả gia đình bằng một bữa ăn tối. Khi món tráng miệng được dọn ra, Tia Ramón đưa cho tôi một gói nhỏ, tôi mở ra xem, trước cặp

mắt tròn xoe vì ngạc nhiên của tôi là bản in đầu tiên của cuốn sách, từ nhà in gởi đến, do tài thương thảo của ông với một tay bắt mối kỳ cựu, với các nhà biên tập đang cần gây cảm tình, với sự vận động của ông với các vị đại sứ ở cả hai lục địa, rồi dùng các chuyến thơ ngoại giao để đưa cuốn sách đến tay tôi kịp thời. Không làm sao tôi diễn tả hết được những cảm xúc của mình vào lúc đó, tôi chỉ có thể nói là tôi không bao giờ có được những cảm giác như thế với những cuốn sách khác của tôi, hay với những bản dịch ra những ngôn ngữ mà tôi tưởng đã chết từ lâu, ngay cả với những phóng tác thành phim hay thành kịch: bản *Ngôi Nhà của Những Hồn Ma* đó, viền màu hồng, bìa có hình một người đàn bà có mái tóc màu xanh lá cây đã chạm đến những cảm xúc sâu thẳm nhất trong tôi. Tôi rời nhà đi Madrid, tay cầm cuốn sách cố để ai muốn nhìn cũng có thể thấy, có cả chồng tôi Michael đi theo, anh ấy cũng hãnh diện về thành quả tôi không kém gì mẹ. Họ vào các tiệm sách, hỏi xem có sách của tôi không, và nếu chủ tiệm trả lời "không," họ gây gổ, hoặc nếu trả lời "có" mà chưa bán hết, họ cũng không tha. Carmen Balcells đón chúng tôi ở phi trường, bà mặc một chiếc áo choàng lông màu tím, cổ quàng chiếc khăn choàng màu hồng gạch bằng lụa dài lếch thếch như chiếc đuôi sao chổi, mở rộng vòng tay ôm đón chúng tôi. Kể từ giây phút đó, Carmen đối với tôi là thiên thần hộ mạng. Bà mở tiệc giới thiệu tôi với giới trí thức Tây ban nha, nhưng tôi lại quá sợ hãi nên cứ trốn mãi trong phòng tắm. Tối hôm đó ở nhà bà ta, tôi nhìn thấy lần đầu tiên và lần cuối cùng hai cân Anh trứng cá caviar, có sẵn thìa canh để bên cạnh cho khách thưởng thức, một sự xa xỉ quá đáng, cho dù có muốn biện minh cách nào đi nữa thì tôi cũng chỉ là một kẻ thấp hèn, bà ấy làm sao đoán trước được cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi rồi sẽ đi tới đâu–hay là bà cả nể khi nhìn thấy tên họ Allende của tôi, trong khi tôi thì như một kẻ nhà quê ra tỉnh? Tôi vẫn còn nhớ câu hỏi đầu tiên trong một buổi phỏng vấn của một nhà phê bình văn học nổi tiếng thời đó: "Bà có thể giải thích cấu trúc có tính chu kỳ trong tiểu thuyết của bà?" Vẻ mặt của tôi lúc đó có lẽ trông rất đần độn bởi lẽ tôi không hiểu ông ấy muốn nói cái gì. Trong kho từ vựng của tôi, chỉ có nhà cửa mới có "cấu trúc," và cái "chu kỳ" duy nhất mà tôi biết lại là chu kỳ của mặt trăng hay kinh nguyệt. Một thời gian không lâu sau đó, nhiều nhà xuất bản nổi tiếng của Âu châu, từ Phần Lan đến Hy Lạp, mua bản quyền phiên dịch và cuốn sách từ đó phóng nhanh như sao xẹt. Một trong những phép mầu hiếm hoi mà tác giả nào cũng mơ tưởng đã thật sự xảy ra cho tôi, nhưng lúc đó tôi lại không thẩm thấu hết sự thành công gây xôn xao dư luận cho đến một năm rưỡi sau, khi tôi sắp hoàn tất cuốn sách thứ hai, viết để chứng minh cho Carmen Balcells thấy rằng tôi là một nhà văn.

Nghĩ cho cùng, mớ trứng cá năm nào kể ra cũng chưa hẳn là một sự phí phạm.

Tôi tiếp tục làm việc mười hai tiếng mỗi ngày ở trường học, chưa dám nghỉ việc bởi vì khế ước đáng giá bạc triệu của Michael, đạt được nhờ chất thuốc tẩy kỳ diệu của bà làm công, đã tan thành mây khói. Do một sự trùng hợp ngẫu nhiên, xảy ra quá sức sít sao đến nỗi chúng có thể được xem như là những ẩn dụ, công việc làm ăn của anh sụp đổ ngay đúng vào hôm cuốn sách của tôi được phát hành ở Madrid. Khi chúng tôi xuống máy bay ở phi trường Caracas, cộng sự viên của Michael đón chúng tôi và báo cho biết tin xấu; nỗi vui mừng do sự thành công của tôi lại biến mất, chỉ còn lại những đám mây đen của nỗi bất hạnh của anh. Ngân hàng tài trợ cho dự án của anh bị cáo buộc có tham nhũng và hối lộ khiến luật pháp phải can thiệp, mọi việc giải ngân đều bị ngưng và dự án hoàn toàn tê liệt. Cẩn trọng thì chỉ còn nước đóng cửa văn phòng ngay tức khắc, bán được thứ gì hay thứ đó, nhưng Michael lại nghĩ là ngân hàng vẫn còn nhiều thế lực, vụ việc lại dính dáng đến chính trị cho nên mọi việc thưa kiện phân xử còn kéo dài nhiều năm mới xong, anh chỉ việc ẩn nhẫn chờ đợi cho đến khi mọi việc lắng xuống, hợp đồng của anh sẽ được tái hạn. Trong khi đó khi người cộng sự với anh, khôn lanh hơn anh trước những trò ma mãnh, cuỗm luôn món tiền còn lại rồi trốn biệt, Michael mất việc nay lại nợ ngập đầu. Những khó khăn đó cuối cùng đã đánh gục Michael, nhưng anh lại không chịu nhận sự thất bại của mình, ngay cả chuyện anh buồn đến quẫn trí, cho đến một ngày kia anh quỵ xuống bất tỉnh. Paula và Nicolas dìu đưa anh lên giường còn tôi vả lên má, tưới nước lên mặt cố gắng làm cho anh tỉnh lại như tôi thường thấy người ta làm trong xi nê. Về sau, bác sĩ chẩn bệnh cho biết lượng đường trong máu của anh lên cao, ông còn nói thêm một cách khôi hài là không ai chữa bệnh tiểu đường bằng một xô nước lạnh. Michael thỉnh thoảng ngất xỉu như thế nên rồi chúng tôi cũng quen đi. Chúng tôi chưa bao giờ nghe nói đến chứng porphyria, và cũng chẳng ai liên kết những triệu chứng đó với một chứng bệnh hiếm hoi có liên quan đến những trục trặc trong việc chuyển hóa thức ăn trong cơ thể. Phải mất ba năm, khi một đứa cháu gái của anh ngã bệnh, và sau nhiều tháng thử nghiệm đến rã người, các bác sĩ trong một bệnh viện ở Bắc Mỹ mới tìm ra bệnh, rồi yêu cầu mọi người trong gia đình thử nghiệm. Nhờ vậy mà chúng tôi mới khám phá ra rằng Michael, Paula và Nicolas đều mắc bệnh. Lúc đó, cuộc hôn nhân của chúng tôi mong manh như trứng mỏng, ai cũng thận trọng để tránh tan vỡ, chúng tôi đối đãi với nhau một cách hết sức lịch sự, gắng gượng mà ở với nhau mặc dù trên thực tế, mỗi ngày qua hướng đi của chúng tôi ngày một tách

rời. Chúng tôi vẫn tương kính và trìu mến nhau, nhưng cuộc hôn nhân này đè nặng lên vai tôi như chì; trong những cơn ác mộng, tôi thấy mình băng ngang sa mạc, kéo một chiếc xe cây, mỗi bước chân đi làm lún sâu chân và bánh xe xuống cát. Trong thời gian sống không có tình yêu đó, tôi tìm sự giải thoát nơi việc viết lách. Trong khi cuốn sách đầu của tôi đang len lỏi khắp Âu châu, tôi vẫn hằng đêm ngồi đánh máy trong phòng bếp ở căn nhà ở Caracas, nhưng tôi cũng đã tự nâng cấp vì lúc ấy tôi đã có máy chữ chạy điện. Tôi bắt đầu viết cuốn *Tình Yêu và Bóng tối* ngày 8 tháng 1 năm 1983, bởi vì ngày đó chính là ngày đã mang lại cho tôi nhiều may mắn với cuốn *Ngôi nhà của những Hồn Ma*, khởi sự một truyền thống mà cho tới ngày nay tôi vẫn còn tôn trọng và không dám thay đổi: tôi luôn luôn viết dòng đầu tiên của những tác phẩm của tôi vào ngày hôm đó. Mỗi khi đến ngày, tôi tìm cách xa lánh mọi người, giữ im lặng trong nhiều giờ; tôi cần rất nhiều thì giờ để gạt bỏ hết những ồn ào bên ngoài ra khỏi đầu óc tôi, tẩy sạch hết những rối rắm của cuộc đời ra khỏi ký ức của tôi. Tôi đốt đèn cầy mời gọi nàng thơ và những vong hồn hộ mạng. Tôi cắm hoa ở trên bàn như để xua đuổi nỗi nhàm chán, đặt toàn bộ thi phẩm của Pablo Neruda ngay bên dưới chiếc máy vi tính, cầu mong những áng thơ ấy sẽ thấm qua máy để gây cho tôi cảm hứng–nếu máy vi tính có thể bị vi khuẩn thẩm nhập, chẳng có lý do gì chúng lại không thể trở thành tươi mát nhờ những áng thơ tuyệt tác kia! Trong một nghi lễ bí mật, tôi dọn mình, từ trí óc cho đến linh hồn, để đón nhận câu văn đầu tiên trong một trạng thái xuất thần, nhờ đó cánh cửa được hé mở ra cho phép tôi nhìn thấy được những đường nét lờ mờ của câu chuyện đang chờ tôi viết ra. Trong những tháng kế tiếp, tôi sẽ bước qua ngưỡng cửa đó để thám hiểm khoảng không gian ở đàng sau, và dần dà, nếu tôi gặp may mắn, các nhân vật sẽ sống dậy, càng lúc càng chính xác hơn, càng lúc càng thực hơn, phơi bày chuyện kể cho tôi thấy. Tôi không biết viết như thế nào và vì lý do gì; những cuốn sách của tôi không nẩy sinh từ trí óc, chúng được ấp ủ trong lòng tôi để trở thành những tạo vật bất thường có một đời sống riêng của chúng, khi nào cũng sẵn sàng chống lại tôi. Tôi không chọn chủ đề mà chủ đề chọn tôi, phần việc của tôi là chỉ cung cấp đủ thời gian, đủ yên tĩnh và kỷ luật để cuốn sách tự nó hoàn tất. Đó là điều đã xảy ra cho cuốn sách thứ hai. Năm 1978, trong vùng Lonquén, cách Santiago khoảng năm chục cây số, người ta tìm thấy tử thi của mười lăm *campesinos* (nông dân) bị chính quyền thảm sát rồi đem giấu xác trong những lò vôi nay đã bỏ hoang. Giáo hội Công giáo tường trình vụ khám phá ra các tử thi, và trước khi chính quyền có thể bịt miệng họ, vụ việc này đã bùng nổ; đó là lần đầu tiên thi thể của những người *desaparecidos* (mất tích) được người ta tìm thấy, và nền

công lý của Chí lợi chẳng thể làm gì khác hơn là trỏ tay vào quân đội. Nhiều *carabineros* (sĩ quan quan thuế) bị kết tội, đưa ra tòa và lãnh án sát nhân-nhưng lại được tướng Pinochet trả tự do ngay tức khắc bằng một lệnh ân xá. Tin này được phổ biến khắp thế giới, và nhờ thế mà tôi ở Caracas cũng biết được. Tới lúc đó đã có hàng ngàn người, ở nhiều nơi khác nhau trên lục địa, bỗng nhiên mất tích. Chí lợi không phải là một ngoại lệ. Ở Á căn đình, các bà mẹ của những *desaparecidos* biểu tình ở quảng trường Ngũ Nguyệt, mang theo các tấm ảnh của con cháu họ; ở Uruguay, danh sách tù nhân dài hơn số tử thi đếm được. Những gì xảy ra ở Longquén như một nhát dao đâm vào bụng khiến tôi đau đớn suốt nhiều năm. Năm người đàn ông trong gia đình Maureiras bị giết chết bởi các carabineros. Nhiều lúc đang lái xe chạy trên xa lộ bỗng nhiên mất tôi lại nhìn thấy cảnh những người phụ nữ trong gia đình Maureiras đi tìm chồng con, trong nhiều năm cứ hỏi lui hỏi tới những câu hỏi vô vọng trong các nhà tù, các trại tập trung, các trại lính và nhà thương, như hàng ngàn người ở nhiều nơi khác lục sạo tìm kiếm những người thân yêu của họ. Phụ nữ ở Longquén có lẽ may mắn hơn; ít ra họ biết được chồng con của họ đã bị giết, họ có thể khóc la thương tiếc hay cầu nguyện cho những người thân yêu bất hạnh-tuy không được chôn cất xác chồng con họ vì quân đội đã ném xác đi nhiều nơi rồi đặt mìn làm nổ các lò vôi, khiến chúng không còn là nơi cho người ta đến thăm viếng và thờ tự. Một hôm những người đàn bà đó cứ hết đi tới lại đi lui dọc theo những chiếc bàn làm bằng gỗ tạp, tay sục sạo một đống đồ vật trông đến thảm hại–mấy chiếc chìa khóa, một cái lược, một mảnh áo len màu xanh, một lọn tóc hay một vài chiếc răng–rồi nói, Chồng tôi đây, Em tôi đây, Con tôi đây. Cứ mỗi lần nghĩ đến họ, tôi rõ ràng như bị bứng trở lại thời kỳ tôi sống ở Chí lợi, một nỗi kinh hoàng trùm phủ lên đời sống: chế độ kiểm duyệt, quy luật tự phê tự kiểm, các vụ tố cáo, giới nghiêm, lính tráng mặt mày ngụy trang để không ai có thể nhận diện, công an với những chiếc xe có cửa kính nhuộm màu tối, những vụ bắt bớ ngoài đường phố, ở nhà hay nơi làm việc, những lần chạy đua để giúp những người lẩn trốn đến xin tỵ nạn ở các sứ quán, nhiều đêm dài không ngủ mỗi khi giấu người ở trong nhà, hay những mưu toan vụng về tìm cách chuyển tin ra ngoài hay nhận tiền ở ngoài gởi về nuôi những gia đình có người bị tù tội. Khi viết cuốn thứ hai tôi không phải nghĩ ra chủ đề, những người phụ nữ trong gia đình Maureiras, những bà mẹ biểu tình ở ngoài quảng trường và hàng triệu nạn nhân khác đã theo đuổi tôi, thúc đẩy tôi phải viết ra. Câu chuyện về những cái chết ở Longquén đã nằm sâu trong tim từ năm 1978; tôi cất giữ tất cả những bài báo qua tay tôi mà không biết rõ tại sao tôi đã cất giữ, vì

vào lúc đó tôi không hề hay biết con đường tôi đi càng lúc càng đến gần hơn với văn chương. Vì thế cho nên đến năm 1983, tôi đã có trong tay một tập hồ sơ dày cộm đầy đủ thông tin, lại còn biết nơi tìm thêm tin tức nếu cần; việc làm của tôi chỉ còn là bện những sợi chỉ mỏng này lại thành một sợi dây lớn mà thôi. Tôi trông cậy vào anh bạn Francisco ở Chí lợi, người tôi có ý dùng để xây dựng nhân vật chính diện, một gia đình người Tây Ban Nha di cư để dựa vào đó mô tả gia đình Leals, và đôi người đàn bà tôi từng làm việc chung ở một tạp chí phụ nữ ở Santiago để xây dựng nữ nhân vật Irene. Tôi vẽ Gustavo Morante, vị hôn phu của Irene, phỏng theo một sĩ quan người Chí lợi đã từng theo tôi đến đồi San Cristobal vào một buổi trưa nọ mùa thu năm 1974. Lúc đó tôi đang ngồi dưới một tàn cây với con chó giống Thụy sĩ của tôi mà tôi thường hay dẫn theo mỗi khi đi bách bộ, từ trên đồi cao nhìn ngắm Santigao ở bên dưới khi thấy một chiếc xe hơi đỗ cách chỗ tôi ngồi một vài thước, rồi một sĩ quan từ trong xe bước ra và đi về phía tôi ngồi. Người tôi trân lại vì sợ hãi; trong một tích tắc tôi có nghĩ đến chuyện chạy trốn, nhưng ngay lúc đó tôi cũng đã nhận ra có chạy trốn cũng vô ích nên lặng lẽ chờ đợi, người tôi run lên bần bật. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy viên sĩ quan đã không lớn tiếng ra lệnh bắt tôi, trái lại ngả mũ chào và xin lỗi đã quấy rầy tôi, rồi hỏi ông có thể ngồi cạnh tôi được không. Tôi vẫn chưa mở miệng nói được lời nào, nhưng khi thấy xưa nay mỗi lần bắt người thường có đông lính tráng, tôi cảm thấy yên tâm khi thấy ông ấy đi một mình. Ông trạc chừng ba mươi, cao, bảnh trai, khuôn mặt trông cũng hiền hậu. Vừa nghe ông ấy nói tôi biết ngay ông đang trong cơn chán nản. Ông ấy bảo ông biết tôi là ai; ông có đọc một vài bài viết của tôi nhưng không thích mấy, nhưng lại thích những chương trình truyền hình của tôi. Ông ấy đã nhiều lần nhìn tôi leo lên đồi, hôm đó ông quyết định theo tôi vì ông có điều muốn nói. Ông bảo là ông thuộc một gia đình rất ngoan đạo, một tín đồ Công giáo thuần thành, có lần ông có ý định đi tu, nhưng rồi phải vào trường võ bị để làm vừa lòng cha. Ông sớm nhận ra võ nghiệp rất hợp với ông, và dần dà theo thời gian, quân ngũ đã trở thành mái nhà thân yêu của ông. "Tôi sẵn sàng hiến thân cho tổ quốc," ông nói, "nhưng tôi đã không biết là giết người vì tổ quốc lại khó đến thế." Ông ngưng một lúc lâu rồi kể lể chi tiết đơn vị đầu tiên ông chỉ huy được giao nhiệm vụ hành quyết một tù nhân sau khi y đã bị tra tấn dã man đến độ hắn không còn đứng nổi mà phải chết ngồi trên ghế; việc ông ra lệnh bắn tử tội như thế nào vào lúc 5 giờ sáng trong sân lạnh giá, và khi tiếng súng im dần, ông nhận ra tử tội vẫn chưa chết mà vẫn còn bình thản nhìn thẳng vào mắt ông vì khi đó hắn chẳng còn gì để sợ nữa.

"Tôi phải đến gần tử tội, kê súng lục vào màng tang hắn rồi bấm cò. Máu văng tung tóe lên bộ quân phục của tôi. Đó là hành động tôi không thể nào xua ra khỏi đầu óc tôi được. Tôi mất ngủ. Tôi bị ám ảnh bởi hồi ức về nó."

"Sao ông lại nói với tôi những chuyện đó?" tôi hỏi.

"Bởi đối với tôi, chỉ xưng tội không thôi vẫn chưa đủ, tôi còn muốn san sẻ câu chuyện với một người nào đó để họ có thể sử dụng nó. Không phải quân nhân nào cũng là kẻ sát nhân như người ta đang nói, rất nhiều người trong số chúng tôi vẫn còn lương tâm." Ông đứng dậy, cúi người chào, đội mũ rồi ra đi.

Nhiều tháng sau, có một người đàn ông khác, lần này ông ta mặc thường phục, kể cho tôi nghe một câu chuyện tương tự. "Lính cố tình chỉ bắn vào chân, buộc sĩ quan phải bắn phát súng ân huệ, và khi làm vậy máu sẽ vấy lên người họ," ông ấy nói. Tôi ghi lại những hồi ức đó và để sâu dưới đáy tủ trong suốt 9 năm trời cho đến khi tôi dùng chúng trong *Tình Yêu và Bóng Tối*. Một vài nhà phê bình cho cuốn sách đó ủy mị, lại nặng tính chính trị; đối với tôi, cuốn sách tràn đầy những điều kỳ diệu bởi nó để lộ cho tôi thấy sức mạnh của tiểu thuyết. Trong quá trình sáng tác chậm chạp và im ắng, tôi bước vào một trạng thái hữu thức khác, có lúc tôi chỉ cần kéo tấm màn mỏng là có thể thấy tất cả những gì vô hình, như thế giới của chiếc bàn ba chân của bà ngoại tôi. Không cần phải nói hết tất cả những linh cảm, những trùng hợp ngẫu nhiên ghi lại trên nhiều trang giấy, chỉ một điều thôi cũng đủ. Mặc dù tôi có rất nhiều thông tin, cuốn sách vẫn còn nhiều khiếm khuyết, bởi vì còn có rất nhiều vụ xử bắn do quân đội thực hiện trong vòng bí mật, những gì được phổ biến thì lại bị chế độ kiểm duyệt bóp méo. Tôi lại ở xa hiện trường và không thể về Chí lợi để phỏng vấn những người trong cuộc như tôi vẫn thường làm trong nhiều trường hợp khác. Những năm làm báo dạy cho tôi rằng qua các cuộc phỏng vấn cá nhân, người ta tìm ra được những chìa khóa giải thích động cơ cũng như những cảm xúc của câu chuyện, và không có một cuộc tìm tòi nào trong thư viện có thể thay thế những thông tin đầu tay từ những cuộc đối thoại mặt giáp mặt đó. Trong những đêm nóng bức ở Caracas, tôi viết cuốn tiểu thuyết dựa vào thông tin tôi có trong tập tài liệu thu thập từ những bài báo tôi cất giữ, từ một vài cuốn sách, từ một vài cuốn băng ghi âm của Ân xá Quốc tế, và từ những tiếng nói như bất tận của những người đàn bà có người thân bị mất tích, nhắn với tôi qua không gian và thời gian. Dù có nhiều thông tin như thế, tôi cũng vẫn phải dùng trí tưởng tượng điền khuyết những chỗ trống. Sau khi đọc xong bản thảo đầu tiên, mẹ tôi phản đối những đoạn truyện bà cho không thể nào xảy ra

được: những nhân vật chính diện, trong giờ giới nghiêm vào ban đêm, cỡi xe gắn máy đến một hầm mỏ đã bị quân đội vùi lấp, họ tìm ra được một khoảng hở nơi hàng rào rồi lẻn vào bên trong đến một vùng cấm địa, dùng cuốc xẻng đào bới miệng hầm, tìm thấy thi hài của những kẻ bị sát hại, chụp hình rồi mang về trình cho đức hồng y để rồi cuối cùng ngài ra lệnh cho khai quật các hầm chôn người đó. "Chuyện đó không thể xảy ra," mẹ tôi nói. "Không ai to gan đến thế trong thời kỳ sống dưới chế độ độc tài." "Con không nghĩ ra cách nào khác hơn để mở gút cho câu chuyện, cứ cho đó là một lối viết truyện đi," tôi trả lời. Cuốn sách được xuất bản năm 1984. Bốn năm sau, danh sách những người lưu vong không được phép hồi hương bị hủy bỏ và lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy được tự do về nước để bỏ phiếu trong một cuộc trưng cầu dân ý đưa đến việc truất phế Pinochet. Một buổi tối nọ lúc đang ở trong căn nhà của mẹ tôi ở Santiago, có tiếng chuông cửa reo và một người đàn ông khăng khăng đòi nói chuyện riêng với tôi. Đứng ở một góc sân, ông ấy nói cho tôi biết ông là một linh mục, và qua các buổi xưng tội ở nhà thờ, ông biết có một nơi chôn người ở Longquén, chính ông cũng đã cỡi xe gắn máy đi trong giờ giới nghiêm ban đêm đến đó, cũng đã lấy cuốc xẻng khai quật miệng hầm, đã chụp hình các tử thi rồi đem về trình báo với đức hồng y, ngài đã ra lệnh cho nhiều linh mục, nhiều nhà báo và các nhà ngoại giao đến khai quật hầm chôn xác.

"Không ai biết được chuyện này ngoại trừ tôi và đức hồng y. Nếu sự tham dự của tôi vào việc đó bị tiết lộ, tôi đoan chắc là sẽ không có ngày đứng nói chuyện với bà như hôm nay. Tôi sẽ trở thành một trong những người bị mất tích. Làm sao bà biết được chuyện này?" vị linh mục hỏi.

"Thưa cha, người chết đã nói với con," tôi trả lời, nhưng ông ấy không tin.

Tình Yêu và Bóng Tối cũng đã đưa Willie vào đời tôi, và tôi muôn đời ghi ơn.

Hai cuốn sách đầu của tôi phải mất một thời gian dài mới vượt được Đại tây dương, nhưng cuối cùng rồi chúng cũng xuất hiện trong các hiệu sách ở Caracas, có người đọc, lại có đôi bài điểm sách ca ngợi, và đời sống của tôi ngày càng khá hơn. Những nơi trước đây tôi không được ra vào, nay người ta mở rộng cửa, gặp được những người đáng gặp, lại còn được nhiều nhà báo nhà sách mời hợp tác, được các nhà đạo diễn truyền hình gọi đến bảo họ sẵn sàng trải thảm đỏ cho tôi đi, lúc đó tôi đã hiểu được những lời hứa hẹn kia chẳng có gì chắc chắn, cho nên tôi chọn tiếp tục giữ việc làm vững vàng tôi đang có ở trường học. Một hôm, lúc đi xem

hát, một người đàn ông ăn nói nhỏ nhẹ, phát âm chuẩn mực, tiến về phía tôi và chúc tụng tôi về cuốn sách đầu tiên; ông bảo cuốn sách đã làm ông vô cùng xúc động bởi vì ông và gia đình đã từng sống ở Chí lợi dưới thời chính phủ Salvador Allende và đã chứng kiến cuộc đảo chánh của phe quân đội. Về sau tôi khám phá ra ông là một trong những nạn nhân của những cuộc bắt người bừa bãi ngay từ những ngày đầu của cuộc đảo chánh, do một người hàng xóm vì đã không nhận ra được giọng nói của ông, tố cáo ông là gián điệp của Cuba. Tình bạn giữa tôi và Ildemaro bắt đầu từ đó, một trong những tình bạn lớn trong đời, một sự tổng hợp giữa óc hài hước và những bài giảng nghiêm nghị. Dưới sự dìu dắt của ông, tôi học hỏi được rất nhiều; ông ấy chỉ vẽ tôi nên đọc sách gì, thỉnh thoảng lại sửa chữa đôi chút các bài viết của tôi, lại còn luận bàn chính trị với tôi nữa. Mỗi lần nghĩ đến ông, tôi lại thấy ngón tay trỏ của ông chỉ về hướng tôi trong lúc ông đang giảng cho tôi nghe tác phẩm của Benedetti, hay xóa tan lớp sương mù bao bọc não bộ tôi bằng một bài thuyết giảng uyên bác về chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, đó không phải là hình ảnh duy nhất; tôi còn nhớ đến ông khi ông cười ngất, hay khuôn mặt đỏ rần lên bối rối mỗi khi chúng tôi ngắt quảng không khí nghiêm trọng của một cuộc đối thoại bằng những chuyện tiếu lâm. Chúng tôi cũng đã đón nhận vợ chồng ông, ba người con, ngay cả bà ngoại của ông vào gia đình chúng tôi, và nhờ thế mà sau nhiều năm, nay tôi mới cảm thấy lại được cái không khí đại gia đình ngày nào. Chúng tôi cho tổ chức lại bữa ăn tối vào ngày Chủ nhật, trẻ con coi nhau như anh em họ, ai cũng có chìa khóa cửa cả hai nhà. Ildemaro, tuy là một bác sĩ, ông lại yêu chuộng nghệ thuật, thường hay cho tôi vé xem hát hay nhạc kịch, và chúng tôi thường phải đi dự vì không muốn làm phật lòng ông. Lúc đầu, chỉ có Paula bạo gan dám cười nhạo những "con bò thần" của nghệ thuật trước mặt ông ấy, nhưng dần dà chúng tôi ai cũng bắt chước Paula. Rốt cuộc chúng tôi lập một đoàn hát để chế giễu các sinh hoạt văn hóa và trí thức của ông bạn. Tuy nhiên, ông ấy lại nhanh tay hơn, khôn khéo nghĩ ra được một cách làm hỏng kế hoạch của chúng tôi: ông trở thành một thành viên năng động nhất của đoàn kịch. Dưới sự hướng dẫn của ông, chúng tôi dựng lên được những cảnh vượt quá giới hạn của nhóm bạn của chúng tôi. Chẳng hạn như trong một vở kịch giảng về lòng ganh tị, chúng tôi chế ra một máy đo lòng ganh để đo lường "mức độ ganh tị" nơi nạn nhân của cơn bệnh tâm lý tai hại này. Có một hội nghiên cứu tâm lý học-tôi không nhớ là theo trường phái của Jung hay Lacan-cho rằng việc chúng tôi làm là nghiêm túc nên mời chúng tôi đến trình diễn.Thế rồi một đêm nọ, cả đoàn kịch chúng tôi kéo đến trụ sở hội trình diễn những vở hài kịch trào lộng ngớ ngẩn. Chiếc máy

đo lòng ganh của chúng tôi gồm một chiếc hộp đen, có gắn mấy cây kim chạy loạng quạng như đang đo lường, lại có thêm mấy chiếc bóng đèn chớp tắt thất thường, có dây nối lên một chiếc nón sắt trên đầu Paula. Con bé này đóng vai vật thí nghiệm cũng hay ra phết, trong khi Nicolas mầy mò mấy chiếc nút điều khiển máy. Các nhà phân tâm học chăm chú lắng nghe, cẩn thận ghi chép, có lúc tỏ ra bối rối không hiểu chúng tôi nói gì, nhưng nhìn chung họ tỏ vẻ hài lòng. Ngày hôm sau, họ cho đăng một bài phê bình sâu sắc ở trên báo. Thế là Paula thành công với chiếc máy ghen và càng ngày con bé càng tin tưởng Ildemaro đến nỗi có chuyện gì nó cũng tâm sự với ông ấy, và để làm vừa lòng ông bạn vong niên của nó, Paula nhận đóng vai chính trong các buổi trình diễn về sau này của chúng tôi. Giờ này, Ildemaro thường hay điện thoại cho tôi hỏi thăm tình trạng của Paula; ông chăm chú lắng nghe những gì tôi nói mà không ngắt lời tôi, lại còn khuyến khích và an ủi tôi nữa–có điều ông không đem lại cho tôi một tia hy vọng, vì sự thật thì ông chẳng có chút hy vọng nào. Hồi đó chưa có dấu hiệu gì cho chúng tôi thấy là con gái tôi phải chịu một số phận nghiệt ngã như thế này; nó là một người con gái xinh đẹp, một sinh viên 27 tuổi, thông minh yêu đời, sẵn sàng đóng vai một kẻ khùng trên sân khấu nếu Ildemaro yêu cầu. Bà vú Mama Hilda thân yêu của chúng tôi từ bỏ Chí lợi theo chúng tôi sống lưu vong, đã sống với chúng tôi hơn nửa đời người, hồi đó cũng đã dùng phòng ăn để liên tục cắt may không biết cơ man nào là áo quần, phông cảnh cho các buổi trình diễn. Michael cũng tham dự một cách vui vẻ, mặc dù sức khỏe cũng như lòng nhiệt thành của anh đã lung lay. Nicolas, tính hay sợ sân khấu, lại nhút nhát, được giao phụ trách kỹ thuật-ánh sáng, âm thanh, các hiệu ứng đặc biệt-cho nên cậu chỉ việc ở đằng sau sân khấu. Dần dà, bạn bè của chúng tôi đều gia nhập đoàn hát, nên không còn ai làm khán giả. Những buổi tập dượt trở nên vô cùng thú vị cho cả diễn viên lẫn nhạc công cho nên chúng tôi cũng không ngại phải diễn kịch trong một rạp trống. Nhà tôi đầy người, vang vang tiếng cười nói. Cuối cùng chúng tôi tìm lại được không khí đại gia đình và nhờ thế đời sống lưu vong trên đất mới trở nên dễ thở hơn.

Riêng đối với cha mẹ tôi, họ không được hạnh phúc như thế. Tio Ramón sắp đến tuổi thất tuần, ông muốn trở về Chí lợi để chết ở đó. Nghe ông tuyên bố một cách bi thảm như thế, bọn chúng tôi ai cũng phá lên cười đến bể bụng, vì ai cũng biết là sức khỏe ông rất cường tráng, còn lâu mới chết. Hai tháng sau, chúng tôi thấy ông thu dọn hành lý, rồi chỉ một thời gian không lâu sau đó, bố ghẻ tôi dẫn mẹ tôi hồi hương, trở về một nơi chốn họ đã xa lánh nhiều năm và hiện giờ vẫn còn ở dưới sự cai trị của các ông tướng. Tôi cảm thấy mình như một đứa con côi, lại còn thêm lo

lắng cho bố mẹ; tôi cảm thấy như có điềm báo trước rằng bố mẹ tôi sẽ chẳng bao giờ có thể sống gần tôi trong cùng một thành phố nữa. Tôi chuẩn bị để trở lại nếp cũ là viết thư thường xuyên cho họ. Để tiễn chân, chúng tôi đãi tiệc lớn, có cả rượu vang từ Chí lợi và những món ăn quen thuộc, lại còn diễn kịch cho họ xem một lần cuối. Dùng lời ca, điệu nhạc, diễn viên và con rối, chúng tôi thuật lại chuyện tình đầy trắc trở của mẹ tôi và Tia Ramón, do Paula và Ildemaro thủ vai chính-hóa trang bằng những đôi chân mày trông thật ma quái. Lần diễn này chúng tôi có khán giả, bởi vì đám bạn bè thân hữu tốt bụng của bố tôi tôi đều đến dự. Ngồi ghế danh dự có Valentín Hernandez, người đã vô cùng rộng lượng cấp chiếu khán cho mọi người trong gia đình tôi được cư ngụ ở đây. Đó lần sau cùng chúng tôi gặp lại ông ấy, bởi vì chỉ một thời gian ngắn sau, ông chết vì một cơn bệnh đến bất chợt, để lại bà vợ và một đám con cháu trong nỗi tiếc thương. Ông ấy là một trong những người cha hết lòng thương yêu và bảo bọc con cái, là cái dù bao che cho tất cả những người thân yêu trong đời ông. Đối với ông cái chết đến không dễ dàng bởi vì ông không muốn mình chết đi để lại vợ con cháu chắt bơ vơ trước những cơn lốc kinh hoàng của thời đại, và trong tận cùng thâm tâm ông, ông có thể đã nghĩ đến việc mang họ đi theo mình. Một năm sau, bà vợ góa của ông cho gọi con gái, con rể và cháu ngoại đến tham dự buổi tưởng niệm ngày chết của ông một cách vui vẻ như ý ông muốn: bà đưa con cháu đi nghỉ hè. Máy bay bị lâm nạn, những người còn lại trong gia đình một lần nữa đớn đau thương tiếc cho những người vừa ra đi.

Tháng 9 năm 1987, cuốn tiểu thuyết thứ ba *Eva Luna* của tôi xuất bản ở Tây Ban Nha; cuốn này được sáng tác hoàn toàn vào lúc ban ngày, bằng máy vi tính, trong phòng làm việc rộng lớn trong ngôi nhà mới. Hai cuốn sách trước đã thuyết phục được người đại diện của tôi là tôi nghiêm chỉnh chọn nghiệp văn, và vì thế việc tôi bỏ việc để dành trọn thì giờ sáng tác là một quyết định hợp lý, mặc dù chồng tôi vẫn còn ngập đầu trong cơn phá sản, và chúng tôi vẫn còn nhiều món nợ chưa trả xong. Tôi bán mớ cổ phiếu đầu tư vào trường học, mua một căn nhà lớn nằm trên đồi, tuy có hơi xập xệ nhưng Michael sửa sang lại tươm tất, biến thành một nơi trú ngụ ngập nắng, có chỗ dành đón tiếp khách, bà con hay bạn hữu, lại dư chỗ làm phòng may cho vú Mama Hilda và phòng làm việc cho tôi. Dưới nền nhà, nằm lưng chừng ngọn đồi là một căn hầm thoáng mát sáng sủa, rộng đến nỗi chúng tôi biến nó thành một khu vườn nhiệt đới, ở giữa trồng cây bông leo để thay thế cây lưu li trong nỗi hoài hương của tôi. Dọc theo các bức tường là kệ chứa đầy sách, ngay chính giữa phòng tôi

đặt một chiếc bàn lớn. Đó là thời kỳ có nhiều đổi thay. Paula và Nicholas giờ là những thanh niên đang lớn, tự lo liệu được cho mình, có nhiều tham vọng và ưa sống tự lập, và đang học đại học; chúng bây giờ chẳng cần gì đến tôi, nhưng sự đồng cảm giữa ba chúng tôi thì bao giờ cũng vẫn có, không hề suy suyển. Sau cuộc tình với cậu thanh niên trẻ người Sicile, Paula chú tâm vào việc học hành, nghiên cứu tâm lý học và tính dục học. Mái tóc màu hạt dẻ của con bé thả dài đến tận lưng; nó lại không phấn son trang điểm, chiếc áo sơ mi dài bằng vải trắng và đôi giày xăng đan càng làm tăng vẻ trinh nữ nơi con bé. Nó làm việc thiện nguyện ở những khu nghèo tồi tệ nhất, những nơi mà ngay cả cảnh sát cũng không dám lai vãng sau khi mặt trời lặn. Dạo đó, tội ác và bạo động ở Caracas tăng vọt, nhà của chúng tôi bị đột nhập nhiều lần, lại có tin đồn trẻ con bị bắt cóc ở nơi các thương xá, bị lấy giác mạc đem bán cho các ngân hàng mắt, phụ nữ bị hãm hiếp trong các bãi đậu xe, có người bị giết chỉ vì bọn cướp muốn giựt một chiếc đồng hồ. Paula thường lái chiếc xe nhỏ của nó, mang theo một xách toàn là sách vở, mà tôi thì cứ thấp thỏm lo âu. Tôi khẩn cầu nó cả trăm lần nhưng nó vẫn không chịu nghe, nó nghĩ là nó được bảo vệ vì có lòng tốt và nó nghĩ rằng ai cũng biết nó làm việc thiện. Paula suy nghĩ chững chạc nhưng vẫn chưa vượt qua được những cảm xúc ủy mị của tuổi con gái, cũng người đàn bà ấy lúc ngồi trên phi cơ đã nhớ thuộc lòng bản đồ một thành phố chưa bao giờ đặt chân đến, thuê xe ở phi trường rồi lái một lèo đến ngay khách sạn, hay có khi chỉ cần bốn tiếng đồng hồ là cô đã soạn xong một bài giảng về văn chương để tôi dùng giảng dạy cho sinh viên, nhưng lại sợ đến ngất xỉu khi phải chích thuốc ngừa, hoặc khi coi phim ma thì lại sợ đến trân người. Cô thực hành các bài trắc nghiệm tâm lý dùng Nicholas và tôi làm vật thí nghiệm, xác nhận rằng em nó có thương số trí tuệ gần bằng thương số trí tuệ của một thiên tài; trái lại, nó lại bảo tôi có triệu chứng của một người có trí óc chậm lụt. Nó thử đi thử lại nhiều lần, kết quả không thay đổi mấy, luôn luôn cho một thương số trí tuệ làm cho tôi cảm thấy xấu hổ. May là nó không đem chúng tôi ra thử nghiệm những bài trắc nghiệm trong môn tính dục học của nó.

Với *Eva Luna*, tôi biết chắc con đường tôi đi là con đường văn chương, và lần đầu tiên tôi dám mở miệng nói "tôi là một nhà văn." Khi ngồi xuống bắt đầu sáng tác, tôi đã không làm như tôi thường làm với hai cuốn trước, những cuốn sách còn quá nhiều hoài nghi và nhiều phân bua, lần này tôi hoàn toàn làm chủ ý chí của mình, còn pha thêm chút kiêu ngạo. "Tôi có ý định viết một cuốn tiểu thuyết," tôi nói lớn. Sau đó tôi mở máy vi tính và không ngần ngại phóng đi dòng chữ đầu tiên: *Tên tôi là Eva, có nghĩa là Sự sống.*❐

* nhan do người dịch chọn

Lục nghị

Trần Văn Tích

Thơ thường đòi hỏi chú thích. Chú thích có nhiều loại : chú thích xuất xứ, chú thích danh tính, chú thích địa phương, chú thích từ vựng, chú thích điển cố v.v.. Để vừa thích hợp với rộng rãi quần chúng độc giả vừa thoả mãn phần nào giới nghiên cứu, các chú thích về nghĩa của từ và về điển của tích trong các thi tuyển biên soạn công phu đứng đắn đều không quá tỉ mỉ rườm rà nhưng cũng không quá sơ lược đơn giản.

Bài *Vấn Lưu thập cửu* (Hỏi Lưu mười chín) của Bạch Cư Dị có một chữ cần chú thích, chữ *lục nghị* ở ngay đầu bài thơ :

Lục nghị tân phôi tửu,
Hồng nê tiểu hoả lô.
Vãn lai thiên dục tuyết,
Năng ẩm nhất bôi vô.

Dịch sát từng chữ thì *lục* là màu xanh lá cây, *nghị* là con kiến. Trần Trọng Kim trong *Đường thi*, Đại Nam in lại ở quốc ngoại, tr.344, chú : *"Lục nghị là rượu. Tả cái cảnh thanh bạch của ẩn sĩ."* Giáo sư Nguyễn Đức Hiển trong *Phương trời tứ tuyệt*, Tủ sách Dư Chỉ Hiên, Houston, Texas, 1998, tr.10, cho rằng: *"Tôi nghĩ cụ chú thích hơi sơ sài : là rượu hay là tên rượu? là danh từ chung - danh từ phổ thông - hay danh từ riêng - chuyên danh? Tôi phân vân nhưng vì tài liệu ít ỏi cho nên tôi không thấy có nhân danh hay địa danh nào được đặt tên là Lục Nghĩ, vậy tạm cho là không có thứ rượu do ông Lục Nghĩ nào đó nấu ra hoặc là do địa phương Lục Nghĩ nào đó sản xuất. Vấn đề chuyên danh do đó đã được xoá bỏ. Nhưng nếu bảo là danh từ chung thì Lục Nghĩ có nghĩa là gì? Tài liệu, thi điển cũng không chỉ rõ. Chỉ còn cách đi hỏi người khác. (...) Nên tôi gặp ai cũng hỏi, nhưng các bậc cao minh về thơ, không biết; may gặp được vị cao minh về rượu chỉ cho : chữ lục nghĩ nghĩa là con kiến xanh ấy còn có*

nghĩa nữa là những cấn rượu mầu xanh. Những cấn rượu này lúc rượu được rót ra có bọt sủi lên, sẽ bám vào bọt mà nổi lên thành những tăm rượu. Bọt tan thì cấn lại lắng xuống đáy vò, đáy lọ và nếu bọt không tan thì cấn đóng thành váng mỏng trên mặt rượu. Rượu này có lẽ được nấu với một thứ lá cây nào đó nên cấn rượu có một chút màu xanh. Do đó, muốn rượu được trong, được sạch cặn thì người ta phải gạn hoặc chắt hoặc lược, phương pháp lọc này được gọi là "phôi", có khi gọi là "sĩ". Còn nấu thì gọi chung là "chưng"; ủ rượu cho lên men thì gọi là "uẩn"; cô rượu cho sánh thì gọi là "bát", và nói chung chung về cất rượu thì gọi là "nhưỡng lựu". Được chỉ bảo như trên nên tôi hiểu rằng Lục Nghĩ là tên rượu nhưng là một tên chung, tên phổ thông, và có lẽ cũng là một thứ rượu tăm, rượu nặng (liệt tửu) (...)"

Hoàn cảnh sống của giáo sư họ Nguyễn thật đáng thèm muốn. Ông có phương tiện đổi trao kiến thức cùng bằng hữu, ông có cơ may gặp gỡ những cao thủ trong các ngành sinh hoạt khác nhau. Phần tôi thì khác hẳn. Tôi đọc sách gặp chỗ bí chẳng biết hỏi ai, mà chỉ biết đạp xe đạp đi hỏi thư viện hoặc lục tủ sách cá nhân dò nghĩa của chữ, tìm ý của điển.

Trước hết, *nghĩ* dấu ngã hay *nghị* dấu nặng? Chữ nầy 螭 (bộ *trùng* bên trái hội ý, chữ *khởi* bên phải chỉ âm) hoặc 蟻 (bộ *trùng* bên trái chỉ ý, chữ *nghĩa* bên phải chú âm) được *Khang Hi từ điển* ghi ở phần *phiên thiết* như sau: *"Đường vận : ngư ỷ thiết, Tập vận : ngư khỉ thiết âm nghĩ"* (chữ *nghĩ* 艤 bộ *chu* bên trái, âm *nghĩa* bên phải). Như thế, phiên âm là *nghĩ* dấu ngã như Giáo sư Nguyễn Đức Hiển hay như Thiều Chửu trong *Hán Việt từ điển* là trung thành với *Khang Hi*. Nhưng Đào Duy Anh trong *Hán Việt từ điển*, Hầu Hàn Giang trong *Từ điển Hán Việt*, Nguyễn Kim Thản trong *Từ điển Hán Việt hiện đại* lại đều phiên âm là nghị dấu nặng. Và, như chúng ta đã thấy, Trần Trọng Kim cũng từng phiên là *nghị*. Như thế dấu nặng có vẻ nặng hơn. Vì ngôn ngữ vốn có tính ước lệ nên tôi nghiêng về đa số, về phía nặng.

Tài liệu, từ điển đều có giải thích về hai chữ *lục nghị*. Loại từ điển phổ thông như *Từ hải* hoặc từ điển bách khoa như *Hán ngữ đại từ điển*, Tam liên thư cục, Hương cảng, 1993; Đại từ điển, Tam dân thư cục, Đài loan, Trung hoa dân quốc thất thập tứ niên; *Trung văn đại từ điển*, Lâm Duẩn, Cao Minh chủ biên, Trung quốc văn hoá đại học, Đài loan, Trung hoa dân quốc thất thập tứ niên v.v..đều có mục từ *lục nghị*. Ngoài ra các tuyển tập thơ Đường như *Đường thi tam bách thủ*, tác giả Phó Lược, Đại tượng thư cục, Đài loan, Trung hoa dân quốc ngũ thập nhất niên; *Đường thi tuyển (Hạ quyển)*, Trung quốc cổ điển văn học độc bản tùng thư, Nhân dân văn học xuất bản xã, Bắc kinh, 1978; *Đường thi tam bách thủ chú sớ*, Ngô

Thiệu Liệt, Chu Nghệ Hiệu điểm, An huy nhân dân xuất bản xã, 1983; *Danh gia giám thưởng, Đường thi đại quan*, Tiêu Địch Phi và ctv., Thượng hải từ thư xuất bản xã, Thượng hải, 1986; *Đường thi tam bách thủ dịch giải*, Trương Quốc Vinh trứ, Tân hoa thư cục, Bắc kinh, 1988 v.v..cũng đều có phần giải thích hai chữ *lục nghị*. Chẳng hạn :

* *Đường thi tam bách thủ dịch giải*, tr.479 : *"Lục nghị : tân nhưỡng đích mễ tửu, vi trình lục sắc, vị quá lự thì thượng diện đích phù tao hình trạng tương mã nghị, cô xưng lục nghị"* nghĩa là : rượu nếp mới cất, hiện ra màu lục nhạt, khi chưa lọc trên mặt nổi lên bã rượu hình dạng giống như kiến, cho nên gọi là lục nghị.

* *Danh gia giám thưởng*, tr.900: *"Tửu thị tân nhưỡng đích tửu (vi lự thanh thời, tửu diện phù khởi tửu tra, sắc vi lục, tế như nghị, xưng vi lục nghị)"* nghĩa là : rượu là rượu mới cất, lúc chưa lọc trong, mặt rượu nổi lên cặn rượu, màu hơi lục, nhỏ như kiến, gọi là lục nghị.

* *Đường thi tuyển, Hạ quyển*, tr.186: *"Lục nghị : tân nhưỡng đích mễ tửu, vị quá lự thì, tửu diện phù tra, vi hiện lục sắc, tế như nghị, xưng vi lục nghị"* nghĩa là : rượu nếp mới cất, chưa chắt lọc, trên mặt nổi bã, hiện ra màu lục, mịn như kiến, gọi là lục nghị.

Chữ Hán *nghị* không những chỉ con kiến mà còn chỉ bã rượu, cặn rượu (Đào Duy Anh, Thiều Chửu). Lại còn có chữ *phù nghị* là tăm rượu. Đỗ Phủ trong bài *Đối tuyết* (Trước tuyết) có câu :

Vô nhân kiệt phù nghị,
Hữu đãi chí hôn nha.

Nhượng Tống dịch thơ :

Không ai cùng đánh chén,
Ngồi đợi bóng chiều nhoà.

Từ hải ghi ở mục từ *lục nghị : tham kiến "phù nghị"* nghĩa là xem thêm ở mục từ *phù nghị*.

Đối với thi nhân Trung hoa đời trước, *tửu* cũng quan trọng không kém gì *nghiên, bút*. Câu thơ thường đi cùng hay đi sau chén rượu, thi hứng rất nhiều khi là kết quả của tửu hứng. Bóng dáng nàng thơ càng óng ả, diễm kiều khi hàm lượng cồn êthylic trong huyết quản càng nồng nàn, đậm đà. Với lại rượu nhiều khi ngâm tẩm dược liệu để có rượu thuốc ví dụ rượu *Ngũ gia bì*, rượu *Thiên môn đông* hay *Mạch môn đông*. Rượu người Tàu uống ngày xưa là rượu nấu từ ngũ cốc, thường là nếp, kê hay bo bo. Hạt ngũ cốc đồ hay nấu chín rồi cho lên men trong một vại nước dưới tác dụng của một diếu mẫu (chất men). Cất được rượu rồi uống đục (không lọc) hay trong (có lọc). Nhiều khi cất được rượu xong, các nhà thơ tự lọc lấy(1). Rượu đục nổi cặn, nổi tăm, nổi bã; bã đó, đối với thứ rượu *lục*

nghị, có màu xanh lá cây và giống như đàn kiến. Paul Jacob, trong *Vacances du pouvoir*, Gallimard (nrf), Paris, 1983, p.107 cũng giải thích như vậy : *"Lü yi, "Vertes Fourmis", c'est le nom d'un alcool de riz pendant la fermentation duquel s'agitent en surface des grains de riz, semblables à des fourmis (yi). Ce terme désigne par extension l'écume du vin, verte pour ce vin particulier."* [(Lục nghị, "Kiến Lục", đó là tên một loại rượu nếp khi lên men thì trên mặt trôi nổi những hạt nếp, giống như đàn kiến (nghị). Từ nầy được dùng rộng để chỉ bọt rượu, có màu xanh lá cây đối với thứ ruợu đặc biệt nầy).] Chú thích như thế và tác giả người Pháp dịch câu thơ thứ nhất bài *Vấn Lưu thập cửu* như sau :

Vertes Fourmis est ma neuve eau-de-vie

(Lục nghị là loại rượu mạnh tôi mới nấu được)

Howard S. Levy, trong *Translations from Po Chü-I's collected works*, Volume II, *The regulated poems*, Paragon Books Reprint Corp., New York, 1971, p.36 chuyển *lục nghị* thành kiến màu lục :

Green ants newly brewed wine

(Rượu mới chưng kiến lục)

và giải thích: *"green ants was the name given to a variety of unstrained wine"* (lục nghị là tên gọi một loại rượu không lọc).

Innes Herdan, trong *The three hundred T'ang Poems*, The Far East Book Co., Ltd, Taipei, Taiwan, 1973, p.400 chỉ chuyển âm hai chữ *lục nghị :*

I haved freshly brewed Lu-k'ai wine

(Tôi mới cất được rượu Lục nghị)

Burton Watson, trong *The Columbia Book of Chinese Poetry. From Early Times to the Thirteenth Century,* Columbia University Press, New York, 1984, p.254 dịch *lục nghị* thành bọt lục (green bubbles):

Green bubbles - new brewed wine

(Đám bọt lục - rượu mới cất)

Georgette Jaeger, trong *Les lettrés chinois. Poètes T'ang et leur milieu,* A la Baconnière, Neuchâtel, 1977, p. 274 chỉ diễn ý câu thơ :

J'ai du nouveau moût

(Tôi có rượu mút mới)

vì *moût* là thứ rượu nho chưa lên men, còn trong *L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang,* Société des Éditions culturelles internationales, Beijing, 1987, p.1 thì nữ sĩ tránh trực dịch hai chữ *lục nghị:*

J'ai du vin nouveau, vert et mousseux

(Tôi có rượu mới, màu lục và nhiều bọt)

Cheng Wing fun và Hervé Collet, trong *Éloge de l'ivresse*, Moundarren, Millemont, 1988, p.110 chuyển câu thơ thành gần như văn xuôi

du dépôt vert, le vin nouveau n'a pas encore été filtré
(với cặn màu lục, rượu mới còn chưa lọc)

và trong *Po Chu Yi*, cùng một nhà xuất bản, 1988, p.81 hai tác giả cũng diễn cùng một ý tương tự :

du dépôt vert dans le vin nouveau non filtré
(cấn màu lục trong rượu mới chưa lọc)

Một số tác giả Việt nam dịch câu thơ thứ nhất bài *Vấn Lưu thập cửu* thành thơ như sau :

* Trần Trọng Kim : *Rượu ngon mới cất một vò.*
* Đỗ Bằng Đoàn & Bùi Khánh Đản: *Rượu lục nghị nấu vừa xong.*
* Chi Điền : *Rượu ngon mới cất vừa xong đấy.*
và : *Men thơm Lục Nghị cất xong.*

Các tài liệu văn học sử chữ Hán chú giải rằng *Lưu thập cửu* là bạn thân của Bạch Cư Dị khi đảm nhận chức Tư Mã Giang châu (815-818), tên họ thực không rõ là gì, chỉ biết trong gia đình xếp hạng thứ mười chín. Ông được thi nhân mời uống thứ rượu màu lục đặc biệt qua một bài thơ khác nhan đề *Tường vi chính khai xuân tửu sơ thục nhân chiêu Lưu Thập cửu, Trương đại phu, Thôi Nhị thập tứ đồng ẩm* (Hoa tường vi nở rộ, rượu xuân mới cất, nhân mời Lưu mười chín, ông họ Trương và Thôi hai mươi bốn cùng uống) :

Tự hoả thiển thâm hồng áp giá,
Như đường khí vị lục niêm đài.
(Màu hồng đậm nhạt đè lên giàn hoa như lửa,
Mùi vị rượu tựa đường, chất lục dính vào chén) (2).

Trần Trọng Kim cũng có lý khi chú thích ngắn gọn: *"Lục nghị là rượu". Hán ngữ đại từ điển,* Tam liên thư cục xuất bản, Hương cảng, 1993, quyển 9, trang 924 ghi rõ: *"Lục nghị : diệc tá chỉ tửu"* nghĩa là chữ *lục nghị* thường được vay mượn để chỉ rượu.

Và vì *cầm kỳ thi tửu* hằng đi cùng nhau nên *lục nghị* nhiều khi được nhắc đến trong thơ ca nòi Hán.

Tạ Khiêu (cũng đọc là Tạ Thiếu) (464-499) trong bài thơ *Tại quận ngọa bệnh trình Thẩm thượng thư*, viết :

Gia phường liêu khả tiến,
Lục nghị phương độc trì.

tạm dịch

Có thể dâng phường ca múa,

Nhưng rượu lục nghị thì giữ.

Chú thích bài thơ, Trương Tiễn cho rằng *lục nghị, tửu dã* : lục nghị là rượu vậy.

Đưa tiễn Ngũ Chi Vấn ở châu Duyễn, tỉnh Sơn đông, Lạc Tân Vương đời Đường kể :

Biệt lộ thanh ly viễn,
Ly tôn lục nghị không.
(Trên đường tiễn biệt dục ngựa chạy xa,
Chén rượu lục nghị lìa tan trống rỗng).

Cũng đời Đường, Cao Thích trong bài *Xuân tửu ca :*

Bồi trung lục nghị xuy chuyển lại,
Ứng thượng phi hoa phất hoàn hữu.
(Thổi lục nghị trong chén,
Khi hoa bay phơ phất trên vò).

Nữ thi hào đời Tống, nữ thi hào bậc nhất Trung hoa, Lý Thanh Chiếu, chấm dứt bài từ điệu *Ngư gia ngạo :*

Cộng thưởng kim tôn trầm lục nghị,
Mạc từ túy,
Thử hoa bất dữ quần hoa bỉ.
(Cùng thưởng thức chén vàng tràn lục nghị,
Chớ thoái thác say sưa,
Hoa nầy chẳng thể so cùng hoa khác được).

Ferdinand Stoces, trong *Les fleurs du cannelier*, Orphée, 1990, p.45, dịch sang tiếng Pháp :

Remplissons nos calices d'or
jusqu'au bord
de ce vin nouveau
Et buvons sans crainte
de nous enivrer
Car ce soir nous célébrons
la plus belle des fleurs.

Đời Minh, Thẩm Thái hạ bút trong *Thiên kim ký*, bài *Tiễn biệt* :

Tái tiến bôi bàn,
Trọng châm lục nghị.
(Nhiều lần dâng khay chén,
Trân trọng rót lục nghị).

Đời Thanh, Đường Tôn Hoa trong bài *Thời thế công tử hành* cũng nhắc đến lục nghị :

Thúy nga thập dạng lưu tô trướng,

Lục nghị thiên bôi hổ phách lao.
(Mười vẻ mày xanh ghi vào màn trướng,
Ngàn chén lục nghị đục như hổ phách).

Giới thưởng ngoạn thi ca còn gặp *lục nghị* trong tác phẩm, thi phẩm ít nổi tiếng hơn :

* Lý Bá Dược (565-648) :
Vũ thương khuynh lục nghị,
Phi nhật lạc hồng tiên.
(Hoà Hứa Thị lang du Côn minh trì)

* Trịnh Sử :
Liễn hạ thúy nga tu cường triển,
Tôn trung lục nghị thả từ châm.
(Du hà dạ ẩm)

* Triệu Biến (1008-1094) :
Tích hữu hàn cung oán,
Lân văn lục nghị hương.
(Túc trường sa dịch)

Lục nghị là rượu như Trần Trọng Kim hiểu, như một số tác giả ngoại quốc đã dịch. Nhưng *lục nghị* có hàm ý tả cái cảnh thanh bạch của ẩn sĩ không? Dẫu sao Trần tiền bối, qua dòng chú thích ngắn ngủi, đã thấy được vai trò hai chữ *lục nghị*. Đó là một chi tiết nghệ thuật mang tải sức chứa về cảm xúc và tư tưởng. Trong thi ca, hình tượng nghệ thuật đạt tính cụ thể, gợi cảm và sống động là nhờ các chi tiết về môi trường, phong cảnh, nội thất, chân dung, về cử chỉ, hành vi, lời nói, phản ứng nội tâm. *Lục nghị* chỉ là một danh từ ghép mà nghĩa đen đề cập đến con sâu cái kiến. Nhưng khi thi nhân Trung hoa trang bị cho nó một khả năng biểu hiện mới thì bản lĩnh Ânói" của nó nhiều hơn hẳn bản thân nó vốn có. *Lục nghị* thể hiện, giải thích, minh xác nghệ thuật dụng ngữ cấu tứ của Bạch Cư Dị. Nó trở thành tụ điểm của tư tưởng thi nhân trong thi phẩm.

Hai chữ *lục nghị* mở đầu bài thơ, một chữ vô chấm dứt thi phẩm :
Năng ẩm nhất bôi vô
mà nếu trực dịch từng chữ sang tiếng Việt thì thành
năng : nên, *ẩm :* uống, *nhất :* một, *bôi :* chén, *vô :* không.

Chữ Hán nguyên vốn không biết đến dấu hỏi. Tuy nhiên các bản in nguyên tác Trung văn ngày nay bằng chữ khối vuông như *Đường thi tam bách thủ dịch giải* (tlđd) hoặc *Danh gia giám thưởng, Đường thi đại quan* (tlđd) v.v.. đều có đánh dấu hỏi ở cuối câu, sau chữ vô. *Đường thi tam bách thủ* chẳng hạn còn giải thích chữ *vô* như sau : *vô : nghi vấn ngữ từ, tương đáng vu "ma", "ma"*. (Tài liệu ghi hai chữ *ma* cùng viết theo lối

giản thể nhưng khác nhau). Như thế, theo cách hiểu của người Trung hoa thì câu cuối nầy là một câu hỏi và chữ *vô* giữ vai trò một trợ từ nghi vấn tựa như chữ *ma* trong ngôn ngữ hằng ngày, ví dụ *Hạ ngọ hữu hội ma?* = Chiều nay có họp không? Bạch Cư Dị hỏi (*vấn*) Lưu thập cửu : "(Bạn nghĩ) có nên uống một chén không?". Các tác giả Âu Tây cũng đều hiểu như vậy.

Howard S. Levy (tlđd) : *Can you with me drink a cup ?*
Innes Herdan (tlđd) : *Can you not drink a cup of wine with me?*
Burton Watson (tlđd) : *Could you drink a cup, I wonder?*
Georgette Jaeger (tlđd) : *Voulez-vous venir boire un verre chez moi?*
Voulez-vous venir boire un verre avec moi?
Cheng Win fun et Hervé Collet (tlđd) : *viendras-tu boire une coupe ou non?*
Paul Jacob (tlđd) : *Est-ce qu'on peut ou non vider un pot?*
Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản chuyển câu nầy thành thơ :
Mời ông uống một chén chơi chăng là.

Chỉ một mình Trần Trọng Kim trong *Đường thi,* tlđd, là hiểu khác hẳn khi dịch câu nầy thành thơ : *Uống chơi đã vậy, chén thì có đâu.* Câu thơ không chấm dứt bằng dấu hỏi, câu thơ không chất vấn, mà ở thể tán thán và là một mệnh đề khẳng định. Nó hiểu ý thơ Bạch Cư Dị *nhất bôi vô* là "không có chén để uống rượu" chứ không phải "có uống một chén rượu hay không?". Giả như nhà thơ Trung hoa hạ bút *Năng ẩm nhất bôi phủ?* (hay *Năng ẩm nhất bôi ma?*) như lối hành văn thông thường, như lối đặt câu khẩu ngữ nhằm tỏ ý hỏi (ví dụ *Tiên sinh tri kỳ sự phủ?* = Ngài có biết chuyện ấy không?) thì nhất định Trần Trọng Kim đã chẳng dịch khác người khác.

Tất nhiên và đương nhiên chữ *vô* xuất hiện ở đây là do nhu cầu thi pháp. Câu thơ phải đúng âm bình và vần *lô*. Sự lựa chọn và sắp xếp của Bạch Cư Dị bị các qui tắc bố trí ngôn ngữ trong sáng tạo chi phối. Nhà thơ dùng phép đảo trang, cho chữ *vô* giữ vị trí cuối câu thay vì theo trật tự cú pháp tiếng Hán thông dụng *vô nhất bôi* như trong thành ngữ *nhân vô thập toàn* chẳng hạn và cũng như trong câu thơ bài *Hành cung* : *Cung hoa tịch mịch hồng* mà Nguyên Chẩn không thể nào viết *Cung hoa hồng tịch mịch* vì lẽ đơn giản đây là một bài tứ tuyệt hợp cách, cân đối, hạ vần ở câu một, hai và bốn (*cung, hồng, tông*). Nếu (một chữ nếu quái đản!) Bạch Cư Dị viết *Năng ẩm vô nhất bôi* thì bài thơ...hôi hôi, còn nếu (một chữ *nếu* vớ vẩn!) Nguyên Chẩn viết *Cung hoa hồng tịch mịch* thì bài thơ...lịch kịch.

Ở cổ thi, nhiều khi nhà thơ vì muốn theo vận luật chứ không phải do

tu từ mà phải đảo ngược hay xáo trộn vị trí các chữ. Trong bài *Chiếu thân* (Soi mình) của Tuệ Trung Thượng sĩ đời Trần, câu thứ hai rơi vào trường hợp nầy : *Tiêu đầu lạn ngạch bị kim bào / Ngũ thất niên gian thị xưởng tào. Tào* nghĩa là xay giã, chế biến. Ví dụ *tào phường* là nơi cất rượu. Theo cách thức kết hợp các thành tố trong nội bộ từ ghép Hán văn thì phải là *tào xưởng* mới đúng, nhưng vì âm vận nên tác giả đã viết đảo ngược lại. Thỉnh thoảng thi nghệ vẫn châm chước cho hồn thơ như vậy. Chẳng hạn "một cành mai" nếu nói đúng theo Hoa ngữ thì phải là *nhất mai chi* nhưng nhiều bài thơ của cả người Trung hoa lẫn người Việt nam đều viết *nhất chi mai* tỷ như bài *Cáo tật thị chúng* của Thiền sư Mãn Giác *Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*, do bởi bài thơ hạ vần *khai, lai, mai*. Tương tự như vậy, Lục Khải, tác giả bài thơ tặng bạn rất hay, viết *Chiết mai phùng dịch sứ / Ký dữ Lủng đầu nhân / Giang nam vô sở hữu / Liêu tặng nhất chi xuân* mà đáng lẽ thì phải là *nhất xuân chi* (một cành xuân).

Câu chuyện văn chương đón mừng thiên kỷ mới xin mở bằng *lục nghị bôi* của cả ngàn năm Đông phương xưa cũ và kết bằng *nhất chi xuân* của đất trời Âu Mỹ hôm nay.

(1) Phương pháp lọc nhiều khi rất tài tử và...không mấy hợp vệ sinh. Hàn Hoằng - nhà thơ đời Đường nổi tiếng với điển tích *Chương đài liễu* - trong bài *Trương tiên sinh thảo đường hội Vương phương sĩ* kể chuyện lọc rượu : *Viên mai thục / Gia uẩn hương / Tân thấp đầu cân bất phục sâm* (Trong vườn mơ chín / Trong nhà ngát rượu / Khăn đội đầu ướt nên không mang nữa). Khăn đội đầu ướt là do vừa được dùng để...lọc rượu.

(2) Bạch Cư Dị có bài *Khốc Lưu Thượng thư mộng đắc*, khóc người bạn rượu và thơ họ Lưu cùng tuổi với thi sĩ, mất năm 842, có lẽ là chỉ ông Lưu thứ mười chín nầy.

Quí độc giả lâu nay vẫn thích đọc tùy bút của nhà văn Trúc Chi trên Văn Học, xin đón mua

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Già Thi Sĩ

NGU YÊN

Muốn làm Thượng đế
Phải giết Thượng đế
Ta đang sắp già
Chưa giết nổi thi sĩ
Nói chi chuyện đất trời
Ngồi giữa thế giới vẫn mình héo hon
Thân thế làm sao nông nỗi thế này
Thấy con ngủ say lòng hối hận
Mai nó một đời nghiệp dĩ vô lý
Ghét trời chăng?
Trời biết gì lý luận
Em ngáy mệt khò khè
Anh thương kiếp thú khoái lạc trả đắt khổ đau
Nửa đêm
Chưa ngủ
Kinh sợ ngày mai như hôm nay, hôm qua
Ta rồi làm muốn mửa
Đốt thời giờ ra tro
Tro dán tiền giấy
Thượng đế không cần tiền
Thi sĩ không cần tiền
Tôi cần tiền
Tôi tiền
Tiền

Giết được tiền
Có làm chúa tiền chăng?
Ta đang già thi sĩ
Nửa đêm khổ thêm
Không biết trời đâu xin xỏ
Chó hàng xóm sủa dau lòng hơn thơ.

Houston, 28-11-1999

Nguyễn Thị Hoàng Bắc và những câu chuyện kể

Đoàn Nhã Văn

Giữa thập niên 80, nhiều nhà văn nữ đã xuất hiện trên văn đàn một cách rầm rộ, tạo nên một luồng gió mới trong dòng văn chương ở hải ngoại. Một trong những nhà văn nữ này là Nguyễn Thị Hoàng Bắc, người đã đến với độc giả rất nhanh chóng từ những truyện ngắn đầu tiên. Nguyễn Thị Hoàng Bắc tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn trước 1975. Sau cuộc đổi đời, cũng như bao người khác bà đã phải sống trong cái không khí ngột ngạt, tù túng trên mảnh đất hình chữ S. Chính từ chỗ nghẹt thở, bà cảm nhận rặt rời cái mất mát, cùng cực của mọi người chung quanh, để rồi khi vượt thoát thành công, bà đã kể lại những buồn vui, những gai góc trong cuộc sống của chính mình, của người thân, của bạn bè, của chòm xóm. Đến hôm nay, Nguyễn Thị Hoàng Bắc đã gởi đến người đọc ba tập truyện ngắn: *Long Lanh Hạt Bụi*, Văn Nghệ xuất bản 1988; *Bến Lở Bến Bồi*, An Tiêm xuất bản 1992; và *Kéo Neo Mà Chạy*, Văn Mới xuất bản 1997.

Người cộng sản thường đẩy nhà văn đi về vùng nông thôn, đi lên nông trường, đi vào nhà máy, đi xuống bến cảng, để tìm chất liệu sống. Với Nguyễn Thị Hoàng Bắc, không cần phải đẩy, phải đưa. Chỉ riêng chuyện chạy vạy cho cuộc sống sau 1975 đã đủ để bà viết sát với thực tế, với đời thường. Vì thế, nhân vật của bà đa dạng, gồm đủ mọi hạng người trong xã hội. Từ cô Dung "phản bội bạn bè đi lấy chồng bộ đội", cô thư ký ngân hàng con liệt sĩ bắt bồ với ông giám đốc, mụ Chín lúc nào cũng hách dịch, đến con nhỏ điên trong nhà tù, ông thầy giáo vì hoàn cảnh túng quẫn phải tập tành đi bán chợ trời kiếm sống, bà cụ cô đơn nơi quê người đất khách. v.v. Mỗi nhân vật của bà là một nhân chứng sống của thời cuộc, của một giai đoạn khắc nghiệt bao trùm lên cả đất nước.

Tập truyện ngắn đầu tay của bà, *Long Lanh Hạt Bụi*, gồm mười hai truyện ngắn. Người đọc dù khó tính đến đâu, cũng phải công nhận một điều: Bà là một người kể chuyện có duyên. Nhiều câu chuyện không đầu, không đuôi, bà chỉ kể "khơi khơi". Vậy mà chính cái "khơi khơi" đó lại đưa bà đến với người đọc, người nghe một cách dễ dàng. Những câu chuyện thoạt nghe cứ như là xảy ra ở ngay đầu xóm nhà mình lúc ở Việt Nam, hay ở sát nách nơi mình trú ngụ bên trại tị nạn. Những câu chuyện phần nhiều là buồn. Cũng dễ hiểu: làm sao vui được khi phải cố rán mà sống trong cái ngột ngạt của nhà tù; dù là một nhà tù lớn ở quê hương hay nhà tù nhỏ ở trại tị nạn. Cái dĩ vãng nặng nề lúc nào cũng đeo canh cánh bên bà. Cho dù đã bức ra khỏi được cái vòng tròn khép kín nhưng bà vẫn mang nó trên mỗi bước đi. Phải chia sẻ với người khác thì lòng bà mới được nhẹ nhàng và thanh thản. Và bà đã kể, và kể một cách sôi động, rôm rả.

Trong truyện ngắn, xây dựng nhân vật là một điều hết sức quan trọng. Khi nhà văn tạo ra được những nét riêng cho nhân vật trong truyện, thì truyện ngắn của họ có nhiều cơ hội đến và ở lại với độc giả. Phải là người rất bén nhạy trong đời sống, nắm bắt được cái "thần" của nhân vật mới có thể tạo được những hình ảnh bén nhọn, đây nghệ thuật. Trong nhiều truyện ngắn, người đọc thấy ánh lên những nét tài hoa trong lối xây dựng nhân vật của Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Ở đây, bà không theo phương pháp tả chân. Bà nhìn nhân vật ở những khía cạnh khác của cuộc đời chứ không nhìn họ bằng vóc dáng bên ngoài.

Khi phác thảo hình ảnh một người cán bộ, bà không viết nhiều. Chừng vài câu đối thoại, bản chất con người hiện lên rõ như lòng bàn tay.

"Chồng mày là đại úy ngụy ác ôn, đền tội với nhân dân là cũng đáng. Mày còn đòi buôn bán để nuôi nó nữa à?

"Dạ thưa ông, xin ông thương tình nghĩ lại, các con tôi còn nhỏ, làm sao sống"

"Đừng gọi là ông. Đù mẹ, thời buổi cách mạng rồi, thím (nó đổi giọng) nên biết chế độ ta là chế độ dân chủ nhân dân, nhân dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý."

Rồi hắn quay ra lấy mục kính đeo vào, tréo chân gầm mặt vào tờ báo Nhân Dân, mặc tôi đứng trơ ra.

May quá, tôi gặp Ngọc đi vào. Ngọc nhìn tôi sửng sốt:

"Kìa chị, lâu nay không gặp chị"

Ngọc khẽ nhíu mày rồi quay sang "ông phường phó":

"Anh Bổng, anh ký giùm em giấy..."

"Kìa, cô Ngọc, mãi giờ này mới ra, làm tôi đợi mãi."

Hắn lăng xăng:

"Ngồi đây, ngồi đây!"

Rồi như một ông Tây chính cống, hắn rót nước, bưng chén nước đưa tận tay Ngọc, cúi xuống lom khom vì sợ vô phép đứng hỗn trước mặt đàn bà" (Trang 33)

Chỉ dăm nét, bà đã lột trần bản chất của gã "đầy tớ nhân dân". Cái tẩy của hắn nằm tênh hênh dưới ngòi bút của bà. Người ta chơi chữ, gọi cán bộ là "đầy tớ nhân dân", thì bà cũng chơi chữ nhưng đã rọi sáng cái "hung thần" của gã đầy tớ đối với một người dân này, nhưng lại rất khúm núm đối với một người dân khác.

Ở một Truyện ngắn khác, *Trên Triền Dốc*, Nguyễn Thị Hoàng Bắc đã cho thấy một khía cạnh khác trong lối xây dựng nhân vật của bà:

"Mụ ta sẽ hí hửng, kênh đời, bu lu boa loa khoe khoang tùm lum với làng trên xóm dưới, sẽ đóng của cái tiệm gạo tổ bố của mình để đi Sài Gòn một chuyến "lãnh quoà" (phất âm theo đúng giọng Ba tơ của mụ). Và kết quả, mụ sẽ nhận được một thùng giẻ rách bọc đá cục!" (Trang 42).

Một đoạn thật ngắn, hình ảnh "đáng ghét" của mụ Chín phơi bày rõ mồn một. Những cái "hí hửng", "kênh đời", "bu lu boa loa" tạo ra một nhân vật phụ nữ thuộc loại "ngoại hạng" trong đời sống thường nhật. Mà loại ngoại hạng này nằm bên cực đáng ghét trên trục "thương-ghét" của đời thường. Một thùng quà chỉ toàn giẻ rách bọc đá cục làm quà tặng, đã làm người đọc liên tưởng tới một mụ hàng xóm chẳng ai "chơi" được. Phải ghét cay ghét đắng, người ta mới nghĩ ra cái cách này để trả thù.

Trong mỗi câu chuyện kể, bà đã nắm bắt được cuộc sống của những người bên cạnh rất linh động. Trong đó, bà chụp lại được những câu hát được đổi lời, nhằm để phản ảnh môi trường sống, nhưng rất gần gũi với lớp người lao động, bình dân.

"Ngày nào trúng mánh ngày đó huy hoàng, ngày nào bể mánh ngày đó điêu tàn." (Trang 88)

Hay:

"Cây cuốc cong mình mong cho cuốc gãy
Cây cuốc gãy mình khỏi ra đồng
Giải phóng vô đây mình lên kinh tế mới
Lao động suốt ngày chẳng có gạo ăn." (Trang 77)

Những ai sống ở quê hương trong những năm cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80, và nhất là sống ở vùng thôn quê, nghe thấm thía những bài hát này. Nhiều người cầm bút sợ đưa những hình ảnh quê mùa, những

câu hát rất đời thường vào văn chương sẽ làm hư ngòi bút của họ. Nhưng với Nguyễn Thị Hoàng Bắc thì không. Cái duyên kể chuyện của bà đã giúp bà vượt qua được điều đó. Vả lại, có mấy chuyện hay nào mà không chuyên chở cái bình dân của cuộc sống? Trong tập truyện đầu tay này, bà đã vẽ lại những cảnh đời, của bà và những người chung quanh, rất thật. Chính cái thật đã đi vào lòng người dễ dàng và để lại những rung động sâu thẳm nhất.

Bên cạnh những nét đẹp của nghệ thuật, ở tập truyện ngắn đầu tay, người đọc còn thấy Nguyễn Thị Hoàng Bắc viết văn của theo lối kể chuyện. Mà kể chuyện thì thường đi đôi với giải thích. Bà thường thêm cái ngoặc đơn đằng sau điều bà muốn nói.

"Tháng trước nữa, nghe tin Dương chết vì ung thư phổi (dạo này sao Việt Nam lắm ung thư, dám chắc ung thư đã trở thành bệnh truyền nhiễm), mấy người bạn cũ "mất dạy" như Đình bàn tán với nhau: lại một thằng nữa "hy sinh cho cách mạng". (Trang 114)

"Vô lớp chỉ toàn bắt học trò "luyện giọng". Tổ ngoại ngữ thì không có giáo viên miền Bắc (vì mấy "ông nội" đó biết gì mà dạy) nên cũng đỡ cực hơn các tổ khác". (Trang 182)

"Trâm biết mơ hồ rằng Thái đang làm việc ở cơ quan NASA, giữ một chức vụ khá quan trọng, tất nhiên tiền lương không phải nhỏ. Nếu Thái có để ý mình, anh ấy dư sức "giúp đỡ", sao Thái chưa bao giờ tỏ ra ý ấy? (Còn nếu Trâm có chịu nhận sự giúp đỡ hay không, đó lại là một chuyện khác)" (Trang 193).

Viết theo lối này có lẽ vì hai lý do. Thứ nhất, bà e rằng những người xa xứ trước bà không nắm bắt hết điều bà muốn chia sẻ. Thứ hai có lẽ vì ảnh hưởng từ nghề nghiệp của bà. Bà vốn là nhà giáo. Mà nhà giáo thì thường thông thêm câu hỏi kiểu: *có hiểu không, đúng không nào v.v. và v.v.* Thực ra, đây là một điều không cần thiết lắm. Chỉ cần một chút tinh ý, người đọc sẽ hiểu điều bà muốn nói. Thêm nữa, sự lấp lửng của cân văn sẽ tạo nên những khám phá mới từ độc giả. Độc giả tưởng mình vừa phát hiện ra một ẩn ý của nhà văn, họ sẽ thích thú. Cũng từ đó họ sẽ nhớ câu chuyện, nhớ đến nhân vật nhiều hơn, lâu hơn.

Ở tác phẩm đầu tay, Nguyễn Thị Hoàng Bắc kể chuyện một cách dí dỏm và sinh động. Khung cảnh và nhân vật khá rõ nét. Tuy nhiên, những hình ảnh bà chụp lại từ đời sống thường gần như lúc nào cũng chụp chính diện, đầy đủ cảnh vật. Trong nghệ thuật, khung cảnh không nhất thiết lúc nào cũng phải đầy đủ. Nhiều khi chỉ cần một góc độ nhìn, một lượng ánh sáng cần thiết, người ta có thể tạo được những bức ảnh đầy nghệ thuật.

Từ những ám ảnh dằn vặt của dĩ vãng ở tập truyện đầu tay, người đọc thấy ngay được sự khác biệt trong những nhân vật của bà ở tập truyện thứ hai, *Bến Lở Bến Bồi*. Nhân vật trong *Bến Lở Bến Bồi* đã bắt đầu hội nhập vào cuộc sống mới. Dĩ vãng có đôi lúc hiện về, nhưng không chỉ dừng lại đó, rồi chấm hết. Mà ở đây, nó đã như kính chiếu hậu, thỉnh thoảng người lái xe cần nhìn lại trên đường trường, để đi về phía trước. Từ những cái xưa cũ của thiên nhiên mà ai cũng biết, như cầu vồng chẳng hạn, bà nhìn lại bây giờ để thấy đất trời không còn chật hẹp nữa. Đất trời mênh mông và cơ hội cũng mông mênh. Đến hình ảnh những bà xơ "ngày ngày ra vô trìu mến lẫn chịu đựng, duy trì cái viện mồ côi", để thấy mình quá nhỏ bé, quá tầm thường. Cái khổ cực để hội nhập cũng không ăn thua gì sự hy sinh của những người nữ tu trên chính quê hương của mình. Hay đi xa hơn, hình ảnh những bà mẹ già, những người Mẹ Việt Nam ngày trước hiện về trong trí nhớ, để bà chiêm nghiệm lại cảnh đời hiện tại, để bước về phía trước với tương lai đang rộng mở. Và cũng chính nhờ thế, lòng bà mở ra, như một nhân vật của bà đã nói "hãy tha thứ cho những ai cực đoan vì họ chỉ là những người quá mẫn cảm, quá cuồng nhiệt và mắc bệnh lý tưởng đến thành ảo tưởng." (trang 20).

Người đọc thích thú khi thấy được cái tinh tế của bà ở nhiều truyện ngắn. Phải có biệt tài, phải thật tinh tế mới diễn tả được ánh mắt của một người trước khi từ giã cõi đời.

"Ba ngày trước khi mất, mắt ba tôi bỗng sáng rực, tới nay tôi vẫn còn nhớ như in tia mắt ấy. Tia mắt như của một người trong cơn đồng thiếp đã bắt kịp được cái nhìn về một thế giới nào đó bên kia, ông thường nhìn xa vắng vào khoảng không phía trước, bước chân vẫn thản nhiên chính xác không va đụng vào bất cứ vật gì trước mặt, nhưng rõ ràng tôi thấy là ba tôi đã không còn thấy điều gì trước mắt ông nữa." (trang 91)

Nhiều nhân vật của bà tuy có một cuộc sống rất bình thường nhưng khi đụng "chuyện lớn" thì họ nhận xét rất bén nhạy. Lối nói của họ cứ thẳng tuồn tuột nhưng nghe rất đã cái lỗ tai.

"Báo chui, tờ Truyền thống đấy! Ngoài Bắc đang đói nặng, sinh viên học sinh Hà nội biểu tình, nông dân Nam bộ nổi dậy. Rồi sẽ có một cuộc cách mạng mới bùng nổ do tụi Mặt Trận Giải Phóng miền Nam lãnh đạo.

Tuyệt thất sắc:

- Hả! Anh nói cái gì? Lại tụi Giải Phóng miền Nam nữa hả? Thôi em vái tụi nó cả tơi lẫn nón. Nó cách cái mạng cả nước như vầy chưa đủ sao anh còn đòi tụi nó cách mạng thêm lần nữa?" (Trang 162)

Khi người Việt ở khắp nơi rủ nhau về thăm quê hương, bà nắm bắt được những cảnh cười ra nước mắt, những khác biệt đau lòng giữa hai

cuộc sống.

"Minh nghe vợ kể:

- Thằng Việt kiều con ông hàng xóm dọn ra khách sạn ở rồi! Nhà ông già nó sang vậy mà nó chê ỏng chê eo đủ điều. Nó nói cầu tiêu ngồi chồm hổm nó ngồi không được, giấy báo mà lấy đi cầu mắc bệnh đường ruột, uống nước xong thì hất nước ra sân rồi úp cái ly xuống không chịu rửa, cả trăm cái miệng uống chung một cái ly gây bệnh truyền nhiễm, ôi thôi trăm thứ chuyện trên đời, nó nói nó gớm quá, cả ngày ngồi trong nhà nó chỉ muốn nôn vì mùi bếp núc xông lên mà không có quạt cho bay hơi đi, nó mệt quá sức, nó không muốn ăn uống gì hết. Nó thương ba má nó lắm nên mới dọn ra khách sạn để ở gần thêm ba má nó ít ngày nữa rồi lần này nó đi luôn chớ không thèm về. Báo hại má nó tủi thân khóc quá trời, còn ông già nó thì cho là mất mặt nên chửi nó một trận, hai cha con giận nhau." (Trang 164)

Từ tác phẩm đầu tay đến tác phẩm *Bên Lở Bên Bồi*, lối kể chuyện thâm trầm hơn, xúc động hơn, đánh dấu một biến chuyển lớn trong truyện ngắn của bà. Những tấm ảnh sắc nét, những góc cạnh đặc biệt, những nhân vật khá tiêu biểu đã làm nên những truyện "ngắn" nhưng "dài", đã tạo cho bà một chỗ đứng khá riêng biệt trên văn đàn. Nói như vậy không có nghĩa đây là một tác phẩm hoàn hảo. Ở vài truyện ngắn, người đọc thấy bà lặp lại nhiều từ ngữ khá bình dân trong cuộc sống thường nhật như *thanh minh thanh nga, thanh nga thanh ngỗng, xẹp lép* .v.v. Chính vì sự lặp lại này, người đọc thấy dường như bà chưa tạo được sự "bề thế" trong chữ nghĩa. Đây là một yếu tố khá quan trọng trong văn chương. Nhờ nó, những bản văn mới chống chọi được với thời gian.

Có bạn đọc bảo khi đọc *Kéo Neo Mà Chạy*, tác phẩm thứ ba của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, những nhân vật xưng *tôi* mang ít nhiều hình ảnh của Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Và mỗi câu chuyện là một phần tự sự của đời bà. Tôi không quen Nguyễn Thị Hoàng Bắc và cũng chưa một lần gặp mặt thì không thể dám đoan chắc như vậy. Nhưng có một điều không thể chối cãi: những nhân vật nữ có một mẫu số chung khá lớn, đó là tỉ mỉ trong những công việc hàng ngày, và mẫn cảm với cuộc đời trước mặt, sống hết mình cho tình yêu dù lắm lúc đối diện với những cảnh ngộ đau lòng. Từ hình ảnh Hằng trong truyện *Giang* đến nhân vật "tôi" trong *Bà Bạn Sưu Tập*, hay đi xa hơn nữa là "tôi" trong *Hai Mươi Năm NhữngThành Phố* hay *Trang Sách Ước*.

Ở tập truyện này bà chú trọng nhiều về tình yêu. Có chuyện mang không khí ngoại tình, có truyện mang sự chấp nhận, bao dung. Những

chuyện tình trong tập truyện đầu tiên, người đọc thấy cái da diết còn thiếu, cái sâu sắc chưa đạt đến độ chín muồi. Đến tập truyện thứ hai và đặc biệt là tập truyện *Kéo Neo Mà Chạy* này, bà đã đi vào từng ngõ ngách nội tâm của nhân vật, như muốn khám phá ra cái huyền bí, cái mầu nhiệm của tình yêu. Trái tim của những nhân vật nữ luôn mở ra dù phải đối đầu với nhiều nghịch cảnh. Viết về tình yêu dễ, nhưng khó. Tình yêu là chuyện muôn đời, nên dễ viết. Chính vì dễ viết nên nhiều người đã thử nghiệm, và hầu như không một nhà văn nào không bước qua một truyện tình yêu. Vì thế, cái khó là làm sao mở ra một nhân vật mới, một tình huống mới, một không khí mới, một góc độ mới, để tạo một chỗ đứng riêng cho nhân vật của mình. Trong truyện *Giang* bà đã làm được điều ấy. Nhân vật nữ, Hằng, là một người hiện đang định cư tại Mỹ. Khi người chồng, Giang, còn đang ở trong trại cải tạo thì Hằng liều mạng vượt biên. Khi ra khỏi tù, ông lấy vợ, người vợ trẻ hơn ông đến 15 tuổi. Khi Hằng trở lại thăm quê hương cũng là lúc vợ "mới" của chồng, là Liên, quyết định ra đi. Hằng và Giang gặp lại. Họ có được những giây phút hạnh phúc bên nhau. Vấn đề không chỉ dừng lại ở đó. Hằng muốn về ở luôn với Giang. Vậy thì phải kiếm nhà. Kiếm được căn nhà nho nhỏ, vừa ý cả hai, cũng là một điều nan giải.

"Dẫu sao thì đôi mắt buồn rầu cúi xuống một cách cam chịu thủ thường, và thái độ lầm lì xa vắng cực chẳng đã mới phải bán căn nhà ngói cũ của vợ chồng người chủ nhà, vẫn khuấy động Hằng. Có một cái gì nhè nhẹ, chưa phải là sự độc ác, mà cũng không hẳn là hiền lương, tôi có bất lương không, có ép giá không, có làm điêu đứng ai đó không, để buộc vợ chồng con cái họ phải lùi xuống một chái tranh nhỏ hơn ngay sau lưng căn nhà cũ, để nhượng lại căn nhà mà họ đã yêu thương, gặp gỡ, lấy nhau, sanh con đẻ cái, và vui buồn ở đó gần hai mươi năm nay."

Người có trái tim khá nhạy cảm như Hằng khó mà giữ được sự tính toán ích kỷ thản nhiên khi thấy nỗi khổ của mọi người xung quanh, nhất là hoàn cảnh của người chủ nhà như vậy. Làm sao trong lòng Hằng không nhói lên một chút khi nghe họ nói:

"Nếu như tôi có được một người bà con nước ngoài như cô đây giúp đỡ, thì không đến nỗi phải dọn bàn thờ tổ tiên mà ra đi đâu."

Cuối cùng chỉ còn một cách giải quyết dễ chịu hơn, nhẹ nhàng hơn là làm theo ý của Giang:

"Cứ thỏa thuận cho gia đình ổng xài chung nước giếng với mình, vậy cho em nhẹ lòng hơn, được không?".

Khi trở lại Mỹ, Hằng viết thư báo cho Giang hay là nàng đã về tới nơi tới chốn bình an. "Nhưng Hằng khựng lại, ngòi bút ngập ngừng: có nên

không, nói cho Giang biết, mầm sống Giang cho, đang mong manh cựa quậy trong Hằng." Bà nghĩ liệu có người đàn bà nào thay thế bà trong căn nhà mới của bà không. Và bà nghĩ rằng có. Có thể đó là Liên, người vợ trẻ của chàng. Nhưng cũng phải chấp nhận thôi, "cũng giống như chủ cũ của căn nhà chia chung giếng nước với mình vậy mà."

(Trang 11-14).

Lối ví von, so sánh của Nguyễn Thị Hoàng Bắc ở đây lạ hoắc, lạ hươ. Nội tâm của nhân vật được bà đào sâu làm bật lên được cá tính họ. Cũng chính vì vậy, người đọc thấy hầu như trong những truyện ngắn của tập truyện này, bà dường như không quan tâm gì mấy đến thiên nhiên, đến ngoại cảnh. Ừ, mà đâu cần phải cảnh trí dày đặt mới làm nên truyện ngắn. Đây cũng là nét riêng của bà.

Có một điều cũng cần nói thêm ở đây, từ tập truyện *Bên Lở Bên Bồi* đến *Kéo Neo Mà Chạy*, những nhân vật của bà đã hòa nhập thực sự vào cuộc sống mới. Họ không còn cái e dè nhút nhát của thuở ban đầu khi vừa đặt chân lên những vùng đất mới. Họ suy nghĩ bạo dạn và ăn nói "bạt mạng" như người bản xứ. :

"Chị hỏi tôi:

-Sao bà bày đặt ly dị làm chi vậy? Bộ chê củ cải của ông chồng không ướt hả?

Tôi còn đang đỏ mặt tía tai chưa biết vì xấu hổ hay vì căm giận thì một chị khác có cái miệng rộng đầy cả răng rướn cái cổ nổi gân lên nổi một tràng cười ha hả và bảo:

-Chắc ăn nhất, củ cải vừa to, vừa bự vừa mướt là củ cải Mỹ. Thấy không, củ cải ở Giant Food, đố tìm được ở Việt Nam có củ cải nào bự hơn." (BLBB, trang 21-22)

"Lấy chồng rồi, Hằng mới biết đàn ông không dâm đãng thì không thực là đàn ông. Ngoài ra, lúc nào họ cũng là những chú thỏ luôn luôn ủng oẳng với các đàn bà khác những khi vắng vợ, nghĩa là vẫn cứ giữ nguyên thói quen bám đít mẹ lúc bé. Không chịu được hai điều kiện đó thì tốt hơn không nên lấy chồng, hoặc là nên theo kiểu mới, là hãy yêu một người đàn bà." (KNMC, trang 13-14)

Ở một truyện ngắn khác, bà viết:

"Cũng như giết người, các cách làm tình cũng biển học mênh mông, sở kiến của một người không thể thâu tóm được hết trong vài dòng. Cứ tưởng tượng bọn búp bê đàn bà da thịt tươi hồng thơm phức, nằm tênh hênh trong tư thế chờ đợi làm tình, mà lại làm tình kiểu cọ nữa, đám bạn đàn ông của bà bạn tôi đã ứa ra không biết bao nhiêu là nước miếng, máu

chảy rần rần lên mặt, thiếu điều muốn tẩu hỏa nhập ma luôn."
(KNMC, trang 38)

Mở ra những hình ảnh liên hệ đến xác thịt, đến tính dục, thực tình mà nói, bà không thành công lắm. Người đọc thấy một chút gì đó hơi gượng gạo, khó trôi. Những truyện ngắn mang hơi hướm của tính dục không đủ sức gợi nên sự tò mò từ độc giả. Bởi hiểu được điều đó nên bà đã không xoáy mạnh vào khía cạnh này của đời sống. Có lẽ những hình ảnh bà ghi lại chỉ vụt đến trong lúc viết, bà chụp nó và giữ lại trên trang sách mà vì "lười" nên không gọt giũa về sau.

Thêm vào đó, người đọc có hơi ngỡ ngàng khi bà viết những câu văn khá dài, điều mà người ta hiếm thấy trên những trang sách hôm nay, không những trong các nhà văn Việt Nam mà ngay cả những nhà văn ngoại quốc. Chỉ xin đọc lại hai thí dụ.

"Lúc cửa tiệm bắt đầu đông đúc, dãy ghế năm chiếc đặt ngay ngắn trang trọng trước năm tấm gương lớn đã được trám đầy, người thì tới hớt tóc, kẻ cạo râu, có vài người khác thì chỉ là bạn quen của anh Tiếng thợ chính, tới gặp anh để tán dóc vài câu chuyện linh tinh, nắng mưa, thời sự qua đường, lúc họ bắt đầu râm ran cười nói vui vẻ, hỏi đáp qua lại dường như không ai còn chuyện gì để sai bảo hạch hỏi nữa, thì như một thỏa hiệp ngầm không cần giải thích, không ai ký kết giữa hai bên, bốn phía, vân vân, tự tôi, tôi hiểu là đã tới giờ mình có quyền lỉnh đi chơi." (Trang 43).

"Hôm đặt chân tới huyện lỵ, khi con đò do người nhà chèo ra đón tôi lướt sóng trên những khúc sông dài với những ngả quanh ngoắt ngoéo, khi chìm trong bãi bờ vòm đầy những tàng cây xanh lá mát, khi thì phô ra với ánh sáng long lanh múa lộn trên đầu, những bông hoa giủ giẻ, đã lâu mới thấy lại nhưng vẫn còn nhớ tên, cánh dày màu vàng đục, thơm gắt, bụi phấn bay tỏa hương vang lừng trên hai bờ sông, rồi đò cập đến cái bến tôi đôi khi tắm truồng thuở bé, tôi muốn dang tay hét lên với tất cả đất trời cái câu cũ rích: Ôi, chốn quê hương là đẹp hơn cả!" (Trang 95)

Ở tác phẩm thứ ba này, có nhiều chỗ bà viết khá dễ dãi. Đôi lúc, bà dường như đã "nói" thay cho nhân vật của mình; điều mà người đọc hiếm thấy ở tác phẩm thứ hai. Tại sao? Khi tuổi đời đã bắt đầu xế bóng, người ta dường như nói nhiều hơn trước. Có phải vì thời gian cứ vút đi, mà đời người cứ ngày càng ngắn lại, nên phải chạy đua với thời gian?

Thế giới văn chương của Nguyễn Thị Hoàng Bắc không có tham vọng chuyên chở những tuyên ngôn vĩ đại, những thông điệp ngút trời.

Bà đến với cuộc đời bằng những câu chuyện nhỏ nhưng dễ thấm vào lòng người đọc nhờ ở lối kể chuyện rất có duyên. Là một nhà giáo, nhưng bà không đứng trên cao để ngắm nhìn nhân vật của mình, rồi kể theo phong cách của một nhà giáo. Mà ở đây, bà đã gần gũi và "lăn lộn" với họ, những nhân vật hết sức bình dân của mình. Bởi từng lăn lộn, chia sẻ với họ, nên lối nói chuyện thẳng như cây thước thợ nhưng rất đôn hậu, dễ thương của họ đã ăn sâu vào trong tận huyết quản của bà. Vì thế, nhân vật của bà có lúc nghiêm trang, đôi khi buông thả, lắm lúc ngông nghênh, và không ít lần õng ẹo. Sự đa dạng này đã giúp bà tạo nên những thiên truyện ngắn rất gần gũi với đời thường hơn là những cây viết nữ đương thời khác.

Điều cần thiết của một nhà văn là nắm bắt những dữ kiện một cách tinh tế, chụp những nhân vật ở những góc cạnh nghệ thuật và đưa nhân vật đến gần người đọc bằng những sắc thái riêng. Nhưng quan trọng hơn, là cần có một tấm lòng mẫn cảm với cuộc đời. Nguyễn Thị Hoàng Bắc có cả hai. Chính nhờ lối kể chuyện dung dị, nhưng đã kể với cả trái tim rung động của mình nên bà đã tạo được một sợi dây vô hình kéo người đọc đến với từng trang sách của bà.❐

Đón đọc

Văn Học Tết Canh Thìn

Số báo được chuẩn bị công phu
để chờ đón thiên niên kỷ mới

Trình bày trang nhã
Nội dung phong phú
Phát hành vào ngày **15.1.2000**

Bài vở đóng góp của quí văn hữu và bạn đọc,
xin gửi về Tòa soạn trước ngày 15.12.199

Dạ khúc

NGUYỄN XUÂN THIỆP

Dạ khúc
những con đường trên trái đất
không mặt trăng
bên cánh đồng xanh mưa. chỉ một bông
dã quỳ. vẫy gọi. tôi
ở đâu. người. đôi mắt nâu. đã mở một lần. cho
một đời một người phiêu lãng. bầu
trời. nắng quái. cơn giông
đôi mắt. đã đi với tôi. trên phố ảo. vào một quán
sách và tranh.
mùi hương cà phê chiều ấy. về trong ngôi nhà vui
a.định mệnh. vào một giờ ngoài thời gian. mang mặt
nạ cười. đứng sững
và ngôi nhà. cánh cửa gỗ đã đóng lại
trước mắt tôi. thùng thư không người mở. gió ngủ
im trên bậc thềm. gạch đá phơi
người chủ đi chân không về phía biển. mang theo lắng
hoa lavande. tung hê xuống bờ nước. để
sóng cuốn trôi. cuốn trôi. màu tím xanh.
của nỗi tàn phai

dạ khúc tôi
một khoảng trời gương vỡ
những hàng cây đi dưới trời sao
thầm lặng
tôi đứng trong khu La Madeleine. một đêm bắt đầu
mùa thu. không giờ
với đôi giày há mõm
của tên hề vừa rời sân khấu
tiếng cười quỷ
trên manh áo khoác màu olive. cũ sờn
bám bụi. của chiếc lá phong đầu mùa
tưởng mùi hoa sứ đỏ bầm trên hè gạch hư
con phố cũ
còn thức
như tiếng ve. dẫu đã xa mùa hạ. còn kêu. kêu. trong
chòm cây tối
hay trong sọ rỗng tôi
một trời sao lấp lánh
và ánh đèn. cơn mưa chiều còn sót lại. chảy như sông
dạ khúc. sông ơi
cột đèn đổ bóng. khuya nay
đóa hoa bách hợp tháng mười
thấy gã hầu bàn đang quét dọn
quán không. bàn ghế
này của tôi. đóa hoa bách hợp
đã gục đầu. gục đầu. trong sắc ố phai

dạ khúc
hư huyễn
tia chớp đen. đầu cành
treo dầy bóng quạ
trong giấc mơ những vì sao của gã hát cuồng
đã tắt
bây giờ chỉ một mình tôi nghe nhữngkhúc hát xưa
chỉ một mình tôi
có phải. tóc gió trong cây
ở chỗ mùa thu lên dường trở lại. tà huy
cõi tím mơ. như một lần người dứng đó. mái rừng
thưa. trong khu campus. tiếng đàn
chỉ một mình tôi. còn nghe
màu của lãng quên
trên mặt bàn gỗ nâu
phím cầm
búc tranh
hư huyễn
màu nắng trong căn phòng. một nỗi nhớ
không tiếng vang
những tĩnh vật câm
dạ khúc câm
cuả tôi. của tôi
gã thi sĩ Odyssée. đã một lần. của những chuyến xe
buýt sói xám. những đường ray tàu

điện. nơi hoàng hôn đứng châm điếu
thuốc. bàn tay khum khum. và
vệt khói
hư vô
sân ga không đoàn tàu
dạ khúc tôi
là trôi khuya xanh. con chim giấu tiếng hót trong lồng
ngực đau. im ắng

đã lâu rồi. nhớ không. đa khúc
đời đã trôi với những vẫy tay trên cửa sổ chuyến
tàu rời thành phố
còn đứng nghểnh trông
màu áo. lãng mê
đã lâu rồi
những lần ra đi rách rưới
hư huyễn
hừng đông lên. cũng là dạ khúc. tôi

tháng mười, 1999

Về trong phố xưa

Hoàng Nga

Về trong phố xưa tôi nằm. Chợt nghe xác thân không còn...

Tôi nằm queo ở một góc trong căn phòng gắn máy lạnh. Cố dỗ một giấc ngủ khó. Bên ngoài, tiếng hát cứ rỉ rả trong bầu không khí căng phồng, ngột ngạt, như đang chờ đợi một cơn mưa đổ xuống. Tôi cũng chờ cơn mưa đổ xuống, với cái hy vọng mỏng như tơ liễu, rằng mớ âm thanh rắm rối hỗn loạn, đang hùng dũng ra sức kéo tôi trở dậy phát ra từ đàng trước nhà, đàng sau nhà sẽ bị tiếng mưa rơi lấn áp bớt. Nằm queo trong bốn bức tường mỏng, một người đưa về dưới mưa chắc có lẽ chẳng nằm trong nhu cầu của tôi lúc này, tôi cũng chẳng tha thiết muốn nhìn những sợi nước bay trên các tầng tháp cổ; mà chỉ thèm một chút yên ắng. Nên tôi thèm một cơn mưa.

Nằm... mệt nghỉ, tôi nhớ đến căn nhà nhỏ với những chậu hoa hồng đặt ngoài hàng hiên, nhớ những ngọn lá trúc lắt lay sau làn kính trong suốt. Nhớ vạt cỏ xanh lấm tấm những chiếc lá vàng và những đóa bồ công anh trắng muốt. Nhớ cả chiếc băng ghế gỗ ẩm nước mưa và sương đêm nằm nơi cuối góc vườn buồn hắt buồn hiu. Trời đang lạnh ở đó, chốn tôi vừa rời xa. Hôm tôi đi, cúc đã bắt đầu vàng rực hai bên đường ra phi trường, và những hàng phong trên phố đang trở mình chuyển đỏ. Chỉ còn thiếu người ngâm thơ Đinh Hùng, *trời cuối thu rồi em ở đâu*, là đủ bộ!

Nghĩ chán, nhớ nhung chán, tôi bỗng giật mình tự hỏi không biết con bé đã đem hai chậu ớt vào nhà hay chưa. Hai chậu ớt tôi chăm chút từ cuối mùa hè năm rồi, đợt chuyển nhà giữa đông của tôi chắc làm mất mát đi... nhiều phần công lực, nên những nhánh lá dẫu đã được bón phân kỹ lưỡng, vẫn gầy yếu, mỏng mảnh đến tội nghiệp. Trước lúc rời nhà, tôi đã làm con bé phát cáu lên vì cái tật cẩn tắc vô áy náy -một dấu hiệu về chiều, mới xuất hiện cách đây không đầy hai năm của mình- khi đi tới đi lui, dặn

tới dặn lui, chừng như vẫn chưa thấy đủ, chưa yên tâm, tôi hỏi tôi có nên viết lại mấy giòng đặt trên bàn, nhớ tưới cây, nhớ mang hai chậu ớt vào nhà...

Ngực hở, tôi ho lên mấy tiếng. Đau rát cả cổ họng. Tôi cố không thở than. Còn cây hoàng lan. Cây hoàng lan của tôi nữa! Cầu trời, thời tiết chớm đông năm nay chỉ vừa se lạnh để khi tôi trở về nhà, không phải ỉ ôi khóc lóc làm đám táng hai chậu ớt và cây hoàng lan. Tôi rùng mình. Mới nghĩ về có vài cây, tôi đã mệt muốn tắt thở, vậy mà có ông nhạc sĩ ở quê nhà còn đòi nghĩ đến cả một rừng cây! *Khi nghĩ đến một rừng cây, tôi thường nghĩ về một đời người!* Tôi lắc đầu, cố tránh sự suy tư về những "diễn biến thời cuộc" giữa con tôi với hai cây ớt và chậu hoàng lan ở nửa bên kia vòng địa cầu, lại ho thêm vài tiếng nghẹn ngào nên bỗng dưng nhớ tới nụ cười nửa miệng trêu chọc của Vĩnh hôm qua:

- Trụ Vương không có, đừng cố công làm Đắc Kỷ, chị Ng.

Cái thằng em! Hôm qua, tôi đã nhăn mặt, cào lại một cái đau điếng trên tay cậu. Tôi nói. Đừng giỡn, sao biết không có Trụ Vương, ta về với lời hẹn hò trăm năm đấy. Vĩnh bật cười. Nụ cười có vẻ... trời ơi đất hỡi. Không tin tưởng nổi bà chị vẫn còn đủ duyên dáng để ai đó thân ái trao lời hẹn hò.

Tôi nhắm chặt mắt lại. Với tay kéo tấm chăn che kín tai, cố che những tiếng động lùng nhùng, cách xa vài bức vách, không đủ xói tai, bào mòn thính giác, nhưng vừa đủ để làm con người ta trăn trở giấc ngủ trưa. Những tiếng thở dài, góp thanh âm vào không khí của tôi nghe như tiếng rên của nàng công chúa bị nạn dưới hang đại bàng. Yếu ớt, nghẹt ngòi. Thảm não, tang thương. Những vệt chớp đen, chớp đỏ chạy qua chạy về trong đôi mắt nhắm của tôi y hệt những khúc phim xi nê cũ, đứt đoạn tùm lum. Tôi quằn quại khổ sở, tự hỏi lòng không biết có nên rủa mình ngu khi nghĩ đến cái nhớ quắt quay kỳ cục lúc còn ở bên kia hay không. Bởi dễ thường có đến hơn hai mươi phần trăm tiền vé dành cho cái chuyến về của tôi đã xuất phát từ cái nỗi nhớ phi lý, nhớ tiếng rao *phởởở* lóc cóc giữa đêm... Nhớ *ai đậu đen nước cốt dừa* ban xế. Nhớ xe rác lịch kịch liên hồi sáng sớm. Nhớ ra đi ô nhà hàng xóm mở cải lương hết cỡ nửa chiều. Trời ơi, tôi đã nhớ những thứ tiếng động quái ác, những thứ thanh âm không mỹ miều như vậy, để khi về nằm queo trong cái phố xưa này, thì lại bị chính chúng nhận chìm xuống hang đại bàng, không Thạch Sanh, cũng chẳng cả Lý Thông dang tay cứu gỡ!

Tối, tôi theo cả nhà xuống phố nghe nhạc. Trời vẫn không thèm nhỏ một giọt mưa. Và phố vẫn tràn đầy mớ thanh âm điên cuồng, loạn xạ gồm

đủ loại còi xe, rao hàng, nhạc nhọt, lẫn tiếng người. Cánh tay để trần của tôi loang loáng ướt như bôi mỡ. Hà Nội mùa này vắng những cơn mưa. Sài Gòn mùa này cũng lòng cuồng điên vì nhớ những cơn mưa! Tôi chóng cả mặt, than với Vĩnh nóng quá, mặt tôi nổi mụn tùm lum. Vĩnh bảo mụn *dậy thì* đó, nhưng có điều với bà, chắc là mụn... *quậy thì*! Tôi đấm lưng Vĩnh. Chán ngán cái thằng em "mới đó" mà đã một vợ hai con. Đứa con thứ hai của Vĩnh mang tên Nguyễn. Hôm tôi mới vừa đặt chân về đến Sài Gòn, Vĩnh giới thiệu trang trọng, kèm theo một tràng cười khành khạch, để nhớ Nguyễn xưa của bà.

Để nhớ Nguyễn xưa của tôi, Nguyễn mới "a lô" cho tôi hồi sáng, kể chuyện vợ Nguyễn gọi tôi là bồ cũ của Nguyễn. Còn hỏi:

- Ng. nghĩ sao?

Tôi cười. Tôi nói với Nguyễn, ngày xưa hai đứa chưa có dịp cầm tay nhau thắm thiết, nên hai chữ bồ cũ của vợ Nguyễn dùng để ám chỉ tôi coi bộ không khấm khá. Và tôi nhắn nhở đề nghị hai đứa nên bắt đầu lại từ đầu, làm bồ mới với nhiều "tiết mục" mới, chắc có lẽ sẽ ly kỳ, hấp dẫn hơn. Ở bên kia đầu dây, không biết cái đề nghị, nghe ngon lành như món thịt bò ướp sả gói trong lá chuối nướng đang nổi tiếng ở Sài Gòn, có làm Nguyễn... giật mình hay không, mà tôi thấy không gian chừng như ngưng đọng lại, thời gian chừng như đứng im không chịu chuyển mình. Nguyễn chẳng nói gì cả trong một lúc khá lâu. Rồi Nguyễn cười. Một tràng cười dĩ nhiên không khành khạch như tràng cười của thằng em tôi, mà pha một chút duyên. Nhiều chút duyên. Nguyễn tán, tán nhuyễn, *nếu Ng. cho phép*.

Nếu tôi cho phép! Một cái cầm tay, một nụ hôn. Một bó tươi cười. Hay chăng? Hai mươi mấy năm không gặp nhau, buổi sáng sớm vừa nắng lại vừa nóng, bốn con mắt chắc chắn đã đầy những vết chân chim, những dấu hiệu lão hóa chắc chắn đã hí hửng xuất hiện ở khắp bốn vùng chiến thuật, nhiều cơ bắp trên các đồi núi, bưng biền thân thể chắc chắn đã không còn chịu hợp tác lao động, mà vẫn còn nghe được giọng nói cười ngọt ngào, còn tán tỉnh được nhau ỳ xèo, không lẽ trời Sài Gòn oi bức quá, mà tôi bảo mình... ấm lòng! Do đó, tôi đã lơn tơn, hí hố với Nguyễn y như mới vừa ra khỏi tuổi mười tám.

Cúp điện thoại, tôi kể cho cả nhà nghe chuyện Nguyễn rủ tôi về thị xã. Có mẹ tôi ở đó, nên tôi giấu cái chi tiết đòi làm bồ mới với nhiều tiết mục mới, và chuyện xúi Nguyễn... ly dị cho khỏi bị đòn ghen. Lúc mẹ tôi xuống nhà, tôi thành thật khai báo với lũ em hết mọi điều. Con em tôi cười, hù, bây giờ ở Sài Gòn, thiên hạ hết tạt át xít, mà tạt... sơn vì sợ lãnh án tù nhiều năm. Vĩnh "an ủi" tôi, dân tỉnh nhỏ chắc không dám "chơi" thứ dữ đâu.

Vĩnh coi bộ khoái chí cái sự thể mơ khúc tương phùng này, nên khi ngồi trong phòng trà, nghe cô ca sĩ oằn người trên sân khấu gào to tướng một bài hát tôi chưa từng nghe trước đây bao giờ, dốc hết tình này ta trả nợ người, Vĩnh hỏi tôi bằng nhan đề bài hát, có dự định "trả nợ tình xa" hay không. Tôi phì cười. Nhẩm tính rồi nói với Vĩnh. Vé máy bay dành cho người trong nước hai trăm ngàn, ngoại kiều Việt kiều, chín trăm. Cộng trừ nhân chia, để trả nợ người, trả nợ đời, với giá vé khứ hồi như thế, tôi chưa cần phải dốc hết lòng này. Vĩnh hề hề, hỏi, bà có đi không, sáng mai tui ra hãng máy bay. Tôi thúc hông Vĩnh bảo để im cho tôi nghe nhạc. Lát sau Vĩnh hỏi lại:

- Thấy sao, bà chị?

Tôi tưởng Vĩnh hỏi về bài hát cô ca sĩ đang nhăn nhó mặt mày, thả ra những nốt cuối cùng trên sân khấu cách xa chỗ chúng tôi ngồi vài bước, nên đáp cái điệp khúc nghe kỳ quặc, vô duyên quá, tôi chịu không nổi. Vĩnh lắc đầu:

- Bài hát thì hẳn là vô duyên. Chỉ muốn hỏi chị có định về thăm người xưa không?

Tôi bật cười lớn. Cô em trêu thêm, nếu muốn dành một chỗ trong khách sạn năm sao, nhiều sao, ngàn sao ở đó, cũng sẽ có người lo cho chị. Tôi lắc đầu làm một cử chỉ đầu hàng. Vĩnh la lên:

- Bà này ngó vậy mà hèn quá ta!

Tôi đập vai thằng em. Ừ, thì hèn. Rồi tôi lại cười. Trong đời có những lúc đành phải hèn. Đành không thể làm anh hùng. Tôi nói. Mười năm trước, có người đeo lên vai ta cây kiếm để chiến đấu với cuộc đời, khoác cho ta mớ hành trang tình yêu, rủ rê ta buộc dải trăm năm; giá mà ta không hèn, thì bây giờ ta đã có thể ngang nhiên tuyên bố, đời tui không cô đơn! Vĩnh huých vai tôi, nè nè, bà hèn đã đành, mà sao tui coi bộ cái anh chàng của bà cũng chẳng... danh tướng gì hết vậy. Con nhỏ em ngồi bên kia lại "hiệu kèm". Tui nghi quá bà ơi. Bởi lẽ ra, chàng phải chiến đấu anh dũng cho đến giờ phút lìa trần mới phải, chứ đàng này, chỉ vừa nghe bà tuyên bố thua cuộc là chàng đã thối lui một cách... mừng rỡ rồi à nhe!

Tôi không biết trả lời sao với thằng em vốn chẳng còn thể kể là "thằng", con em đã hết được tuyên xưng là "con". Từ lúc xa chàng cho đến tận bây giờ, chừng như chưa bao giờ tôi có ý định đem cái khí khái của chàng ra phân tích, chưa một lần ngồi lại xét đoán xem chàng đã xử sự với mình như thế nào, mà chỉ biết cứ nghĩ đến chuyện chàng đòi cùng tôi xây nhà bên bờ quê hương sóng vỗ, là nỗi xúc động đã tràn ngập lên mắt môi. Hôm qua khi ấn hàm răng vào trái thanh long mát rượi xứ sở cát trắng của chàng, tôi cũng đã thừ người như tượng mà nhớ đến lời hẹn hò vàng đá

trăm năm của chàng. Tôi tự biện hộ cho chàng. Thiên hạ ăn nửa trái sim, uống lưng bát nước đã đòi đi tìm người trong mộng, còn tôi sống bằng tiền trợ cấp giáo dục của nhà nước, đi học, đi xe bus, đi coi xi nê chỉ trả phân nửa tiền vé, ốm đau ly dị miễn phí; nhưng ôm gan thỏ đế, tim nòng nọc, không dám đương đầu với những bà phán, bà hai thời đại, nên cuối cùng để vuột mất chàng là "phải đạo" rồi. Cuối cùng đành rủ áo, treo cờ tang như một em marie sến thắt khăn sô cho cuộc tình dâu bể, thảm sầu, cũng là vừa lắm rồi.

Chàng kể cho tôi nghe, ngày còn nhỏ chàng vẫn thường mơ sau này sẽ là một linh mục. Lớn, ước mộng không thành, chàng lận lội tới lui giữa biển đời, cố tìm một tình yêu lớn, để rồi xui xẻo thế nào lại gặp trúng phải... tôi! Chàng thở than:

- Ưa một "em" nửa đời gãy gánh mà khổ cực như thế này, chắc có lẽ anh đành phải về Tha La xóm đạo mà lấy vợ mất thôi nhỏ ơi!

Tội nghiệp chàng. Vận mạng cuộc đời chàng coi bộ không khá nổi. Mười năm đã trôi đi, đời tôi vẫn còn dậm chân một chỗ, hình ảnh chàng đang bừng sáng trong tôi như mới hôm qua, tôi thầm hỏi không biết có nên cầu chúc cho chàng có được một người em xứ đạo nào đó cơm nước hầu hạ, nâng khăn sửa túi hay chăng!

Vĩnh đưa tôi tấm giấy bảo tôi viết một bài hát yêu cầu. Tôi yêu cầu "Nha Trang ngày về". Thời còn đội vương miện, mũ mão tình yêu, nghe chàng mơ, nghe chàng kể mãi về vùng trời quê hương chàng, có lần tôi cũng mơ về một con đường chạy dọc theo bờ cát mịn hướng về phía biển biếc xanh, nơi chân trời bị chặn lại bởi những dãy núi thấp và dài, lô nhô các tảng đá lớn nằm vắt lên nhau, chồng lên nhau âu yếm. Có nhiều hôm, tương tư biển, hai đứa tôi đã ngồi mãi trên những bờ đá lớn cho đến lúc thủy triều lên tận mắt cá chân mới ra về. Chàng bảo tôi, người Úc có tư tưởng lãng mạn, thích những khung cảnh hữu tình nhưng thiên nhiên không cho phép, không ưu đãi như quê chàng, nên đành phải xây hai ngọn hải đăng tình tự kề bên nhau. Tôi nói có lẽ vì đàn bà Úc không dám vọng phu đến hóa đá, đàn ông lại sợ làm chồng. Chàng phì cười. Chàng hỏi tôi chọn ngọn hải đăng nào. Tôi đáp:

- Em chọn anh!

Chàng xoa đầu tôi:

- Em nhỏ ơi, đó là một câu nói "lập dị".

Chàng hay trêu tôi bằng cách dùng sai chữ, hoặc dùng những từ ngữ đao to búa lớn với bốn ngón tay làm dấu ngoặc kép. "Cho vừa với một người ưa chữ nghĩa". Chàng bảo vậy. Chàng giễu tôi chàng cũng thuộc

nhiều thơ văn. Tôi hỏi là những ai. Chàng cười:

- Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Bà Huyện Thanh Quan...

Tôi xịu mặt. Chàng cụng đầu tôi. Lại cười. Chuyện tình hai đứa chúng tôi cái thuở bắt đầu lên chức cô, bác, tình cảnh không mấy khả quan rực rỡ, nhưng coi bộ cười nhiều hơn khóc, buồn ít hơn vui. Chàng yêu Nha Trang. Chàng làm tôi yêu... lây Nha Trang. Tôi kể cho chàng nghe, có lần, một trưa nắng chói chang, đứng bóng, tôi và cô bạn đã xách xe chạy từ Xóm Bóng ra Hòn Chồng, mà chỉ để leo lên những bờ đá phẳng lỳ, đưa tay sờ sẫm những lỗ chỗ, thô nhám hiếm hoi, rồi ngồi thẩn ngồi thơ đưa mắt ngắm những hàng chữ, những hình vẽ nguệch ngoạc lẫn cẩn thận từ các "nghệ nhân" vô danh khắc trên hốc đá. Chúng tôi đã chạy hộc tốc như thế, chỉ làm như thế, rồi quay về. Như người ta giã từ người yêu. "Em đã từ giã Nha Trang như thế". Tôi nói với chàng và cảm thấy hạnh phúc đến ngất ngư vì cái cảm giác được đập chung nhịp với trái tim chàng về vùng đất "thánh" ấy. Nhưng cũng một lần, chàng cười cười ngó tôi:

- Có thiệt là hồi đó nhỏ đã ra Nha Trang không?

Tôi hiên ngang đáp:

- Em có duyên có nợ với Nha Trang.

Chàng giữ nguyên nụ cười trên môi:

- Anh nghi quá. Anh thấy nhỏ cứ hay lẫn lộn tên các địa danh của thành phố quê anh. Anh đoán có lẽ nhỏ chỉ nghe kể về Nha Trang.

Tôi đã lườm chàng, rồi đưa cho chàng xem hình tôi và cô bạn chụp ở Nha Trang. Trong đó có bức tôi đứng tựa vào mõm đá lồi lõm như bàn tay người khổng lồ in dấu, sau lưng là những hàng chữ tên người. Chàng đã lặng im rất lâu, cánh tay để vòng trên vai tôi nóng ran. Tôi không hiểu chàng xúc động vì đã được nhìn thấy lại một khung cảnh quen thuộc, một bóng hình kỷ niệm nào đó đã tít tắp ngoài tầm với chàng, hay vì chàng đang nghĩ đến tôi, mà cuối cùng chàng khẽ bảo, chàng sẽ khắc ngày cưới của hai đứa vào lõm đá ấy khi về lại Nha Trang.

Bài hát tôi yêu cầu được cô ca sĩ cho biết vẫn còn nằm trong diện *chưa cho phép*. Chưa cho phép. Tôi khen thầm cái cụm từ ngữ đã được sử dụng rất khéo. *Chưa cho phép* thay vì *cấm*. Tự dưng, tôi bỗng liên tưởng đến tình trạng của chàng thuở yêu tôi. Tôi bỗng nghĩ chắc mẹ chàng dạo ấy cũng chẳng cấm chàng về chuyện chàng đòi làm anh hùng cứu cô phụ, mà bà chỉ chưa cho phép chàng. Hay nói cách khác, bằng một kiểu dùng từ ít lịch sự, ít duyên dáng hơn một chút, nhưng được tiếng đúng chủ trương chính sách, là "trên" *chưa duyệt*!

Trên chưa duyệt! Tôi nhăn mặt nói với Vĩnh, vậy mà ta tưởng là đã

cởi trói, đã *độc lập tự do hạnh phúc* rồi chớ. Vĩnh ngó tôi, làm bộ nghiêm giọng:

- Ai biểu bà đòi đi Nha Trang. Người Quảng thì phải yêu cầu "Quảng Nam đất nặng nghĩa tình" của Nguyễn Văn Tí ấy. Bảo đảm trăm phần đâu với bà, không độc lập tự do hạnh phúc không... ăn tiền.

Tôi đập tay thằng em cà chớn của mình một cái mạnh. Vĩnh lại hỏi:

- Nói thật đi, bà có quyết định đi hay không?

Tôi chán ngán làm thinh. Vĩnh tiếp:

- Nè, đừng có ngồi đây mà kể chuyện đời xưa nghe chưa. Bà có biết tại sao khi con người ta bắt đầu bước vào cái tuổi hay quên, tuổi chuẩn bị làm bà ngoại, bà nội, tuổi thấy mặt trăng cách xa thêm mấy trăm ngàn ki lô mét, mặt đất kề sát sống lưng, thì thường vẫn hay yêu chuyện cổ tích không? Đố bà giải thích tại sao người ta cứ ưa nói về quá khứ, về ngày xưa, nhất là chuyện ngày xưa yêu đương của mình với nhiều "thành tích" rất ư là khó kiểm chứng, khó điều tra?

Tôi lắc đầu. Vĩnh hề hề. Để vớt vát chút... danh dự! Tôi không nhịn được cười. Hết cười, tôi ngó lên cô ca sĩ đang léo nhéo trên bục.*Về trong phố xưa tôi nằm. Chợt nghe xác thân không còn*... Tự dưng chẳng hiểu sao tôi bỗng nhớ đến ngôi nhà cũ của cô Nguyễn cũng nằm trên con đường dẫn ra biển, nơi nắng gió khô khốc làm những giàn hoa giấy ở đó không ánh lên nổi màu lục diệp, những đóa hàm tiếu không mượt nổi màu đỏ nhung mà lại rất hắt hiu buồn. Ban sáng nói chuyện với Nguyễn, tôi nói tôi vẫn còn nhớ như in giàn bông giấy nhà Nguyễn nhưng thật lòng xin lỗi đã nhận không ra người bạn trai thuở niên thiếu trong tấm hình nhận được cách đây vài năm.

Nguyễn làm thinh. Tôi chẳng biết Nguyễn nghĩ như thế nào về tôi. Có thể Nguyễn tưởng tôi đùa. Hoặc tôi làm dáng. Hoặc xạo! Hoặc cũng có thể Nguyễn khó chịu, bực mình. Bị xúc phạm tự ái sao đó. Tuy nhiên gì thì thì gì, cái im lặng đôi giây ấy của Nguyễn đã khiến tôi khẽ giật mình, thấy mình vô duyên. Tôi cố tìm một lời giải thích, nhưng loay hoay mãi, cuối cùng lại chẳng biết nói như thế nào cho Nguyễn hiểu về cái nhớ cái quên của mình.

Nguyễn chắc không sao biết được có những hôm đi giữa đất trời mùa hè nơi tôi đang định cư, dưới những vòm cây xanh lá, khi thả mình trên những bờ hồ sóng vỗ xa ngút tầm mắt, hoặc khi ngồi bên những cụm hồng mượt mà hằng giờ..., dẫu muốn lắm, tôi vẫn không cách gì mường tượng ra được khuôn mặt, nụ cười, giọng nói của Nguyễn, mà trong tôi hình ảnh một con đường đầy cát lún khô hạn, một giàn hoa giấy đỏ xác xao ấy lại chưa bao giờ tàn phai, chưa bao giờ mất một nét nhỏ ở trong tôi.

Hồi mới xa chàng, có nhiều lúc tôi đã ra ngồi một mình trên bãi vắng, cố tập trung hết sức để hình dung ra bàn tay của chàng vịn trên bờ đá, mái tóc chàng bay nhẹ trong gió chiều, nhưng cũng như khi tôi cố nhớ về người bạn thời thơ ấu, tất cả mọi hình ảnh, ký ức về chàng bỗng trở nên mờ mịt một cách kỳ quặc, lạ lùng. Có hôm tôi còn ngẩn ngơ đứng trước tủ kính với những chiếc áo từng mặc vì chàng, đi chơi với chàng, mà vẫn không "nhìn thấy" chàng. Cứ như thể tôi chưa hề quen chàng, đoạn đời tôi đã trải cùng chàng là không có thật. Cả thơ tôi làm cho chàng, tranh tôi vẽ về chàng cũng vậy. Lạ hoắc lạ hươ. Nhạt nhẽo, vô vị. Không đường nét, không riêng tư.

Tôi nhớ thật rõ khi càng cố tìm cách nhớ ra chàng, càng lo sợ mai kia mốt nọ, mớ ký ức nhỏ nhoi của tôi sẽ phôi pha, tàn lụi đến không còn chút dấu tích nào của chàng nữa trong tâm tư, tôi lại càng thấy mình... vô phương cứu chữa. Càng trông cậy vào sự minh mẫn, sáng suốt , tôi càng lún dần trong tăm tối, u mê.

Tôi chán đời, gom mớ kỷ niệm của mình với chàng lại, cột khăn nhiễu, buộc tơ hồng, đặt bên cạnh hai trái tim đỏ rực màu máu pha, sặc mùi cải lương, chôn kín trong tâm khảm. Khe khẽ như một thứ đồ nhẹ tay dễ vỡ. Cố gắng không để chàng bị đồng hóa với... nhân gian, cố không cho lẫn lộn chàng vào những sản phẩm tình yêu... công nghiệp.

Mãi cho đến những ngày gần đây, lúc coi bộ cuộc đời đã bắt đầu hết còn thứ ánh sáng hồng, ánh sáng xanh, ánh sáng tím nào đó soi rọi xuống lòng, có lẽ như Vĩnh mới nói lúc nãy, bắt đầu yêu chuyện cổ tích, mòn mỏi đến độ không cố gắng nữa, tôi bỗng lại nhớ ra từng chi tiết về chàng, hình ảnh chàng từ mắt môi, nhân dáng, đến những câu chàng đã nói với tôi cứ hiển hiện lồ lộ ra trong trí. Chẳng khác gì tài liệu, hồ sơ của cảnh sát!

Nguyễn có thể bực mình tôi. Giận nữa cũng không chừng vì tưởng tôi xạo xự, đỏm dáng. Nhưng tôi biết nói thế nào về những nỗi nhớ, quên phức tạp, rắc rối của mình? Chiều nay trước khi kéo nhau xuống phố nghe nhạc, mấy anh em tôi đã "cưa" một chai Cognac mười hai năm. Khi vào phòng trà, tôi gọi cho hai thằng em ly cà phê Ái Nhĩ Lan, với thật nhiều sữa tươi đánh nổi bọt pha thêm vài xăng ti lít whiskey hạng nặng. Hai thằng em uống cạn, khen ngon tuyệt. Tôi uống một ly cà phê đá, đậm như màu hắc ín. Lúc ra tới đường, suy ngẫm một hồi, tôi tự hỏi không biết Vĩnh có... xỉn hay không, khi cứ ra rả xúi tôi về thị xã thăm Nguyễn, mà riêng phần tôi, thì chẳng cần cạn hồ trường, chẳng cần ngày xuân nâng chén, nhưng cứ xoay mòng mòng trong cái mớ tình cảm cũ rích, xưa lắc

Nhạn môn quan
TRẦN THẢO LU

Gậy trúc, bầu eo, vai xõa tóc,
quá quan, núi dựng chập chùng vây,
đỉnh xóc trời cao ngơ ngác đứng,
dốc chùi thăm thẳm mịt mờ mây.

So chân lần bước lối hung hiểm,
đường trơn rêu mỡ chập chờn sương,
phất phơ tóc gió luồn khe núi,
vẳng tiếng oan khiên khúc đoạn trường.

Thiên nhai biệt tận hồn xưa khuất,
đìu hiu tích cũ ngậm ngùi thay,
đá lở rêu lan, thành quách đổ,
nhạn hồng ngơ ngác quẩn quanh bay.

Đá rỗ mặt đau hằn gió buốt,
mưa âm thầm đếm đấu thời gian,
máu Tiêu Phong phỏng ngàn trang sử,
xót oan cừu đau nỗi Khất Đan.

Vén mây cười rộ rền nhân thế,
thốn tận đền dài linh miếu rung,
tróc rễ triều đình phong kiến lật,
xóa sạch ngàn năm sử cáo chung.

11/98

xưa lơ như thế, là coi bộ cũng đã đủ để theo Lý Bạch, Đỗ Phủ lật té nhào xuống giữa giòng sông.❐

Có thật, thiên đường

Lê Minh Hà

Tính đúng tính đủ thì người đàn bà đã được nghe hai bảy lời tỏ tình trong suốt thời con gái. Nghĩa là từ tuổi mười sáu cho tới tuổi hai lăm. Thời con gái với nàng chỉ như vậy. Không bắt đầu từ lần thấy kinh đầu tiên đầy khiếp hãi giữa một tiết giảng văn đặc biệt của cô chủ nhiệm dành cho cán bộ phòng giáo dục tới dự giờ. Không kết thúc bằng một đám cưới mà cả dâu lẫn rể và hai họ đều phờ phạc trong cố gắng cười xòe ngay được một cái để xóa cái mặt vừa nhăn như bị rách, những khi có dáng khách. Nếu tính thế thì nàng vĩnh viễn trong tuổi con gái, vì cho đến giờ nàng vẫn chưa có ý định cưới bất kỳ ai trong số đàn ông đã đang và có thể sẽ sống cùng.

Với người đàn bà, tuổi con gái bắt đầu từ lúc biết bứt rứt trước vẻ thờ ơ của chàng lớp trưởng đẹp mã và học giỏi nhất lớp, và kết thúc ở cái ngày lạ lẫm thấy mình bình thản trước mọi sự, trong khi ăn vẫn thấy ngon, vẫn thấy mình quan tâm tới dáng tới da, và chú ý sao cho những nụ cười, những chớp mắt, những động tác buông bắt không trở thành vô lý, trước khi quyết định cho người đàn ông nào được qua đêm trong phòng mình.

Người đầu tiên tỏ tình với nàng chính là anh chàng lớp trưởng đã làm nàng điên đầu suốt nửa cuối năm học lớp chín. Trời ơi! Cái khoảng thời gian ấy mới kỳ diệu làm sao! Ngày nào cũng được nhìn thấy người ta, có thể vừa cắn quả sấu non chua đến thiết tha và cười phá lên làm người ta bối rối. Ngày nào cũng có thể có một niềm vui âm thầm khi chứng tỏ được bản thân giữa một đám con gái cũng thiếu vô tư hệt như mình khi đứng trước lũ con trai cùng lớp cùng trường. Và đêm đêm, tha hồ nằm đúc

kết rút tỉa ý nghĩa từ mọi lời người ta nói với mình hoặc không với mình, tìm trong mỗi từ người ta thốt ra một sắc thái bổ sung có lợi. Rồi ghen khổ ghen sở với bọn con gái cùng lớp, từ đứa xinh nhất diện nhất tới đứa học giỏi nhất, từ đứa tính khí lừng khừng ngông nghênh làm máu bọn con trai sôi sình sịch tới đứa chững chạc như sách giáo khoa vừa trúng bí thư Đoàn. Lớp trưởng với bí thư, ngang phân về học lực và vai vế trong lớp...!

Đùng một cái, đúng là đùng một cái, không cần phải cố gắng chút nào, nàng tỉnh queo trước cậu chàng lớp trưởng đang say sưa trong cảm giác lần đầu liều nắm cổ tay con gái khi đạp xe bên nhau trên phố một đêm mất điện. Tất cả chỉ vì ông thầy dạy lý mới được nhà trường phân chủ nhiệm lớp. Ông thầy mới đẹp làm sao. Miệng rộng và môi như vẽ. Mũi thanh. Còn mắt, nhìn ai cũng như nhìn đâu đâu, chăm chú mà hờ hững. Lại giảng hay cực kỳ. Ông thầy có một bà vợ đẹp cân xứng với chồng, trí thức từ đầu tới gót, nghĩa là lịch sự lạnh lẽo đến mức áp đảo ngay lập tức cả lũ con gái lớp mười mười bảy mười tám tuổi của chồng, khi cả lũ lễ mễ ôm quà tới thăm thầy nhân ngày hiến chương các nhà giáo. Nàng nhớ nàng đã rất xấu hổ khi bọn bạn phấn khởi liệt kê trong cuộc họp lớp những món quà đã khuân về. Cam. Ừ! Thôi! Thầy cô cho con ăn hay vắt nước uống cho mát phổi. Nhưng chẳng lẽ không thể mua được một thứ quả gì khác biếu thầy cô để thầy cô đỡ chạnh lòng vì cái câu bàn dân nói dăng dăng ngoài phố. "Ngày hiến cam các nhà giáo!" Thứ ăn được thì thế. Thứ không ăn được... Trời ơi! Chúng rước từ Hàng Đào về tượng Bác Hồ bằng thạch cao. Hoa hồng cũng bằng thạch cao. Và cây dừa làm từ phim ảnh cũ. Với thầy lý, không biết đứa nào đã quân sư quạt mo và cả lũ ý nhị xếp vào túi quà một cái vòng ốc. Cho con gái thầy. Đứa con trai thầy thì đáng ghét, y hệt mẹ. Không biết nó nhìn thấy những đe dọa gì từ các chị mà lúc nào cũng lừ lừ rất mất lịch sự. Còn đứa con gái thì tuyệt vời. Giống bố như lột. Lông mày như vẽ. Da trắng xanh. Mắt nhìn xa vắng, dù mới có sáu tuổi. Đẹp nao lòng. Hoàn toàn xứng đáng với tình yêu các chị lớp mười dành cho nó, không cần hiểu cái tình đó được chuyển hóa từ một thứ tình cảm khác mà các chị không định nghĩa được trước bố nó - thầy dạy lý.

Cả lũ con gái cứ bừng bừng theo mỗi giờ giảng của ông thầy vừa được nhà trường phân công dạy các lớp chuẩn bị ra trường. Sự chăm chỉ thái quá của lũ con gái trở thành đáng ngờ trong mắt bọn con trai cùng lớp. Tuy nhiên, ngay cả lũ con trai cũng không thể nào cưỡng lại được lực hút của mỗi giờ lý. Thầy lý không bao giờ nhòm đến giáo án. Gọi lên

bảng kiểm tra bài hoàn toàn tùy hứng. Cho điểm cũng tùy hứng. Nhưng trong toàn bộ dáng vẻ uể oải lơ mơ của thầy cả lũ mơ hồ cảm thấy một sự căng thẳng thường trực. Hay là nàng tưởng thế? Khi vô tình biết được lý lịch trích ngang của thầy qua ông chú làm tổ chức sở Giáo dục.

Ông thầy vốn con tư sản, trước học Tổng hợp, nhưng nửa chừng thì cả khóa phải chuyển qua Sư phạm. Chẳng hiểu vì lý do gì. Thiếu gì lý do ngày ấy có thể túm trong độc một câu: Theo yêu cầu của tổ chức. Học xong, người khôn thì làm đơn tình nguyện đi dạy ở miền núi, hy vọng ba năm sau được về. Là nói dân Hà Nội. Người khôn hơn thì cưới luôn một cô vợ học mười cộng hai hay mười cộng ba(*), ra dạy cấp một cấp hai gần nhà, tính ăn theo vợ để được ở lại Hà Nội, rút cục thành khôn dại. Vẫn phải đi. Bao nhiêu nơi khó khăn gian khổ cần giáo viên. Và giáo viên xuất thân con nhà tư sản cũng cần phải bò tới những nơi đó mà rèn luyện tu dưỡng. Buồn cười là sinh viên nhà quê có nguyện vọng về quê dạy học thì lại được phân công dạy Hà Nội. Hầu hết đều nơi ăn chốn ở không có, được ngày tết ngày hè lại phải tốn công lễ mễ bê hàng phân phối căng tin lên tàu về quê, và những ngày đầu lên lớp thì vô cùng khổ sở chỉ vì cái giọng quê đặc của mình. Thời của nàng, người ta gọi thế là "tẩm".

Ông thầy dạy lý có tám năm dạy Lai Châu thì được về xuôi. Thêm hai năm ngoại thành xa thì xin về được Hà Nội tiếp quản chỗ một thầy giáo già về hưu; tiếp quản luôn hai phòng trên gác một ngôi nhà gần chợ Hôm cùng nghề làm ô mai của cụ kỵ ông bà bố mẹ; cô vợ đẹp và lạnh; và đứa con trai đầu mà ai trong nhà cũng ngờ vực nguồn gốc nhưng không ai dám nói dẫu chỉ là úp úp mở mở.

Ô! Chỉ thế thôi là đủ để cô học trò lớp mười biến ông thầy dạy một môn học cực kỳ khô khan với cô trước đó thành thi sĩ. Bây giờ, khi đã tiêu sạch hết ngây thơ, nàng mới hiểu ra rằng không chỉ trong tình yêu người ta mới thần giao cách cảm. Nếu không thế thì làm sao ông thầy lại đọc ra sự thật đằng sau vẻ luống cuống khổ sở của cô học trò mỗi khi bị gọi lên bảng trong giờ quang học. Giờ quang học. Cả lớp cười sặc sụa vì con bạn thông minh nhưng lười biếng không làm sao tìm đủ chỗ trên bảng khi vẽ hình tìm "ảnh" của vật. Ông thầy cũng cười, thông báo:

- Tối nay bảy giờ nhà trường tổ chức phụ đạo thêm cho các em chưa hiểu hết bài. Cậu này... Cô này... Đúng rồi! Cậu nữa... Vâng! Tôi nhắc lại: Chỉ ai điểm trung bình dưới năm mới được đến.

- Em! Em! Thưa thầy vừa rồi em ốm nghỉ cả tuần.... Em không hiểu bài... - Cả lớp nhao nhao - Em nữa em nữa thưa thầy.

Ông giáo cười, gấp sổ điểm đầu hàng, quay sang cô học trò đang cắm mặt bên bảng:

- Cả em nữa! Nếu muốn!

Nếu muốn! Không! Nàng không bao giờ muốn mọi sự lại là như thế. Hà Nội đêm chớm hè nhiều gió làm sao. Lũ bạn lần lượt râm ran chào thầy. Còn nàng dùng dằng mở khóa xe.

- Em ở phố nào? Thi Sách? Vậy là gần nhà tôi đấy. Nào ta về thôi. Cho bác gác trường khóa cổng.

Không thể đạp xe quá chậm. Nhưng cả hai thầy trò không ai muốn đi nhanh. Tiếng người thầy trong gió:

- Vậy là em đã biết hết về tôi. Đừng thi vị hóa cuộc đời tôi. Nó hết sức bình thường. Đời người bình thường nào cũng vậy thôi em... Không... nếu em bảo đó là tình yêu thì tình yêu chắc chắn không phải vậy.

- Thưa... Nhưng...

- Mà nói chung thì em đã biết yêu là thế nào đâu. Em phải tập yêu. Còn tôi thì chán yêu rồi.

Thầy chán yêu hay thầy yêu chán ra rồi? Nàng ngày đấy đã hậm hực và sau này thì xót xa nghĩ, khi mỗi lần tụ ba nghe bạn bè cũ kể về những mối tình mới của ông thầy xưa. Thiên tình sử lâm ly lẫm liệt nhất là chuyện ông thầy yêu một cô người Sài Gòn khi sang Nga làm nghiên cứu sinh, và cùng với cô bỏ trở thành một "soái" (**) trước khi cả hai bị bọn đầu đen Grudia trấn lột đâm chết. Không hiểu tại sao yêu nhiều và liều như thế mà ông thầy lại không vồ lấy cô học trò. Trong nỗi nhớ tình yêu cũ dành cho người thầy cũ, nàng luôn cảm thấy một niềm biết ơn cay đắng.

Từ thằng bạn lớp trưởng lớp mười, qua ông thầy dạy lý, cho tới khi tốt nghiệp đại học, nàng còn yêu tổng cộng ba người. Nghĩa là có đi chơi hằng đêm với nhau, cầm tay, hôn, sửa cổ áo cho chàng và cho phép chàng thám hiểm bằng môi xuống dưới hõm cổ. Không lãnh đạm và không say đắm. Nàng yêu chỉn chu. Những người đàn ông từng ngỏ lời với nàng không bao giờ tức tối sượng sùng với nàng, vì lời từ chối của nàng bao giờ cũng dứt khoát và dịu dàng. Ba người đàn ông lần lượt là người yêu nàng thì không thể tìm ra lời trách cứ nàng khi họ đi tìm một người yêu khác. Chính vì thế mà họ lại đâm nhớ nàng.

Người cuối cùng nàng yêu cũng là một ông thầy. Ông thầy mắt sâu, đeo kính, râu quai nón cạo nhẵn, vui vẻ và mực thước, hơn nàng mười

tuổi, là người duy nhất nàng yêu có gốc gác nhà quê. Ông thầy mê nàng từ lâu, ngỏ lời với nàng vào đêm liên hoan tốt nghiệp của khóa nàng. Nàng nhìn vào đôi môi ông thầy, mấp máy một tiếng vâng, lòng lạ lùng thấy mình sao bình tĩnh. Mọi điều giản dị y như trận Điện Biên Phủ sau khi đã kéo pháo ra rồi lại kéo pháo vào. Nghĩa là có chừng hai tháng hè đi chơi với nhau. (Trong thời gian đó thỉnh thoảng nàng vẫn nhỡ miệng gọi thầy xưng em). Nghĩa là có cả lời bàn về một đám cưới cần phải tổ chức thật nhanh cho phù hợp với lá đơn mà ông thầy sẽ nộp lên phòng Tổ chức xin hợp lý hóa gia đình trước khi Tổ chức ra quyết định phân công công tác cho nàng. Bạn bè cùng khóa cùng khoa tứ tán sau khi tốt nghiệp chưa kịp biết tới mối tình ấy để mà bàn tán thì nó đã chấm dứt. Vào một buổi trưa. Nàng đạp xe vào trường xem danh sách phân công công tác đợt một. Đang tìm cách đẩy cái xe đạp không chân chống vào bếp nhà ông thầy thì nàng đờ người:

- Cậu tin là viết đúng ý tôi đấy chứ? À, tôi chưa nói cho cậu mừng nhỉ? Cô học trò của cậu sẽ được phân công công tác đợt chót. Cho đỡ ồn ào. Trước mắt tôi đã đề nghị giữ cô ấy lại trường. Trước mắt làm bên giáo vụ. Chừng hai năm thì sẽ cho thi cao học. Cậu có trách nhiệm làm sao cho cô ấy đỗ. À, thế cậu có ghi tên người viết thư không, hay...

- Dạ thư không tên người gửi. Nhưng thầy yên tâm. Em đảm bảo với thầy là danh sách phong giáo sư đợt này sẽ không có tên thầy ấy... Vâng! Chúng em đã bàn với nhau xin thầy làm chủ hôn hôm này.

- A hahaha. Cậu đánh nhanh thắng nhanh đấy hả. Xong đại sự này thì tính tiếp đại sự khác chứ nhỉ? Làm cái bằng phó tiến chứ nhỉ? À chỉ tiêu... Rồi sẽ có chỉ tiêu cho cậu... Này, thế mà mình cứ ngỡ cậu tính cái cô sinh viên năm thứ ba kia chứ không phải cái cô vừa tốt nghiệp này đâu.

Tiếng gì rất nhỏ.

- À. Ừ. Thế là phải. Tôi nhìn cô này cũng chững chạc. Thành phần căn bản hả? Không? Cũng không sao. Con nhà thế lại khá giả. Thành phần thì một cậu cũng đủ rồi... Hahaha.

Tiếng cười cộc lốc của ông thầy già rất được sinh viên kính sợ âm âm trong đầu nàng khi nàng rón rén dắt xe trở lui, rón rén ngoắc lại cái túi lưới có rẻo thịt và bìa đậu phụ và mấy quả cà chua trái mùa lên ghi đông, rón rén lên xe đạp đi. Nắng tháng mười se lạnh. Mãi mãi ông thầy trẻ không biết vì sao nàng lại từ chối cái đám cưới rất lợi lộc cho nàng kia và rất yên tâm đổ tội cho cái tính đỏng đảnh mới phát ở cô vợ hụt.

Nàng lên phòng tổ chức trường, xin đổi quyết định. Ông cán bộ tổ chức nhướn mắt nhìn nàng qua cặp kính một bên gọng gắn bằng dây đồng, đầy vẻ thông cảm:

- Được rồi. Cô sẽ mãn nguyện. Sài gòn năm nay không có chỉ tiêu. Thế nào?... Cháu không cần về Sài Gòn à? Thích đi xa à? Tôi chuyển cho cô về Cần Thơ nhé. Tây Đô đấy nhé. Xa Sài Gòn. Nhưng đất này được cái dễ sống.

Ông già dò dò cây bút trên bản danh sách đầy nét dập xóa, đổi giọng cảm thương:

- Chả ai dại như cô. Hộ khẩu gốc Hà Nội. Được về Hà Nội lại còn không muốn. Bác hỏi khí không phải? Chắc cháu hận thằng nào phải không?

... Bốn năm. Ấn tượng gần như duy nhất về Tây Đô là bến Ninh Kiều. Sao mà lắm gái điếm. Nhưng món bò đốt lửa hồng thì ngon rụng rời. Và anh chàng kỹ sư cơ khí người Sài Gòn ở phòng Nông nghiệp huyện gần trường... Không quan tâm quá khứ và tương lai. Không cần biết gốc gác. Chỉ có những đêm và đêm ghì siết lấy nhau và sau đó chẳng hiểu sao cứ thấy rỗng cả bụng như là quên ăn đến mấy bữa. Không là người yêu. Không là vợ. Chỉ đơn giản là đàn bà. Nàng thôi hẳn yêu từ khi đó. Cũng không hò hẹn. Chỉ báo ngày ra Hà Nội chuẩn bị đi Puskin. (***)

Ở Nga, sau này nàng có gặp lại chàng. Rất là vui vẻ. Nàng không kể cho chàng nghe về cái lần đi giải quyết hậu quả ở bệnh viện Phụ sản Hà Nội ngay sau hôm từ Cần Thơ ra để lo giấy tờ lên đường. Mọi sự thực là giản dị.

Cũng giản dị y như bây giờ. Khi nàng đêm đêm nằm bên người đàn ông nàng đã lấy làm chồng. Chồng nàng có học, có nhiều năm làm việc ở châu Á, rất hài lòng vì lấy được một cô vợ người Á tính nết trầm lặng khác hẳn người vợ đồng chủng của chàng ngày trước. Cuộc sống mới bình yên làm sao! Nhưng không hiểu sao nàng toàn mất ngủ. Nàng thiếu gì? Không lẽ lại là tiếng dế kêu ri ri đã làm nàng điên hết cả đầu cái thời mới là cô giáo tiếng Nga ở cái trường huyện xa xôi ấy? Không lẽ lại là mùi hoa sấu chua chua ủ suốt nỗi nhớ của nàng về cái đêm duy nhất được đi bên người thầy yêu quý? Không lẽ nàng mất ngủ vì anh chàng kỹ sư người Sài Gòn đã con sống con chết với nàng vừa chạy qua đây xin tỵ nạn? ...

Nàng không ngủ được. Còn bởi cứ chợt thiếp đi là lại mơ. Toàn những điềm chết chóc. Đàn bà chửa. Rắn bò ngang đường. Máu.

Đêm nay cũng vậy. Cổ và ngực nàng toát mồ hôi lạnh. Nàng gượng nhẹ ngồi dậy, với cái áo ngủ tròng qua đầu, không nhìn người chồng đang ngáy rất vô tư, lần mò qua bếp, bật chiếc đèn chùm, rót cho mình một cốc nước suối. Giấc mơ chả còn đáng sợ. Nhưng vẫn ám ảnh nàng. Ừ! Chết!

Chết là được lên thiên đường. Nhưng thiên đường chả phải là đây ư? Phút này? Ngày mai? Ngày kia? Giữa bầu trời này mặt đất này? Nàng nhớ lá thư mới nhận được. Anh chàng Sài Gòn than thở về nỗi mãi không biết sẽ được ở lại hay về. Nàng nhớ lá thư nhà mới tới trưa nay. Mẹ bảo em gái nàng đã tốt nghiệp đại học, đã bỏ cậu người yêu gắn bó suốt mấy năm qua, đang lo học vi tính và nhất quyết không yêu ai. "Để nếu con lo được cho em sang bên đó cùng con thì nó dễ đường tính tiếp. Thế thì bố mẹ cũng yên tâm là các con có chị có em..." Mẹ viết vậy. Có vẻ mẹ chẳng băn khoăn gì lắm về kế hoạch gả chồng cho con không cần sự có mặt của mình... Nàng nhếch môi. Phải! Thiên đường là đây! Phút này! Ngày mai! Ngày kia! Giữa bầu trời này mặt đất này! Như cái cốc này, đẹp, dễ vỡ, nhưng trong lúc nó chưa vỡ thì chẳng ai lại đang dưng đùng đùng đem ra đập cho vỡ. Nàng xoay xoay mãi cái cốc trong vắt còn lấm tấm mấy giọt nước trên thành, thở dài, mỉm cười, rồi đứng dậy cẩn thận đặt nó vào bồn rửa. Rồi nàng tắt đèn. Rồi nàng rón rén lần theo bóng tối, về giường.❐

Tháng 10.1999

Chú thích:

*. Mười cộng hai, mười cộng ba: các cấp đào tạo giáo viên trong nước một thời.

**. Soái: Tiếng lóng chỉ những chủ làm ăn buôn bán lớn ở Nga và một số nước Đông Âu cũ.

***. Đi Puskin: Chương trình bổ túc tiếng Nga cho cán bộ chuyên ngành tiếng Nga trước kia.

thiên nga giữa cõi người

tập truyện ngắn của

Tâm Thanh

Tạp chí Văn Học xuất bản

"Chủ ý của Tâm Thanh là truy tầm những bi kịch muôn thuở ngay trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, nơi người ta tưởng không bao giờ có bi kịch. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngơ ngẩn bàng hoàng vì băn khoăn không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý."

Văn Nghệ phát hành. - Sách dày 200 trang. Giá 10 Mỹ kim

THƠ PHAN NI TẤN

Hiếu Liên
Hỏi tên đường tới hoa sen
ghé thăm đôi bạn thân quen lâu rồi
đường xa có mỏi thì ngồi
ngại gì dâu mấy ngọn trời cao kia
có đi xa có tìm về
dấu trong ngực trái lời quê bồi hồi
dựa lưng Thành Thái xin ngồi
tôi tìm tôi giữa một đôi bạn hiền.

Út Hương
Hương theo cánh trắng bay hoài
thời gian thấm thoắt đã ngoài đời tôi
ngọt ngào mùi ở xa xôi
tóc quên về buột, tóc trôi mịt mờ
sầu tôi ngồi giữa bài thơ
hai tay nhật nguyệt trở tờ mộng phai
Hương theo cánh gió bay hoài
đôi chân lắp lánh lướt ngoài giấc tôi.

Con sáo Út
Anh sẽ là con đò đưa chim sáo sang sông
sẽ trôi đi nhè nhẹ vì ngại đời say sóng
sẽ mấy môi khe khẽ ru ngày xưa vào mộng

Anh sẽ là bờ đất nâng bước chân em qua
bên kia bờ đất nước
con đò ngồi lại nhìn em đi xa xăm xa xăm
khi mùi hương đã nghìn trùng ly cách
con đò và câu thơ chở nỗi niềm quay về bến cũ

Còn lại anh
xóa cơn mưa chiều bay hiu hắt
và câu thơ say rượu giữa lòng đò nghêu ngao tiếng hát
mừng con sáo Út sang sông.

Có một Giáng sinh

Nguyễn Hoài Phương

Người ta bảo dân Việt Nam thuộc loại mải chơi và đam mê ăn uống, đình đám, có lẽ đúng thế thật. Ngay như bản thân tôi đây, họa hoằn lắm, cả năm may ra mới bước chân đến cửa nhà thờ được dăm ba lần, nhưng vào những dịp Giáng Sinh hay Tết nguyên đán, vì bao giờ cũng có kèm theo ăn uống, ca hát thì thế nào tôi cũng phải có mặt.

Trong vùng tôi có một cái nhà thờ Tin Lành bằng gỗ nhỏ xíu nằm heo hút ở một góc phố. Đấy là nơi thờ phượng của cả dân Đức lẫn dân Việt tị nạn. Ngày chúng tôi mới sang, vì số lượng người theo Chúa còn lèo tèo, nên hàng tuần ông mục sư của nhà thờ chỉ phải hành lễ có một buổi vào lúc mười giờ sáng ngày Chủ Nhật. Nhưng sau này, khi người Việt cả từ Tiệp, từ Nga, từ Việt Nam rầm rầm kéo sang, ầm ầm tin Chúa một loạt thì nhà thờ phải đào tạo cấp tốc một ông mục sư người Việt nữa. Số buổi thờ phượng cũng tăng lên, buổi sáng dành cho người Đức, còn buổi chiều thì cho người Việt.

Nói để Chúa tha tội cho tôi. Thú thật là tôi thuộc hạng người không được sốt sắng với công việc của Ngài cho lắm. Đến nhà thờ, ngay một việc nhỏ nhặt nhất là có mấy cái ghế không đúng hàng đúng lối tôi cũng ngại kê lại chứ đừng nói gì đến chuyện vào bếp để giúp các bà các cô nấu nướng hoặc khuân vác cái gì đó cho mấy ông chấp sự. Nhưng có một việc đáng trách hơn là tôi còn có tật hay ngủ gật. Buổi lễ của ông mục sư gia công Việt Nam nhà mình giá vào lúc mười giờ sáng như đối với người Đức thì có lẽ không sao. Đằng này ông lại bắt đầu vào ba giờ chiều và kéo dài thì dằng dặc, lê thê không biết đến mấy giờ. Mà đúng vào những giờ ấy là giấc ngủ trưa hàng ngày của tôi. Vậy nên, chỉ được một lúc, dù có cố gắng chống chỏi lắm thì cái giọng trầm trầm đều đều, đúng là giọng giảng đạo buồn bã của ông bên tai cũng càng lúc càng làm tôi buồn ngủ.

Có hôm, tôi xiêu vẹo gật nghiêng gật ngả, va cả vào người bên cạnh. Có hôm khác tôi lại kéo gỗ khò khò làm mấy người ngồi đằng sau phải túm lấy cổ áo mà giật cho tỉnh dậy.

Chính vì cái lý do hôm nào đi nghe giảng đạo cũng biêng biêng ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm như vậy mà tôi đâm chán. Từ mấy năm nay, mặc kệ mấy ông chấp sự hội thánh vẫn thỉnh thoảng ghé qua nhà tốn nước bọt mời mọc chèo kéo đủ điều, nhưng chỉ có mấy dịp đón xuân mới hay Giáng Sinh vui vẻ tôi mới dẫn xác đến nhà thờ, chủ yếu là lo cho phần thuộc thể của mình, còn phần thuộc linh thì vẫn thờ ơ, chưa được quan tâm một cách đúng mức.

Nhưng dần dà rồi tôi cũng thấy rằng, không chỉ có một mình tôi là thuộc dạng người hám ăn hám chơi như thế. Xung quanh nhà tôi, dần dần rồi cũng hình thành một nhóm người rất hám ăn hám chơi. Những vị này, thậm chí còn coi trọng miếng ăn miếng uống hơn cả tôi nữa. Họ đến nhà thờ cả những ngày có lễ tiệc thánh để có dịp được ăn thêm một bữa rau dưa gọi là. Còn tôi thì không. Tôi nghĩ, chắc mình thuộc hạng thích chơi bời hơn. Bằng chứng là vào những dịp tiệc thánh như vậy vì chỉ có ăn uống chút xíu còn chơi bời vui vẻ nhảy nhót hát ca không có thì tôi cũng không đến.

Giáng Sinh năm nay, lúc tôi đến nhà thờ thì đã thấy đông lắm rồi. Người lớn, trẻ con, mặt mày sáng sủa quần áo sạch sẽ đẹp đẽ vui vẻ cười cười nói nói rôm rả đi đi lại lại nhộn nhịp. Nhìn thoáng qua, tôi đã thấy số người hôm nay phải đông gấp ba gấp bốn những ngày Chủ nhật khác trong năm. Thế mới biết tinh thần mộ đạo của dân Việt mình nó là như thế nào.

Vẫn như mọi năm, chương trình vui Giáng Sinh năm nay được chia làm ba phần. Sau màn chào hỏi, gặp gỡ, đầu tiên, ông mục sư sẽ nói về ý nghĩa của sự Giáng Sinh, tiếp đó là ăn uống, và cuối cùng là phần văn nghệ hò hát, nhảy nhót.

Tất cả số ghế dự trữ của nhà thờ vốn được cất kỹ dưới tầng hầm được mấy vị chấp sự tranh thủ lau chùi bụi bặm, mang hết lên để kê vào phòng thờ phượng từ mấy hôm trước vậy mà vẫn còn nhiều người phải đứng vì không có chỗ ngồi. Ông mục sư người Việt Nam hôm nay ăn mặc chải chuốt hơn, com-lê cà-vạt mới tinh, mày râu nhẵn nhụi, đầu tóc láng bóng và cười cười nói nói suốt, trông vui vẻ, tươi tỉnh hơn những ngày bình thường rất nhiều. Tôi nghĩ, hơn ai hết, có lẽ ông mong ngày Chủ nhật nào cũng là ngày Giáng Sinh để số con chiên đến nhà thờ được đông đảo, để càng ngày số người Việt trong vùng được nghe những sứ điệp tuyệt vời của Chúa càng nhiều hơn, và Tin Lành của Ngài càng nhanh có cơ hội để

bay về với nhân dân, với đất nước Việt Nam hơn.

Bài chia sẻ của ông mục sư hôm nay rất ngắn và có ý nghĩa. Tôi nghĩ, giả sử những ngày Chủ nhật bình thường khác ông cũng giảng giải hay và thuyết phục đầy sức sống như thế này thì có phải người nghe - như tôi chẳng hạn - có hứng thú và bớt buồn ngủ hơn chăng.

Xin lỗi bạn đọc! Xin bạn đừng vội vàng cho tôi là kiêu căng. Với cái đầu kém cỏi của mình mà tôi còn tiếp thu được đến bảy tám mươi phần trăm bài giảng về ý nghĩa của sự Giáng Sinh của Chúa Cứu Thế thì phải nói là ông mục sư đã thành công lắm. Và, nếu bạn không ngại đọc tiếp, trong lúc cao hứng này, tôi xin viết lại sơ qua đôi điều mình đã cảm nhận được.

Ông mục sư của chúng tôi nói rằng, lịch sử của nhân loại trên trái đất chúng ta đang sống đây được chia làm bốn giai đoạn lớn. Và, để có hình ảnh cho hội chúng dễ hiểu, ông ví nó như bốn bức tranh.

Bức thứ nhất thật tuyệt vời. Ông A đam và bà Ê va sống hạnh phúc trong vườn địa đàng, họ sung sướng, không thiếu thốn thứ gì. Hai người không có bệnh tật, không có phiền muộn, và ngày ngày được gặp gỡ, tương giao, chuyện trò thân mật với Đức Chúa Trời...

Nhưng, có lẽ họ đã vui vẻ để sống lâu đến muôn tuổi nếu không phạm tội cùng Chúa. Nếu họ không mù quáng, dại dột nghe theo lời xúi bẩy của ma quỷ mà ăn trái cấm thì đã không có bức tranh thứ hai. Đấy là một bức tranh thật thê thảm, ghê sợ đến kinh khủng được vẽ lên toàn bằng những tội ác truyền đời truyền kiếp của loài người, bằng những cuộc chiến tranh những cơn đói kém, bệnh dịch những biểu hiện đạo đức suy đồi...

Theo ông mục sư của chúng tôi, thì đến ngày nay con người vẫn còn hàng ngày hàng giờ hăng hái vẽ tiếp bằng những hành động, những suy nghĩ, những lời nói và việc làm tội lỗi, xấu xa bẩn thỉu của mình vào bức tranh thứ hai gớm ghiếc ấy để càng ngày trông nó càng khủng khiếp hơn.

Tôi công nhận là ông nói hoàn toàn đúng. Đâu có xa lạ gì, không cần cứ phải về Việt Nam mới thấy, mà ngay trên đất nước đang chứa chấp cho chúng tôi đang tạm dung đây, hàng ngày người Việt mình vẫn đối xử với nhau thật thậm tệ. Chuyện đồng hương đồng khói chửi bới, đấm đá, đâm chém lẫn nhau đã trở thành loại chuyện thường ngày ở huyện. Nó xảy ra như tất nhiên nó phải xảy ra vậy. Rồi chuyện băng đảng. Toàn những băng đảng khét tiếng khủng khiếp mới nghe tên đã thấy rợn hết cả người. Băng Quê Hương Bác Hồ Vĩ Đại, băng Đất Cảng Anh Hùng, băng Bình Trị Thiên Anh Dũng, băng Miền Nam Thành Đồng Tổ Quốc... Rồi băng Đất Thánh Hà Thành, băng Đất Tổ Hùng Vương. Những băng đảng với

những sát thủ chính cống bắn giết người không run tay được tuyển thẳng từ Việt Nam để thanh toán lẫn nhau. Những cuộc chém giết đẫm máu được đài báo truyền hình đưa tin làm người Đức rùng mình ghê sợ. Họ không hiểu tại sao lại có một đất nước với những con người như vậy. Thỉnh thoảng tôi lại nghe ai đó nói, ở khu rừng này khu rừng nọ người ta phát hiện ra xác người Việt Nam bị vùi trong tuyết, hoặc ở khúc sông này khúc sông kia có xác người Việt Nam nổi lên... Tất cả chỉ là hậu quả của những việc người Việt trừng trị người Việt.

Ngay thành phố tôi ở đây, một thành phố tương đối yên tĩnh nhưng thỉnh thoảng trên những chuyến tầu đêm đã thấy xuất hiện những bóng đồng hương đầu trọc lông lốc, những đồng hương đầy cơ bắp, mặt lạnh như tiền gườm gườm nhìn mình với con mắt sắc như dao.

Tôi có cảm giác là hình như người ta chẳng từ thủ đoạn nào, có thể loại được nhau là loại. Từ những việc rất lớn cho đến những việc rất nhỏ, nhiều khi chỉ là vì mấy tiếng đồng hồ làm thêm, vì mấy chục pfennig tiền lương mà phản bạn. Thì vừa mới đây thôi, lúc còn ngồi trên tầu điện đến đây tôi còn nghe một bà đồng hương tuyên bố thẳng thừng rằng:

- Đ. mẹ. Tao đéo từ cái gì hết. Đối với tao chỉ có tiền. Tiền là trên hết. Tao đang cần thật nhiều tiền để đón chồng tao sang đây.

Nghe mà rợn cả người. Quay lại, nhìn thấy cái mặt cơng cơng bất cần đời của bà tôi nghĩ bà dám làm bất kể việc gì lắm. Và như để củng cố thêm cái suy nghĩ ấy của tôi, tự nhiên ông bạn cùng đi bổ xung thêm:

- Con mẹ ấy vừa làm cho một loạt người cùng hãng bị nghỉ việc đấy.

Tôi thắc mắc:

- Làm kiểu gì?

- Thì nó tố cáo với chủ. Ai ăn một miếng là nó mách. Không có việc, ai đứng chơi một tí nó cũng mách.

...

Bạn đọc thân mến! Nếu không quá mệt mỏi, tôi xin đề nghị bạn cứ thả sức tưởng tượng nốt sự ghê tởm, hãi hùng của bức tranh thứ hai. Hôm ấy, ông mục sư của chúng tôi còn nói nhiều nữa, và rồi ông kết luận cho bức tranh này như sau:

- Anh chị em ơi! - Đây là câu cửa miệng của ông hay dùng để gọi tín hữu của mình. - Anh chị em có biết là vì thương thế gian mà Đức Chúa Giê Su phải giáng sinh rồi sau đó chịu chết trên cây thập tự để gánh tội lỗi khủng khiếp trùng trùng điệp điệp đó của họ không? Đấy chính là lý do lễ Giáng Sinh mà chúng ta kỷ niệm hôm nay và cũng là nội dung của bức tranh thứ ba.

Sau đó ông tiếp tục giảng cho chúng tôi nghe về sự cứu chuộc và mục

đích của nó chính là mang lại cho loài người cảnh thanh bình như thủa ban đầu. Lại được tha hồ sống hạnh phúc hết mình trong mối liên hệ thắm thiết với Thượng Đế. Đó chính là bức tranh thứ tư.

Không chỉ một mình tôi nghe ông mục sư nói về bốn bức tranh mà như được xem một cuốn phim. Nhiều người khác nghe xong cũng phải công nhận như vậy. Từ lâu rồi các nhà thờ ở thành phố tôi đã cởi mở cho phép vỗ tay trong giờ thờ phượng. Chúng tôi vỗ tay rào rào. Ai cũng thấy điều đó rất khích lệ ông mục sư. Nhưng không ai biết rằng ông có chịu rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho những bài khác bài nào cũng hấp dẫn như bài giảng đêm Giáng Sinh này hay không mà thôi?

Hết phần chia sẻ của ông mục sư quản nhiệm hội thánh là bữa ăn thông công vui vẻ mừng Chúa Giáng Sinh. Tôi thấy chỉ một thoáng là bàn ghế được xếp thành từng dãy, chỉ một thoáng là đồ ăn được bê lên và cũng chỉ một thoáng là mâm nào đã vào mâm ấy tề chỉnh. Người Việt Nam mình có câu: Ăn giỗ đi trước, lội nước theo sau, tôi thấy thật đúng. Có một số vị chậm chân, hết chỗ, đến lúc người ta sắp sửa nhấc bát nhấc đũa rồi mới cuống cà kê lên.

Vô tình thế nào mà tôi lại ngồi cạnh ông anh. Anh từ Việt Nam sang Đức đúng vào dịp lễ Giáng Sinh năm ngoái. Chào hỏi nhau xong, thấy anh ăn mặc bình thường, nghĩa là cũng giày đen, áo trắng, com-lê cà-vạt như những tín đồ khác trong hội thánh, tôi hỏi:

- Bộ quần áo Tàu của anh năm ngoái đâu rồi?

Anh đáp:

- Tôi quẳng đi lâu rồi chú ạ.

Tôi lần lần nhớ lại bộ quần áo bằng vải bố mầu trắng với những hàng cúc vải may theo kiểu chú Ba Tàu, đôi dép lê, cái mũ rộng vành những câu nói của anh dạo trước, rồi hỏi:

- Sao lại vất đi? Anh chẳng bảo là phải cố tình ăn mặc như thế cho không ai nhận được mình là người Việt Nam đấy sao?

Anh trả lời:

- Đến bây giờ thì tôi vẫn chẳng thích ai gọi mình là người Việt Nam. Nhưng có điều là dù mình có ăn mặc kiểu gì, muốn hóa trang kiểu gì đi chăng nữa thì chỉ cần nhìn cái mặt mình là người ta biết chú ạ.

Tôi công nhận là anh nói đúng. Chính tôi đã thấy nhiều người nhuộm tóc, nhuộm mắt, nắn mũi, nắn môi... nhưng rồi muốn làm trò gì thì cuối cùng cũng vẫn cứ lòi cái đuôi Việt Nam ra. Mà đến nước ấy thì người ta lại càng ghét.

Tôi lại hỏi anh về nơi định cư. Té ra là anh được về ngay thành phố này, ở rất gần chỗ tôi mà tôi không biết. Tôi hỏi tiếp:

- Anh có hay đi đâu không?

Anh đáp:

- Không! Tôi ngồi nhà suốt.

- Sao anh hiền thế? Sao không kiếm việc gì mà làm? Ngồi nhà một mình buồn chết.

Nghe tôi hỏi thế, anh cười:

- Không! Tôi không buồn. Với lại tôi cũng không ngồi nhà một mình.

- Thế anh ngồi với ai?

Bây giờ anh mới trang trọng:

- Tôi ngồi với ông Mác, ông Ăng - ghen, ông Lê - Nin, với ông Sít, ông Mao, ông Hồ, với Chúa, với Phật...

Tôi hơi vỡ lẽ:

- Thì ra là ông anh đang nghiên cứu triết học. Ra được vấn đề gì chưa anh?

Thấy tôi có vẻ hấp tấp quá, anh chậm rãi:

- Làm sao có thể ra vấn đề nhanh như vậy được, chú mày? Muốn gì thì cũng phải từ từ, kiên nhẫn... Nôn nóng là hỏng hết việc.

Tôi hơi tò mò:

- Nhưng anh đang nghiên cứu về vấn đề gì vậy?

Câu này thì anh trả lời được:

- Chú có công nhận với tôi là chủ nghĩa nào cũng có mặt mạnh mặt yếu của nó không? Tôi đang nghiên cứu để tìm ra một thứ chủ nghĩa có thể thay được cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa cộng sản, thay được cả Phật, cả Chúa...

Đã tiếp xúc với kha khá nhiều những nhà chủ nghĩa này nọ nhưng tôi chưa hề thấy ai có sự nghiên cứu tổng hợp như nhà anh này. Tôi ù hết cả tai. Người ngồi bên cạnh tôi vĩ đại quá. Các vĩ nhân thường khó hiểu. Như ông anh đang ngồi cạnh tôi đây là một ví dụ. Đằng sau một thân hình lùn tịt, một cái đầu hói nhẵn bóng, một cặp mắt lồi, đằng sau bộ quần áo xuềnh xoàng... nói chung là đằng sau một hình dáng hết sức tầm thường là cả một khối óc, một trí tuệ, một đỉnh cao.

- Với loại người tài giỏi này thì khó nói chuyện lắm.

Đầu thì nghĩ thế, nhưng ngoài miệng tôi vẫn cố gắng vớt vát chút xíu lấy le:

- Thế ạ! - Tôi nói. Hôm nào có thời gian em phải đến tiếp kiến anh một buổi. Em cũng thích nghe về các loại chủ nghĩa lắm.

Anh có vẻ vui:

- Thích nghe hả? Vậy thì hôm nào rỗi cứ đến. Rồi tớ nói cho mà nghe.

Câu chuyện của tôi với ông anh ngồi cùng bàn vừa đến đây thì nghe

tiếng ông mục sư vừa vỗ tay vừa nói:

- Đề nghị anh chị em chú ý. Xin tất cả giữ trật tự để tôi cầu nguyện xin Chúa thánh hóa và chúc phước cho bữa ăn thông công của chúng ta.

Rồi ông bắt đầu. Bài cầu nguyện quá dài. Nhắm mắt nhưng lúc tôi lén hé xem đồng hồ thấy đã quá mười lăm phút mà ông vẫn cầu nguyện chưa xong. Mới chỉ là cầu nguyện chút xíu trước bữa ăn mà ông đưa ra bao nhiêu là vấn đề. Từ nan đề của từng cá nhân đến nan đề của cả hội thánh, từ công việc của nước Đức đến công việc ở Việt Nam. Rồi công việc Chúa ở châu Phi, châu Mỹ, châu Úc... Tôi không biết trong những thời gian biệt riêng ra để cầu nguyện, số sự việc ông đưa ra phải nhiều đến như thế nào.

Bước vào bữa ăn, trong khi nhiều thực khách tỏ vẻ sốt ruột về lời cầu nguyện của ông mục sư thì tôi lại rất ưng ý. Lý do là ông anh ngồi cạnh tôi quên béng, không đề cập gì đến những chủ nghĩa vừa nói lúc trước. Chúng tôi cắm đầu vào ăn. Thỉnh thoảng lắm mới có người nói cái gì đó xung quanh sự mặn nhạt của các món ăn nhưng cũng chẳng ai hưởng ứng một cách mặn mà.

Xong bữa tiệc, đợi số chị em phụ nữ trong hội thánh rửa ráy bát đũa xong là bắt vào phần văn nghệ. Đầu tiên là hát. Đơn ca, song ca, tốp ca, hợp ca... Tất nhiên là phải như thế rồi nhưng điều mà chúng tôi chờ đợi và khoái nhất là mấy màn karaoke và disco. Đừng tưởng cứ bài hát thánh ca là ê a ề à không đủ mạnh để nhảy, mà trái lại chúng tôi được một phen mệt nhoài.

Hôm ấy, đến quá nửa đêm, buổi lễ mừng Thiên Chúa Giáng Sinh của chúng tôi mới tan. Lúc ra về, chẳng hiểu sao mà ông anh ngồi cạnh tôi lúc ăn cơm lại đột xuất nhớ ra chuyện chủ nghĩa chủ nghiếc. Anh chen chúc trong đoàn người cố tìm đến tôi, vừa nắm thật chặt tay tôi vừa mời rất mặn mà:

- Hôm nào rảnh ghé qua chỗ mình chơi. Anh em mình nói chuyện cho vui.

Rồi anh nhiệt tình xé giấy ghi cụ thể số nhà và số điện thoại đưa cho tôi. Tôi ậm ừ nhận lời, định bụng hôm nào có thời gian sẽ ghé qua chỗ anh tí. Dù sao thì cái sự biết thêm cơ ngơi của một nhà triết học như thế nào là một việc không có thừa tí nào.

Nhưng mãi rồi tôi vẫn chẳng đến được. Cho đến một buổi sáng, đang đạp xe làm một tua thể dục thể thao bảo vệ sức khỏe vòng quanh mấy dãy phố tự nhiên tôi gặp anh từ một ngõ hẻm đi ra.

Tôi dừng ngay xe lại, hỏi:

- Anh làm gì ở đây thế này?

Anh hơi ngỡ ngàng một chút rồi đáp:

- Tôi đi lau chùi cho nhà bà chủ trong này.

- Lau cái gì anh?

- Còn cái gì khác hơn là lau bồn tắm, toilet nữa, chú?

Tôi hơi ngỡ ngàng một giây:

- Thế anh còn nghiên cứu chủ nghĩa gì nữa không?

Anh hơi thần người ra nhưng rồi vẫn đáp được luôn:

- Còn chứ, chú. Tôi vẫn còn nghiên cứu tiếp. Nhưng trước hết phải lo cho hậu phương ở nhà nữa. Sáu bảy cái tầu há mồm chứ có ít đâu.

Nói xong anh chào tôi:

- Thôi! Cho tôi xin phép chú nhé. Sáng nay tôi còn phải ôm một cái toilet nữa mới xong việc. Mà con bà chủ này khó tính lắm. Đến chậm một tí là nó kèo nhèo, khó chịu lắm.

Chẳng còn gì để nói với nhau nữa. Tôi tạm biệt anh rồi vừa đạp đi vừa nghĩ:

- Mai đây rất có thể có chủ nghĩa này, chủ nghĩa nọ ra đời. Nhưng ai biết đâu rằng có những điều nọ điều kia đã được tác giả của nó nghiền ngẫm trong những lần úp mặt vào hố xí nhà một bà một cô nào đó.❐

Giáng sinh 1999.
Nguyễn Hoài Phương

Đã tái bản bộ trường thiên của
Nguyễn Mộng Giác

mùa biển động

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate
ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

Thư và chi phiếu gửi về:
Diệu Chi K. Nguyễn
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA
Phone: (714) 894-8535

Gỗ thức trên rừng

Tâm Thanh

Đêm mưa rừng. Hắn bò lê tới căn chòi, dùng tàn lực húc càn vào cửa. Sống chết phó mặc trời đất. Không ngờ "cửa" chỉ là cái phên chắn gió, bị đẩy quá đà bung ra ngay, toàn thân hắn lăn kềnh như xác con mồi bị thợ săn quật xuống đất. Ngọn đèn duy nhất trong nhà phụt tắt. Hắn cũng lịm đi.

Khi tỉnh dậy hắn thấy chân trái đau buốt, và toàn thân mất hết sức lực. Hắn không biết rõ mình đang ở đâu, và không nhớ từ đâu tới. Tiếng mõ thúc giục và lời kinh trầm trầm, với câu lập lại "Nam mô A di đà Phật" làm cho hắn đoán mình đã lọt vào... cửa Phật. Hắn yên tâm buông mình trở lại vào giấc ngủ, thiếp đi thì đúng hơn.

Khi tỉnh dậy lần nữa, không biết bao lâu sau, hắn cảm thấy chân trái vẫn đau đớn vô cùng, ngó xuống thấy chân được bó bằng bẹ chuối, hắn nhớ mang máng cớ sự: Hắn đã giết vợ, rồi chạy trốn, lạc trong rừng nhiều ngày, và bị té gẫy chân, may sao lê được tới đây. Có lẽ đây là một cái am. Nhà sư chủ am, hắn chưa thấy mặt.

Hôm đó và nhiều ngày sau, nhà sư có vẻ như cố ý ẩn mặt. Lúc ông băng bó cho hắn, hắn chỉ nhìn thấy cái lưng vạm vỡ, to như cánh phản của ông. Mỗi ngày hai tô cháo hoặc cơm với mấy cọng rau dền và hai miếng chao, luôn luôn được đưa tới lúc hắn ngủ. Những lúc không ra ngoài làm việc (có lẽ đốn củi, làm vườn), ông vào "chánh điện" (ngay chỗ hắn đang nằm) ngồi quay mặt vào vách tụng kinh, hoặc ngồi... thừ ra bất động, chẳng biết nghĩ gì. Ông không có vẻ một người thầy thuốc, chỉ lấy lá bậy bạ bó bừa cho hắn, thối lên, lại thay lá khác. Vết thương đau đớn ẩm ê lên, chứ không thuyên giảm, và toàn thân nóng ran. Nhưng trong lòng hắn có một cơn sốt ghê gớm hơn - hận thù. Con dâm phụ, hắn đã giết rồi,

hắn cần phải sống để giết thằng gian phu, rồi đi nạp mình tự thú cũng cam.

Không biết bao nhiêu ngày sau, khi cơn đau nhức đã giảm dần, hắn bắt đầu chú ý tới lời kinh và tiếng mõ lốc cốc. Tiếc rằng có nghe mấy hắn cũng không hiểu chữ nào. Giọng nhà sư đều đều buồn ngủ, thỉnh thoảng ê a như trẻ con không thuộc mặt chữ. Tiếng mõ vang trong rừng cây thâm u. Lâu ngày hắn thuộc một câu nghe ngô ngộ:

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế".

Nhiều ngày tháng nằm một chỗ với một vết thương ở chân, với một nỗi hận trong lòng, một câu kinh vô nghĩa bên tai, một điệu nhạc mõ và tiếng giun dế, chim muông trong rừng... hắn tưởng có lúc mình sắp mục rữa với cỏ cây. Và lần đầu tiên hắn nghĩ tới sự vô nghĩa của cuộc đời. Mới hôm nào tình vợ chồng thắm thiết bao nhiêu. "Sắt cầm hòa hợp. Trăm năm hạnh phúc". Thoát một cái tan biến như tro bụi. Lưỡi dao bổ xuống vai, con đàn bà đang nhún nhảy trong khoái lạc, gục xuống. Lúc đó giòng khoái cảm chảy đi đâu? Nó chảy thành một giòng đau đớn, thành sự chết? Hay thiên đàng là lúc đó? Bây giờ con đàn bà đó ở cõi nào? Nguyên nhân nào đã làm cho cuộc đời hắn tan nát như thế này? "Cú... cú... cú..." Tiếng cú vang rờn rợn bên ngoài, như tiếng oan hồn của vợ hắn. "Oan ức gì?" Hắn bụng bảo dạ cho đỡ sợ. Khi chép miệng nghe lưỡi đắng ngắt. Hắn thấy cơm nước đã để sẵn, nhiều hơn bình thường.

Trời chạng vạng tối mà nhà sư đi đâu chưa về. Hắn ăn uống xong, ngủ. Trong mơ hắn thấy mình mặc áo cà-sa, đi giữa con đường làng, làm như tụng kinh. Lũ trẻ theo sau chế giễu "Ông trọc ông trọc, cho mượn cái đầu, tui gõ cái cốc". Đứa khác nói "Ổng không phải ông sư. Ổng giết người". Hắn run sợ vì lời tố cáo, nên phải chứng tỏ mình là sư thiệt bằng cách đọc to *"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế"*. Đám trẻ hô to hơn "Thằng giết người!", hắn cãi to "Không!", và co giò chạy. Hắn càng chạy, đám trẻ càng đuổi gắt. Bỗng trong tiếng la ó của trẻ con, có tiếng vợ hắn "Nó giết tao đấy, tụi bay đuổi giết nó đi!" Hắn choàng tỉnh dậy.

Nhà sư đi đâu vẫn chưa về. Hèn gì ông ta để sẵn nhiều cơm hơn. Hắn bị nỗi sợ hãi xâm chiếm tâm thần. Thật là ghê gớm, hắn đã thành một kẻ giết người, điều mà từ bé tới lớn không bao giờ hắn ngờ được có ngày xảy ra... Giết người! Hắn không định giết người. Chỉ là cơn cuồng nộ chụp lên người hắn, và chính cơn cuồng nộ chụp lấy con dao. Cơn cuồng nộ bổ dao xuống. Hắn hoàn toàn bị sai khiến. Hắn bị sai khiến... Như con đàn bà kia bị sai khiến... Bởi một ma lực hôn ám nào đó.

Mặc dầu mới vắng một ngày, hắn thấy nhớ tiếng mõ, và tiếng tụng kinh của nhà sư. Cũng may, gần sáng nhà sư mới về. Hắn hỏi liền:

- *"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế"* nghĩa là gì vậy, ông sư?

- Mô Phật! Hạnh duyên! Thật là hạnh duyên! Thí chủ đã thuộc kinh Kim Cang. Câu đó là căn bản trong kinh, ý nói là *"Vượt đi, vượt đi, vượt sang bến kia, đậu tại bến kia"*.

Thấm thoắt 12 tuần trăng đã qua. Chắc là nhờ thời gian hơn là nhờ thuốc lá của nhà sư, hắn đi lại được bình thường. Giữa một đêm mưa dội buồn thảm xuống khắp núi rừng, hắn quyết định ra đi. Hắn cho đây là lúc thuận tiện nhất, bởi vì xuống núi vào lúc này, hắn có thời giờ tới bờ sông lúc trời chưa tỏ mặt để bắt chuyến đò đầu tiên, dễ lẩn tránh sự dòm ngó của thiên hạ. Lúc cáo biệt, hắn nói:

- Trước khi ra đi, tôi xin được nhìn mặt ân nhân.

- Mặt ân nhân và mặt kẻ thù có khác gì nhau?

- Sao lại không khác? Như thiên thần với ngạ quỉ.

- Nam mô A di đà Phật! Ngạ quỉ cũng do thiên thần mà ra.

Trong một năm trời hắn nghe kinh không hiểu gì, nhưng đã nhập tâm một thứ mầm mống - sự tò mò:

- Thế thì xin nhà sư cho tôi nghe một câu về Đạo của Phật đi.

- Trong 49 năm trên trần thế, Phật chưa hề thuyết giáo. Tôi đâu dám biếm Phật.

- Nếu không nói thì xin ông trỏ cho tôi cái Đạo đó.

Nhà sư "Vâng!" rồi đứng dậy, quay mặt ra, bước bảy bước tới trước mặt hắn, quì sụp xuống lạy:

- A di đà Phật! Bần tăng chính là kẻ tội lỗi đã làm nhục phu nhân. Thí chủ nhận ra không?

Hắn sững sờ kinh ngạc, không tìm được liên hệ nào giữa nhà sư với tên trộm tình. Miệng ú ớ:

- Không... Sao lại như vậy được?.

Nhà sư bèn nằm ngửa trên nền đất, hai chân gấp gọng vó, một chân làm bộ đá vào tay hắn. Đúng lúc đó lại một tia chớp lòe sáng, rọi vào khuôn mặt khiếp sợ của nhà sư. Có vẻ nhà sư chỉ định diễn lại một tấn kịch có sự khiếp sợ, còn hắn thì khiếp sợ thực. Khiếp sợ một thực tại mà hắn đang đi tìm, bất ngờ phơi bày trước mặt hắn trong cái dáng co chân như gọng vó của tên đàn ông hôm nào trên giường ngủ của hắn - cái hình tướng của một tên trộm tình, cũng là hình tướng một tên đàn ông bị phản bội. Cái hình tướng đó lại nằm lăn quay ra đất trong bộ áo cà-sa, thì thật là khó có thể tưởng tượng được. Nhưng quả là nó đang nằm đó. Cả nhà sư, tên trộm tình và chính hắn đang nằm đó trong một hình hài duy nhất, trớ

trêu đến buồn cười. Tấn hài kịch của ba kiếp nhân sinh đằng đẵng thu gọn vào một điệu bộ ngớ ngẩn cụt ngủn, xuội lơ, khiến hắn không nhịn được cười, nhưng chỉ có thể nhếch mép một chút, rồi lại méo miệng thở dài:

- Nhận ra rồi...

- Mô Phật! Nhận ra chân tướng mình là bước đầu của Đạo.

- Chân tướng ông... Chớ đâu có phải chân tướng tôi?

Nhà sư không đáp lại câu hoạnh của hắn, mà quì lên:

- Xin thí chủ mở lòng từ bi hỉ xả tha thứ tội nghiệt cho tôi.

- Ông đứng lên đi. Hắn lúng túng, nói như cái máy, rồi hoang mang hỏi: Sao ông không giết tôi để trừ hậu họa?

Nhà sư đứng dậy, phủi áo cà-sa, thở dài:

- Mô Phật! Bần tăng chỉ là một lãng tử một lần quá bước mê lầm, chứ chưa đến nỗi có tâm sát nhân.

Đoạn ông kể lại từ lúc bị bắt quả tang, suýt bị chém, nhanh chân chạy thoát, nhưng ông vẫn sợ bị tầm thù, tính dùng đường tắt trốn sang huyện Đông, chạy loanh quanh thế nào mà lại lạc lên cái am này. Hắn lắng nghe và nhận ra ông kể sót nhiều chi tiết, khiến câu truyện đứt quãng, hắn không tự giải thích được những câu hỏi như hai người tằng tịu từ bao giờ, trường hợp nào, và ngay như hiện tại nhà sư thiệt dựng ra cái am này, bây giờ ở đâu? Nhưng sự thắc mắc của hắn không mạnh bằng nỗi khó chịu nhìn tình địch của mình mặc áo cà-sa:

- Thế sao ông lại trở thành nhà sư... hổ mang?

- Mô Phật! Không dám. Trước đây, chưa là thầy chùa thì không gọi là sư; nay đã sám hối thì không còn là hổ mang nữa.

- Không chừng ông chỉ khoác áo tu hành để che cái tâm hổ mang.

- Mô Phật! Lúc đầu quả là như thế. Bần tăng không tính làm thầy chùa. Thầy chùa đâu có hợp với bẩm tính cuồng si của bần tăng. Nhưng cái đêm thí chủ đột ngột ngã trên nền nhà, bần tăng bị thôi thúc phải cứu thí chủ trước đã. Rồi như là thiện duyên đưa đẩy, vết thương thí chủ lâu lành, mà thuốc men bần tăng không biết một chữ, khiến cho thí chủ phải lưu lại đây thời gian một năm trời. Và trong một năm trời, bần tăng miễn cưỡng đóng hai vai trò - vừa làm nhà sư để khỏi bị nghi ngờ, vừa làm thầy thuốc để cứu người. Ai dè cái vai mình đóng tạm lại có thể vận vào mình riết đến thế.

- Kêu bằng "nhập vai" đó, phải không? Hắn từng nghe đồn có nhiều đào kép đóng một vai lâu ngày rồi biến thành nhân vật mình đóng, nên hỏi thế. Nhà sư trả lời:

- Kêu bằng "trở về", trở về vai nguyên thủy của mình, bằng cách đóng nó.

- Ai mà biết vai nguyên thủy của mình là gì mà đóng.

- Rồi thí chủ sẽ tìm ra. Và đó là ý nghĩa việc tu luyện. Ngày đó sẽ tới. Chỉ biết rằng không phải cái vai chúng ta đóng hằng ngày là nơi chúng ta trở về đâu. Vai dâm tặc, bần tăng đã đóng xong rồi. Coi như tuồng vẫn rồi.

Hắn cúi đầu một lần nữa:

- Thôi, tôi xuống núi.

Nhà sư nói:

- Để tôi tiễn chân ông... lên.

Không hiểu điều gì làm cho hai chữ "lên-xuống" quay mòng mòng trong đầu óc hắn. Hắn phải xoay người hai ba vòng mới ra khỏi cái không gian bé nhỏ của mái am. Ông đi theo. Nhưng qua khỏi vườn rau, hắn nhường cho nhà sư đi trước dẫn đường. Mưa tạnh, trăng ló ra, đội ánh sáng xanh xuống rừng, nhưng hắn không biết lối. Hai người vừa băng rừng xuống núi vừa nói chuyện. Tới một con suối, họ ngồi nghỉ, hắn nghĩ tới con vợ dại dột, không biết lúc chết có kịp sám hối, hay đang trầm luân trong địa ngục, bị xẻo thịt chỗ... nọ, chỗ... kia. Hắn hỏi:

- Kẻ sát nhân tụng kinh rồi sạch tội lỗi như giặt áo trong nước sao?

- Tội hay nghiệp không bao giờ rửa được. Giặt giũ, bụi đất thoát ra khỏi tơ sợi thì lại nhiễm vào nước. Không có gì thì không gì bám vào được.

- Thế thì kinh sách để làm chi?

- Dùi gõ vào gỗ, nhưng cái trống rỗng phát ra âm thanh. Tụng kinh là cái cớ. Tâm hư là giác ngộ.

- Hàng triệu người trên mặt đất đang tụng kinh mỗi ngày, bao ngàn năm nay, chẳng ích lợi gì. Loài người vẫn khổ đau, vẫn hớn hở tàn sát nhau và hãnh diện tàn sát sinh vật. Ông còn tụng kinh làm gì?

Chân trời đã ửng hồng. Một con sơn ca lên tiếng, rồi cả bày sơn ca hót thánh thót. Nhà sư đưa ngón tay trỏ lên môi, yêu cầu người đối thoại im lặng, mặc dầu hắn vẫn im lặng:

- Thí chủ có nghe gì không?

Hắn nghe tiếng "cốc cốc" văng vẳng trên hàng cây cao, không định vị được cây nào, trả lời:

- Chim gõ kiến.

- Đích thị. Con chim đó gõ như vậy hàng triệu năm rồi. Còn nhân sinh còn mê lạc, còn phải gõ mõ để đánh thức.

Nhà sư im lặng để lắng nghe, bỗng hỏi nhẹ như tiếng gió luồn qua khe lá:

- Thí chủ có nghe gì khác nữa không? Có nghe cả cánh rừng này đang vang vang tiếng mõ?

Hắn vểnh tai lắng nghe. Lâu lắm. Không biết do dư âm tiếng mõ hắn nghe một năm trời trên am còn vọng trong tai, hay tiếng con chim gõ kiến, mà hắn nghe tiếng mõ khua động khắp rừng. Hắn nói:

- Tôi nghe "cốc cốc" khắp rừng.

Nhà sư mỉm cười hài lòng:

- Đó là tiếng gỗ. Gỗ đánh thức gỗ. Gỗ thức rồi. Thôi! Mình đi đi.

Hai người trỗi dậy, men theo con suối nở dần ra. Tới một nơi đã thành sông con, nhà sư dừng bước nói:

- Ta tạm biệt nơi đây. Còn hạnh duyên thì còn gặp. Thí chủ leo qua ngọn đồi kia là tới bến đò.

Hắn lên đỉnh đồi, thấy bên kia đầy sương mù. Tiếng sóng lao xao trên giòng sông du hắn vào thế giới cũ, nơi hắn qua lại từ thuở nhỏ. Sóng xưa dồn về bến cũ, nơi của con nước lên, con nước xuống, đi và về, tiễn và đưa, hò hẹn, và đợi chờ, họp và tan, sớm và trễ, tần tảo và hưởng thụ...

Tiếng mõ im bặt. Gỗ ngủ lại.

Hắn chăm chú nhìn người đàn bà chèo đò. Dáng uốn éo nhịp nhàng theo nhịp chèo khơi dậy một thèm khát đột ngột trong người đàn ông lâu ngày ở một mình. Cơn thèm khát xác thịt phồng lên như cánh buồm trước gió lộng. Bến đò vắng với người nữ cô độc khiến hắn nảy tà ý. Hắn thoáng nghĩ tới tấn kịch mà thằng trộm tình làm với vợ hắn hôm nào. Hắn cũng có thể làm như thế. Hắn đứng ở mé sân khấu chờ nhảy vào sắm vai kẻ dâm tặc.

Nhưng khi con thuyền tiến lại gần thì hắn bàng hoàng nhận ra người chèo đò chính là vợ hắn. Điệu bộ chèo đò của y thị lúc này phơi bày, không phải trong ký ức mà rành rành trước mắt hắn, cả thân thể trần truồng nhún nhảy mê loạn của mụ trên giường ngủ với tình nhân. Si mê hóa thành cuồng giận.

Hắn còn nhớ như in buổi chạng vạng hôm đó nắng quái đầy vườn cau, hắn lỡ tầu lên tỉnh, quay về nhà bất ngờ, nghe tiếng rúc rích khả nghi trong phòng ngủ. Không cần lắng nghe lâu, hắn nhận ra tiếng vợ hắn với một người đàn ông lạ. Vậy là những lời đồn đãi của thiên hạ không phải là bịa đặt. Hắn muốn coi mặt thằng đàn ông là ai, mà phòng lờ mờ, nắng quái rọi qua các khe gỗ chỉ đủ thấy dạng người, không rõ nét. Từ sáng đột ngột vào tối, hắn đang hoa lên, càng hoa thêm khi nhìn những cử động man rợ của thằng đàn ông và tai nghe những tiếng rên rỉ dâm đãng của con đàn bà. Khi mắt vừa hơi quen với bóng mờ, hắn thấy con đàn bà vùng dậy đổi tư thế, và làm một cách hối hả như nôn nả cập bến. Cơn giận lên cực điểm, hắn chụp con dao rựa, đạp tung cửa phòng và đưa dao phập

xuống. Con đàn bà rú lên gục xuống trong khi thằng đàn ông, sẵn đang nằm ngửa, chân gấp gọng vó, vung ra đá văng dao của hắn đi và chạy thoát...

Ký ức nóng hổi tuôn về ùa trên mặt sông mù sương. Khi nhìn thấy kẻ phụ tình còn sống phây phây, và nhất là mình "chưa" phải là kẻ giết người, vẫn là kẻ vô tội, hơn nữa, kẻ thiệt thòi, oan ức. Hắn trở lại con người cũ trước khi ngã vào cửa am. Hắn gằm gừ trong họng:

"Con dâm phụ! Không ngờ mày còn sống. Hãy chờ tao trở lại thanh toán thằng gian phu, xong sẽ tính tội mày".

Hắn quay lên núi, cười gằn "Hừ, lên hay xuống đây, mày?"

Mây mù kéo tới đột ngột và mưa đổ sập xuống. Sấm sét nổ ầm ầm trên trời. Lòng nặng hận thù, hắn cắm cổ bước nhanh lên dốc núi. Hắn không nhớ đường, nên cứ đi loanh quanh, đến tối mới tình cờ tìm lại được cái am. Hắn đi ra sân củi tìm cây búa rìu, xăm xăm đi lại cửa nhà. Đến trước tấm phên che, nơi hắn ngã xuống năm ngoái, bỗng hắn khựng lại. Dòm vào khe vách, thấy nhà sư đang quay mặt vào tường tụng kinh. Tiếng mõ đều đều. Trong tiếng gầm thét của mưa lũ, tiếng mõ rơi xuống như những giọt khô ráo, tròn trịa, thánh thót. Nhẹ nhàng mà đầy uy dũng. Tiếng mõ đó có sức mạnh huyền bí làm hắn phải chùn tay. Nhưng chưa chùn lòng. Hắn nghĩ giết bằng búa... ghê tay, thì có cách khác. Hắn tiến lại một cây to, ước lượng hướng ngả của cây lên mái am, và bắt đầu bổ lưỡi rìu xuống. Trời tối quá, hắn nhắm chừng mà bổ, và kiểm soát lưỡi rìu nhờ tia chớp thỉnh thoảng soi xuống. Lúc đầu hắn chặt bừa bãi, sau hắn chặt theo nhịp mõ từ trong am xuyên màn nước mưa vọng ra. Hắn nhái "Nam mô A di đà Phật" theo nhịp sáu "cốc cốc cốc cốc cốc cốc" rồi kết "phập" một búa xuống thân cây. Sau một hồi hăm hở cuồng điên, hắn bắt đầu mỏi tay. Một vài nhát búa kẹt trong gỗ, khi hắn rút ra, gỗ rít nghe nhức nhối. Hắn hơi hối hận, đã vì muốn cho chắc ăn, chọn cây này, cây to nhất. Khi "miệng" cây mở được một chút thì hắn gần như kiệt sức, bắt đầu đơn giản hóa tiếng hô, hắn chỉ hô "Phật!" mỗi khi giáng búa xuống. Trời tối và nước mưa đầm đìa mặt mũi, hắn không nhìn thấy "miệng" cây đã há đủ rồi, đã đến lúc chặt phía đối diện để hạ theo hướng định sẵn. Hô "Phật" đã chán mồm, hắn im lặng, giáng búa. Và lạ lùng thay, gỗ bị chặt không nghe tiếng "phập" nữa, tai hắn nghe rõ ràng bật ra tiếng:

- "Phật!"

Đúng lúc đó tâm hắn lòe sáng như tia chớp đánh xuống. Hắn đổi ý, không muốn giết tên dâm tặc nữa. Hắn vội vàng bổ lệch đi để cây ngả sang hướng khác, cho khỏi sập xuống mái am. Nhưng trễ rồi, cái cây đồ sộ lừng lững đổ xuống. Ngay trên hắn. Hắn vội vàng tránh ra để thoát

thân. Nhưng cũng không kịp...

Hắn tỉnh dậy, không đau đớn như lần trước, đang nằm trên tấm nớp cói, biết rằng mình vừa được cứu một lần nữa. Nhưng cái am sập nát. Nhà sư, hẳn là người vừa cứu hắn, đang ngồi trên một tảng đá, quay mặt vào rừng. Trời xanh trong vắt. Không nghe tiếng tụng kinh và tiếng mõ lóc cóc. Chỉ nghe tiếng chim hót líu lo và tiếng rừng xào xạc. Hắn bàng hoàng đứng dậy. Dọm bỏ đi.

- Thí chủ định đi đâu?

Tiếng nhà sư trầm mà rõ. Hắn dừng chân nhưng không quay lại. Lòng rối bời, mâu thuẫn. Hắn vừa oán tên dâm tặc phá nát gia cang hắn, vừa biết ơn nhà sư hai lần cứu. Hắn không biết nên đối xử thế nào với hai con người trong cùng một hình hài đó. Đầu óc hắn xoay mòng mòng như cái cối ly tâm. Cuối cùng hắn bước qua một cành cây đổ, đi ra, bỗng đã thấy nhà sư đứng sững trước mặt hắn, như có phép biến. Hắn quay mặt nhìn về phía tảng đá, lại vẫn thấy một nhà sư ngồi quay lưng lại. Rõ ràng là có hai nhà sư, một ngồi, một đứng. Hắn trả lời:

- Tôi về nhà.

- Nhà nào? Nhà sư đứng hỏi.

Hắn bỗng khựng lại - quả thực hắn không thể về cái nhà cũ nơi người vợ ngoại tình đang ở. Và nếu thế thì không đâu là nhà hắn nữa. Trong một năm trời chữa thương và nghe kinh trên núi, hắn đã phần nào hiểu được lẽ đời. Thoát chết lần thứ hai, hắn đã mơ hồ thấy lẽ đạo. Nhưng nỗi hận tan cửa nát nhà, và cái ý chí muốn phân biệt phải trái, vẫn còn cao. Như đa số người đời -những người đời quảng đại khoan dung- trước khi tha thứ phải làm cho ra lẽ, phải biết ai phải ai trái, chính nghĩa về tay ai, hắn muốn ít nhất một lần tính tội rồi mới tha tội. Hai nhà sư, phải có một thiện, một ác. Đây là dịp tốt để phân biệt trắng đen:

- Các ông hãy nói đi - Ai làm chuyện tồi bại với vợ tôi?

- Chính là bần tăng! Cả hai nhà sư nói cùng một lúc.

Hắn ngạc nhiên đến ngẩn ngơ. Bỗng ký ức bật lên một tia sáng: Cái buổi chiều bất gian, quả thật hắn không kịp nhìn mặt tên gian phu. Hắn chỉ nhớ hình dạng tên đàn ông nằm ngửa, chân gấp gọng vó, vung ra đá văng con dao của hắn, rồi chuồn đi. Và khi nhà sư diễn lại trò nằm ngửa đá dao thì hắn đương nhiên coi ông ta là thủ phạm. Bây giờ thì mọi sự trở thành u u minh minh. Hắn chỉ thấy hình tướng người nằm ngửa, có thấy chân ngã của người đó đâu?

- Thế người hai lần cứu tôi là ai? Hắn lại hỏi.

- Chính là bần tăng! Cả hai nhà sư cùng đáp.

Hắn lui một bước và xoay người để nhìn được một lúc cả hai đối phương, rồi buông giọng nửa chán nản nửa van nài:

- Các ông ơi! Tôi muốn ân oán phân minh, xin các ông làm ơn đừng hồ đồ.

Hai câu trả lời gần như cùng một lúc:

- Phân minh cũng thế. Mô Phật! Nhà sư ngồi nói.

- Hồ đồ cũng vậy. Mô Phật! Nhà sư đứng nói.

Hắn bỗng thấy mình bất lực. Buông thõng hai tay, xuôi vai, ngồi bệt xuống. Trong thế bán già. Lòng bỗng thành hư không, không lẽ phải, không lẽ trái; không hơn, không thiệt; không nhà sư tả, không nhà sư hữu, không nhà sư nào cả; không kẻ dâm tặc, không kẻ phản bội, không kẻ bị bội phản. Thân hắn cũng không. Lại nghe nhà sư ngồi nói:

- Trời sáng rồi, chúng ta ra xẻ cái cây vừa ngã, cất lại am.

Một tuần lễ sau. Am cất lại xong. Lá thu vàng rực. Ba người bàn về việc chọn pháp danh cho người nhập môn sau cùng. Hai người kia vo quả mồng tơi viết vào bàn tay rồi cùng chìa cho nhau xem, cùng cười ha hả:

- Mộc Tâm!

Hai ông đã hiệp ý với nhau, nhưng còn hỏi, cốt để dò ý người sắp nhận pháp danh:

- Chỉ tội cái tên nghe có vẻ đàn bà?

Người sắp nhận pháp danh tủm tỉm cười nói:

- Tôi tới đây vì chuyện nam nữ. Tôi ở lại đây vì không phân biệt nam nữ nữa. Không phân biệt gì nữa.

Cả ba lại cười sảng khoái vang động cả khu rừng.

- Thế huynh không chấp chuyện phu nhân bị hai tên ô trọc này làm nhục? Một trong hai nhà sư nói, tay trỏ vào mình và vào nhà sư kia.

Hắn nghĩ chính hắn cũng đã có lần hiếp vợ người trong tư tưởng. Đó là lúc hắn đứng trên sườn đồi nhìn người đàn bà chèo đò uốn éo một mình trên sông vắng, chưa nhận ra vợ mình, và lòng dào dạt tà ý. Ôi! Tội phúc, duyên nghiệp, tất cả ở trong tư thân. Hắn mỉm cười, tự chỉ vào ngực mình:

- ... ba tên tội phạm, chứ không phải hai.

Cả ba vừa định phá ra cười thì nghe nhịp sáu quen thuộc "cốc cốc cốc cốc cốc cốc". Họ cùng lắng tai nghe con chim gõ mõ. Mộc Tâm nhớ lại lời nhà sư nói con chim đã gõ như thế cả triệu năm. Và ông hiểu ông phải chia sẻ định mệnh với cả một rừng nhân loại mênh mông. Ông nhìn thấy chân tướng chúng sinh lấp lánh trong chân tướng mình.

Mộc Tâm cầm dùi gõ xuống chiếc mõ đặt trước mặt.

Mộc Tâm, sau bảy năm gõ mõ trên rừng, vẫn không hay biết, và không bao giờ để tâm tìm biết, trong hai nhà sư kia ai là người trước khi đi tu đã là tên dâm đạo. Mộc Tâm chỉ biết, do tình cờ, là: người đàn bà chèo đò, sở dĩ còn sống sót và tiếp tục chèo thuyền trên sông là vì hôm đó, nhà sư thứ nhất bị tên dâm đạo đuổi ra khỏi am, ông xuống làng chữa thương cho người đàn bà, xong đi nhàn du hoặc khất thực. Xong việc ông trở lên núi điểm hóa cho tên dâm tặc đang sám hối.

Người đàn bà, qua thời gian, nhan sắc có chút phai tàn, nhưng vẫn còn xinh đẹp và dáng điệu chèo đò yểu điệu, đôi khi say đắm, như hồi son trẻ, vẫn làm cho nhiều khách nam nhi xốn xang sóng lòng. Mỗi năm vài lần nhà sư Mộc Tâm gánh măng khô và đồ đan tre nứa xuống núi đổi muối, tương và dầu đèn. Ông phải đi đò ngang. Người đàn bà nhìn mà không nhận ra chồng cũ. Ông thường ngó ra sông nước mà ngâm bài kệ tự làm:

"Gỗ không nổi không chìm
Thuyền nổi vì khoang rỗng
Thuyền chìm bởi đặc tim
Mộc tánh Bồ đề tánh."

Một hôm, vào mùa xuân, hoa mai nở trắng sườn đồi và én liệng la đà mặt sông, ông vỗ vào ván thuyền mà ngâm:

"Vượt đi, vượt đi, vượt sang bến kia, đậu tại bến kia".

Người đàn bà chèo đò chở khách cập bến, cất tiếng:

- Tới bến rồi!

Khách lên bờ, bà vẫn cắm sào chờ chuyến khác, nhìn xa xa lẩm bẩm *"Vượt đi, vượt đi, vượt sang bến kia, đậu tại bến kia"*.❐

CẢO THƠM AUDIOBOOK
P.O. Box 531, Placentia, CA 92871 USA
E-Mail: caothom@juno.com
Do Nhà văn Bùi Bích Hà chủ trương

Vừa phát hành bốn băng audiobooks đầu tiên:
1. **Đôi giày**: truyện *Tâm Thanh*. Người đọc: Thái Hà
2. **Bi kịch**: truyện *Bùi Bích Hà*. Người đọc Thái Hà
3. **Hạnh phúc có thật**: Truyện *Bùi Bích Hà*. Người đọc Thái Hà
4. **Thuyền**: Truyện *Bùi Bích Hà*. Người đọc: Thái Hà

Puzzles cảnh quê nhà

NGÔ NGUYÊN DŨNG

chim mù gấp cánh bên sông khói
nước ngập ngừng xin gió thốc lên
vạt áo mười ba phơ phất gọi
giọng chiều hối hả búi tóc quên

sao đi không hỏi bờ bãi vắng
phù sa cuồn cuộn níu sào tre
tay thuôn thả bói gương cát ẩm
đất bồi đất lở nắng đỏ hoe

cầu ao sen cắm xuống tam bản
vạch coi mây đọng gáo nước trong
trưa mùa nắng ngủ quên dưới lá
áo vá quàng che mắt ngó mông

dấu in guốc mộc bùn non lún
cò soai soải cánh lúa đơm bông
tiếng cười trong trẻo phơi củi mục
chèo lơi lả nhịp ngửa nón trông

lu nước lắng phèn ôm ấp bóng
trăng mười lăm xối mát chân không
lửa đom đóm thắp đêm hôn phối
bần ngơ ngác rụng kín lưng sông

khói bếp nhà sau thơm gạo mới
Nàng Hương đong chén mẻ ấu thơ
ngân câu vọng cổ khàn hơi nhớ
sên đưa đẩy phách võng ầu ơ

người xa canh cánh trời quê cũ
vườn ổi già nua vắng tiếng chim
bụi khô khốc thổi vàng sân úa
mối mọt âm thầm khóc nỗi riêng

(11.1999)

Những mùa ớt trong đời

Vũ Đình Kh.

Hắn không nhớ biết ăn ớt từ khi nào, lúc mấy tuổi, ra làm sao? Trong ký ức mù mờ hắn nhớ dường như đã từ lâu lắm. Có lẽ vào cái tuổi hắn bắt đầu đi học thì phải. Sau này khi nhìn thấy hắn ăn ớt, mẹ hắn thường nói với hàng xóm như một hãnh diện: Cái thằng biết ăn ớt từ lúc... biết đi!

Nhưng kỷ niệm hắn nhớ nhất cái sự ăn ớt của hắn là vào khoảng năm mười hai tuổi.

Thuở ấy, cái quận lỵ Diên Khánh nhỏ quắt queo như bàn tay bà già. Dọc con đường từ nhà đến trường, là những gò mối, những đám tranh lơ thơ cằn cỗi, những ngôi mả lạn hoang vu tiêu điều. Xen vào đó là những cây ớt dại luôn gãy ngọn vì bọn con nít đi ngang thường túm lấy vài trái cất vào túi áo quần đem tới trường nghịch phá.

Người ta gọi đó là ớt cứt chim ỉa. Ít người chịu ăn, bởi trái nó bé tí, tốn công hái nhặt lại cực cay. Sở dĩ gọi ớt cứt chim ỉa vì giống ớt này mọc lên do chim ăn khắp nơi, về nơi đây đậu trên các cành cây rồi ị xuống, theo thời gian nảy mầm mọc lên. Ớt không to trái lắm, vì thế nó luôn mọc chĩa thẳng lên trời. Bọn trẻ như hắn hồi đó nghe người lớn thường nói: Nó cay xé trời! Hình dáng nó cũng tương tự như ớt nhà nông trồng, nhưng khi ta ra chợ kiếm rất hiếm thấy.

Hắn còn nhớ như in, một hôm cùng thằng bạn tên Đức đang trên con đường làng đến trường vào những ngày đầu đông, thằng Đức chợt nói:

- Trời lạnh thật! Sáng không ăn cơm, thấy lạnh hơn mọi ngày.

- Ừa. Tao cũng vậy! Bà tao nói người lớn họ thích đánh nhau hoài, nên tụi mình là đám con nít phải chịu đói luôn. Mấy ổng ở trên núi ban

đêm xuống đánh, xuống gõ mõ khắp làng. Ban ngày mấy ông lính dưới này như bác tao thì nã đạn lên núi liên tục làm ai ai cũng bỏ cả ruộng đồng, nương rẫy!

Hắn vừa xoa hai tay vừa để vào. Hai đứa co ro đi trong gió lạnh mù sương. Một lát thằng Đức chợt nói:

- Mà Tít nè! Sao người lớn họ thích đánh nhau quá hén! Lớn lên tao cũng đi lính, cũng bắn ầm ầm như bác của mày thường bắn mỗi ngày ở chi khu!

- Bậy nà! Bắn giết có sướng ích gì! Bà tao nói vậy. Bác tao thì ở dưới này. Chú Út tao lại ở trên núi, lâu lâu lén về thăm nhà xin xỏ bà tao. Bác tao có biết được cũng đành giả vờ làm ngơ. Bởi vậy...

-Ê! Hai thằng nhóc kia, lại đây.

Hắn chưa nói hết câu, đã nghe tiếng Tư Cò gọi. Tư Cò làm cảnh sát ở địa phương này chưa lâu nhưng nổi tiếng hách dịch. Hắn biết, lúc trước Tư Cò là lính đào ngũ, sau nhờ cha mẹ đút lót mà làm cảnh sát tại quê nhà. Tên của anh thực ra là Tư, bởi anh thứ tư. Tướng Tư cao lêu nghêu như cây tre làng, lại mặc đồ cảnh sát màu trắng, nhìn từ xa giống như con cò cao cẳng, cho nên mấy anh lớn trong trường thường gọi Tư thành Tư Cò theo đúng nghĩa: vừa giống Cò thú vật vừa giống Cò người - như cái chức Cò cảnh sát của Tư. Nhất là những trưa tan trường, học sinh hàng hàng lớp lớp đua nhau ra về, ngang cửa Tây (một loại cửa như đường hầm thời xưa để lại), xô lấn chửi thề um vang, ép nhau đi, thế nào Tư Cò cũng bợp tai mấy đứa con trai làm oai.

Thằng Đức nói:

- Mẹ ơi. Tư Cò lại say rượu rồi!

Hai đứa riu ríu nép mình theo cái vẫy tay của Tư Cò.

- Thằng Tít! Nghe nói, đêm hôm qua thằng Út Bạch Lan lại mò đầu về nhà xin tiếp tế gạo, tiền phải không mậy?

Hắn tái mặt. Mặc dầu trời mùa đông lạnh buốt xương, nhưng không giấu nổi bộ mặt của hắn càng trắng bệch thêm ra. Quả đêm hôm qua, chú Út của hắn cùng mấy ông du kích từ bên kia Đại Điền Đông lội băng đồng về nhà bà hắn xin gạo tiền, lúc rút đi không biết làm sao chó sủa suốt đêm, dân làng phải đánh trống, gõ mõ, gõ nồi niêu soong chảo vang um trời đất trong đêm đen để báo chính quyền xã. Hắn sợ quá nằm thu lu bên vú bà.

- Anh Tư. Tui đâu biết. Tui ngủ mù trời mà! Tui nói thiệt...

- Thằng xạo mày! Hôi hôm, trống mõ soong chảo đánh liên tu liền tù tì mà mày nói ngủ mù trời hả? Tao nói thiệt. Tao mà bắt được thằng Út Bạch Lan, tao cắt gân nó!

Hắn im re không dám hé răng. Hắn biết, giữa Tư Cò và và chú Út của hắn có mối hận tình với một cô gái trong thôn. Cả hai gã đàn ông đều yêu một cô gái quê, nhưng không được đáp lại mối tình câm. Cả hai đều thất tình! Tư Cò trốn lính một thời gian sau làm cảnh sát. Chú Út của hắn lên núi làm cách mạng... đắp mô đường xá, giựt mìn xe lam! Sở dĩ, có cái tên Út Bạch Lan là vì chú hắn ca vọng cổ giao duyên rất mùi, cả xóm ai ai cũng thích. Hắn không biết giữa hai gã đàn ông làm sao mà từ tình bạn hóa ra thành kẻ thù truyền kiếp? Vì một cô gái quê? Vì quê hương đất nước? Hắn nghĩ mãi vẫn không ra lẽ. Chuyện hai chàng thanh niên mới lớn yêu một cô gái quê không được đáp tình, là chuyện phức tạp của người lớn hắn không thể hiểu nổi! Còn chuyện vì quê hương đất nước hắn còn mù mờ hơn! Yêu đất nước mà trốn lính, rồi đút lót để được đi cảnh sát nằm tại quê nhà. Yêu đất nước mà đêm đêm chú hắn cùng đồng đội về làng đắp mô, gài mìn cho nổ xe lam và dân quê chết oan ức tội nghiệp! Hắn không hiểu lắm về một đất nước mà hắn đang ở ra làm sao!

Tư Cò có tật uống rượu mỗi sáng sớm khi đứng gác cổng thành. Mỗi khi say sần sần, anh có quyền... cho phép mình đánh vài bợp tai một, hai thằng học sinh nào đó đi ngang qua cổng mà anh không ưa!

- Mày dìa nói với Út Bạch Lan coi chừng có ngày tao thịt nó...

Tư Cò chưa dứt câu hắn đã lò dò muốn đi.

- Ê! Thằng kia. Tao cho mày đi chưa mà mày dám đi hả mậy? Lại đây tao biểu...

Thằng Đức sợ quá níu hắn lại, nói:

- Tư Cò kiếm chuyện rồi Tít ơi! Hình như ổng xỉn rồi đó.

Hắn riu ríu đứng lại. Tư Cò bảo:

- Mày dám chống tao? Tao chưa cho đi mà mày dám đi hén! Ê! Thằng Đức cống, lại tao biểu. - Tư Cò vừa nói vừa vẫy vẫy cái roi mới bẻ đâu đó trong lùm cây, mắt nhìn láo liêng, chỉ vào mấy cây ớt mọc hoang sau cái mả lạn.

- Thằng Đức cống đi hái cho tao một bụm ớt coi mậy.

- Chi vậy anh Tư? - Thằng Đức ngơ ngác hỏi Tư Cò.

- Thì tao bảo sao nghe vậy, mày có nghe hông mậy.

Thằng Đức lò dò đi quanh mấy gốc ớt bứt một bụm đem ra đưa Tư Cò. Tư Cò bảo:

- Mày nói đêm hồi hôm thằng Út Bạch Lan không có về, phải không? Làm sao tao tin mày! Tao biết cả nhà mày cố bao che nó. Hay là thế này: một là mày phải thú thật với tao đêm qua có thấy thằng Út Bạch Lan về làng; còn hai, nếu mày muốn chứng minh mày không biết gì cả, tao cá mày có dám ăn hết bụm ớt của thằng Đức cống vừa hái kia không?

- Ai lại đi xử ép với nó như vậy anh Tư...

- Im mậy! - Tư Cò cướp ngang lời thằng Đức.

- Sao? Dám không mày, Tít? - Tư Cò nhìn hắn khiêu khích.

Đến lúc này hắn không còn chọn lựa. Hắn không muốn Tư Cò biết chú Út của hắn có thể còn luẩn quẩn quanh làng. Hắn bậm môi gật đầu. Hắn tin cái tài ăn ớt... từ lúc còn biết đi của mình.

- Được rồi! Tui ăn. Nhưng từ đây tui không muốn anh hỏi tới chú tui nữa vì tui không biết mấy cái chuyện của người lớn.

Tư Cò cười khinh khỉnh bảo thằng Đức:

- Ê Đức cống! Mày đưa bụm ớt cho nó ăn.

Thằng Đức đưa bụm ớt, nói như xin lỗi:

- Biết vậy, hồi nãy tao hái ít ít...

Hắn không nói không rằng, bốc bụm ớt tọng vô miệng nhai rau ráu. Tư Cò cười khoái chí, vừa quơ cây roi quất đen đét vào thinh không vừa đi vào bục gác ngồi.

Đó là lần đầu tiên trong đời một thằng bé như hắn biết thế nào là sự thù hận của con người trên chính mảnh đất hắn đang sống.

Ngày ấy, hắn tọng cả bụm ớt ăn nhưng vẫn không thấy cay. Hắn chỉ thấy: Đời cay hơn ớt!

Sau 75, người ta nói quê hương đã thanh bình. Hắn lớn lên như gió đồng quê vẫn thổi dạt dào vun xới những cánh đồng lúa mơn mởn trên chính quê hương hắn. Thanh bình đâu không thấy? Hắn chỉ thấy người dân ngày càng đói meo mốc hơn, những từ ngữ mới lạ nhiều hơn.

Hắn cũng thay đổi hẳn! Bây giờ hắn trở thành công an biên phòng đóng đồn tận Thủy Triều, Cam Ranh, lâu lâu mặc đồ trận về làng đạp xe dạo chơi thăm bạn bè. Ai nhìn hắn cũng sợ, cũng e dè lấm lét mà đi - ngay cả mấy thằng bạn thân nhất như thằng Đức cống một thời áo trắng quần xanh thuở bé cũng nghi kị cả hắn! Mà hắn có làm chi đâu? Hắn nghĩ mặt mày hắn cũng chẳng lưu manh, côn hồn chi lắm; bằng chứng là mấy tháng quân trường hắn đói meo, đói rã họng bởi cái tánh ngờ nghệch học trò mới dứt sữa của mình. Hắn chỉ mặc bộ đồ công an màu xanh cứt ngựa, đội cái mũ vải có gắn cái ngôi sao vàng trên đầu, mà ai nhìn cũng đã hoảng hồn.

Xã hội gì kỳ cục! Sợ gì không sợ, lại đi sợ cái ngôi sao vàng... khè! Hắn vừa nghĩ miên man, vừa cong đít đạp chiếc xe đạp cà tàng qua cửa Tây, nơi ngày trước hắn từng ăn cả bụm ớt cứt chim ỉa. Chợt thấy đám đông dưới dốc, hắn ngừng xe lạià

- Mẹ! Đánh chết nó đi! Cha này hồi trước làm cảnh sát nguỵ, hách

dịch lắm. Chả làm gì cứ lấp lấp ló ló dưới ao cá mấy hổm rày. Định câu trộm cá hợp tác xã chắc? Đánh chết mẹ nó đi. Có gì tao chịu!

Hắn nhìn hai gã du kích xã trong xóm quen mặt, can gián:

- Thôi bỏ qua đi. Mấy ông đâu có quyền đánh người ta như vậy. Cũng dân trong xóm, trong làng cả mà. Còn luật pháp nữa chi?

- Luật pháp cái... củ bìa! Luật pháp là tui đây!

Hai gã du kích cự lại. Nhìn người đàn ông nằm sấp, hai tay ôm đầu, co đôi đầu gối quì kiểu chổng mông để che đòn, hắn bất bình, điên tiết dọa:

- Đù mẹ! Tao là công an. Tao cũng có súng. Tụi mày lạng quạng tao bắn thấy mẹ!

Hai gã du kích xã lườm lườm nhìn hắn, đoạn xua đám đông, rồi cũng đi. Hắn vừa dìu người đàn ông đứng dậy, vừa lầm bầm:

- Làm gì để tụi nó đánh dữ vậy?

Hắn chợt ngưng ngang khi nhìn ra người đàn ông.

- Ủa! Anh Tư! Khỏe không anh Tư... Còò?

Hắn nghĩ, bây giờ hắn cũng có quyền... hạch xách, trịch thượng gọi Tư là... Tư Cò. Đời mà! Cá ăn kiến, kiến ăn cá mà lị! Hắn chào Tư Cò, kéo rê chữ ò cuối như riễu cợt.

Tư Cò cúi lượm cái mũ tai bèo nhăn nhúm phủi phủi, quay lại định trả lời. Chợt Tư Cò thấy gã công an còn non chẹt, chân mang đôi dép cáu đầy bụi nhìn anh cười tỏn tẻn. Tư Cò chợt sợ ngang! Anh nhớ đã gặp cái thằng bộ đội con nít này ở đâu đây quanh xóm trước đây, nhưng không tài nào nhớ nổi bởi cái sợ khi nhìn thấy... cái ngôi sao vàng khè hắn đội trên đầu.

- Nhớ tui không anh Tư?

Hắn cười thân thiện. Tư Cò nhìn hắn, cố nhớ xem thằng con nít này là ai, nhưng anh đành chịu, lắc đầu.

- Anh hổng nhớ tui thiệt à? Tui là cháu của Út Bạch Lan nè!

- Ủa. Trời ơi. Thằng Tít! Mà mày... mày, dạ.. Dạ không, thưa anh cán bộ Tít! Anh mới về chơi? Tư Cò gãi gãi đầu thân thiện.

- Cán bộ, cán gáo gì anh Tư! Anh làm gì để tụi nó đánh dữ vậy?

- Có làm gì đâu! Tụi nó nghi, tụi nó không thích thì tụi nó có quyền đánh mình mà... em.

Hắn cười cười.

- Thì... cũng giống như anh hồi trước ấy mà, phải không? Chà. Lạ quá hén. Hồi trước tui gặp anh cũng ở đây. Bây giờ cũng ở đây. Anh còn nhớ vụ tui... bị ăn cả bụm ớt cứt chim ỉa?

- Thôi mà... em Tít! Nhớ chi chuyện xưa. Thằng Út Bạch Lan nó hành tui cả năm trời trong trại cải tạo. Nó... hổng phải... ổng bây giờ làm

lớn, ổng... quyền hét ra lửa....

- Chuyện của chú tui là chuyện của ổng và anh có dính dáng gì tới tui. Tui có muốn đòi nợ, đòi nần gì ở anh đâu, mà anh sợ dữ vậy anh Tư. Tình cờ gặp anh ở đây, nhắc chuyện bị ăn ớt cứt chim ỉa cho vui, luôn tiện tui muốn nói cái kỳ cục ở cái xã hội này. Hồi năm 74, tui lo học nhảy đặng khỏi bị đi quân dịch sớm, ai dè có ngày 30 tháng Tư, cũng không thoát, cũng đi lính dù đã hòa bình. Nếu không có ngày này, có lẽ giờ tui với anh cũng... sát cánh bên nhau trên chiến trường anh hén? Rồi có lẽ tui cũng... sát cánh bên anh đi cải tạo mút mùa lệ thủy chớ giỡn chơi sao! Phải không anh Tư? Rồi bây giờ tui làm công an cũng như anh làm cảnh sát trước kia. Muốn chửi ai thì chửi, muốn bợp tai ai thì cứ... tự nhiên làm, không sợ ai phạt vạ tống tù mình. Mà cái xã hội này nó còn lạ hơn nữa. Anh Tư có tin, tui, chính tui tay cầm súng đứng canh tù, mà người tù đó chính là ông bác tui?

Tư Cò đứng im, mặt tái ngắt như cái thuở hắn bị anh bắt nạt. Hắn cười tiếp.

- Chưa vượt biên sao anh Tư? Dạo này nghe nói mấy ông lính vượt biên dữ lắm.

- Thôi mà em Tít! Cho anh sống với. Út Bạch Lan bây giờ làm ở huyện ủy. Tui lạng quạng là ổng còng đầu tui ngay. Ổng còn hận cái vụ tui cùng mấy ông lính địa phương quân bố ráp nhà bà em hồi đó, làm ổng chạy văng mạng bán sống bán chết đêm hôm ấy. Ở đó mà nói tới vượt biển với vượt biên!

Hắn kê chân lên bàn đạp, nói trước khi đi.

- Anh liệu sao đó mà làm. Dù sao, cho đến bây giờ tui cũng cám ơn anh cái vụ bị anh cho ăn ớt cứt chim ỉa! Nó là một bài học quí giá đối với tui. Bởi vậy, mấy tháng nay đi công an tui cứ nghĩ hoài về vụ này. Nó cho tui biết cái xã hội này nó không thích hợp với tui, dù rằng chú tui muốn gửi tui đi học ở bên Liên Sô tui cũng không thèm.

Hắn nhớ, sau vụ gặp gỡ Tư Cò lần cuối, trở lại Cam Ranh hơn tuần hắn cướp tàu nhà nước vượt biên cùng ba gã công an trong đồn. Qua tới Philippines một năm, hắn giã từ người yêu lên đường định cư Canada với hành trang vỏn vẹn... hai ký ớt cứt chim ỉa mà hắn và người yêu cố công đi hái trên đảo Palawan trong khu rừng hoang, rồi nén chặt trong lọ thủy tinh với muối, để qua mặt bọn hải quan phi trường nhiều nước trước khi tới Canada. Hắn nghĩ cái xứ Canada lạnh lẽo, làm gì có ớt cứt chim ỉa mà ăn cho khoái khẩu vị cay của quê hương, nơi mà hắn đã chối bỏ ra đi để sống xứ người.

Canada là vùng đất lạnh. Xứ lạnh nhưng tình nồng. Thời cuối thập niên 70, dân tị nạn Việt Nam rất ít, nên sống quây quần và giúp đỡ nhau chí tình trong những ngày sống tha hương. Dĩ nhiên, xứ lạnh làm gì có ớt huống chi ớt cứt chim ỉa hắn thích ăn.

Hai năm sau, hắn nhận được thư của Tư Cò từ bên đảo Galang gửi qua. Từ đó giữa hắn và Tư Cò coi nhau như anh em. Nhiều năm sau, Tư Cò ổn định đời sống ở California, mời vợ chồng con cái hắn qua chơi.

Trong điện thoại Tư Cò nói:

- Chú qua đây. Anh cho coi cái này. Anh biết thế nào chú cũng quí!

Hắn qua tới Mỹ quốc, nơi xô bồ người Việt Nam, gặp Tư Cò, hắn hỏi:

- Anh nói có cái gì quí? Đưa tui coi ngay!

Tư Cò kéo tay hắn ra nhà sau chỉ... cây ớt cứt chim ỉa, phán:

- Nó đây!

Trời ơi! Đi bao dặm đường, qua bao quốc gia gần 15 năm sau, hắn mới được nhìn lại cây ớt cứt chim ỉa, giống như cây ớt ở quê hương. Dù rằng cây ớt cao quá đầu người và tàn tỏa rộng cả một góc sân. Hắn săm soi cây ớt, hỏi Tư Cò:

- Anh Tư lấy giống ở đâu vậy?

Tư Cò bảo:

- Anh cũng không rõ! Chủ trước của nó chắc cũng là người Việt, dọn ra bỏ lại. Cây này mọc chắc cũng đã lâu. Người ở trên lầu và anh ở dưới đất share quanh năm suốt tháng mà nó cứ ra trái hoài, ăn hổng hết thấy rụng cũng uổng. Hôi anh đi mướn nhà, thấy cây ớt này nhớ chú, nên mới mướn căn nhà này, chứ khu này tụi đen quậy dữ lắm, anh đâu có thích.

Hắn mặc Tư Cò nói. Tai hắn nghe tay cứ bứt từng trái bỏ túi. Chợt hắn giật mình.

- Trời ơi. Trời! Làm gì mà hái dữ vậy. Hái hết của người ta chắc?

Hắn ngẩng mặt nhìn lên cầu thang, thấy một mụ nạ dòng mặt quen quen. Người mụ đeo đầy vòng vàng ở tai, ở cổ, ở tay kêu rổn rảng khi xê dịch. Tư Cò vội nói.

- Tít. Chú còn nhớ chị Hai Lý? Chị Hai cũng là dân ở làng mình nè!

Hắn chưa kịp chào, Tư Cò tiếp:

- Chị Hai. Chị còn nhớ thằng Tít, con thiếm Sáu Lúa ở làng mình hông? Nó từ Canada qua thăm vợ chồng tui đó.

Mụ đàn bà chẳng thèm nhìn hắn.

- Nó là thằng nào, con ai, ở đâu tới... mặc mẹ nó! Cây ớt này của tui và chú, chớ có phải của nó đâu mà chú để nó muốn hái bao nhiêu mà hái. Hở trời!❐

Vancouver, 12/10/1999

Người muôn thuở

HÀ NGUYÊN DU

mặt trời xuống thấp,
ráng vàng trên sông
giọt buồn trong mắt,
cơn đau hoàng hôn
thuyền xa vời xa,
bồng bềnh sóng gió
về đâu hỡi ơi!
bến bờ mênh mông

một chiều nắng chết,
lá đồng rơi rơi
lệ thầm ta úa,
tim rung ngàn khơi
tình dâu tình nhân,
tình dâu tình ái?
người muôn thuở xưa,
mãi về bên tôi

người muôn thuở ơi!
tiếng người theo gió
hồn thùy dương tôi,
tha thiết dây đàn
chợt như cánh chim,
giữa ngàn mưa bão
buồn tôi thất thanh,
mấy trùng cơ man

nụ chưa trổ hoa,
đã rời cây lá
tình nồng chưa thâm,
sao đã đôi đường
nhòa môi mắt em,
khóc thời đen tối
mờ tôi lối đi,
chuốt dầy đau thương

mộng đời vỡ nát,
hết rồi trăng hoa
lạnh lùng thân gió,
thân mưa mình ta
ngày dâu ngày xưa,
lời em thường nói?
người muôn thuở ơi!
đã thành câu ca

đời này nước mắt,
kiếp nào ta mơ
cuộc tình oan trái,
thương cho tầm tơ
chờ nhau về đâu,
đời nghiêng tình ngã
người muôn thuở ơi!
mãi là trang thơ...

hà nguyên du
3/98

Gánh bánh nậm

Ngô Nhựt Tân

Quê hương em, nghèo lắm ai ơi
Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn
Trời rằng: "Trời hành cơn lụt mỗi năm"

Đôi chân bà Tám Quảng mỏi nhừ, đầu gối bên phải đau nhức thiếu điều tưởng chừng không còn lê nổi đôi chân. Tuy vậy, bà vẫn không dám đặt gánh xuống để ngồi nghỉ. Gánh bánh nậm từ sáng đến giờ vẫn còn đầy ắp. Nghĩ đến thằng Tỏn và con Tí em đang mong bà trở về, bà Tám cố rướn cổ gào lớn .. "bánh nậm đây, ai ăn bánh nậmmmm ..."

Giọng rao bà Tám Quảng bị tiếng gầm thét của sấm sét nuốt chửng. Mấy hôm nay Huế mưa tầm tã. Cái nón lá trên đầu bà Tám Quảng bị cơn mưa nặng hạt dội nghe đôm độp. Tin khí tượng cho biết Huế có thể sẽ bị bão lụt nặng. Thiên hạ đua nhau đi mua sắm thực phẩm. Các con buôn thừa cơ, giấu hàng đầu cơ tích trữ. Chưa đầy một tuần mà giá cả hàng hóa tăng lên vùn vụt. Ngày nào bà Tám cũng rán gói thêm ít bánh, mong gom thêm được ít tiền mua gạo trữ, phòng cho ba bà cháu nếu thật có bão lụt lớn.

Cách đây một năm, ba bà cháu bà Tám vẫn còn ở làng Trùi, một quận lỵ cách Huế không xa. Nơi ấy, tuy có nhiều kỷ niệm hay làm bà nhớ, nhưng bà sống tương đối ít căng thẳng, không phải về vật chất, nhưng về tinh thần. Con trai bà, anh Mai, mặt đen thui nhưng trèo cây giỏi còn muốn hơn cả khỉ; sau giải phóng, về kế thừa mảnh đất hương hỏa của cha anh để lại ở làng Trùi, đã bị bỏ hoang từ lâu vì bom đạn trong thời chiến. Trong lúc khai khẩn mảnh đất, đạp trúng trái mìn cóc bay mất bàn chân trái, có lúc bị làm độc lên cơn sốt cao độ, nói mê sảng tưởng chết. Nhưng

trời thương, nên vẫn sống khỏe, cà thọt cái chân cụt để làm ruộng nuôi mẹ. Bà Tám Quảng phụ giúp con trai thêm bằng nghề bán bánh nậm, một loại bánh khá nổi tiếng, mà dân Huế ai cũng biết. Dân làng Trùi tuy ít, nhưng hình như ai cũng thích bánh bà làm, nên ngày nào thúng bánh cũng bán cạn. Hai mẹ con có đồng vô đồng ra, sống qua ngày. Hơn hai mươi năm sau ngày giải phóng, anh Mai nghĩ đến chuyện lấy vợ. Chị Mai, vợ anh, xấu số, nên trước lúc lấy anh, già vẫn chưa có ai nhòm ngó. Được người mách bảo, anh Mai viết thơ cho chị, trong thơ anh nói rất trữ tình, "cô Thơ, nghe cô chưa có chồng, mà tôi thì chưa vợ, nếu cô bằng lòng tôi sẽ nói mạ tôi tới hỏi cô, hai đứa mình lấy nhau ..." Chị Thơ bẽn lẽn, tìm không ra chim xanh, tự mang thơ trả lời đến trước cổng nhà anh Mai, vừa cười e thẹn vừa vất cái thơ cho anh rồi chạy ù như bị ma đuổi. Chẳng lâu lắc gì, làng Trùi có đám cưới, đơn giản nhưng vui. Hai vợ chồng anh Mai tuy già, nhưng sống hạnh phúc. Bà Tám Quảng xem chị Mai như con gái ruột, bà hay hãnh diện nói với mọi người "trước chỉ có một thằng con trai độc nhất, nay có được tới hai đứa con." Chị Mai cho ra đời thằng Tồn, con Tí em trong khung cảnh đầm ấm ấy. Nhưng hôm đang gieo mạ làm mùa, anh Mai đạp trúng miếng kẽm gai ai vất vào giữa ruộng. Máu ra nhiều, anh phải lấy vôi ăn trầu của bà Tám trét vào, nhưng vết thương càng lúc càng lở loét. Anh thử dùng tro hòa với bùn đắp, y như lời bà Cáo cạnh nhà mách bảo, cũng chẳng thấy khá hơn. Rồi một buổi trưa anh bị lên cơn sốt nóng hổi, nói nhảm. Chị Mai lạy lục bác Ba Bổn dùng xe lam chở anh Mai lên nhà thương ở thành nội Huế, chị chẳng có nhiều tiền để hối lộ cho y tá, nên lúc tới phiên vào khám, anh Mai trút hơi thở cuối cùng, vì chứng phong đòn gánh, người uốn vặn cong queo. Tuy vậy, miệng vẫn rán cười méo xệt sau khi nói được với vợ một câu ngắn ngủn "về nói với mạ, tui thấy cuộc đời tui như vậy là thỏa mãn lắm."

Chị Mai khóc ngất, nắm chặt lấy tay chồng. Chôn anh xong, chị tiếp tục công việc ruộng nương mà chồng đang bỏ dở. Nhưng khổ nỗi, bụng mang dạ chửa, nên làm lụng khó khăn. Ngày ra đời của đứa thứ ba vài tháng sau khi anh mất, chị bị làm băng, máu tuôn xối xả. Đứa bé bị dây nhau quấn nghẹt thở chết trước lúc sanh vài phút. Bà đỡ đẻ không biết phải làm gì, nhờ bác Ba Bổn chở chị bằng xe lam lên nhà thương thành nội Chị trút hơi thở cuối cùng bên cạnh thằng Tồn và con Tí em đang ngủ vùi mệt mỏi dưới đất thềm xi măng trong phòng nhà thương thí.

Bà Tám Quảng cơ cực hơn thấy rõ. Bà phải làm lụng nhiều hơn để nuôi hai đứa cháu nội còn quá nhỏ, nên ốm xọm đi, lưng còng thêm hẳn. Những lúc sau này, bà càng lo âu khi thấy gánh bánh nậm ngày nào cũng

còn lại quá nhiều. Dân số trong làng giảm đi rõ rệt. Hình như ai cũng bỏ làng, ra tỉnh lập nghiệp. Bà nghe đâu nhà nước áp dụng nền kinh tế thị trường, thị trổng gì đó. Bà chẳng biết ất giáp gì, nhưng hiểu bập bẹ là người dân được tự do buôn bán. Việt kiều về thăm nước nhiều lắm, khắp nơi. Lên tỉnh, dù gì cũng dễ sống hơn trong quận lỵ nhỏ bé này... Bà bán mảnh đất hương hỏa, tay bồng tay bế hai anh em thằng Tỏn lên Huế, sống cho đến ngày nay...

Bầu trời đen nghịt, mưa càng lúc càng lớn. Ngoài đường nhiều nơi bà Tám phải lội bì bõm, nước ngập lên đến mắt cá. Bà ghé đến từng nhà mời, ai cũng lắc đầu. Bà lo lắm, miệng thầm khấn trời Phật cho bà bán được gánh hàng, để còn về sớm với hai đứa cháu nội. Tiền bán được hơn mười ngày nay, bà tiêu pha tằn tiện, nên dành dụm cũng khá. Bữa nay nữa bà sẽ đi mua ít gạo, ít mì gói, đồ khô về trữ, cho giống thiên hạ. Trận lụt này thì chắc khó tránh, có gì bà cũng có ít đồ ăn cho cháu. Nghĩ đến con Tí em đang ngồi bú tay trước cửa chờ bà về, bà lại đi từng nhà rao to.

Con dốc Nam Giao làm bà Tăm thở muốn hụt hơi. Nhưng bà thích con đường này lắm. Ai nói bà tin dị đoan thì bà chịu chứ con đường này lúc nào cũng mang nhiều điềm may đến cho bà. Nhiều lần bán ế rầu thúi ruột, mà quẹo lên con dốc này, thì trước sau gánh bánh nậm cũng bán hết. Chỉ có điều leo dốc hơi cực, nhưng kệ, biết đâu hôm nay lại chẳng bán hết? Đến gần đầu con dốc, nơi có ngôi chùa Thiên Minh tĩnh lặng, bà quyết định dừng chân nghỉ vài phút rồi lại đi tiếp. Vừa bước vào hiên chùa, bà chú ý đến một người đàn ông co ro đang đứng trú mưa. Miệng đang lẩm bẩm những gì bà nghe không rõ. Người đàn ông có cái nhìn thanh tú, trạc độ hơn bốn mươi, cất tiếng trước, giọng sệt miền Nam:

- Bà bán cái gì vậy?
- Bánh nậm cậu ạ.
- Chà, bánh nậm Huế thì cháu nghe nổi tiếng lắm.
- Cậu có muốn thử không? Bánh còn khá nóng, tôi ủ kỹ lắm.

Thấy người đàn ông đang bóc lá, dùng đũa cạo bánh ăn ngon lành, bà Tám mừng lắm, tự thấy mình nghĩ đúng, "con dốc Nam Giao may mắn." Bà thầm đoán, người đàn ông này có vẻ của một người nước ngoài, qua cách ăn mặc, và cách thức ăn uống quý phái. Anh ta cho bà biết anh đã rời Việt Nam hơn hai mươi năm rồi, hiện đang sống tại Mỹ. Dáng vẻ anh ta thanh tao, lối nói chuyện lại lịch sự làm bà thích lắng nghe anh ta nói. Sơn, tên người đàn ông, còn cho bà biết anh hiện là một kỹ sư của một hãng máy điện tử lớn nhất nước Mỹ. Bà Tám thấy người nước ngoài

sao may mắn thế. Nghe Sơn kể mà bà bắt thèm. Nào là đi bác sĩ khỏi cần trả tiền. Nào là khi bệnh mua thuốc cứ việc ra nhà thuốc lấy, chánh phủ trả tiền, vân vân và vân vân. Bà thầm nghĩ, ước gì thằng Tôn con Tí em được sống bên ấy, còn bà ở lại ra sao cũng được, già rồi sống chẳng còn bao lâu. Sơn còn huyên thuyên là anh được hãng cho đi phép ba tháng, về thăm quê hương. Bà Tám chỉ chặc lưỡi tấm tắc thèm. Trong câu chuyện, bà Tám tâm sự nỗi lo âu của mình với Sơn về cơn lụt sắp xảy ra cho Huế, mà đi đâu cũng nghe thiên hạ bàn tán. Bà cũng kể cho Sơn nghe kiếp sống thầm lặng và xấu số của hai đứa cháu nội. Lời an ủi của Sơn làm bà thấy ấm lòng. Giọng trầm ấm, từ tốn, đặc biệt khuôn mặt phúc hậu làm bà nhớ đến đứa con trai độc nhất của bà. Nếu thằng Mai mà được ra nước ngoài như thế này thì nó đâu có chết, bà thầm nghĩ vậy. Ăn xong, người đàn ông Việt kiều móc tiền ra trả. Anh ta ăn hơn năm nghìn, mà anh lại còn bảo chưa đầy năm mươi xu tiền Mỹ. Lúc người đàn ông móc tiền, bà Tám quan sát thấy tờ giấy bạc lạ và đẹp quá, mà bà biết hiện nay rất có giá trị. Bà Tám nhìn tờ giấy một trăm không chớp mắt.

- Bà có tiền thối lại cho cháu chín mươi lăm đồng không? Cháu trả cho bà năm đô lá bà nhé. Thấy bà cực lòng cháu không đành, cháu muốn chia xẻ với bà một tí gì mà mình đang có được.

Bà Tám thầm nghĩ được trời thương, năm đô la, cả tuần lễ bán đắc hàng chưa chắc bà đã có được số tiền này.

- Tôi không có tiền đô để thối đâu cậu ạ. Một đô ăn bao nhiêu tiền Việt mình cậu nhỉ?

- Cháu chỉ biết một trăm đô đổi được hơn triệu đồng tiền Việt đấy bà ạ.- Cậu để tôi xem nhé.

Nói xong bà vén ngược vạt áo dài vắt lên vai, rồi vén tiếp hai ba lớp áo bà ba mỏng, mở kim băng gài trên nắp túi áo lớn may trên chiếc yếm trắng. Cực chẳng đã lắm bà mới phải làm điều này trước mặt người khác. Đây là cả gia sản của ba bà cháu. Rời làng Trùi, bà bán mảnh đất nhỏ cho ông Tư Yên để lấy một món tiền lên Huế làm vốn sống. Tay vừa run, bà vừa đếm tiền. Lạy trời cho đủ số tiền thối, bà Tám thầm vái. Hình như trời chẳng khi nào nghe lời van xin của bà cả. Vỏn vẹn chỉ có tám trăm năm mươi ngàn. Bà thở dài, nói cho người đàn ông biết. Nhưng anh ta từ tốn, cười hiền hòa, nói với bà:

- Không sao đâu bà ạ. Cứ thối cho cháu như thế cũng được rồi. Phần còn lại cho cháu gửi mua ít quà cho hai đứa cháu của bà. Có gì bà mua thêm áo quần cho hai cháu đó bà nhé.

Bà Tám cảm ơn người đàn ông Việt kiều rối rít. Đếm lại số tiền một lần nữa, bà đưa hết cho anh ta. Cẩn thận, bà lấy một trăm mới toanh bỏ vào túi áo, cài kim băng cẩn thận. Lấy tay dằn túi vài lần, bà đứng lên quảy gánh. Bà Tám chia tay người đàn ông với cặp mắt đầy thiện cảm và biết ơn. Bây giờ thì bà muốn trở về thật sớm với hai anh em thằng Tỏn. Xế chiều rồi còn gì. Thằng Tỏn và con Tí em chắc đang mong bà về lắm. Bà đi ngược lại con dốc Nam Giao. Gánh bánh nậm tuy vẫn còn đầy nhưng bà thấy nhẹ hẳn. Chiều nay bà sẽ lấy số bánh còn lại để cúng tạ ơn ông địa. Trời vẫn còn đang mưa tầm tã, nhưng bà không còn thấy lạnh như hồi nãy. Cẩn thận, bà lấy vạt áo mưa che kỹ phần có chiếc túi đựng một trăm đô Mỹ, sợ ướt. Chưa khi nào bà thấy lòng nhẹ nhàng vui sướng như chiều hôm nay. Bà Tám thầm nghĩ trong bụng "đã bảo mà, con dốc Nam Giao hên thật." Bà nhớ lại một khúc nhạc mà bà hay ngâm lúc xưa. Bà Tám khe khẻ ngâm "ai ra xứ Huế thì ra .."

Trên đường về, ngang chợ Đông Ba, bà Tám dừng chân. Đầu óc bà miên man tính toán. Nếu về cho tụi thằng Tỏn con Tí em khỏi trông rồi lại đi ra chợ thì e tối quá. Mà ghé chợ mua ít đồ bây giờ thì thúng đồ sẽ trở nên nặng quá. Loay hoay với ý nghĩ, bà nhất định vào chợ. Bất quá mai bà sẽ nghỉ bán một ngày ở nhà với hai anh em thằng Tỏn. Mà dễ gì mai đi bán được với cái lối mưa thúi trời thúi đất nhiư thế này. Nhìn chợ Đông Ba bà lo lắm. Nước ngập đến mắt cá rồi. Sấm chớp vang trời. Bùn xình lầy lội khắp nơi, ai cũng vén quần bì bõm lội. Thôi chắc ăn vào chợ sắm ít đồ cho xong, bụng bảo dạ, bà bước vội vào chợ.

Chợ Đông Ba tấp nập. Thiên hạ vẫn áo tơi đội nón đi mua đồ về trữ. Ai cũng bu quanh những hàng bán gạo. Đối diện, tiệm vàng nửa đóng nửa mở. Bà chủ tiệm tay đeo đầy vàng, móng tay sơn đỏ chói ngồi thảnh thơi, mặt vếch lên trời. Trên tấm cửa kính một tờ giấy học trò vỏn vẹn hàng chữ, đô la hôm nay một trăm ăn một triệu hai tám chục. Chu cha ơi là khỏe, bà Tám thầm nghĩ. Bà sẽ mua hai thúng gạo đầy, có gì bà đi xích lô về cũng còn lời chán. Bà sẽ mua một ít cá khô, ba bà cháu dành dụm ăn từ từ nếu có bão lụt. Sau cơn mưa trời lại sáng thôi. Đặt gánh bánh nậm xuống đất, bà bước vào tiệm. Bà Tám móc trong túi áo của chiếc yếm trắng ra tờ giấy bạc, cầm một cách trịnh trọng. Bà ráng kỳ kèo thêm bớt đôi chút với bà chủ tiệm vàng. Nhưng mụ chủ tiệm ngúyt bà Tám không thèm trả lời. Biết khó xin xỏ thêm, bà đưa tờ giấy bạc mới toanh cho mụ chủ tiệm. Bà chủ tiệm lanh lẹn lành nghề đưa tờ giấy bạc lên ánh đèn xem xét cho đúng thủ tục khám phá bạc thật bạc giả. Rồi bà nheo mắt lại,

phóng một tia nhìn đay nghiến sang bà Tám, nói lớn:

- Mụ dám dùng bạc giả gạt người ta à. Cút đi chỗ khác không tôi gọi công an đến túm đầu bây giờ. Già chết tiệt.

Bà Tám choáng váng. Trong giây phút bà thấy cả bầu trời như chụp xuống đầu bà. Bà chụp vội tờ giấy bạc, bấu chặt trong lòng bàn tay. Bà Tám quảy vội đôi gánh thẫn thờ bước nhanh ra khỏi chợ, như ngày nào đang trên đường về nhà nghe tin thằng Mai vừa tắt thở ở nhà thương.

Vừa ra khỏi cổng chợ, bà nghe toàn thân nặng nề như không còn bước đi nổi. Bà Tám ngồi bệt xuống đất, bấu chặt tờ giấy bạc trong lòng bàn tay. Gương mặt hai anh em thằng Tỏn hiện rõ trước mắt bà, chúng đang mếu máo chờ bà về, như bà đang mếu máo. Bà biết bà không khóc, nhưng mắt lại thấy cay xè. Ngoài trời mưa rơi càng nặng hạt. Bà Tám quên cả che nón cho mình. Gánh bánh nậm bị mưa xối xả làm ngập đầy nước, bà Tám Quảng ngơ ngác, nhìn quanh quất quên cả lối về.❐

Đã thích văn phong vừa trí tuệ vừa diễm lệ
của ***Trần Hồng Châu***

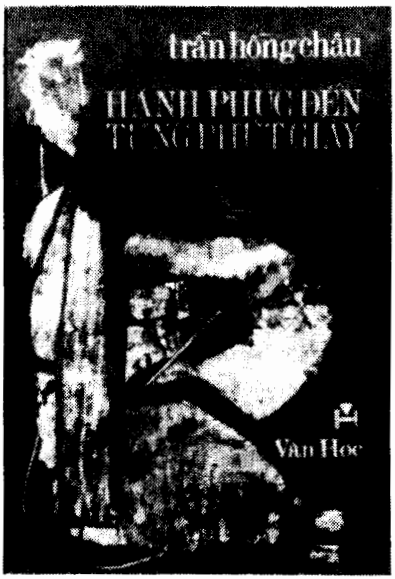

Không thể
không tìm đọc
thi phẩm mới:

Hạnh phúc đến
từng phút giây

Văn Học xuất bản
Văn Nghệ phát hành

Trình bày trang nhã
Dày 140 trang
Giá 10 Mỹ kim

Buồn chân đi bộ buổi sáng mùa thu

THẢO CHI

Sáng buồn chân đi bộ
mùa Thu bay trên đường
những tàng cây lá đỏ
ươm ướt rịn hơi sương!

Ơi người đi dưới phố
người về đâu? Muôn phương!
ta nâng từng bước nhớ
mà nghìn dặm quê hương!
mà người yêu một thuở
xa..muôn đời
Còn thương!

Con bồ câu khúm núm
trên vai tượng đá buồn
ta dừng chân đứng ngắm
loang lổ vết thời gian;
lằn nứt sâu co rúm
trên da thịt bỏ hoang!
dập dồn hơi thở rụng
làm run rẩy lá vàng!

Ta thèm vòng tay ấm
che trận gió bay ngang!

Sáng buồn chân đi bộ
bốn mùa rơi sau lưng.
Ta nhặt từng mảnh nhớ
hồn đi hoang...bỗng dưng...

Anh một lần qua phố
lạc đường hoa bâng khuâng!
Ta nâng từng bước nhỏ
bàn chân nặng ngàn cân!
Ước gì nghe anh hứa
một lần thôi Trăm Năm!

Những ngày về Biên Hòa

Hoàng Mai Đạt

(tiếp theo kỳ trước)

Những bức hình không chụp

Ngoài thuốc trị tiêu chảy, món quan trọng nhất trong hành lý của tôi chính là máy chụp hình. Tuy chưa đến tuổi phải chống gậy, tôi không còn tin tưởng ở trí nhớ đầy ắp, chật cứng như một chuyến xe đò về miền lục tỉnh. Ở Biên Hòa, mỗi khi bước ra ngoài đường tôi thường khoác cái máy Canon Rebel trên vai. Máy dễ sử dụng, nhờ đó tôi cũng bấm được mười bốn cuộn phim trong gần hai tuần lễ. Đó là trung bình một cuộn phim hai mươi bốn tấm cho mỗi ngày, tổng cộng ba trăm ba mươi sáu bức hình. Tuy từng dùng máy từ ngày mới đến Mỹ, tôi chưa bao giờ bấm phim nhiều lần như ở Việt Nam.

Ba trăm ba mươi sáu tấm hình, hầu hết là hình người trong nhà. Đây má ngồi trên võng, tròn mắt nhìn vào ống kính của chàng rể đang loay hoay zoom tới zoom lui cho vừa khung hình; kia má Sáu đang lui cui nấu ăn trong bếp, cười cười và nói đừng chụp hình nữa, bữa nay má không đẹp; này vợ con tôi đứng trước sân nhà, con đang tròn miệng ngáp trong khi vợ nhắm mắt đúng lúc bấm hình; đó gia đình mấy anh chị em đứng xếp hàng ngay ngắn, nhỏ trước lớn sau như một lớp học, người đang nhón gót, người giở nón để lộ mái tóc xẹp; đây nữa mộ anh Sáu chìm lẩn trong rậm cỏ cao ngang đầu người; kia kìa sông Đồng Nai đang vỗ nước nhè nhẹ vào chân cầu; và nè ba con chó Đốm, Lu và Luốc đang nằm dài trong góc bếp.

Mỗi lần chụp xong một cuộn, tôi nôn nao mang phim đến tiệm rửa hình ở ngã năm Biên Hùng. Tôi vẫn rủ Cường đi theo cho vui. Cường ít có

dịp được ra ngoài đường, và khi nghe tôi hỏi "Con muốn đi bộ với dượng không?", thằng bé liền tươi tỉnh và nhảy thoát ra khỏi thế giới trong góc bếp của nó. Thấy nó vội vã thay quần áo, tìm đôi dép, và toe toét cười chờ đợi trong lúc đội nón, tôi thương hại Cường và những đứa trẻ bị chậm khôn như nó.

Tôi thương những buổi trưa nóng trên con đường Trịnh Hoài Đức từ chợ Biên Hòa đến ngã năm Biên Hùng, những buổi trưa hai dượng cháu đi bên nhau trong sứ mạng rửa hình. Dượng và cháu đội nón lưỡi trai, đi dép lẹp xẹp trên những vỉa hè chật hẹp. Cường đi sát bên tôi. Mỗi khi băng qua đường tôi nắm tay và dắt Cường len lỏi giữa những dòng xe qua lại. Cháu tôi ngờ nghệch đã đành, mà tôi trông cũng ngớ ngẩn không kém. Hình như đi ngang cửa nhà nào tôi cũng xoay đầu như trẻ em mới bước vào tiệm đồ chơi. Tôi thoáng thấy ở bên này một người mẹ đang phe phẩy quạt cho đứa con nằm trên sàn nhà, đằng kia có người đàn ông ở trần đang lim dim ngồi ngủ dựa trên ghế, ở xéo góc có một anh công an đang hút thuốc trước cổng cơ quan, và ở đâu cũng có người nhìn lại tôi chằm chằm, như muốn hỏi "Thằng cha này là ai mà nhìn mình dữ vậy cà? À, Việt kiều, hèn gì."

Giữa những lần tò mò nhìn người lạ, có lúc tôi ngỡ ngàng với cảm nhận rằng chung quanh tôi hoàn toàn là Việt Nam. Tất cả những âm thanh, hình ảnh và không khí bụi bặm đều là Việt Nam, không còn một chút hương vị hamburger với hành chiên onion ring trùm kín một ngã tư đông xe hơi đang chờ đèn xanh, không còn tiếng xe phóng ào ào như thác đổ trên những xa lộ bao quanh khu phố Bolsa, và không còn tiếng người ngoại quốc thăm hỏi nhau trong một siêu thị ngăn nắp, sáng loáng với nhiều món hàng hạ giá. Trong lúc lơ mơ giữa hai thế giới Biên Hòa và Bolsa như vậy, tôi suýt bước ngay vào những xe bán hàng hoặc vấp chân té trên vỉa hè lồi lõm với nhiều đường nứt bể.

Lần đầu tiên thấy hai dượng cháu tôi bước vào tiệm rửa hình Quốc Tế, cô chủ hỏi đáp trống không, rất lạnh lùng. Đến những lần sau thì cô ta có thiện cảm hơn, có lẽ vì lần nào tôi cũng rửa đôi và rửa thêm rất nhiều hình lẻ. Tiệm này có thể rửa xong hình trong vòng một tiếng đồng hồ. Khi trở lại lấy ảnh, tôi thường đứng ngay trong tiệm và xem xét từng tấm. Tôi lựa những bức hình có người thân trong gia đình, để rửa thêm tấm đó cho họ. Sứ mạng nhiêu khê giúp cho hai dượng cháu có lý do đi lại tiệm vài lần mỗi ngày. Đi vào khoảng trưa, giao phim xong về nhà, rồi trở lại lấy hình khoảng hai tiếng đồng hồ sau đó, xem xét mấy tấm ảnh cần in thêm, về nhà, rồi quay lại tiệm lần nữa trước khi trời tối. Sau vài ngày trở thành khách quen của cô chủ, tôi xin thêm được mấy tập đựng hình nho

nhỏ và để lại một tập riêng cho mỗi gia đình người nhà. Còn tôi, tôi mang được ba trăm ba mươi sáu tấm ảnh về California và vẫn không tin mình đã bấm được nhiều hình như vậy.

Tôi có thể chụp được nhiều hơn, thêm vài chục hoặc vài trăm tấm, nếu tôi muốn. Tuy nhiên, có những bức hình mà tôi không thể chụp được. Hình những đứa bé tranh nhau ăn xin và bán vé số ở ngoài đường; hình ông già đứng ngửa nón và nói hoài cho đến khi xin được tiền trong tiệm ăn; hình mấy gia đình sống chen chúc trong một góc chợ, vừa đủ cho mỗi người có một chỗ nằm đằng sau một tấm ván hoặc một miếng vải che. Lương tâm không cho phép tôi giữ lại những hình ảnh như vậy. Trong một lần đi giao phim với Cường, tôi dừng chân và mua nước mía ở ngã ba Sông Phố. Đứa cháu chăm chú đứng nhìn một thiếu nữ đẩy những cây mía qua mấy cán, trong khi tôi lấy máy Rebel ra khỏi túi đeo trên vai và tính tìm một góc cạnh nào đó, để chụp hình cô gái ép mía với cảnh vật ở chung quanh. Tôi chợt nhận ra xe nước mía đứng choáng gần hết cổng tiến vào một góc nhà, chứ không phải bên ngoài một bức tường dơ bẩn như tôi tưởng trước đó. Xe nước mía chỉ nhường lại một khoảng trống vừa đủ cho một người dắt xe đạp vào bên trong sân.

Tôi tò mò bước vào khoảng trống này, xem thử có gì ở đằng sau. Bên dưới một tàn cây lớn trong sân nhà rộng chừng mười thước dọc ngang, tôi thấy có những tấm lều và ván dựng lên, ngăn chia thành chỗ ở của bốn hoặc năm gia đình. Bên trong nhà hình như còn được phân chia thành phòng cho nhiều gia đình khác. Nơi góc tường sát bên cạnh xe nước mía, một phụ nữ đang nằm ngủ với hai đứa con trên tấm chiếu cũ, trong khi người chồng ở trần đang quạt đều tay, như cố xua đuổi không khí nóng bức ra khỏi góc tối. Gia đình bốn người này sống trong một mái lều chật hẹp và tối om. Người đàn ông liếc nhìn tôi và rồi ngoảnh mặt đi chỗ khác khi thấy máy chụp hình trên tay người lạ. Ông ta cũng trạc tuổi tôi. Tuy không nghe ông ta lầu bầu gì, tôi cũng cất ngay máy vào trong túi xách. Tôi không muốn chụp hình và xâm lấn thêm vào cuộc sống thiếu thốn của họ.

Vào một buổi chiều đi lấy hình một mình, tôi chú ý đến anh thanh niên gầy ốm đang đạp xe ba bánh chở đầy chuối. Màu chuối vàng tươi rói nổi bật trên con đường ảm đạm Trịnh Hoài Đức chiều hôm ấy. Tôi rảo bước thật nhanh đến đầu đường, với ý định chờ đợi xe ba bánh đến thật gần và chụp bắt những nải chuối vàng đằng trước một khuôn mặt sạm nắng, dày dạn phong sương và khắc khổ của thanh niên bán chuối. Tôi đưa ống kính lên trước mắt và chờ đợi xe chuối đến thật gần. Anh thanh niên gầy ốm đội nón vải và đạp ngược chiều về phía tôi, vừa đạp vừa nhìn

quanh tìm người mua chuối. Thế nhưng vài giây trước khi tôi có thể bấm nút và giữ mãi hình ảnh người bán chuối vàng đến muôn đời, một chiếc xe jeep chở hai công an bất thần phóng đến trước mặt xe chuối và không cho xe đến gần tôi hơn. Trong lúc tôi bỏ máy xuống và chưa hiểu chuyện gì đang xảy ra, một công an quát tháo người bán chuối. Tôi thấy anh im lặng, mặt mày tái nhợt và miệng nói ú ớ, phân bua gì đó với công an. Người "bạn dân" thứ nhì thò tay vào xe ba gác và nhanh tay ném những nải chuối từ xe ba gác lên xe jeep, trong khi thanh niên đen đủi vừa sững sốt nhìn theo mớ chuối vừa sợ hãi nhìn anh công an còn la hét trước mặt.

Nhiều người chung quanh ngưng việc riêng tư, ái ngại nhìn công an đang hạch hỏi anh bán chuối. Đôi tay của công an thứ nhì không ngừng ném mất gần hai phần ba xe chuối. Đứng cách xe ba gác khoảng mười lăm thước, tôi thấy đôi mắt vừa sợ và vừa tức đến ứa nước mắt của thanh niên. Sau vài giây suy nghĩ, tôi quyết định cất máy hình trong túi xách. Tôi không thể chụp nỗi đau đớn trên mặt của người bán chuối. Anh ta đã mất quá nhiều trong một ngày sinh sống. Tôi không đành lòng chụp tấm hình và cướp thêm một tích tắc trong cuộc đời của anh, để làm tài sản riêng cho mình. Tôi quay tìm người đứng ở gần đó và hỏi tại sao công an lại làm dữ với anh bán chuối. Một người chạy xe ôm cho biết xe chuối không được phép bán trên con đường này. Đúng lúc đó có một người đàn ông khác lớn tuổi hơn đang đạp xe chuối từ đằng chúng sau tôi tiến đến gần đám đông. Ông bán chuối chưa biết có vụ công an bắt bớ ở phía trước. Ông ta đang bận nhìn ai đó trên lề đường. Anh xe ôm đứng gần tôi nhanh nhẹn xuống xe, chạy đến cản đường xe chuối thứ nhì, và ráo riết ra dấu xua đuổi người bán chuối. Ngay sau đó ông bán chuối vội vàng vòng xe qua bên kia đường, cắm đầu cắm cổ đạp đi xa.

Khi trở lại gần tôi, anh xe ôm còn càu nhàu trong miệng, "Đ.M. ngu quá. Bộ không thấy công an hay sao mà còn mang xác tới." Tuy chưởi thề trong lúc leo lên xe, anh vẫn ngoái cổ nhìn theo ông bán chuối. Cho tới khi xe chuối biến mất trong khúc quanh vào chợ Biên Hòa, anh ta mới yên tâm và quay lại theo dõi công an. Đến lúc này thì hai người bạn dân bắt đầu leo lên xe jeep. Họ nạt nộ điều gì đó mà tôi nghe không rõ. Tiếng Bắc nhão nhão của họ rất khó nghe đối với tôi. Thanh niên bán chuối chỉ nhìn hai công an và không nói gì. Hình như anh ta vẫn còn đau điếng vì bị mất gần hết số chuối trên xe. Trong khi ai nấy trở về với công việc của họ, anh cúi đầu đạp xe, lầm lũi đi tới trước như một người vừa bị đuổi ra khỏi nhà và chưa biết phải đi về đâu.

Đợi xe ba gác đến gần, tôi hỏi mua một nải chuối. Anh ta không có vẻ muốn bán hàng. Khi đứng gần tôi mới thấy thanh niên này gầy hơn tôi

tưởng. Anh ta nhỏ con, với đôi má hóp sâu và ánh mắt long lanh như còn tiếc nuối những nải chuối vừa bị lấy mất quá mau chóng. Tôi chợt nhớ đến đám đông chen chân đứng đợi khách bên ngoài sân bay Tân Sơn Nhất. Khác với những thanh niên ở phi trường, anh bán chuối không có đôi mắt lanh lẹn, không chờ đợi với một chút hy vọng. Nếu phải sống qua mấy phút bị lấy mất tiền sống trong ngày, tôi cũng không khỏi ủ rũ như anh ta. Tôi chọn mua một nải chuối. Tuy anh nói giá có hai ngàn đồng, tôi cũng đưa một tờ mười ngàn từ trong mớ giấy tiền mang hình một ông già có râu đang mím môi cười. Trong bàn tay bẩn và gân guốc của người thanh niên, tôi không biết ông già râu có còn cười nổi nữa hay không. Anh nói nhỏ lời cám ơn khi nghe tôi nói khỏi thối lại tiền. Thấy tôi bước vào bếp và khoe mua nải chuối với giá hai ngàn đồng, má Sáu vừa cười vừa nói, "Thiệt là đàn ông, không biết đi chợ gì hết trơn. Hai ngàn là mua hớ rồi con. Chuối mùa này rẻ lắm, nải chuối đó chỉ chừng ngàn rưỡi thôi." Tính ra tiền Mỹ, nải chuối không tới hai mươi xu. Tôi chưa bao giờ mua hớ mà lại thấy thương hại người bán hàng như hôm ấy. Về sau, đôi lúc ăn chuối tôi vẫn nhớ đến đôi mắt gần ứa lệ của anh hàng chuối gầy gò trên đường Trịnh Hoài Đức. Tôi nhớ đôi mắt đó và vẫn hài lòng rằng tôi đã không bấm máy hình.

Dưới bóng sân Ngô Quyền, trường cũ Nguyễn Tất Nhiên

Ngoài việc đi lấy hình, những dịp ra ngoài xóm của tôi thường có vợ con cùng đi theo (chắc vợ sợ tôi sẽ vô tình hay cố ý đi lạc cho người ta bắt). Bên những con đường ồn ào xe cộ và bay đầy bụi bặm, tôi cùng vợ ghé thăm những kỷ niệm thời thơ ấu của nàng trong mấy khu phố gần nhà. Hai nơi đầu tiên chúng tôi tìm đến là trường trung học Ngô Quyền và ga xe lửa. Trường Ngô Quyền cất giữ những ngày tháng mới lớn, vừa biết yêu và còn tập tành làm thơ của nàng, rực rỡ như hoa phượng mùa hè.

Chúng tôi đón xích lô từ đầu hẻm đến trước trường Ngô Quyền. Sáng hôm đó là lần đầu tiên tôi ngồi xích lô kể từ khi rời quê hương. Trong ký ức của tôi, chiếc xích lô ngày trước rộng hơn bây giờ rất nhiều. Ghế xe lúc ấy có thể chứa mẹ tôi, hai anh em tôi và dăm ba đứa bạn. Người đạp xe khi xưa hình như cũng lực lưỡng và đạp mạnh chân hơn. Ông có thể phóng phăng phăng qua những con đường tuôn gió mát dọc theo bãi biển Nha Trang. Giờ đây tôi phải nép qua một bên, để vợ có thể lọt vào bên cạnh và con gái ngồi trên lòng mẹ. Người đàn ông cháy nắng đạp chậm lại từ ngã ba Biên Hùng leo dốc lên trường Ngô Quyền. Tôi có thể nghe hơi thở kéo dài theo từng bước đạp của ông. Bước xuống xe, tôi đưa bác xích lô một số

tiền cao hơn giá cả thỏa thuận chút đỉnh. Lúc đó tôi mới thấy người đàn ông đen đủi này nở một nụ cười.

Đứng quan sát dăm ba phút bên ngoài trường Ngô Quyền, tôi rủ vợ bước vào bên trong qua một cổng nhỏ. Nàng ngần ngại vì có người ngồi trong phòng canh gác và đang nhìn chúng tôi. Thấy người phụ nữ trực cổng không nói gì, chúng tôi tiến thẳng vào trong sân trường im vắng. Trường Ngô Quyền có hai tầng lầu với khoảng hai mươi lớp học. Những bức tường màu xoài vàng đậm xen kẽ giữa những cửa sổ sơn trắng và bao lơn cũng màu trắng. Cửa lớp học được sơn màu xanh dương thẫm và đang mở rộng. Các học sinh đã nghỉ hè. Chung quanh chúng tôi chỉ có dăm ba chiếc xe gắn máy đậu bên ngoài các văn phòng. Minh Thủy chỉ cho tôi xem những lớp học của nàng và gốc cây mà nàng thường tụ tập với mấy đứa bạn gái, để tán gẫu hoặc xì xào bàn cách phá mấy ông thày trẻ tuổi mới đến từ Sài Gòn. Trong vài phút sau đó, tôi chụp cho nàng một tấm hình đứng với con gái bên dưới một tàng cây xanh lá. Đằng sau hai mẹ con là những lớp học màu xoài vàng và một gốc cây với nhiều kỷ niệm.

Cũng trong sân trường Ngô Quyền này, có lẽ thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên đã đứng thơ thẩn bên dưới gốc cây, trông đợi một "cô Bắc kỳ nho nhỏ" với "mắt như trời bao dung" và thầm mong cô "hãy nhìn anh thật rõ, trước khi nhìn đám đông." Đám học sinh vào cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70 ấy chắc thế nào cũng thấy "thật rõ" chàng học sinh si tình ở sân trường Ngô Quyền. Giữa sân yên ắng với những ánh nắng vàng trong đang rơi rớt xuống sân, tôi có thể thấy nhà thơ gầy ốm và cao lêu khêu đang luýnh quýnh trao thư tình trong đám học sinh huyên náo chuyện trò. Anh có thể ngóng cổ cao bên trên đám bạn, để tủm tỉm cười với một cô Bắc Kỳ nho nhỏ tóc demi-garcon, hay thì thầm lời yêu thương với một cô Oanh đang "chơi giỡn tung tăng hai vạt áo dài," hoặc lầm bầm lời cay đắng với một cô Duyên "nhớ điêu ngoa mà giả bộ ngoan hiền, nhớ khiêm nhường nhưng thâm ý khoe khoang," và rồi lại vui đời với một thục nữ đang "bước ngại bước ngùng, như sợ làm đau ngọn cỏ nhung."

Tôi không thuộc thơ Nguyễn Tất Nhiên nhiều cho lắm, chỉ biết anh qua những bản nhạc tình được ông Phạm Duy phổ nhạc mà tôi nghe đi nghe lại cho đến đứt băng, trong một máy cassette cũ mèm nằm bên cạnh giường. Tôi không được *"Đưa em về dưới mưa, nói năng chỉ cũng thừa"* với mấy cô học sinh Biên Hòa, như Nguyễn Tất Nhiên. Tôi chỉ được liếc mấy em Mỹ ngồi trong xe chạy sát lề đường, bị bánh xe của em tạt nước ướt chân và xót xa nhìn theo cuộn khói đen phì phụt từ ống bô (sau này tôi mới biết xe của em bị hư máy). Tôi đến Mỹ năm mười lăm tuổi và học hết trung học với mấy cô học sinh không được *"hiền như Ma Soeur"* của

Nguyễn Tất Nhiên. Trường của tôi nằm về phía đông nam thành phố Pittsburgh và mang tên Steel Valley High School, tức là trường Thung Lũng Thép. Pittsburgh từng là trung tâm chế tạo thép của Hoa Kỳ, và thép là hơi thở của toàn vùng này trong mấy thập niên. Với cái tên cứng rắn như vậy, trường tôi có một đội banh football cản húc rất hung hăng và xuất sắc như... thép nguội. Hầu hết những cô gái mà tôi để ý đến lại là mấy cô có bồ đang chơi cho đội banh. Thể thao mang niềm hãnh diện lớn nhất đến cho trường, và các cầu thủ được nhiều "em gái" tranh nhau đến gần, như người ta tranh mua tôm hùm tươi ở chợ cá Pittsburgh. Trong đám cá ươn bị bỏ lại có tôi lẹt đẹt ở đằng sau.

"Ma Soeur thép" được tôi để ý đến đầu tiên là Arnetta, một cô gái lai da trắng với nhiều nét da đen. Xóm West Homestead có rất nhiều người da đen, với vài gia đình di dân lâu đời từ Đông Âu, và gia đình tôi từ Việt Nam. Steel Valley gồm đa số học sinh từ xóm lao động này, cùng một số học sinh da trắng từ các gia đình trung lưu sống ở bên kia đồi. Từ khu phố gần bờ sông, tôi đi bộ qua nhiều dãy nhà của người da đen, băng tắt qua một nghĩa trang trên đồi và đến trường học cách phố khoảng hai dặm. Sáng nào, chiều nào tôi cũng đi bộ từ nhà đến trường và trở về như vậy, ngày mưa cũng như ngày nắng, giữa mùa đông ngập tuyết trắng cũng như đầu mùa xuân lấp ló mầm non xanh. Cho đến khi biết lái xe hơi tôi cũng đi bộ, vì chiếc xe cũ duy nhất của gia đình được mẹ tôi dùng để đi làm ca chiều. Pittsburgh có ít nắng và càng ảm đạm hơn vào mùa đông. Ba năm trời đi bộ dưới bầu trời xám trắng cho tôi nhiều thời giờ để suy tư mà tôi không muốn cho lắm. Có một lúc trong năm đi bộ thứ nhì cuộc đời tôi bỗng ấm áp hơn. Đó là những giây phút tôi băng qua nhà Arnetta trong xóm của người da đen. Tôi để ý đến Arnetta vì nàng ngồi cạnh tôi trong lớp Hóa Học. Arnetta có đôi mắt to muôn thuở của nữ tài tử Elizabeth Taylor và thân thể đôi mươi của bà. Lớp học được chia ra thành nhiều đội "nghiên cứu", và may mắn Arnetta thuộc đội "nghiên cứu" của tôi. Nàng là người thích nghe tôi nói giỡn và không ngại nói chuyện với tôi trong lớp học. Đây là đặc ân rất quí giá đối với tôi. Lúc bấy giờ vốn liếng tiếng Anh của tôi quá kém, chỉ đủ để hỏi đường đến phòng vệ sinh và không đủ để tỏ tình hoặc xin số điện thoại với mấy cô Mỹ. Cho dù có học thêm lớp hè dành cho học sinh dốt, tôi cũng không thể khá hơn vì "biệt tài" ăn nói lúng túng... song ngữ của mình. Đó là chưa kể những thiếu thốn khác, từ quần áo thời trang, mái tóc cắt đúng mốt cho đến chiếc xe bốn bánh (có ống nhúng tốt) để chở bạn gái. Tôi chỉ biết chăm chỉ học hành và lấy lòng các thầy cô. Trong đám học sinh xuất sắc nhất trường có tôi và nhiều học sinh từ trên phố trung lưu. Bên ngoài lớp học, đám quen biết trung lưu này

thường làm ngơ tôi trong phòng ăn, hoặc khi thấy tôi đi bộ băng qua nghĩa trang xuống xóm lao động. Đó là lý do tại sao tôi quí nụ cười được Arnetta dành cho, trong những lúc tôi làm trò cho nàng cười.

Trong nỗ lực hòa nhập với đám học sinh lạ, thay vì dùng lời nói mà tôi không có, tôi thường làm trò với khuôn mặt và tay chân của mình. Tôi chớp mắt, nhíu mày, cạy mũi, thò tay vào lỗ tai, nhe răng và lắc mông như người da đen nhảy disco, để làm hề chọc các "em" cười. Arnetta cười lớn nhất đám, có khi gập người tới trước cho mắt tôi được hưởng chút bờ ngực mấp mô của nàng. Arnetta thường yêu cầu tôi làm lại một trò mà tôi hay chọc nàng. Đó là trò dùng hai tay kéo căng nhọn ngực áo của mình, như khoe bộ ngực hai lít Coca-Cola của Arnetta. Trò vui của tôi cũng xẹp xuống một ngày kia, khi anh bạn trai của Arnetta hiên ngang bước vào lớp học và hôn nàng một cái "chụt" thật lớn. Người bạn trai là Steven, cầu thủ ôm banh lừng lẫy nhất trường. Có lúc đi bộ ngang nhà Arnetta, tôi liều lĩnh mường tượng cách chiếm đoạt trái tim của nàng. Thế nhưng khi nghĩ đến Steven và một hàng tít lớn trên nhật báo "Thanh niên tị nạn gầy ốm, không biết tiếng Anh bị thanh niên Mỹ đen đánh bầm dập gần nghĩa trang, chắc sắp chết!" tôi chột dạ và yên lặng nhìn theo chiếc xe của Steven đang phun khói chở theo Arnetta.

Nhiều chiếc xe khác cũng chở theo mấy cô bé từ Thung Lũng Thép, để lại tôi những nụ cười ân huệ và một lối thoát. Tôi tập cười, để chịu đựng và sống sót trong cuộc đời có lúc tưởng chừng như quá tối tăm, ảm đạm. Trở về nhà trong những buổi chiều trống vắng, tôi hâm lại thức ăn mẹ nấu sẵn cho hai anh em trước khi đi làm. Đến lúc em tìm niềm vui riêng, ngồi xem truyền hình dưới phòng khách, tôi lặng lẽ bước lên phòng và chìm vào những băng nhạc tình cũ mèm, tìm kiếm lời thơ của mấy ông nhạc sĩ hay thi sĩ, trong đó có Nguyễn Tất Nhiên. Hết *"Đưa em về dưới mưa, nói năng chỉ cũng thừa,"* tôi nghe lại *"Thà như giọt mưa rớt trên tượng đá, có còn hơn không, có còn hơn không."* Mỗi lần băng qua nghĩa trang trên đường đến trường học, tôi vẫn nhìn lên bức tượng Đức Mẹ Maria đứng giữa những nấm mộ đã có trên nửa thế kỷ. Tôi tìm kiếm những giọt mưa từng rơi vỡ và khô tan trên tượng đá, như tìm trái tim đau khổ vì tình yêu của Nguyễn Tất Nhiên, và của chính tôi.

Từ cổng trường Ngô Quyền, giờ đây nhiều học sinh cùng thời với nhà thơ ấy chắc đang lận đận với cuộc đời chật vật chung quanh Biên Hòa, phiêu bạt theo những chuyến xe buôn đến khắp các miền khói bụi Việt Nam, hoặc trôi dạt mù khơi trong cuộc sống lạc loài nơi xứ người. Và một số người đã về với thiên thu, như thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên. Từ sân trường Ngô Quyền những quá khứ êm đẹp đã đi theo họ. Trong lúc vợ con đang

dắt tay nhau ra ngoài cổng, tôi vẫn đứng nấn ná thêm vài phút giữa sân trường, để nhớ đến ánh nắng, bóng mát, dăm ba đứa bạn và thời gian êm đẹp nhất của tôi trong sân trường Võ Tánh. Trường tôi tại Nha Trang chắc cũng còn một gốc cây với bóng mát che chở các lớp học, ấp ủ những tâm hồn ngây thơ một mai kia lang thang đến những nơi không còn chỗ tựa nương.

Ra khỏi trường học, chúng tôi vẫy xích lô và hỏi đường đến ga xe lửa. Lần này chúng tôi trả giá với một thanh niên. Anh ta cũng gầy ốm nhưng lanh lợi hơn bác xích lô ban nãy. Anh hơi nhíu mày khi nghe khách muốn đến ga xe. Rời mái trường Ngô Quyền, vợ tôi và đám bạn gái từng hăm hở trên chuyến xe lửa đầu tiên từ "tỉnh lẻ" lên Sài Gòn. Lúc ấy, vì thiếu an ninh trong thời chiến, xe lửa từ thủ đô không thể chạy xa hơn Biên Hòa. Những chuyến xe đi đi về về giữa Sài Gòn và Biên Hòa đã để lại trong nàng nhiều kỷ niệm thời sinh viên. Mỗi lần biết cô con cưng "du học" trên Sài Gòn sắp về nhà, ba đợi ở ga xe lửa sớm cả nửa tiếng đồng hồ. Đến khi lái chiếc Mô-bi-lết đưa cô sinh viên về xóm Cây Me, ba thường không biết đằng sau có hai, ba chàng trai đang lật đật phóng theo xe và trông đợi một cái nhìn "trúng hướng" của cô con gái. Sau năm 1975, tuy không còn chiếc Mô-bi-lết đã "xuống cấp", ba vẫn đợi ở ga với một chiếc xe đạp còn cũ hơn. Đám thanh niên si tình đã tản mác theo cơn lốc đổi đời, không còn ai để theo hai cha con về xóm Cây Me.

Trong lúc vợ thì thầm nhắc kỷ niệm xưa, tôi thoáng nghe anh xích lô nói lẩm bẩm "Ga dơ thấy mẹ, tới đó làm gì?" Anh ta nói đúng. Sân ga trong trí nhớ chỉ còn là một nơi bày hàng của vài chục người mà hầu hết là phụ nữ, với dăm ba thanh niên ngồi hút thuốc bên lề đường. Họ bán rau, trái cây, bánh và dăm ba thứ lặt vặt trong những rổ, thúng ở hai bên lề đường, phía ngoài một ga xe tưởng như hoang phế. Khu chợ dơ bẩn và dày đặc mùi nước tiểu. Từ lúc rời phi trường Tân Sơn Nhất, cho đến vài ngày sau đó tôi mới quen với mùi nước tiểu phảng phất ở nhiều nơi. Thế nhưng ở chốn ga xe này tôi vẫn không chịu nổi và có cảm tưởng đây là một nhà cầu lộ thiên nhiều hơn là một góc chợ.

Đến cuối chợ và cũng là đường cùng trước nhà ga, anh xích lô nói rằng ít có ai muốn đến nơi đây, vì dơ bẩn và thiếu an ninh. Từ chuyến xe từng đưa đón những mái đầu xanh xa nhà lần đầu tiên, giờ đây đoàn tàu trên "đường Thống Nhất Bắc-Nam" chứa đầy người buôn hàng chuyến, dân chở hàng lậu và những kẻ tha phương cầu thực. Trong lúc xe xích lô vòng lại và trở ra ngã ba Biên Hùng, nhiều người bán hàng nhìn theo chúng tôi. Khu chợ này khiến cho tôi nhớ đến một xóm chợ mà gia đình tôi từng sống nhiều năm ở Nha Trang. Trong chợ Xóm Mới, quán bán

hàng của mẹ tôi nằm cách nhà vệ sinh chỉ có ba căn và không tới mười thước. Quán này cũng là nhà của chúng tôi trong mấy năm trời, trước khi mẹ tôi thuê được nhà bên ngoài chợ. Nhiều buổi tối ăn cơm hoặc ngồi học bài, tôi thầm mong gió chuyển hướng để mùi khai bay đi nơi khác. Quay lại nhìn những phụ nữ bán hàng rong trong chợ ga, tôi biết ngày mai họ cũng sẽ có mặt tại nơi đây, và ngày mốt cũng vậy. Tôi nghe tiếng gió lật phật mỗi lúc một mạnh hơn theo nhịp đạp của người thanh niên. Tôi thầm mong gió cũng chuyển hướng cho những người ở lại đằng sau lưng. Tôi chỉ ao ước và không thể làm gì hơn cho họ.

Những con đường kỷ niệm đưa chúng tôi đến thăm dăm ba người bạn học cũ của vợ. Vào một buổi trưa trong tuần đầu ở Biên Hòa, chúng tôi đi bộ đến tu viện Dòng Thánh Phao Lồ cách ngõ hẻm không tới một trăm thước. Một người bạn của vợ tôi đang dạy tư trong nhà dòng này. Từ bên ngoài đường huyên náo xe cộ, chúng tôi lách qua cổng sắt và bước vào bên trong một sân sỏi đá yên tịnh. Sân nhà dòng hoàn toàn vắng bóng người, ngoại trừ một ông đạp xích lô đang mượn bóng mát dưới gốc cây để nằm nghỉ. Đằng sau nơi cầu nguyện là hai dãy lớp, và như người đàn ông choắt nhỏ đang ngáy nhẹ dưới gốc cây, trên một chục lớp học cũng lim dim trong giấc ngủ trưa.

Những cánh cửa đều khép kín. Tôi bước nhẹ đến từng lớp học và đẩy cửa nhìn vào bên trong. Mỗi lớp có trên một chục em bé đang nằm ngủ ngay ngắn trên sàn nhà. Thời còn đi học (nhất là lúc đủ tuổi để đi làm sau giờ học), tôi thường ngủ gật trong lớp và thèm được nằm thẳng cẳng bên dưới bàn học, mặc kệ những bài giảng toán mà giáo sư đang viết tràng giang đại hải trên bảng đen. Đằng sau những cánh cửa, tôi thoáng thấy có một, hai đứa bé hé mắt nhìn lại tôi. Các em này thuộc loại khó ngủ và chỉ giả bộ nhắm mắt nằm im với các bạn. Sau khi nhìn vào sáu, bảy lớp học, chúng tôi đứng một hồi trong hành lang và chưa biết phải tìm cô giáo Sáu ở đâu. Nhờ có hai Ma Soeur trên dưới bảy mươi tuổi đang lọm khọm bước ra ngoài từ một văn phòng, chúng tôi mới biết phòng dạy của Sáu là một trong những lớp mà tôi đã nhìn vào. Trở lại lớp đó một lần nữa và tìm kỹ hơn, chúng tôi nhận ra một người lớn đang nằm ngủ chung với đám học trò. Thân người lớn chỉ dài hơn học trò một cái đầu. Có lẽ bị chúng tôi xem quá kỹ, người lớn này bỗng xoay đầu và choàng mở mắt. Cô giáo Sáu ngồi bật dậy, bước nhanh đến cửa, như một người mẹ đang sẵn sàng bảo vệ đàn con. Nhận ra vợ tôi, Sáu vừa nói "Ủa!" thật lớn vừa đưa tay che miệng. Hai người bạn ôm nhau, trong khi tôi nhìn đám học trò đang ngồi dậy và đứng lấp ló bên trong cánh cửa đằng sau lưng cô giáo Sáu.

Ngồi đối diện trên một bàn gỗ trong hành lang, vợ tôi và Sáu dồn dập

trao đổi những câu hỏi về đời sống của nhau. Tôi nghe họ nói "mày, tao" và thèm được như họ. Khi rời Nha Trang, tôi để lại những đứa bạn mà tôi có thể nói "mày, tao". Giờ đây, trong số ít bạn bè quen biết, không có ai mà tôi có thể nói "tao, mày" với họ. Cô giáo Sáu cũng gầy như nhiều người ở quanh đây. Đôi mắt của Sáu sáng lên và thường chiếu thẳng vào mặt người nghe, mỗi khi Sáu xuống giọng và nói đến hoàn cảnh nghèo khó trong gia đình. Nhìn chiếc xe đạp đứng dựa tường gần đó và nghe chuyện thiếu tiền mua quần áo mới cho con gái, tôi biết tại sao đôi mắt của Sáu lại sáng một cách mãnh liệt. Mỗi khi ánh mắt chiếu thẳng đó dừng trong mắt chúng tôi, tôi có cảm tưởng như Sáu muốn hỏi "Tại sao? Tại sao lại như thế này? Tại sao?"

Nghề giáo không được trả lương cao tại Việt Nam, và ngoài giờ dạy lớp, hầu như thày cô nào cũng phải "cải thiện đời sống" bằng cách dạy kèm thêm. Trong một dịp gặp gỡ vài ngày sau đó, tôi được biết nhiều người bạn của vợ cũng đang dạy học. Như cô giáo Sáu đây, cuộc sống của họ rất chật vật, bơ phờ chạy đôn chạy đáo từ trường đến nhà của học sinh. Mỗi cô giáo đi làm với chiếc xe đạp. Trong những dòng xe mà tôi từng băng ngang qua, thỉnh thoảng có mấy người đạp xe nép sát bên lề đường, lạng quạng tránh những chiếc xe gắn máy đang phóng ào ào bên cạnh họ. Nhìn những đứa bé đứng lấp ló đằng sau cửa lớp học, tôi chợt nghĩ đến một thế hệ tương lai đang đè nặng trên đôi vai của các cô giáo yếu ớt đạp xe.

Đường qua Tân Hạnh, đường về quê hương Bình Nguyên Lộc

Tuy biết chúng tôi muốn quanh quẩn trong xóm Cây Me, để được gần má, má Sáu và những sinh hoạt thường ngày của hai bà cụ, các anh chị vẫn nhiều lần mời chúng tôi đến nhà riêng. Có lẽ anh chị lo ngại tôi sẽ chán ngán sau vài ngày ăn xong rồi lại nằm võng (nhìn thằn lằn), đi ra đi vô ở nhà ngoại. Họ thương chàng rể mới về quê hương và chưa có nhiều kỷ niệm để gói ghém mang qua Mỹ. Người đầu tiên rủ chúng tôi là anh Bảy. Chúng tôi nhận lời viếng thăm anh tại Tân Hạnh vào cuối tuần lễ đầu tiên. Sau này nhớ lại, tôi thầm cảm ơn các anh chị đã cho tôi được thấy nhiều hơn về đất nước mình.

Chuyến thăm nhà anh chị Bảy bắt đầu với hai xe gắn máy. Anh Bảy chở vợ tôi và Bé Cù, trong khi em út Minh Hải đèo theo tôi. Út Hải ngồi rất vững chắc, vừa lái xe vừa giải thích cho tôi biết những đoàn xe ở đâu ra mà đông nghẹt cả con đường (không phải có nghiệp đoàn công nhân biểu tình như tôi tưởng). Mỗi khi hai xe chạy gần nhau, trông anh Bảy ngăm ngăm đen, có dáng dấp phong trần của người lăn lộn nhiều trong cuộc

sống, tôi vững tâm nhìn anh lèo lách đưa mẹ con Bé Cù qua những đoạn đường chật xe chen lấn nhau.

Tuy hiền, anh Bảy lại rất rành đời và biết khá đủ những mánh lới mà người ta dùng trong xã hội. Một lần kia đi lấy hình với cháu Cường, tôi dừng chân bên một quán nước và mua gói thuốc lá Jet biếu anh Bảy. Anh thường hút thuốc lá Jet nhập cảng từ Thái Lan. Khi tôi trao gói thuốc, anh Bảy cười lớn, nói rằng tôi mua lầm thuốc lá giả. Tuy nói vậy, anh cũng nhận thuốc và mời tôi hút một điếu. Đó là lần đầu tôi hút lại sau nhiều năm. Việt Nam đang có đầy rẫy những món hàng giả, từ rượu, xà bông cho đến quần áo hiệu ngoại quốc. Tôi không biết bằng cách nào anh Bảy nhận ra thuốc Jet giả. Ngoài hàng dớm, nơi đây còn nhiều thứ giả mạo khác mà hình như ai cũng chấp nhận với không một lời than phiền. Có lẽ càm ràm cũng vô ích.

Hai chiếc xe len lỏi qua những con đường đông xe. Từ chợ Biên Hòa, chúng tôi thay phiên vượt qua mặt nhau trên đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Xa Lộ Đại Hàn. Tại ngã tư Xa Lộ Đại Hàn, để quẹo trái lên xa lộ, hai chiếc xe phải chen từ từ giữa hàng chục chiếc xe chạy ngược chiều. Mỗi khi hai xe vượt qua nhau, tôi và vợ con thường nhìn nhau mỉm cười. Tôi chưa bao giờ có cảm giác vừa thoải mái và cũng vừa lo ngại. Lo ngại vì mỗi khi có xe hơi hoặc xe vận tải chạy sát bên cạnh, tôi có cảm tưởng tài xế xe lớn không mấy quan tâm đến những chiếc xe nhỏ ở chung quanh. Đến khi xe chạy băng qua Cầu Mới, tức là Cầu Biên Hòa, những luồng gió mát từ dưới sông Đồng Nai thổi lên làm tôi thoải mái hơn.

Cũng nhờ những luồng gió, mái tóc loáng thoáng sợi bạc của tôi được thổi bay bồng bềnh, như tóc nghệ sĩ sắp lên băng video. Tôi có tật tắm buổi sáng và không sấy tóc. Ở Biên Hòa, mỗi khi được người nhà chở đi đâu đó vào buổi sáng, tôi được gió "sấy" tóc và có một mái đầu "gợn sóng" suốt cả ngày. Hèn gì mấy bữa ở Biên Hòa tôi vẫn được vợ khen đẹp trai hẳn ra. Ban đầu tôi cứ tưởng nàng nói vậy cho tôi lên tinh thần, giúp tôi có thể rán chịu đựng cơn nóng Việt Nam và những trận chảy mồ hôi đượm đầy tay chân.

Nhà của anh chị Bảy nằm trên đường Liên Tỉnh 16 thuộc xã Tân Hạnh, giữa Biên Hòa và các vùng Tân Ba, Tân Uyên hướng lên tỉnh Bình Dương. Cho đến lúc đó tôi chưa bao giờ thấy một con đường nào nguy hiểm hơn đường Liên Tỉnh 16. Vào giữa trưa, khoảng mỗi phút đồng hồ lại có một chiếc xe vận tải phóng qua với tốc độ rất nhanh, tưởng chừng như tài xế đang tháo chạy sau một vụ ăn cắp hàng. Xe vận tải chiếm gần hết bề ngang của con đường đất, "nhường" lại khoảng hai thước ở hai bên đường, vừa đủ cho người đi bộ và các loại xe hai bánh nép tránh xe lớn.

Nép bên lề là mấy đứa bé lem luốc, những người đàn ông già trước tuổi đang lọm khọm đạp xe về nhà. Con đường được đắp cao hơn những ngôi nhà nằm sát hai bên lề. Nếu tài xế chỉ chểnh mảng vài giây, xe tải chở đất đá của họ có thể cán qua những đứa bé ngồi bán xăng và lao thẳng vào nhà thường dân nằm sát lề đường. Nhà của anh chị Bảy rung chuyển theo mỗi đợt xe lớn chạy tới. Cửa sổ được đóng kín để ngăn chặn bụi bặm bắn tung vào nhà. Mỗi khi thấy bánh xe tải lăn qua, tôi nghĩ đến nhiều khung cửa khác đang rung chuyển trên khắp xứ sở, bên cạnh những con đường đất hứa hẹn một cuộc đổi mới rất cần thiết mà lại đầy nguy hiểm.

Trước khi kỹ nghệ khai thác đá bung mở ở vùng này, con đường yên tịnh uốn khúc vào một miền quê hẻo lánh, trong đó có cả quê nội của vợ tôi. Cha vợ tôi được chôn trong vùng Tân Ba. Vào giữa thập niên 60, những thôn xóm chung quanh vùng Tân Hạnh gần Tân Ba còn nhiều lò đường mía tiểu công nghệ tỏa hương ngọt ngào, thơm ngát một vùng quê. Con đường ít xe qua lại giờ đây trở thành một trục lộ quan trọng và đầy bụi bặm, trong một cuộc đổi mới kinh tế quá hấp tấp. Những đoàn xe chuyên chở vật liệu xây cất, như gạch, đá chạy rầm rập thường xuyên trên trục lộ, suốt ngày và suốt đêm. Một số nhà cư dân cho thuê bãi sông để làm bến cho các xà lan cập vào chở đi những nguyên liệu ấy.

Sau này thì tôi được biết thêm rằng công an không thể thi hành luật lưu thông đối với các tài xế xe tải, bởi các đoàn xe chính là phương tiện làm giàu của mấy "ông lớn". Nếu thỉnh thoảng có ngăn chặn một vài tài xế chạy quá tốc độ, công an chỉ phạt lấy lệ nhằm chứng tỏ với người dân về sự hiện diện của chính quyền. Con đường nhựa xấu quá hẹp, chưa đủ dày chắc để chịu đựng những đoàn xe tải đang phóng vào cuộc đổi mới kinh tế. Người ta cứ mạnh ai nấy chạy, chụp giựt được lúc nào thì cứ chụp giựt. Chỉ tội cho những người sống ở hai bên đường. Sau nhiều năm chịu đựng sự nghèo kém đến tận cùng, họ phải chấp nhận một chút bụi bặm bắn vào nhà, với hy vọng có được một ngày mai khá hơn.

Nhà của anh chị Bảy có quán bán tạp hóa lặt vặt cho người trong xóm. Quán nằm khuất trong lối ra vào. Nhiều món hàng được bày trên quầy gỗ, treo trên tường và chất chung quanh lối đi xuống đằng sau nhà. Người trong xóm có thể mua cái máy bật lửa, đôi dép nhựa, gói đường cát, cái chén hoặc chai nước mắm, thậm chí vài viên thuốc cảm. Chị Bảy và con gái đứng bán hàng khi chúng tôi đến viếng thăm. Nhìn chị cười thân thiện với một người mua hàng, tôi tin rằng nếu nửa đêm có người trong xóm gọi cửa mua một lọ dầu khuynh diệp để cạo gió cho người bị bệnh, chị Bảy sẽ không ngại rời giường ngủ tìm cho họ lọ dầu.

Bước xuống vườn sau nhà anh chị Bảy, tôi quên hết đường xe bụi

bặm và mau chóng tan mình vào một khoảng đất rộng, xanh tươi, mát rượi bóng cây chạy xuống tận mé sông. Nhìn những con gà bươi mổ lăng xăng trong bóng mát dưới mấy bụi tre, những gốc mít, bưởi, dừa, tôi biết tại sao một chút quê hương sẽ ở mãi trong tôi nơi xứ người. Đằng sau nhà có một căn phòng gạch, dành cho ba má của chị Bảy. Chúng tôi vào bên trong và thăm viếng bác gái với chút quà. Bác già yếu, cũng khoảng tám mươi tuổi như má vợ tôi. Trong lúc bác gái nói chuyện với vợ, tôi nhìn quanh quẩn, không biết bác trai đang ở đâu. Đến khi ra ngoài, tôi lại lôi máy ảnh ra và tí toáy bấm phim. Tuy chụp hình người, thật sự tôi muốn giữ lại hình ảnh xanh mát đằng sau nhà thì đúng hơn.

Chúng tôi thơ thẩn trong chốc lát dưới những bóng râm, rồi bước qua từng gốc cây, đám "diễn viên" chúng tôi tiến dần đến mé sông. Lúc sắp bấm máy chụp hình bên cạnh bờ sông rậm lá cây, tôi giật mình khi thấy có đầu người trồi bên trên mặt nước. Đầu người này chính là bác trai. Bác lặng lẽ và đen như gỗ hạnh nhân. Miệng ngậm một cây đinh, bác chăm chú cầm búa nện nhè nhẹ vào một cây đinh dài sét rỉ khác. Khi thấy tôi còn tò mò nhìn đầu người đang thập thò trên mặt sông, chị Bảy mới nói rằng ba chị đang sửa lại cây cầu gỗ. Vào đêm hôm trước, một chiếc xà lan lớn đã tông bừa vào bến, phá đổ nhiều bụi cây và cầu gỗ ven bờ. Bác trai đứng dưới bùn, để cho nước sông lên cao đến tận cổ, trong lúc bác nhẫn nại đóng lại miếng ván cong mục. Mỗi khi sóng nước vỗ mạnh vào bờ và rút ra, tôi mới thấy thân ngực trần đen đậm với đôi xương vai cong như đòn gánh của bác. Như biết tôi đang quan sát, bác ngước lên và nhìn ra giữa dòng sông, nơi đang có một chiếc xà lan chở vật liệu nằm bất động. Bác đưa bàn tay từ dưới nước và lấy đinh ra khỏi miệng. Bác chợt nói một câu ngắn, "Tụi nó chạy ẩu quá xá, phá hết bờ của người ta." Xà lan đã trôi xa giữa dòng, làm ngơ như những chiếc khác đang xuôi ngược trên sông Đồng Nai. Có ai bận tâm hoặc còn thời giờ để nghe lời than phiền từ những thường dân như bác trai?

Trong bữa cơm trưa với anh chị Bảy, tôi thầm thán phục sự chịu đựng của gia đình này mỗi khi tôi nghe tiếng cửa sổ rung chuyển theo tiếng xe vang rền. Tôi cũng ngạc nhiên khi nghe chị Bảy biết rất nhiều về những trận đá banh World Cup đang diễn ra tại nước Pháp. Đài truyền hình chiếu lại một trận đấu giữa hai đội Ba Tây và Hòa Lan. Chị Bảy biết tên hầu hết các cầu thủ quốc tế và rất rành những "chiêu" đưa banh xuống sân của hai đội. Trưa hôm đó tôi uống nhiều chai bia Saigon với anh Bảy và út Hải. Thấy anh Bảy uống nhiều bia, nghe chị Bảy kể lại những cú đưa banh tuyệt hảo của Ronaldo, của Zidane, tôi hiểu tại sao họ có thể chịu đựng được cuộc sống hiện tại. Bia và đá banh cũng đang giúp cho

hàng triệu người trên thế giới, trong đó có cả tôi, có thể nuốt trôi những nghịch cảnh và chấp nhận cuộc sống riêng tư của họ.

Sau giờ nghỉ trưa, anh chị Bảy và Minh Hải đưa vợ chồng tôi lên Tân Ba, quê nội của vợ tôi. Vì đường Liên Tỉnh 16 quá nguy hiểm, chúng tôi để lại Bé Cù ở nhà với con gái của anh chị và đàn gà con sau vườn. Gia đình bên nội ở trong thôn quê nghèo hơn bên ngoại. Bước vào một ngôi nhà thiếu ánh sáng, chúng tôi hỏi thăm một bác gái trên tám mươi tuổi. Ngoài sợi dây điện chạy trên tường và kết thúc với một bóng đèn trên trần nhà, tôi không thấy những tiện nghi thời đại nào khác trong ngôi nhà cũ kỹ này. Tuy chỉ nằm cách con đường ầm ầm xe tải "đổi mới" không tới mười thước, ngôi nhà của bác Hai vẫn không thay đổi bao nhiêu sau hơn hai mươi năm được "độc lập, tự do, hạnh phúc", ngoại trừ có thêm bụi bặm và nhiều thất vọng.

Trong lúc chúng tôi ngồi hỏi chuyện bác Hai, một cặp vợ chồng trung niên bước vào nhà và nhận ra vợ tôi. Hai người mới vào rất gầy ốm, già trước tuổi và có đôi tay nổi cộm những đường gân lớn bằng cây đũa. Họ là con trai và con dâu của bác. Như nhiều người khác mà chúng tôi gặp, nụ cười và ánh mắt sáng của hai anh chị che đậy một cuộc sống cơ cực. Chị cho chúng tôi biết hai vợ chồng vừa cắt xong những cây cà bắp, và nếu bán được hết những bó cà bắp này, họ có thể kiếm được khoảng mười ngàn đồng, tức là không tới một Mỹ kim. Họ cắt cà bắp từ sáng sớm cho đến xế trưa. Tôi thấy chị vui nhất khi nói về đứa con gái lớn của chị. Đứa con sắp tốt nghiệp tại một trường huấn nghệ và có thể tìm được một việc làm tốt, khá hơn công việc đồng áng của cha mẹ.

Nghe ý định thăm mộ ba, mọi người đều khuyên chúng tôi không nên đi trong tháng Bảy này, vì đường vào khu mộ rậm rạp với cây cỏ cao quá đầu người, rất khó đi bộ hoặc đi bằng xe. Tuy thất vọng vì không có dịp được viếng mộ ba vợ lần này, tôi cũng vui trở lại trên đường trở về nhà anh Bảy. Niềm vui này là một niềm vui với một cố nhân, một hạnh phúc văn chương.

Trên đường từ Tân Ba trở về Tân Hạnh, hai xe gắn máy lượn qua những quãng đường với nhiều thửa ruộng xanh mát, chạy dài đến tận những ngọn núi tròn mềm mại. Tôi có thể thấy núi Bửu Long xa xa ở bên kia sông Đồng Nai. Trong một lúc nhìn một ngôi nhà nằm cô đơn giữa cánh đồng, tôi chợt nhận ra mình đang sống trên quê hương của một nhà văn mà tôi quí mến từ lâu. Nhà văn này là ông Tô Văn Tuấn, tức tác giả Bình Nguyên Lộc quen thuộc trong giới văn chương miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Ông chào đời tại làng Tân Uyên, phía trên Tân Ba nếu chúng tôi tiếp tục đi tới thêm một khoảng ngắn trên con đường Liên Tỉnh

16 này. Từ ngày bắt đầu đọc truyện Bình Nguyên Lộc, tôi chưa bao giờ dám nghĩ có ngày tôi có thể đi qua những con đường mà ông từng sống nửa thế kỷ trước đây. Quãng đường từ Tân Ba về Tân Hạnh quả thật đã đến không ngờ trong trí nhớ quá xa xôi của tôi.

Trong mấy năm đầu mới đến Hoa Kỳ, tiền dành dụm sau những lần cắt cỏ cho người hàng xóm và rửa chén bát trong một tiệm ăn dưới phố Irwin của tôi thường được dùng để mua hai thứ: đĩa nhạc Mỹ và sách tiếng Việt. Tuy chữ lem nhem và mờ nhạt, những cuốn sách in lại trở thành dăm ba món tài sản rất quí giá đối với tôi, ở một nơi mà hiếm khi tôi nghe có người nói tiếng Việt, ngoại trừ tiếng của mẹ và em tôi. Với món tiền để dành rất giới hạn, tôi gởi mua được trên mười cuốn sách, gồm nhiều tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và một cuốn của ông Bình Nguyên Lộc. Những cuốn sách đầu tiên này đều được tôi bọc bìa bằng một loại giấy keo dính trong suốt. Tôi xếp sách trên một kệ gỗ do tôi đóng và đặt bên cạnh giường. Sau nhiều năm thay đổi chỗ ở và phiêu bạt qua các tiểu bang, chưa kể những lần bị người khác mượn sách, tôi vẫn còn giữ được cuốn "Đò Dọc" của Bình Nguyên Lộc. Sau này tôi được đọc nhiều tác phẩm khác của ông, kể cả truyện ngắn "Rừng Mắm" đầy xúc động tình quê hương và vài bài ông viết trong những ngày sống ở miền Bắc California. Tuy thế, tôi vẫn mến tập truyện dài "Đò Dọc", không hiểu vì đó là tác phẩm đầu tiên của ông tôi được đọc ở một nơi đầy tuyết giá, hay vì lối viết vừa vui, vừa hiền, vừa sâu sắc tâm lý và cũng vừa dễ dãi, cà kê dê ngỗng, như một câu chuyện tiêu khiển thời giờ trên một chuyến xe đò về miền quê.

Rời đại học vào năm 1986, tôi ôm theo (nhét vào đáy va-li thì đúng hơn) cái bằng cử nhân nghệ thuật điện ảnh mà thày giáo có nói rằng không thể giúp kiếm ra tiền và cũng không nên khoe với bất cứ ai, kể cả vợ. Tôi lang thang đến Bắc California để tìm việc làm. Trong những ngày ở tạm nhà người quen trong vùng San Jose vào cuối mùa xuân 1987, tôi tình cờ đọc được một bài viết của ông Bình Nguyên Lộc lẫn lộn giữa những trang quảng cáo của một tờ báo biếu đầy cộm, nằm phất phơ bên ngoài một tiệm tạp hóa. Báo biếu hay báo "free" thường nằm chất đống bên ngoài những cửa tiệm vào chiều ngày thứ Sáu hoặc sáng thứ Bảy. Bài của ông viết về một chuyến thăm Phố Tàu tại San Francisco, cũng với chút dí dỏm và dễ dãi đáng mến của một người miền Nam. Điều tôi nhớ đến nhất trong bài viết là ông đang sống gần Sacramento, cách San Jose nơi tôi ở không tới hai tiếng đồng hồ lái xe.

Thế nhưng trước khi tôi tìm đến Sacramento để được gặp người tôi quí mến từ lâu, ông Bình Nguyên Lộc đã về cõi thiên thu. Tờ báo biếu

đăng tin buồn với bức hình cũ của ông mờ ảo đằng sau làn khói thuốc trắng. Thế là bảy mươi năm sau khi rong chơi ở miền quê Tân Uyên, Biên Hòa, trải qua những năm tháng sôi sục máu lửa chiến tranh tại miền Nam Việt Nam, người có bút hiệu "con nai miền đồng bằng" đã vĩnh biệt cõi đời tại xứ người, ở một nơi được gọi là Rancho Cordova, California. Vào đầu thập niên 90, vợ chồng tôi rời Nam California và trôi dạt đến miền bắc. Trong thời gian tạm dừng chân và mở một tiệm sách tại Stockton, vợ chồng tôi tình cờ quen biết một người họ Tô cùng lứa tuổi với chúng tôi. Người này tự nhận là con trai út của ông Bình Nguyên Lộc. Tôi thất vọng khi biết anh không có sở thích văn chương như cha anh. Người con út ấy giỏi cờ tướng, có một cơ sở kinh doanh đang phát triển tại Sacramento và thỉnh thoảng liên lạc với tiệm sách của tôi, để kiếm thêm thân chủ tại Stockton.

Trên đường từ Tân Ba trở về Tân Hạnh, gió mát ngoài đồng xanh mời tôi vào quê hương của ông Bình Nguyên Lộc. Tôi thấy những nơi ông đã thấy và thở không khí mà ông đã thở trước đây. Phải chăng luồng khí âm ẩm mà tôi đang hít vào buồng phổi cũng là khí sống trong tác phẩm "Đồ Dọc"? Tôi có thể thấy một ngôi nhà tranh "vách trỉ long mốt" đang nằm chơ vơ giữa một cánh đồng, được xây theo kiểu mẫu nhà tre đăng trên báo. Ở đó, gia đình ông bà Nam Thành và bốn cô con gái chưa chồng đã tìm được bình yên sau những năm tháng sống xô bồ ở ngoại ô Sài Gòn. Băng ngang những cánh đồng xanh mạ với một con đường đất quanh co, ẩn hiện sau những bụi tre, tôi có thể thấy công tử Quờn đang bị bốn cô Hương, Hồng, Hoa và Quá chọc ghẹo. Tôi chợt mỉm cười như đang ngắm công tử Quờn nửa nhà quê nửa thành thị mà ông Bình Nguyên Lộc đã khoác cho "bộ bi-da-ma màu hường, màu xanh lá cây mà cậu mặc mãi từ sáng đến tối, từ trong buồng ra đến quận lỵ."

Quê hương thời thanh bình vào cuối thập niên 50 của ông Bình Nguyên Lộc giờ đây có còn mấy cậu công tử Quờn quê mùa một cách đáng yêu? có còn những cô gái xinh tươi chờ đợi một tấm chồng? Dọc theo Liên Tỉnh 16 này, có bao nhiêu cặp vợ chồng đang còng lưng hái những bó rau cà bắp giữa trưa nắng cháy? bao nhiêu ông cụ tám mươi tuổi còn hì hục sửa lại một miếng ván cầu bị xà lan phá đổ? và bao nhiêu đứa bé lem luốc đi bên cạnh con đường ồ ạt những chiếc xe tải, chở nặng một cuộc đổi mới đầy chụp giựt mà không ai biết sẽ đưa xứ sở đi về đâu?❐

(*"Những Ngày Về Biên Hòa"* được tiếp tục trong tuyển tập tạp ghi "Giữa Hai Miền Mưa Nắng", sắp phát hành vào đầu năm 2000)

Dặn

VY

Nhớ không,
em nói với anh rồi
chẳng đọc thư tình dâu
dừng viết cho em nữa
những câu nhớ lời mong
sao e-mail vẫn gởi
bảo sẽ không nghe phone
nhắn hoài chi qua máy
tình chồng, nặng trên vai
chất thêm gì nỗi nhớ?!

Hai mươi lăm năm trước
đêm đốt ngọn đèn hồng
gởi trả lại mẹ cha
tên mang thời thơ ấu
chỉ đỏ buộc cổ tay
trăm vòng trăm nút thắt
hứa theo chồng ngàn năm
kể chi rừng cùng bãi
làm gì còn, kiếp khác
để nói lời yêu nhau
có dư đâu, đời sau
mà hẹn câu vàng đá

em còn chút hương thầm
giữ hoài cho tim ấm.
vy

Đọc tùy bút của Trúc Chi

Nguyễn Mộng Giác

Trong văn chương Việt Nam hiện đại, số người viết tùy bút thành công không được bao nhiêu!

Nói tới thể loại này, người ta nghĩ ngay đến Nguyễn Tuân. Ông là một bậc thầy trong loại tùy bút. Sau Nguyễn Tuân, những người viết tùy bút, không nhiều thì ít, đều chịu ảnh hưởng của ông. Ngoài Bắc, có lẽ "chủ nghĩa cá nhân" bị lên án dữ dội nên không thấy có người nào đi theo Nguyễn Tuân. Trong Nam, viết tùy bút giỏi có Võ Phiến và Mai Thảo. Ở hải ngoại, suốt một phần tư thế kỷ, chỉ có hai người viết tùy bút thành công, là Nguyễn Bá Trạc với *Ngọn Cỏ Bồng*, và Trúc Chi với tập tùy bút *Đó Đây* vừa xuất bản.

Vì sao ít người viết tùy bút như thế?

Câu trả lời khá đơn giản: Viết tùy bút khó!

Viết truyện ngắn hay truyện dài, tác giả mặc sức "giả dạng vô danh" núp đằng sau các nhân vật để nói cho đã miệng, mà khỏi phải chịu trách nhiệm gì hết. Nhân vật nói được những lời vàng ngọc: tác giả nhận ngay mình mới là người thực sự nghĩ ra những lời cao siêu ấy. Ngược lại, nhân vật lỡ phun những lời ngu xuẩn ngược ngạo, người viết đổ hết mọi trách nhiệm cho hư cấu.

Những người viết kịch cũng có lợi-thế như người viết truyện. Anh ta đóng vai người đạo diễn núp đằng sau cánh gà, nhắc nhở, quan sát diễn tiến của vở kịch. Cùng một câu thoại, diễn viên này diễn tả xuất sắc hơn diễn viên kia, thế là người viết kịch có vô số những câu "tại vì..." để biện hộ cho cái bất tài của mình.

Có những thể loại văn chương gần gũi với tùy bút ở chỗ tận dụng chủ quan của người viết, như thể "ký", và "hồi ký". Trong hai thể loại này,

người viết phải bắt buộc xưng "tôi" và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những gì mình viết ra. Nguyên tắc đạo đức căn bản của "ký" và "hồi ký" là sự thành thật; người viết hồi ký phải tôn trọng sự thật mặc dù được phép viết một cách chủ quan. Nhưng viết bút ký và hồi ký cũng chưa phải là trò chơi nguy hiểm. Người viết ký chỉ cần công nhận mình chủ quan trong cách ghi chép sự việc là ngay lập tức mọi lỗi lầm được tha thứ. Người viết hồi ký còn rộng chân rộng tay hơn nữa. Vì chỉ những người đã may mắn "có một chút danh gì với núi sông" mới viết hồi ký. Trong ánh hào quang của danh vọng và sự an toàn của người đã ra ngoài cuộc, người viết hồi ký chiếm được nhiều tiện nghi. Có cái sang trọng hấp dẫn của "miệng nhà quan", và vì ông quan "có gang có thép" một thời ấy bây giờ đã "từ quan", nên không còn là đối tượng của những ghen ghét, đố kỵ. Nói hay người ta khen, nói dở người ta thông cảm.

Chỉ còn những người liều lĩnh chọn viết một thể loại nguy hiểm, là tùy bút.

Vì người viết tùy bút phải đem cái tôi ra nói từ đầu chí cuối, như là một người khỏa thân ngay giữa chợ. Chẳng những thế, tuy được phép nói về mình, nhưng tùy bút không cho phép nói có đầu có đuôi, có thắt có mở như người viết truyện. Tùy bút cũng không cho phép ăn nói nghiêm trọng. Trong một cuộc hội họp bù khú cuối tuần, người được Trời ban cho cái giọng thiên phú, thu hút thiên hạ bằng những lời hiệu triệu chính trị hùng hồn hoặc những bài hát karaoke. Người có tài kể chuyện cũng là chúa tể của một nhóm khác. Riêng các anh chị viết tùy bút, trong những dịp ấy, họ chẳng khác nào những người có tài tán gẫu, nói những chuyện có vẻ bông lơn chẳng có gì trầm trọng nhưng ai nghe cũng thích thú. Khi chia tay, cảm giác thích thú ấy cứ còn hoài, tuy cố nhớ thì cũng không thấy anh chàng ăn nói lan man có duyên ấy nói những chuyện gì.

Trong *The Importance of Living* (Nguyễn Hiến Lê dịch thành cuốn *Một Quan Niệm Về Sống Đẹp*), Lâm Ngữ Đường bàn về những cái thú ở đời. Lâm tiên sinh có bàn về một cái thú rất dễ tìm nhưng ít ai lưu ý: cái thú tán gẫu. Những lúc đó, vô phúc gặp phải những tay hùng biện thao thao bất tuyệt về những chuyện vá trời lấp biển, thì phí mất một ngày cuối tuần. Hoặc gặp phải một ông thầy tu dạy dỗ những điều phải làm, ngồi nghe phải kính cẩn xếp hai bàn tay ngay ngắn trên đầu gối, miệng đánh nhịp "bạch thầy" với "lạy cha" thì cũng chán chết. Kẻ may mắn mới gặp được những chuyên gia tán gẫu trong những tối cuối tuần, hoặc đọc được những tập tùy bút có duyên. "Tán gẫu" không phải là "tán thán", lại càng

không phải là "tán nhảm". Chuyện đem ra bàn không phải là chuyện có đầu có đuôi, một người xướng rồi những người nói sau phụ họa như một giàn hợp xướng đơn điệu. Ở đây, không có ai dẫn đạo, không có ai theo đuôi. Đề tài được mở rộng, cái gì hứng khởi thì cho tới luôn, đang tới mà thấy cái gì lạ thì bẻ ngoặc rẽ sang hướng khác cũng không sao. Võ hiệp gọi là "vô chiêu". Người tán gẫu giỏi hay người viết tùy bút hay, không lụy vào bất cứ khuôn thước nào, cứ tùy hứng mà bay nhảy thoải mái.

Trúc Chi viết tùy bút như thế!

"Trong cuộc sống hàng ngày, tôi vẫn thích có được mươi mười lăm phút ngồi một mình như vậy. Ngồi im vậy thôi chứ không có bận tâm gì về cái thiên hình vạn trạng của hai chữ *xuất xử* của người nay và người xưa. Đời tôi kể cũng có một đôi lúc khá xui, nhưng chưa bao giờ phải *xuất*, phải bất hạnh mà gánh lấy việc quân quốc trọng sự như ông quân sư đầy mưu thần chước quỷ nọ, ngồi một mình bên hồ cá nghĩ kế chận năm đạo quân xâm lược đang rục rịch tiến vào Thành Đô. Còn về chữ *xử*, thì hình như tôi vẫn chân trong chân ngoài. Tôi ngồi trong một tư thế rất thoải mái cho cơ thể tôi, không phải kiết già kiết trẻ chi, mà cũng không phải để thiền thiếc gì. Những lúc ấy đầu óc tôi bận rộn lắm, nhảy hết chuyện này sang chuyện khác, cứ loạn xà ngầu cả lên như là màn ảnh ti-vi chớp từ đài này sang đài kia. Cứ ngồi vậy thôi, để cho bộ máy thần kinh hoàn toàn độc lập, tự do, nhảy từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác. Những lúc ấy, hình như tôi... hạnh phúc lắm. Không biết đó có phải là hạnh phúc thật không, nhưng riêng tôi, tôi lấy đó làm một cái thú thường nhật."

Lúc cô độc một mình, Trúc Chi thích nghĩ lan man. Cho nên khi viết, anh cũng thích viết lan man.

"Ấy, cái lối viết lách của tôi nó vậy đó. Định viết về một chuyện mà rồi lại nhảy sang chuyện khác. Nó cứ giống như thói quen của các bà nội trợ tham con diếc tiếc con rô mà tôi vẫn thường thấy trong các siêu thị ở đây. Thấy bó rau muống tươi, sắp sửa mua thì lại bị mấy quả xoài đầu mùa nhập cảng từ Mễ Tây Cơ nó cám dỗ. Thành ra cái rổ chợ (đúng ra thì phải nói cái xe chợ) nhiều khi có phần...đa mang. Thành ra bài vở của tôi cũng vậy, nhét quá nhiều thứ, mà lại không có đầu đuôi gì cả. Hỏng!"

Đọc tùy bút của Trúc Chi, không thể không nghĩ tới tùy bút của Nguyễn Tuân. Phong cách tùy bút của hai người có nhiều điểm giống nhau: giọng thiết tha khi nói đến thanh đến sắc, niềm xót thương cho những thân phận ca kỹ về chiều, chút khinh bạc dành cho những kẻ tối mặt vì những thứ phù vân. Những trang tùy bút hay nhất của Trúc Chi,

cũng như Nguyễn Tuân, là những trang "thương hoa tiếc ngọc". Đọc những trang viết ấy tôi cứ liên tưởng đến mấy câu của Chu Mạnh Trinh viết trong Bài Tựa Truyện Kiều (qua bản dịch): "Ta cũng nòi tình thương người đồng điệu, cái kiếp không hoa lẩm cẩm, con hồn xuân mộng bâng khuâng. Đã toan cất sẵn nhà vàng chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương thảo hú vía thuyền quyên...".

Nhưng tôi cũng nhận ra được điểm khác biệt lớn lao giữa Nguyễn Tuân và Trúc Chi. Lấy lại hình ảnh những buổi tán gẫu trên kia. Trong những dịp họp mặt thích thú đó, một người như Nguyễn Tuân dĩ nhiên là cái đinh của cuộc vui. Tùy bút Nguyễn Tuân hay, điều đó khỏi cần bàn cãi. Qua cái ảo diệu uyển chuyển của ý và lời, trong tùy bút Nguyễn Tuân, tôi vẫn lờ mờ thấy có cái phần "biểu diễn", cái phần "muốn lấn lướt" để vượt lên trên đám nhân sinh lổn nhổn đang vây quanh ông. Nguyễn Tuân không hề che giấu lòng khinh mạn lũ người ngợm dung-thường đang trố mắt thán phục ông, cho nên trong cái ngang tàng ngất ngưởng của Nguyễn Tuân, có chen nhiều chất "kịch". Trong buổi tán gẫu có mặt Nguyễn Tuân, tôi nghĩ chỉ có Nguyễn Tuân xướng, và ông cũng không muốn cho ai khác hơn ông được xướng.

Tùy bút Trúc Chi không có cái phần "kịch" ấy. Trúc Chi là một người biết rõ cốt tủy của thú tán gẫu: sự bình đẳng. Ông hòa đồng chứ không muốn nổi bật. Ông tỉ tê lan man chứ không cao giọng. Nguyễn Tuân nói rõ những kẻ đáng khinh đáng ghét. Trúc Chi chia nhân loại làm hai hạng: đáng yêu chiếm đa số; thiểu số còn lại là những người đáng thương. Hãy nghe Trúc Chi "tán gẫu" về một người chồng phụ bạc:

"...Bởi vì nó đang đưa tôi về với một buổi chiều hè trong một quán rượu ở đường Montparnasse, có Hoài, có tôi, có nhiều mất mát. Vẫn biết, như câu chuyện cũ trong sách giáo khoa, mình mất người khác được, nhưng những thứ mà Hoài và tôi từng bị đời cướp mất, lại không ai buồn lượm cả. Thành ra cái buổi hội ngộ sau tháng Tư 75 ấy, nó nhuốm một chút bùi ngùi, đượm một chút chua chát.

Hôm ấy là lần đầu tiên Hoài nói thật với tôi rằng Nhân quyết định ở lại Việt Nam, không phải vì Nhân thích "bên kia" như tôi vẫn tưởng, mà chính vì Nhân không thể xa người đàn bà ấy, vốn cũng là bạn của tôi. Trong cái nháo nhào, trong cái tuyệt vọng của số đông vào cái ngày 30 tháng Tư năm ấy, có hai tâm hồn tự tách rời ra khỏi những biến cố trọng đại của lịch sử để mà xây một cái tổ ấm trên cái đống tro còn nóng của một thời khói lửa. Kể cũng can đảm. Mà cũng đẹp chứ không phải không. Cái anh chàng Nhân bạn học của tôi, tôi nghĩ mà thương. Ngày còn thanh

niên, Nhân vui vẻ, hay đùa giỡn, trêu thầy, chọc bạn. Ra đời nhờ bẩm sinh thông minh lanh lẹn, lại thành công sớm trong ngành thầu xây cất. Tôi biết rõ Nhân lắm, con người hoạt bát và lịch lãm ấy hẳn không phải là không nát óc, không nát ruột khi phải chọn giữa bên vợ và bên bồ. Tôi nghĩ đến những vở kịch thời cổ bên Hy Lạp mà cốt chuyện được dựng trên cái xung đột nội tâm của nhân vật chính. Tôi nghĩ đến cái dằng co giữa Hiếu và Tình, giữa Trung và Hiếu trong một đôi tuồng hát bộ.

Phải rồi:
Song phủ cứu lai chánh hậu
Ngửa vái trời soi thấu lòng ngay
Xét thân hổ với cao dày
Phơi gan giúp chúa, chau mày phụ cha

Xót xa lắm chứ. Tôi còn thấy được hình ảnh khổ đau của nhân vật này trong tuồng Sơn Hậu, nếu tôi không lầm, đôi lông mày nhíu lại cơ hồ chỉ còn có một đường ngang dưới trán, hai tay dang ra với một vẻ sững sờ hầu như là tuyệt vọng khi kẹt trong một cái thế lưỡng nan: giết cha hay là phò chúa. Vậy nhưng mà trong lòng những con người thời trước, có cao dày, có trời đất chứng giám cho, còn ở trong lòng người bạn hiền mang tên Nhân, mà tôi biết là không tin ở một đấng nào trong cõi siêu hình cả, động cơ nào đã thúc đẩy anh đi đến quyết định bỏ Hoài mà ở lại với người đàn bà rất tài hoa kia? Hình như nó là cái chữ Tình thì phải. Chữ Tình mà người đời trước đã tự hỏi xem nó là cái chi chi!"

Một phong cách thật sự thoải mái thư giãn đi chung với một tâm hồn đôn hậu, tôi nghĩ đó là kết hợp tuyệt vời tạo ra vẻ đẹp trong tùy bút của Trúc Chi. Bạn đọc gác tạm những lo toan vướng víu sang một bên, và cùng Trúc Chi hưởng cái thú tán gẫu bằng những trang tùy bút.❐

qua mấy trời sương mưa
thi tập của Hoàng Lộc

Văn Mới xuất bản, tranh bìa Đinh Cường, Phụ bản Đinh Cường & Huỳnh Ngọc Diệp, trình bày Phan Xuân Sinh, phổ nhạc Đynh Trâm Ca, sách dày 200 trang, giá **12 MK**.
Sách do Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành

Tin sinh hoạt

Hồ Minh Dũng ra mắt truyện dài Cồn Mây

Tại xứ sở *"Cuốn theo chiều gió"*, đông đảo người Việt định cư tại Georgia đã đến với nhà văn Hồ Minh Dũng trong buổi ra mắt truyện dài *Cồn Mây* chiều ngày 30.10.1999 tại Vũ trường Đêm Sài Gòn thành phố Atlanta.

Nhà văn Lâm Chương từ Massachusets, nhà thơ Triều Hoa Đại từ Florida và một số bằng hữu mến mộ văn chương Hồ Minh Dũng đã về dự và phát biểu những vấn đề liên quan đến văn học nghệ thuật nước nhà, hiện đang tồn tại le lói ở xứ người. Đa số những người cầm bút và có tấm lòng đều đến để động viên, cổ vũ và mua sách ủng hộ nhà văn xứ Huế vừa đến định cư tại đây trên dưới ba năm.

Vũ trường có sức chứa gần 200 người không đủ chỗ cho những người đến với nhà văn Hồ Minh Dũng, phải đứng tràn ra bên ngoài, thậm chí có nhiều người không đủ chỗ đậu xe chỉ gửi giấy chúc mừng. Nói chung, đây là một buổi ra mắt sách thành công ở một tiểu bang Miền Đông người Việt không nhiều.

Trần Doãn Nho lang thang trên nẻo đường Cali.

Một nhà văn gốc Huế khác, Trần Doãn Nho, lại từ Miền Đông đến California vào cuối tháng 11 để ra mắt một lúc bốn tác phẩm anh đã xuất bản từ ngày anh sang định cư ở Hoa Kỳ năm 1993. Buổi ra mắt sách do các tạp chí *Thế Kỷ 21*, *Văn Học* và *Văn* phối hợp nhau tổ chức, tại Phòng Sinh hoạt của Nhật báo *Người Việt* trưa 20 tháng 11.1999.

Ba diễn giả lên diễn đàn lần lượt đưa ra những nhận định về tác phẩm của Trần Doãn Nho: Nguyễn Mộng Giác nói về truyện ngắn (*Vết xước đầu*

đời, Căn phòng thao thức), Bùi Vĩnh Phúc nói về tiểu luận (*Viết và Đọc*), Phạm Xuân Đài nói về ký (*Lang thang, những nẻo đường*). Chen giữa các lời phát biểu văn chương là những tiết mục văn nghệ , đặc biệt là tiếng hát trầm ấm của BS Hà Thúc Như Hỷ, và giọng ngâm thơ của Thanh Hùng, chưa kể những mục phụ diễn tự nguyện của vài người tham dự. Nói chung, buổi ra mắt sách có nội dung, và nhẹ nhàng thoải mái, không quá nặng nề vì những lời phát biểu lê thê. Trần Doãn Nho kết thúc buổi sinh hoạt bằng cả hai thứ tài có sẵn: hát một bài do anh sáng tác, và nói những lời cảm tạ thân tình.

Năm 2000, hội thảo quốc tế về cộng đồng người Việt hải ngoại

Nhân dịp kỷ niệm 25 năm chấm dứt cuộc chiến tranh Việt Nam, *Trung tâm Việt Nam* (Vietnam Center) thuộc Đại học Texas Technology ở Thành phố Lubbock Texas đang chuẩn bị tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế để tổng kết một phần tư thế kỷ hình thành và trưởng thành của Cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Cuộc hội thảo với đề tài: "Kinh nghiệm đời sống người Việt ở ngoài nước" trong chương trình hội thảo hằng năm, vào tháng Tư năm 2000 nhằm kiểm điểm những thành công lẫn thất bại của cộng đồng.

Để chuẩn bị cho cuộc hội thảo, cũng như thông báo rộng rãi hoạt động của Trung tâm Việt Nam tại Lubbock cho cộng đồng người Việt biết, hồi cuối tháng 10.99, Trung tâm đã mời một số người hoạt động văn hóa trong cộng đồng đến thăm Trung tâm trong hai ngày. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác Chủ bút Văn Học có tham dự cuộc thăm viếng bổ ích này.

Anh Nguyễn Mộng Giác cho biết anh vô cùng mừng rỡ khi tận mắt chứng kiến qui mô đồ sộ và những dự án lớn lao của Trung tâm, dành cho ngành Việt học nói chung, dành cho Cộng đồng người Việt hải ngoại nói riêng. Trung tâm Việt Nam ở Lubbock hiện có một kho tài liệu phong phú bậc nhất thế giới liên quan tới lịch sử Việt Nam, đặc biệt là cuộc chiến tranh gần đây. Những tài liệu nào Trung tâm chưa có, Trung tâm đã thương lượng mua lại bản microfilm của các kho tư liệu từ khắp nơi trên thế giới. Trung tâm cũng được trang bị những tiện nghi kỹ thuật tối tân nhất để lưu trữ, bảo quản, phục chế những tư liệu hư nát... Theo Tiến sĩ James R. Reckner Giám đốc Trung tâm Việt Nam, Trung tâm cố gắng sưu tầm bảo quản càng nhiều càng tốt tất cả những tài liệu liên quan tới Việt Nam, không phân biệt nguồn gốc chính trị của nó. Việc đánh giá mức khả tín hay sử dụng tài liệu đó là việc của thế hệ sau, việc trước mắt là sưu tầm các tài liệu đang bị thất lạc, hư mòn, nhất là tất cả những tài liệu liên quan

đến chế độ Việt Nam Cộng Hòa (đã bị chế độ cộng sản truy quét phá hủy phần lớn, phần ít ỏi còn lại do những người tị nạn cất giữ nhưng sẽ bị mất mát vì không thể thấy hết tầm quan trọng của tài liệu, ngoài giá trị một món lưu niệm cá nhân).

Trung tâm Việt Nam cũng cố gắng sưu tập tất cả sách, báo của người Việt ở hải ngoại trong một phần tư thế kỷ qua. Tiến sĩ James R. Recker nhờ các nhà hoạt động văn hóa của cộng đồng người Việt nhắn lại với đồng bào rằng: Bất cứ ai có tài liệu gì liên quan đến Việt Nam Cộng Hòa, xin hãy gửi về cho Trung tâm Việt Nam tại Lubbock bảo quản. Các ký giả, nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu Việt học có tác phẩm, bản thảo, tài liệu gì cần chia sẻ với những nhà nghiên cứu Việt Nam khác, hoặc lưu trữ cho thế hệ mai sau, xin gửi về cho Trung tâm.

Những ai quan tâm đến những vấn đề nêu trên, xin liên lạc Trung tâm Việt Nam qua địa chỉ:

The Vietnam Center
PO Box 41045, Lubbock, TX 79409-5
Phone: (806) 742-
Fax: (806) 742-
E-Mail: Vietnam.Center@ttu.edu
Website: www.edu/vietnam

Dự án nghiên cứu về cộng đồng người Việt hải ngoại của Trung tâm William Joiner- Đại học UMAS

Song song với kế hoạch lớn của The Vietnam Center ở Lubbock TX, Trung tâm William Joiner thuộc Đại học UMAS ở Boston cũng xin được tài trợ của Rockefeller Foundation để thực hiện một dự án nghiên cứu rộng rãi, qui mô về Cộng đồng người Việt tại hải ngoại, sau một phần tư thế kỷ trưởng thành nơi xứ người.

Dự án này kéo dài trong vòng ba năm, từ năm 2000 đến 2003.

Theo Anh Nguyễn Bá Chung, điều phối viên của dự án "Diễn trình tái xây dựng diện mạo và quê hương của người Việt ở nước ngoài", Quỹ Rockefeller đồng ý tài trợ cho những công trình nghiên cứu về mọi sinh hoạt của cộng đồng người Việt hải ngoại trong 25 năm qua, từ sự hình thành của cộng đồng cho tới những biến chuyển về xã hội, chính trị, kinh tế, văn học nghệ thuật. Kết quả của cuộc nghiên cứu sẽ là tài liệu đầu tiên vừa qui mô vừa có căn cứ khoa học, để cả người Việt hải ngoại lẫn chính quyền sở tại từ đó định hướng cho sự phát triển trong tương lai. Sau đây là thông báo của Trung tâm William Joiner:

Trung Tâm William Joiner
Nghiên Cứu về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh
Đại Học Massachusetts-Boston

Đề Án Về Cộng Đồng Người Việt ở Nước Ngoài
Nghiên Cứu Khoa Học Nhân Văn Quỹ Rockefeller
2000-2003

DIỄN TRÌNH (TÁI) XÂY DỰNG DIỆN MẠO VÀ QUÊ HƯƠNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI

Đề Tài Nghiên Cứu:

* Khảo sát Những Quan Điểm Hình Thành Lịch Sử Việt Nam
* Khảo sát Những Tiếng Nói của Người Việt ở Nước Ngoài
  - Qua Văn Học, Ngôn Ngữ, Văn Hóa
* Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương của Người Việt ở Nước Ngoài:
* Một Cái Nhìn Dài Hạn

Chương Trình Học Bổng:

Đề án sẽ cấp học bổng cho 2 tới 5 nghiên cứu gia hàng năm, bắt đầu từ niên khóa 2000-2001, với những chương trình nghiên cứu từ 4 tới 9 tháng.
Trợ cấp tối đa cho một chương trình nghiên cứu 9 tháng là 35.000 Mỹ kim cộng với một khoản chi phí di chuyển nhỏ.

Thời Hạn :
Hạn chót nộp hồ sơ : Ngày 31 tháng Giêng năm 2000

Đề án Với Sự Đồng Tham Dự:
* Chương Trình Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu
* Chương Trình Đông Á Học
* Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu
* Liên Minh Thanh Niên Thanh Nữ Mỹ Gốc Vùng Á Châu-Thái Bình Dương
* Học Viện Cao Đẳng Giáo Dục

Địa Chỉ Liên Lạc:

Nguyễn Bá Chung
William Joiner Center for the Study of
War and Social Consequences
University of Massachusetts-Boston
Boston, MA 02125-3393

(617)287-5850, fax (617) 287-5855

E-mail: Chung.Nguyen@umb.edu
Web Site http://omega.cc.umb.edu/~diaspora

giới thiệu sách mới

THƠ

🕮 Dạ Quỳnh, ***Hai mươi năm,*** tác giả xuất bản tại Melbourne, Úc; Tranh bìa Bill Kemp, Phụ bản Nguyễn Tư, Đào thị Mỹ Linh, sách dày 120 trang, không thấy đề giá bán. Đây là tác phẩm thứ ba được xuất bản của Dạ Quỳnh, sau tập thơ *Thi khúc Dạ Quỳnh* (1991), và tập truyện *Ngày Xưa Học Trò* (1994). Thi tập gồm 35 bài thơ viết bằng tiếng Việt, 11 bài viết bằng Anh ngữ, và kết thúc bằng một liên khúc nhan đề *Liên khúc người về*. Đọc thơ Dạ Quỳnh, người phụ trách giới thiệu sách mới có hai nhận xét nhỏ: ngôn ngữ thơ đơn giản không cầu kỳ, và một tinh thần tranh đấu cao hướng tới một lý tưởng chính trị cho đất nước. Dường như khi đặt bút làm thơ tác giả đã có chủ ý rõ ràng: thi ca cũng là một phương cách tranh đấu hữu hiệu cho lý tưởng.

Thư từ liên lạc xin gửi về : Dạ Quỳnh
PO Box 237 Camberwell VIC 3124 Australia

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

🕮 Nam Dao, ***Gió lửa***, tiểu thuyết, Thi Văn (Québec, Canada) xuất bản, sách dày 500 trang, giá 20 MK.

Tác giả đoán trước cảm giác hụt hẫng người đọc sẽ có khi đọc *Gió Lửa*, nên ở bìa sau cuốn sách, có giải thích khá rõ về cách viết và nội dung.

Về cách viết, Nam Dao bảo: "Tác giả dựng tiểu thuyết đầu tay này theo cấu trúc chương hồi, trong đó mỗi chương đều mang "tính cách" truyện ngắn".

Về nội dung, tác giả giải thích rõ hơn:

"*Gió Lửa* là tiểu thuyết dã sử dựa trên không gian nước Việt Nam vào thời điểm Trịnh tàn-Lê mạt ở cuối thế kỷ 18.

Đọc tiểu thuyết dã sử là tạo dịp đào sâu một số suy tư về quá khứ. Những trang sử Việt Nam từ trên dưới năm trăm năm qua phơi trải chiều dài một cuộc nội chiến vẫn ám ảnh rình rập đâu đó như một thứ ác nghiệp đang chỉ đợi cơ hội là lại làm cho lệ rơi máu đổ. Nhưng nói cho cùng, lịch sử vẫn là sản phẩm của những con người suy tư và hành động trong một mẫu hình văn hóa nhất định. Vậy thì yếu tố nào trong mẫu hình kia có thể là nguồn căn những cuộc nội chiến mà *ta* là nạn nhân của chính *ta*?

Tránh cho cảnh lệ lại rơi máu lại đổ, không thể không đặt cả cái mẫu hình văn hóa đó lên bàn giải phẫu để suy gẫm, hội chẩn, và rồi cắt bỏ những phần nhiễm độc của tâm thức. Chỉ có như vậy, phần nào tương lai mới rõ nét hầu hiện tại cưu mang được hy vọng..."

Như vậy, lịch sử thời Trịnh tàn - Lê mạt chỉ là *cái cớ* để Nam Dao vạch rõ cái mầm ác từng lưu cữu trong máu huyết văn hóa Việt suốt năm thế kỷ, mà lịch sử đẫm máu trước mắt chỉ là cái đuôi của mầm ác tích lũy ấy mà thôi. Chủ đích này chi phối toàn thể tiểu thuyết *Gió Lửa*: thế giới tiểu thuyết là địa ngục, nhân vật tiểu thuyết sống trong cơn đồng thiếp, mê sảng trong cái nhầy nhụa của dâm dật và bạo tàn. Lịch sử không hề có anh hùng, chỉ rặt một phường vô lại thô bỉ. Không đồng ý với Nam Dao về nhận định căn bản này, thì khó lòng đọc được cho hết *Gió Lửa*.

Xin đặt mua sách qua E-mail: thivan@videotron.ca
Chi phiếu mua sách trả cho Nxb ThiVan, gửi về địa chỉ:
Edition Thi Van
PO Box 42045, suc St Louis
St-Foy, QC, Canada GW 4Y

📖 Trần Doãn Nho, ***Loanh quanh, những nẻo đường***, ký, Văn Mới xuất bản, bìa Nguyễn Trọng Khôi, sách dày 200 trang, giá 10 MK.

Tác phẩm thứ tư được xuất bản ở hải ngoại của Trần Doãn Nho, sau hai tập truyện ngắn (*Vết xước đầu đời, Căn phòng thao thức*) và một tập tiểu luận văn học (**Viết và Đọc**). *Loanh quanh, những nẻo đường* là một tập ký mở đầu và kết thúc bằng hai bài thơ, ở giữa là chín bài ký: Một đêm, Sài gòn những ngày trôi nổi, Rào thép gai, Lô sơn yên tỏa, Ngậm ngải tìm trầm, Một nơi để đi một nơi để đến, Chớm thu, Mùa thu New England, Huế kín Huế mở.

Trong chín bài ký, năm bài viết về Việt Nam mới thực là ký, những

bài viết về Mỹ thiên về tùy bút nhiều hơn. Nhờ đi nhiều, lăn lộn từ Nam ra Bắc để tìm sống sau khi ra khỏi trại cải tạo, Trần Doãn Nho có nhiều chất liệu phong phú, sinh động về đất nước, con người để viết ký, từ nghề bán vé số ở Sài Gòn, rào kẽm gai ở Bắc cho đến nghề lên rừng tìm trầm. Trong những chuyến phiêu lưu như thế, tác giả quan sát ghi nhận cuộc sống thật, con người thật của từng địa phương, thú vị nhất đối với độc giả miền Nam là những ghi nhận về cuộc sống con người miền Bắc.

Sách hiện đã bày bán ở các hiệu sách, do Văn Nghệ phát hành.

📖 Phạm Nguyên Lương, ***Nắng Sài Gòn Nắng Hoa Kỳ,*** truyện dài, Đại Nam xuất bản, lời giới thiệu của Doãn Quốc Sỹ, bìa của Khánh Trường, sách dày 540 trang, giá 18 MK.

Tác giả là một y sĩ, nên có thể nghề nghiệp đã ảnh hưởng phần nào lên phong cách viết văn của Phạm Nguyên Lương. Trong lời mở đầu, tác giả viết: "Người tị nạn, trừ những người vẫn giữ được lập trường đứng đắn, tự trọng ở xứ người để có được cuộc sống bình thường, thoải mái...trái lại, những người đua đòi với nếp sống hưởng thụ tối đa của người địa phương không phải là ít...Mỗi trường hợp là một thí dụ điển hình ảnh hưởng của phong thổ, của nắng quái địa phương...Tác giả chỉ cố gắng trình bầy câu chuyện phản ảnh đời sống hiện tại của thời đại chúng ta ở hải ngoại, trước là giải trí bạn đọc, sau cũng như để thử tìm một hướng đi hợp lý, thoải mái..."

Truyện dài trên 500 trang này là sưu tập của nhiều "bệnh án" điển hình của cộng đồng người Việt ở xứ người, và sau khi trình bày con bệnh, nhà văn-y sĩ cũng phân tích rạch ròi căn nguyên của bệnh, tận tình hướng dẫn con bệnh để hướng tới một tương lai lành mạnh hơn. Thái độ tự tin của tác giả có tác dụng tốt về mặt xã hội, nhưng lại có ảnh hưởng không thuận lợi về mặt kỹ thuật tiểu thuyết: nhân vật và tình tiết dưới ngòi bút đầy thiện chí của tác giả trở nên đơn giản quá. Mà cuộc đời và con người vốn không đơn giản chút nào!

Sách do nhà Đại Nam phát hành rộng rãi khắp các đại lý.

📖 Hồng Lan, ***Văn học Miền Nam,Như khói lam buồn,*** tập truyện ngắn, Viên Giác (Hannover, Germany) xuất bản, Tựa của Xuân Vũ, bìa của Trương Bửu Giám, ảnh của Lê Quang Xuân, sách dày 260 trang, giá 10 MK.

Trong lời giới thiệu, nhà văn Xuân Vũ khen tập truyện có được nét hồn nhiên và duyên dáng. "Truyện của Hồng Lan viết gồm phong cảnh,

con người và sự việc xảy ra ở nông thôn mà tác giả sống...Cây chuối, cây dừa, bờ ao, bến đò, vườn cây, lúa mạ, ruộng đồng, cây me, cây ổi, chuyện cày bừa, cấy gặt, chính là cuộc sống của tôi. Nay đọc Hồng Lan chẳng khác nào trở lại quê hương trên mặt đất. Hơn thế nữa, trong nhiều đoạn, tôi tưởng nhân vật đó chính là tôi..."

Tưởng cũng cần biết thêm Hồng Lan là "bà xã" của nhà văn Nguyễn Tấn Hưng. Cả hai vợ chồng đã tận tình với "miệt vườn", một sắc thái đặc biệt trong văn chương hải ngoại.

Thư từ và ngân phiếu xin gửi về:
Viên Giác
Karlsruher Strass. 6
30519 Hannover Germany.

📖 Thái Quốc Mưu, ***Phía sau cuộc đời,*** phóng sự tiểu thuyết, Dân Việt (Atlanta, Georgia USA) xuất bản, bìa Vũ Đức Thanh, phụ bản Vũ Đức Thanh, sách dày 290 trang, giá 13 MK.

Tiểu thuyết phóng sự lấy khung cảnh là một cộng đồng người Việt Công giáo, với những phức tạp núp đằng sau bề mặt nghiêm túc bình thường của nó. Hình như tác giả muốn, qua tiểu thuyết phóng sự này, gửi gắm một thông điệp quan trọng hơn là ghi nhận những điều đang xảy ra trước mắt, khi ông trang trọng ghi vài lời suy nghĩ nhỏ trước khi vào truyện: "Lịch sử là một quan tòa công chính, sẽ phán xét nghiêm khắc tất cả những sự việc xảy ra trong suốt cuộc hành trình nhân loại; không một cá nhân, đoàn thể chính trị, tôn giáo, đảng phái, dân tộc, quốc gia nào thoát khỏi sự phán xét ấy" hoặc "Lẽ phải thuộc về chân lý. Đó là nguyên tắc bất di bất dịch".

Địa chỉ liên lạc: Dân Việt
P.O. Box 47074 Atlanta GA 30362
Phone: 770-270-0099

📖 Buddhadàsa Bhikkhu, ***Cẩm nang nhân sanh,*** sách nghiên cứu Phật giáo, Thích Viên Lý dịch, Viện Triết học VN & Triết học Thế giới (Monterey Park, CA USA) xuất bản, sách dày 224 trang, giá 10 MK.

Theo lời giới thiệu của Nhà Xuất bản, "Qua cuốn *Cẩm Nang Nhân Sinh* này, độc giả sẽ tri nhận ra rằng bản chất đích thực của mọi hiện tượng không gì khác hơn là ý nghĩa của ba pháp ấn mà Đức Phật đã nghiệm chứng và tuyên thuyết. Cũng qua *Cẩm Nang Nhân Sinh* này, người đọc sẽ nắm được những bí quyết hành trì cụ thể có khả năng giúp chúng ta đạt

được một cuộc sống ổn định, một tâm linh thanh khiết, thánh thiện của những bậc thánh giả đã giải thoát toàn triệt mọi ưu phiền hệ lụy của đời sống hơn là một đề mục để truy cứu, tham khảo."

Địa chỉ liên lạc: Thích Viên Lý
424 S. Ramona Ave
Monterey Park CA 91754-USA
Phone: 626-288-5359

📖 Xuân Tước, ***Hoa hướng dương,*** tiểu thuyết tâm lý, xã hội, phong tục; Văn Hóa (Houston TX USA) xuất bản, sách dày 280 trang, giá 15 MK.

Truyện dài này xuất hiện trên Nguyệt san Trái Tim Đức Mẹ từ cuối thập niên 80. Trong lời mở đầu, tác giả giới thiệu về nội dung cuốn sách: "Cuộc đời của một quân nhân cải tạo Việt Nam đi tị nạn, sang trại tạm cư Thái Lan, rồi sang định cư ở Hoa Kỳ. Theo ý hướng "Kính Chúa và Yêu Đời", gia đình này hướng theo con đường của Chúa như Hoa Hướng Dương nhìn theo Mặt Trời, cùng nhau vượt qua muôn ngàn khó khăn trở ngại, cùng với một niềm tin, tiến lên xây dựng một gia đình gương mẫu, cùng tham gia mọi hoạt động xã hội để giúp ích cho đời"

Chủ đích "tải đạo" của tiểu thuyết đã qui định rõ ràng qua lời tác giả, nên xét giá trị của tác phẩm cũng phải dựa trên hiệu quả của mục tiêu trên đây. Thư từ và ngân chi phiếu xin gửi về Hoàng Đỗ

PO Box 38325 Houston TX 77238-8325
hay: 2606 Main Street # 112, Houston TX 77002

📖 Hứa Hoành, ***Nam Kỳ: Những phú hộ lừng danh,*** Văn Hóa (Houston TX USA) xuất bản, sách dày 264 trang, giá 15 MK.

Nhà xuất bản nói về cuốn sách như sau: "*Tập Nam Kỳ: Những phú hộ lừng danh này* nối tiếp bốn tập *Nam Kỳ Lục Tỉnh* và tập *Bảy Viễn* - với hoài bão mang về hiện tại những nét chấm phá thiết thân, tràn đầy tình tự và dũng cảm, hào hùng của một Nam Kỳ Lục Tỉnh đã chìm vào dĩ vãng - một Nam Kỳ Lục Tỉnh đỉnh cao cuộc Nam tiến của dân tộc Việt...Truyền khẩu sử và sử liệu thành văn đã đan quyện vào nhau trong kiến thức và văn phong Hứa Hoành khiến sự ưa chuộng của đa số độc giả với ông là đương nhiên..." .

Địa chỉ nhà xuất bản Văn Hóa
PO Box 38325 Houston TX 77238-8325
hay: 2606 Main Street # 112, Houston TX 77002

hộp thư

● **Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:**

Trần Trúc Quang (Falls Church VA), Đỗ Tuấn Huy (Langen, Germany), Đỗ Ngọc Tỉnh (Langen, Germany), Nguyễn văn Mỹ (Mission Viejo CA), Nguyễn Nga Mỹ (Gahana OH), Anh Schulz (Jupiter FL), Ánh Tú Phan (Piedmont CA), Đoàn Xuân Kiên (London England), Lan H. Nguyen (Seattle WA), BS Trần Tiễn Ngạc (Stockton CA), Joseph Luận Nguyễn (Garden Grove, CA), Thái Nguyễn (Chicago, IL), Mrs. Lê Đình Điểu (Bellflower CA) Phan Ni Tấn (Toronto Canada), John C. Diep (Boynton Beach FL), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Mr & Mme Tạ Thanh Minh (Villiers Le Bel France), Đoàn Khoách (San Diego CA), Trần Lệ Chi (San Jose CA), Sheridan Library (Denver CO), Tan N. Nguyen (Delavan WI), Lê Công Khanh (Pittsburg CA) Lưu Trọng Hô (Ottawa Canada) Lưu Trọng Hà (San Diego CA), Rosemead Library (Rosemead CA), El Monte Library (El Monte CA), Hồ Hữu Hạnh (Houston TX), Tao Le (San Diego CA), Chinh H Nguyen (Baton Rouge LA), Đức Phổ (Pechtree GA), Quang Nguyen (New York NY), Trần Ngọc Toàn (Springfield VA), Trần văn Nam (San Gabriel CA), Trần thịHạ Anh (Phoenix AZ), University of Washington Library (Seattle WA), Triet Dang (Houston TX), Tạ Xuân Tắc (Minesota), Nguyễn Vy Khanh (Quebec Canada), Nguyễn Quang Trúc (Cocoa FL), Vi Khuê (Burke VA), Carrie Estelle Doheny Mem Library (Camarillo CA), Serials Dept Oneill Library Boston College (Boston MA), Bibliotheque Ville Montreal (Montreal Canada), Hương Đặng (La Mesa CA), Chapman Library (Salt Lake City UT), Tường Thụy (Falls Church VA), Cao T. Nga (MacLean VA, đổi địa chỉ), Peter Trần (Richardson TX), Hoàng Ngọc Khôi (Toronto, Ont Canada), Thu Đoàn (Plano TX), Nguyễn văn Thái (Chamblee GA), Nga Lam (Seattle WA), Peter Zinoman (Berkeley CA), Trần văn Phê (Richfield MN), Đỗ văn Trường (Stuttgart Germany), Luong Pham MD (Tulsa OK), Hang H. Le (Lexington KY), Khanh C. Nguyen (Des Moines WA), Tien Vo (Charlottsville VA), Thu Hảo (San Diego CA), Tôn Thát Quỳnh Tiêu (Richardson TX), Field Corner Branch Library (Dorchester MA), Ross Barnum Library, Denver Public Library (Denver CO), Tran van Huyen (Germany), Dinh Ngoc Can (Norway), Hoang T. Doan (Lincoln NE), Ngô Bút (Oak Hill VA), Australia Broadcasting Services

(Woodland Australia), Thu Thuyền Lưu (Richardson TX), Nguyễn Trung Hối (Portland OR), Hai V. Chu (Kingstowne VA), Nang Tran (St. Paul MN), Nguyễn Cúc (Dallas TX), Tưởng Năng Tiến (San Jose CA), Nguyễn Khoa Điềm (Reseda CA), Đào Kim Nhựt (Louisville KY), Trịnh văn Đáng (San Diego CA), Nguyễn Thanh Nha (Baton Rouge LA), Nhi Ho & Hao Nguyen (Sugarland TX), Hồng Huy (Winnipeg Canada), Thien Kiep Van (Manchester NH), Hồ Đăng Định (Seattle WA), Thu Hao & Nguyễn Huệ (San Diego & Forest Lake CA), Hà Lộc (Leth Canada), Rosemead Library (Rosemead CA), El Monte Library (El Monte CA)

● **Bài nhận được trong tháng:**

"Mùa thu Tulsa" gửi từ Tulsa OK, "Nghiêng nét hoàng hôn ở bên bờ thế kỷ" gửi từ Kent WA, "Ý kiến về thơ trên Văn Học"t. Reney France, "Gửi gạo" gửi từ Katy TX, "Ý kiến người đọc về một nhà văn" gửi từ Ontario Canada, "Southeast Asia Archive UCI California, "Cầu cho sự bình an" gửi từ Seattle WA, "Truyện ngắn của Miêng " gửi từ Spokane WA, "Buổi chiều ở Mỹ, nhớ quê, "Khúc tôi" gửi từ Garden Grove CA, "Bước qua thế kỷ" gửi từ Ontario Canada, "Xuôi Nam", "Hiếu Liên", "Út Hương", "Con sáo út", gửi từ Ontario Canada, "Dạ khúc", "Cúc vàng, và những truyện khác" gửi từ Dallas TX, "Lời ru của mẹ", "Vùng trời hoa niên", "Dòng sông quê mẹ" gửi từ San Jose CA, "Tận thế năm 2000" gửi từ Rosemead CA, Thư của BS Trần Ngọc Ninh (Fountain Valley CA), Thư của Miêng (France), Thư của Dạ Quỳnh (Australia), "Nào ngờ" gửi từ Midway City CA, "Bài thơ cuối thế kỷ 20" gửi từ Houston TX, "Trang sách thánh', "Ngài là" "Vẻ đẹp Giáng sinh", "Nắng hoa đào" gửi từ Seattle WA, "Lục nghị" gửi từ Bonn Germany, "Hăm lăm mùa xuân trên nước Mỹ", "Nắm tay em mình đón xuân", Xuân này xuân xưa" gửi từ San Jose CA,

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

● **Thư tín**

Đính chính: Trong Văn Học số 163, tháng 11/1999, bài "Góp ý về một số điều trong bài viết 'Đường mưa nho nhỏ, anh theo Ngọ về...'" của Hoàng Ngọc-Tuấn, có một vài sơ sót xin điều chỉnh dưới đây:

1/ Trang 38. Đoạn văn: "thì chắc là vì nền đa số văn nghệ sĩ quanh ông ta đã ngủ vùi từ 1 đến 2 thế kỷ rồi", xin đọc là: "thì chắc là vì đa số văn nghệ sĩ quanh ông ta đã ngủ vùi từ 1 đến 2 thế kỷ rồi".

2/ Trang 43. Đoạn văn: "Những mẫu tự Hy Lạp có vẻ khó đọc đó thực ra là Alpha, Beta, Ceta, Delta...; những mẫu tự Nga cũng đọc là "a", "bê", "xê", "đê"..." Xin đọc là: "Những mẫu tự Hy Lạp có vẻ khó đọc đó thực ra là Alpha, Beta, Gamma, Delta...; những mẫu tự Nga cũng bắt đầu bằng "a", "b"..."

Thu Hảo (San Diego CA):

Cảm ơn sự hỗ trợ tinh thần "một trăm phần trăm" Thu Hảo dành cho Văn Học. DC đã ghi tên người bạn Thu Hảo (Nguyễn Huệ) vào danh sách độc giả dài hạn, và bắt đầu gửi báo vào tháng 12 này.

Tưởng Năng Tiến (San Jose):

Đã chuyển ba lá thư của Anh cho các nhà văn Tâm Thanh, Trúc Chi và Hoàng Mai Đạt. "Quyết định sẽ không tiếp tục xử tệ những người đang lụi cụi cầm bút ở hải ngoại bằng sự hờ hững hay im lặng cố hữu", như lời Tưởng Năng Tiến viết, là một quyết định sáng suốt nhưng lãng mạn một cách dễ thương. Anh Trúc Chi nhờ Tòa soạn gửi lời cảm ơn Tưởng Năng Tiến. Văn Học sẽ tiếp tục chuyển những lá thư dễ thương như thế, bưu phí do Văn Học chịu.

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Tạp chí Văn Học tuyển chọn những tác phẩm giá trị của các văn hữu cộng tác với Văn Học để xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc. Sau đây là những tác phẩm bạn đọc cần tìm mua:

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Hạnh phúc đến từng phút giây
Thi tập của Trần Hồng Châu
Dày 140 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

SẼ XUẤT BẢN TRONG NĂM 1999

Đó đây...
Tùy bút của Trúc Chi

Lò cừ
Truyện ngắn của Lâm Chương

Thần, Người và Đất Việt
biên khảo của Tạ Chí Đại Trường

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới vừa phát hành tháng 10 năm 1999

Đã có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ
P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683
ĐIỆN THOẠI: (714) 527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Tel & Fax: (714) 526-5761
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://home.pabell.net/vannghe

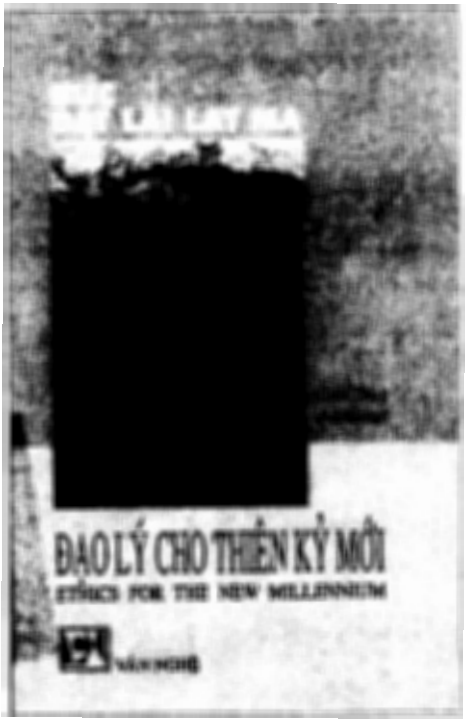

Đã phát hành rộng rãi trên khắp thế giới

Giá 13MK. Ngoài Mỹ 15

Đạo Lý Cho Thiên Kỷ Mới là một thông điệp chứa chan tình người và lý đạo trước ngưỡng cửa Thế kỷ 21 của Đức Đạt Lai Lạt Ma, xây dựng một tinh thần mới cho nhân loại toàn cầu, với các biện pháp thực tiễn giải quyết những khó khăn trước mắt và phát triển hạnh phúc cùng ý nghĩa đời sống con người

Nhà Xuất Bản Văn Mới

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới vừa phát hành tháng 11 năm 1999

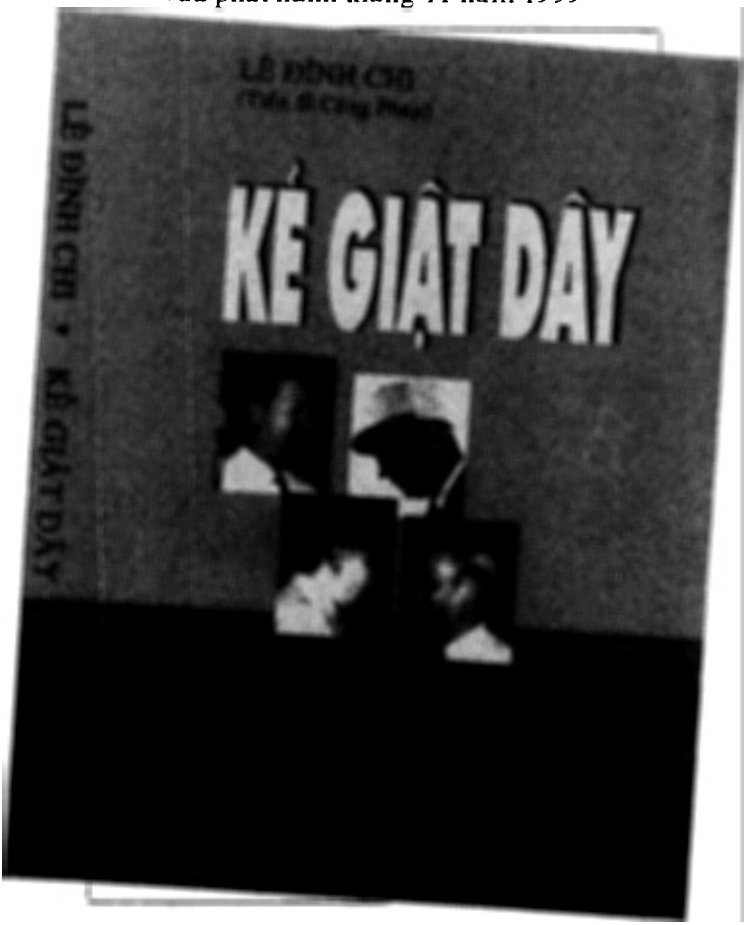

Đã có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ
P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683
ĐIỆN THOẠI: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới của Nhà Xuất Bản

*

Đoạn Đường Hốt Tất Liệt
Tập truyện Lâm Chương
Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuỵ
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Loanh Quanh, Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Cảm Nhận
Võ Phiến

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia_____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới
vừa phát hành tháng 12 năm 1999

Bìa: Khánh Trường
Tranh phụ bản: Thái Tuấn, Ngọc Dũng

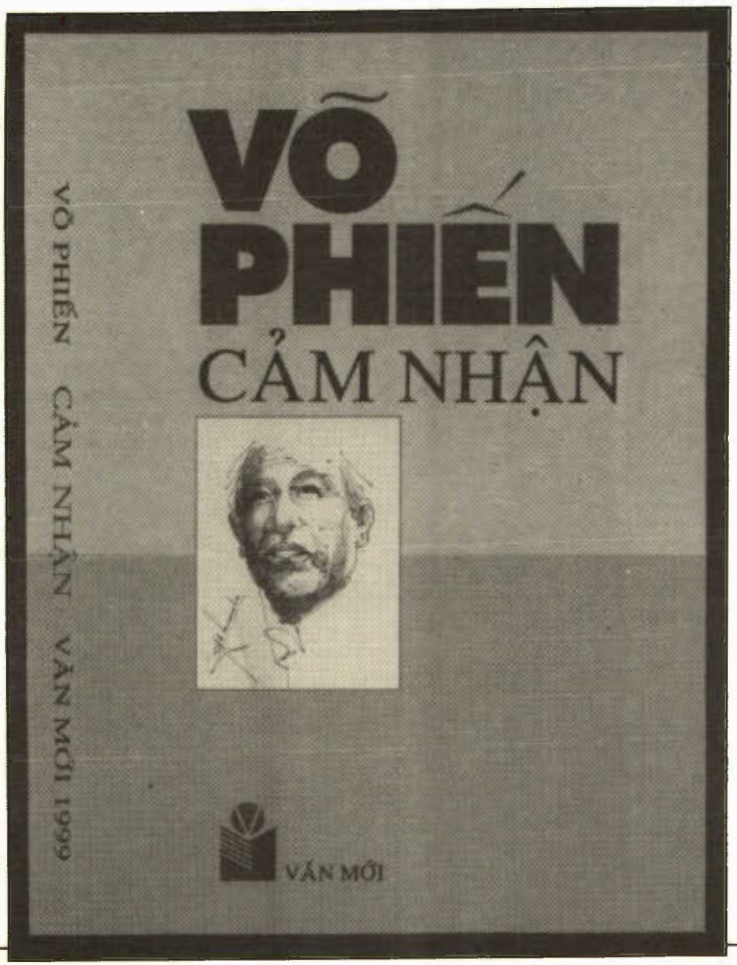

NHÀ SÁCH

VĂN NGHỆ

SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel & Fax: (714) 527-5761
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

Trên 13 năm hoạt động liên tục, nhà xuất bản VĂN NGHỆ đã tạo được nhiều thành quả đáng kể cho văn học Việt Nam trong lẫn ngoài nước. Đối với độc giả, khi chọn mua sách, cũng rất yên tâm khi nhìn thấy tác phẩm được in ra bởi VĂN NGHỆ.

Để phục vụ độc giả hữu hiệu hơn, đầu tháng 12 năm 1999, nhà xuất bản VĂN NGHỆ sẽ khai trương một nhà sách mang cùng tên, với các ưu điểm sau:

Nằm ngay trung tâm Little Saigon. Là cơ sở sách báo, tape nhạc, CD, Video... của người Việt Nam hải ngoại lớn nhất và đầy đủ nhất.

- Tập trung kinh sách Phật nhiều nhất của các châu Âu, Á, Úc, Mỹ, Anh, Pháp và Việt ngữ.
- Nhằm tạo mối tương quan giữa người sáng tác và người đọc, mỗi tuần một tác giả sẽ được mời đến để gặp gỡ, tặng chữ ký cho người mua sách (hoặc đã mua ở bất cứ nhà sách nào)
- Sắp xếp hợp lý, qui củ, giúp độc giả dễ dàng truy tìm mọi tác phẩm thuộc mọi chủ đề.
- Là nơi duy nhất trên thế giới có riêng một khu vực trang trọng cho các tác phẩm thơ ca.
- Mỗi tuần đều có sách báo mới.

Giá:$4.00